

3

Sư phạm lý thuyết

TỦ SÁCH SƯ-PHẠM

TRẦN-VĂN-QUẾ

Giáo-sư Trường Sư-Phạm Saigon

TRẦN - VĂN - QUẾ

Giáo-sư Trường Quốc-gia Sư-phạm

SƯ-PHẠM LÝ-THUYẾT

(ĐẠI - CƯƠNG)

BAN HAI NĂM

Đúng với chương-trình lớp hai năm
Quốc-gia Sư-phạm

BỘ GIÁO - DỤC

TRUNG-TÂM HỌC-LIỆU XUẤT-BẢN

1988

reformed by Le Tung Chau

TRUNG-TÂM HỌC-LIỆU

BỘ GIÁO-DỤC

In lần thứ nhất, 1964: 3.000 cuốn

In lần thứ nhì, 1968: 5.000 cuốn

Từ nhà kho sách xưa
của Quán Ven Đường

Thư viện
TỦ SÁCH
NGUYỄN TRỌNG TUẤN
An Dân Tân Tạo, An Túc - 22031975

LỜI NÓI ĐẦU

Mấy năm gần đây, ở nước ta, chương trình giáo-dục ở cấp bậc Sơ-Tiêu được cải-tiến luôn đề theo kịp trình độ giáo-dục Sơ-Tiêu ở các nước lân-tiền.

Song song với sự cải-tiến nói trên, khoa Sư-Phạm cũng đã được canh-lân khá nhiều.

Để giúp ích các Giáo-sinh lớp một năm các trường Quốc-Gia Sư-Phạm trong nước trước kia, theo cái đà giáo-dục mới, chúng tôi đã có soạn và cho ấn-hành hai quyển Sư-Phạm Đại-Cương và Sư-Phạm Thực-Hành.

Nay cũng với mục-đích tương-tự chúng tôi chỉnh-đốn xong quyển Sư-Phạm Lý-Thuyết nói trên bằng cách thêm vào nhiều mục mới cốt để quyển sách này phù hợp với trình độ của các Nam, Nữ Giáo-sinh lớp hai năm các trường nói trên.

Lẽ dĩ nhiên sự chỉnh-đốn quá đột-ngột này không sao tránh khỏi những khuyết-điểm. Vạy chúng tôi rất ước mong được các bạn đồng-nghiệp vui lòng chỉ-giáo những chỗ thiếu sót.

Saigon, ngày 1 tháng 8 năm 1963

TRẦN-VĂN-QUẾ

HOANG UT
DISTRICT OF CAMBODIA
REPUBLIC OF CAMBODIA

MỤC - LỤC

	TRANG
Lời nói đầu	iii
Mục lục	v
Chương-trình Sư-phạm lý-thuyết	xi
Tổng-quát nền giáo dục sơ-tiêu ở V.N. hiện nay.	1
CHƯƠNG I	
Mục-đích giáo-dục.	13
— Phép giáo-dục và khoa sư-phạm	15
Định-nghĩa	15
Mục-đích.	18
Ba hình-thức hiện-thời của phép giáo-dục .	18
— Những liên-hệ của phép giáo-dục với sư- phạm	21
Phép giáo-dục và các thể-hệ xã-hội	28
Sự phê-bình căn-bản về phép giáo-dục được quan-niệm như một sự thấu nhận cá-nhân vào cơ-cấu xã-hội	32
— Nhiệm-vụ trường sơ-tiêu và các nguyên- tắc căn-bản	37
Về phương-diện thể-dục	37
Về phương-diện trí-dục	38
Về phương-diện đức-dục	38
Về phương-diện xã-hội	39
Kết-luận.	41
Các nguyên-tắc căn-bản của trường sơ-tiêu .	41

CHƯƠNG II

Những đại-cương về tâm-lý trẻ con lành mạnh.

— Quan-niệm sai lầm về trẻ con của thời xưa.	47
Những điều đại-cương về tâm-lý trẻ con.	48
Những giai-đoạn mà đứa trẻ phải trải qua trước khi trở nên người lớn.	49
Sự tiến-triển của tư-tưởng trẻ con.	25
Bảng tóm tắt những giai-đoạn tiến-triển của trẻ con hòa-nhập với các khả năng tâm-lý.	53
Những nhu-cầu chính yếu của trẻ con.	54
Kết luận.	57

CHƯƠNG III

Trẻ con khác thường.	59
Quan-niệm về trẻ con khác thường.	61
Hai loại trẻ con khác thường.	61
Tại sao phải giáo-hóa những trẻ khác thường.	63
Sự dạy dỗ trong các lớp cải-thiện trẻ con khác thường.	64
Kết-luận.	66

CHƯƠNG IV

Các phương-pháp giáo-dục.	67
— Phương-pháp qui-uáp và phương-pháp suy diễn về phương-diện khoa-học và giáo-dục.	69
— Các phương-pháp giáo-dục xưa và nay.	75
Biến thể của hai phương-pháp trên.	75
Các phương-pháp thê-dục.	75
Các phương-pháp trí-dục.	78
Những phương-pháp hoạt-động.	87
Phương-pháp giáo-dục mới của John Dewey.	104
Đồ-án Dalton.	109
Đồ-án Gary.	114
Phương-pháp Winnetka.	115
Phương-pháp kế hoạch.	117
Những lời bình-luận về các phương-pháp hoạt-động.	129
Uốn nắn và giáo-dục.	130

Những phương-pháp đức-dục	132
Sự hỗ-tương giữa phương-pháp trí-dục, đức-dục	133
Phương-pháp giáo-huấn hay giáo-thụ.	133
Những khuyết-diểm của phương-pháp giáo-huấn về phương-diện đạo-đức	135
Phương-pháp trực-giác	138
Những phương-pháp hoạt-dộng đức-dục	143
Sở-trường của phương-pháp hoạt động đạo-đức	146
Bài đọc thêm.	147

CHƯƠNG V

Các cách-thức dạy học hay là các thể-thức giáo-huấn.	173
--	-----

CHƯƠNG VI

Các phương-sách giáo-huấn.	181
— <i>Bài số 1.</i> Những phương-sách nào hay và những phương sách nào dở trong nền giáo dục.	183
— <i>Bài số 2.</i> Phương sách chất vấn hay là vấn đáp.	185
— <i>Bài số 3.</i> Phương-pháp Martinière.	189
— <i>Bài số 4.</i> Lời nói của giáo-chức, bài dạy bằng miệng.	191
— <i>Bài số 5.</i> Sách học — Phương-pháp dạy học bằng cách kèm theo lời dẫn giải của giáo-chức.	191
— <i>Bài số 6.</i> Những bài làm hay bài viết.	196
— <i>Bài số 7.</i> Các sách giáo-khoa phát cho học sinh. Các-quyền vở mà chúng phải làm bài trong ấy	202

CHƯƠNG VII

Làm thế nào tạo nên một hoàn-cảnh, một không khí thuận-tiện cho sự học-tập của trẻ con	209
--	-----

TRANG

Định-nghĩa	211
Phương-diện hữu-hình	211
Phương-diện tính-thần	214

BÀI ĐỌC THÊM

Khung cảnh của nhà trường theo lối giáo- dục mới.	217
--	-----

CHƯƠNG VIII

Dụng-cụ giáo-khoa	221
Định-nghĩa	223
Cách sử-dụng dụng-cụ giáo-khoa	223
Các dụng-cụ giáo-khoa vừa thích hợp cho các lớp học sơ-liệu và vừa cho các lớp học trung-học,	224
Các dụng-cụ giáo-khoa với phương-tiện thính thị	226
Cách học Anh-ngữ theo phương-tiện thính-thị Kết-luận	238 239

CHƯƠNG IX

Sự tổ-chức nhà trường theo nguyên-tắc sư-phạm	241
— Sự sắp xếp hay sự thu nhận học-sinh.	243
Chương-trình học-khóa.	249
Chương-trình trường sơ-liệu	252
Sự phân chia chương-trình	254
Thời-khóa-biểu	256
Việc soạn bài	258
Công-dụng của sự soạn bài hay là sự chuẩn bị lớp học	259
Phải soạn bài cách nào	259
Sự khác biệt giữa tập soạn bài và quyền nhật-ký các đầu bài dạy	260
Các hình-thức soạn bài.	261
Chú-diêm	262
Kỷ-luật nhà trường.	264
Những hình-phạt	266
Những lao tưởng hay là tặng thưởng	268
Sự ganh đua	270

Sự phát phần thưởng cuối niên-khóa	271
Những hình-phạt và những tặng-thưởng công cộng	273
Kỷ-luật mới	275
Sự hợp-tác giữa nhà trường và gia-đình học-sinh.	282

CHƯƠNG X

H hướng-nghiệp	291
Mục-đích.	293
Sự cần-thiết của hướng-nghiệp	293
Những bằng-cớ và những phương-sách của sự hướng-nghiệp	294
Sự định-hướng của nhà trường và sự hướng nghiệp	295
Sự tổ-chức công-việc hướng-nghiệp.	296
Kết-luận.	298

CHƯƠNG XI

Công-cuộc bồi-túc nhà trường	299
Những ích lợi	301
Những công cuộc giúp ích trẻ con khi chúng còn đi học.	302
Tổ thuốc nhà trường.	302
Ngọ-phận điểm	303
Trại nghỉ hè	304
Hội thể-thao và hoạt-động thanh-niên	305
Thư-viện nhà trường.	310
Học-xưởng.	311
Học-đường-viên.	311
Học-đường hợp-tác xã	312
Hội phụ-huynh học-sinh	314
Hội bảo trợ học-sinh	315
Những công-cuộc giúp ích trẻ con sau khi chúng thôi học	316
Các công-cuộc có hình-cách xã-hội và gián tiếp giúp ích các cụn học sinh.	318

CHƯƠNG XII

Nhà giáo dục.	323
-----------------------	-----

TRANG

Giáo-chức	325
Hiệu-trưởng và nhân-viên	329
Kết-luận:	332
PHẦN PHỤ THÊM:	335
I.— Nền giáo-dục và học-vấn ở Mỹ.	337
II.— Nền giáo-dục bên Anh-cát-lợi	353
III.— Trẻ em không phải chỉ sống bằng sữa mà còn sống bằng tình yêu	362
IV.— Trẻ em đặc-biệt	365



A. — SỰ PHẠM LÝ-THUYẾT

(Đại cương)

CHƯƠNG - TRÌNH BAN HAI NĂM

NĂM THỨ NHẤT

(1 GIỜ MỖI TUẦN)

I. MỤC-ĐÍCH GIÁO-DỤC

- Giáo-dục và Sự-phạm — Định-nghĩa — Mục-dịch
- Mối liên-hệ giữa giáo-dục và xã-hội
- Nhiệm-vụ trường Tiểu- học và các nguyên-tắc căn-bản

II. CÁC PHƯƠNG-PHÁP GIÁO-DỤC

- Các phương-pháp giáo-dục xưa và nay
- Quy nạp pháp và suy diễn-pháp

1. Về phương-diện thể-dục

Sự lựa chọn các trò chơi

Các phương-pháp về thể-dục

2. Về phương-diện trí-dục

Phương-pháp giáo-huấn hay giáo-thụ (méthode didactique).

Phương-pháp trực-giác (méthode intuitive)

Phương-pháp hoạt-dộng (méthodes actives)

3. Về phương-diện đức-dục

Phương-pháp giáo-huấn

Phương-pháp trực-giác

Phương-pháp hoạt-dộng

III. CÁC THẺ-THỨC GIÁO-HUẤN (les modes d'enseignement)

1. Thẻ-thức cá-nhân (mode individuel)
2. Thẻ-thức nhứt-tề (mode simultané)
3. Thẻ-thức hỗ-trương (mode mutuel)
4. Thẻ-thức hỗn-hợp (mode mixte)

IV. CÁC PHƯƠNG-SÁCH GIÁO-HUẤN (les procédés d'enseignement).

1. Thuyết-trình
2. Phô-diễn (démonstration)
3. Vấn-dáp
4. Thực-hành
5. Thực-nghiệm (expérimentation)
6. Nghiên-cứu
7. Dự-án (projet) v.v...

V. DỤNG-CỤ GIÁO-KHOA

VI. KHUNG CẢNH THUẬN-TIỆN CHO SỰ HỌC TẬP Ở BẬC TIỂU-HỌC

VII. SỰ TỒN-CHỨC NHÀ TRƯỜNG THEO NGUYÊN-TẮC SỰ-PHẠM

VIII. VIỆC GIÁO-DỤC NHỮNG TRẺ CON KHÁC TRƯỜNG (les enfants anormaux).

IX. HƯỚNG NGHIỆP (orientation professionnelle)

X. CÔNG CUỘC BỒ-TÚC NHÀ TRƯỜNG

XI. NHÀ GIÁO-DỤC (l'Éducateur)

PHẦN PHỤ THÊM

Những mục trên đây có nhiều mục tương đối dễ hiểu, giáo-sinh có thể được chỉ dẫn để tự đọc và tìm hiểu lấy trong sách, chỉ cần hỏi lại thầy những thắc mắc, để dành những giờ giảng cuối năm cho phần phụ lục sau đây :

1) Sơ lược hệ thống tổ-chức giáo-dục tại vài nước tiến bộ trên thế giới (ví dụ : Pháp, Mỹ, Anh, Ấn, Nhật v.v...)

2) Nhận xét về kế hoạch Karachi (Unesco) về việc cường hóa giáo-dục Tiểu-học và nâng cao nền Tiểu-học tại các xứ Á châu tự-do.

TỔNG - QUÁT
NỀN GIÁO-DỤC SƠ-TIỂU
HIỆN NAY Ở VIỆT-NAM

I. SỰ LIÊN-QUAN MẬT-THIỆT GIỮA HAI NỀN GIÁO-DỤC VỚI HAI YẾU-TỐ : « NƯỚC VÀ DÂN ».

Nước lấy Dân làm gốc.

Dân có học mới khôn,

Dân khôn, nước mới mạnh.

Ba câu ấy chứng tỏ sự liên-quan mật-thiết giữa hai yếu-tố « Nước » và « Dân ». Đồng-thời nó cũng cho biết tính-cách cực-kỷ quan-trọng của sự giáo-dục con dân trong một-quốc-gia. Một nước thịnh hay suy, hùng-cường hay bạc-nhược đều do cách dạy-dỗ, huấn-luyện con em mà ra cả. Vì các lẽ ấy, hiện nay ở các nước văn-minh tân-tiến, nền giáo-dục quốc-dân được đặc-biệt chú-ý và được coi là phần căn-bản của một quốc-gia xã-hội.

Nước Việt-Nam ta ngày nay đã trở thành một nước độc-lập. Lẽ dĩ-nhiên vấn-đề giáo-dục quốc-gia tất phải là

một trong những trọng-tâm hoạt-dộng của chính-phủ. Về phương-diện này, trước khi đi sâu vào vấn-đề, cần phải hiểu rõ tình-trạng nước ta ngày nay như thế nào, nhiều-hậu mới nêu lên những phương-pháp giáo-dục vừa hợp-thời vừa hợp-cảnh.

Từ xưa đến nay ở nước ta có ba lối giáo-dục : lối giáo-dục cổ-truyền, lối giáo-dục theo phương-pháp Pháp-lan-tây và sau này lối giáo-dục theo phương-pháp Hiệp-chủng-quốc.

II. LỐI GIÁO-DỤC CỔ-TRUYỀN

Lối giáo-dục này được phổ-thông trong nước từ Nam chí Bắc từ hai ngàn năm nay. Nó là phương-pháp truyền-bá Nho-giáo trong dân-gian. Căn-cứ vào Nho-giáo, nó chủ-trương « tiên học lễ, hậu học văn ». Chữ « lễ » ở đây ám-chỉ đạo làm người nghĩa là đức-dục. Chữ « văn » ám-chỉ « tri-thức » nghĩa là tri-dục. Theo lối giáo-dục cổ-truyền, trước nhất phải dạy con em « đạo làm người » phải cư-xử cách nào cho đáng là con người. Nói một cách khác nhà trường phải dạy con em cách « tu-thân ». Tu thân là phần chính. Thân có tu rồi mới « tề » được nhà. Tề được nhà rồi thì mới mong « trị » được quốc. Trị được quốc rồi mới dám nói đến « bình thiên-hạ ». Con em phải học tu-thân trước rồi sau còn dư thì-giờ mới học văn-chương thi-phủ.

Quan-niệm ấy có đúng không ? Thời-gian đã qua và tình-trạng thương-luân bại-lý hiện-đại trong xã-hội ta ngày hôm nay đã trả lời cho câu hỏi ấy. Hiện nay đã có phong-trào chấn-hưng đạo-đức bắt nguồn từ sự tu-thân ; nếu thân không tu thì cá-nhân sẽ loạn. Nếu cá-nhân loạn thì gia-đình là cơ-cấu của nhiều cá-nhân sẽ loạn. Mà nếu gia-đình loạn thì quốc-gia là cơ-cấu của nhiều gia-đình sẽ tất-nhiên phải loạn. Nếu quốc-gia xã-hội loạn thì toàn-thể hoàn cầu làm sao yên tĩnh được ?

Theo chế-độ giáo-dục cổ-truyền, người gương mẫu là người « quân-tử » hay là « hiền-nhân » đầy-dù đức-tính tốt kết-quả của sự tu-thân. Người quân-tử lúc nào cũng hành-dộng đúng theo đạo « nhân ». Căn-bản của đạo « nhân » là « hiếu ». Con người trong nhà có hiếu với cha mẹ, để với anh chị thì ra ngoài mới biết thương người, ăn ở có « nhân » với mọi người.

Đối với xã-hội, người quân-tử vẫn giữ khí-tiết của mình. Khi phải thời, thì người quân-tử hiện ra cùng đi với dân và làm việc giúp dân; khi không gặp thời, thì ở yên một chỗ và lúc nào cũng giữ tròn danh-tiết của mình.

Một điểm nữa cần được đề ý là : lối giáo-dục xưa đã đưa ông thầy lên một địa-vị rất cao. Thầy đứng sau vua mà trước cha. Cha sanh ra con không thể dạy-dỗ cho nên người, nên phải nhờ đến thầy. Nếu không có thầy, thì trẻ con ấy sẽ trở nên loạn-thần tặc-tử và sẽ là một tai-hại vừa cho cha mẹ, gia-đình, vừa cho xã-hội, làng nước.

Bởi thế, công giáo-hóa được coi trọng hơn công sanh-thành là vậy. Lẽ dĩ-nhiên, khi bàn đến lối giáo-dục cổ-truyền, cần phải gác lại một bên chế-độ khoa-cử, một hiến-thể của công-dụng Nho-giáo và Hán-học. Nó là nguyên nhân đã làm khô-khan sinh-lực của cổ-thu Nho-giáo khiến nên khi làn sóng văn-minh vật-chất Âu-tây tràn vào thì một sớm một chiều nó bị đánh ngã ngay.

III. LỐI GIÁO-DỤC THEO PHƯƠNG-PHÁP PHÁP-LAN-TÂY

Trong thời Trung-cô, ở nhiều nước bên cõi Thái-tây, người ta có quan-niệm một người kiêu mẫu điển-hình gọi là « hiệp-sĩ » (chevalier). Người « hiệp-sĩ » có tính-thần thượng-vũ, có nhiều đức-tính tốt, thích làm việc nghĩa, không vụ-lợi, nhiều khi có đức-độ một vị anh hùng. Quan-niệm người hiệp-sĩ đã chi-phối chế-độ giáo-dục của phái

vô-biên nhất là hàng qui-phái. Qua đến thập-lục và nhất là thập-thất thế-kỷ, nhân cô phong-trào khoa-học văn-nghệ phục-hưng, các triết-gia, các thi-gia lại đề-xướng lên sự tôn-sùng lý-tính và quan-niệm « chính-nhan » đã chỉ-phối khá lâu vấn-đề giáo-dục, học-vấn ở các nước ấy : mãi cho đến thập-bát thế-kỷ mới cáo-chung và nhường chỗ lại cho nhiều quan-niệm khác. Từ đó trở đi, trong văn-giới, các bậc thi-gia, triết-gia và tri-thức có quan-niệm, tác-phong của một người thượng-lưu tri-thức. Trong khoa-học-giới thì có nhà bác-học điển-hình với với một tác-phong đặc-biệt. Theo lối giáo-dục này, cá-nhân được tự-do học-hỏi để trau-giồi tri-luệ, tu-sửa thân-tâm hầu vượt lên khỏi mức tầm-thường. Quan-niệm này tương-tự như quan-niệm tu-thần của Nho-giáo nhưng bị đóng khung vào một công-thức chặt chẽ, không nhất-định theo một đường-lối nào. Lối giáo-dục này căn-cứ vào khoa-học thực-nghiệm, nhất là khoa tâm-lý học, và vào tinh-thần dân-chủ. Thầy đối với học-sinh không có quyền hình-phạt đánh đập nặng-nề như thời xưa. Các năng-khiếu trẻ con được kích-thích đến cực-độ. Lúc sau này « học-đường hoạt-động » là lối giáo-dục được áp-dụng cho các môn học riêng-biệt trong chương-trình. Những trường-hợp « trường » và « phật » cá-nhân hoặc công-cộng đều được ấn-định rõ-rệt. Thầy phải luôn-luôn ra mặt hướng-dẫn trẻ con. Các học-sinh trong một lớp cùng học chung và làm một thứ bài. Lối dạy này kích-thích óc quan-sát, tri suy-luận của trẻ con và nhiệt-liệt đánh đố lối học nhội sợ, lối học « vẹt » xưa. Cách dạy học phải chú-trọng về sự cụ-thể-hóa bài dạy. Bài này phải có tính-cách thực-tiễn, đi từ dễ đến khó.

IV. LỐI GIÁO-DỤC THEO PHƯƠNG-PHÁP HIỆP-CHỦNG-QUỐC

Lối giáo-dục này có phần tương-tự như lối thứ nhì ở

chỗ áp-dụng triết-dễ khoa tâm-lý nhi-dồng, kích-thích các năng-khiếu và ngũ-giác-quan của trẻ con đến cực-dộ. Nó khác với hai lối giáo-dục trên ở chỗ thầy nhiều khi không phải đóng vai chính. Trong lớp, nam nữ học-sinh đồng vai đạo kép trên sân-khấu. Trái lại, thầy học chỉ đóng vai người đàn cảnh, người « nhấc vở » (souffleur) núp kín một chỗ và chỉ nhắc đạo hoặc kép khi chúng quên một đoạn nào đó thôi. Thầy hướng-dẫn trẻ con một cách kín đáo để trẻ con có cảm-tưởng là chúng hoàn-toàn tự-do hành-dộng. Thầy chỉ can-thiệp khi nào cần. Thầy phải tôn-trọng nhân-vị của trẻ con. Bài học phải thực-tế, có nhiều dụng-cụ và tài-liệu để chúng tự quan-sát lấy. Lối giáo-dục này có một đặc-sắc ở bậc tiểu-học cũng như ở các bậc trên : phần quan-trọng là phần thực-hành ; phần phụ là phần lý-thuyết. Lý-thuyết rất ít mà thực-hành rất nhiều. Cá-nhân phải được đào-luyện để phục-vụ xã-hội một cách đặc-lực. Hết học môn nào thì phải biết môn ấy cho đến nơi đến chốn. Vì lẽ ấy mà bên Hiệp-chủng-quốc, sự phân-công hay là sự chuyên-môn trong các ngành y-học và khoa-học, đã đi đến một mức có thể cho là thái-quá được. Nhà kỹ-luật chuyên-môn là người gương-mẫu của xã-hội Hiệp-chủng-quốc. Bên ấy, lối học tổng-quát (culture générale) như bên Pháp-lan-tây và bên Á-đông-la (như bên Tàu và bên Việt-Nam ta ngày xưa), là một vấn-đề ít ai nghĩ đến. Người Hiệp-chủng-quốc rất thực-tế và rất tiết-kiệm thời-giờ. Họ quan-niệm kỹ-luật nhà trường khác hẳn với kỹ-luật được áp-dụng ở các học-đường Pháp-lan-tây. Theo người Hiệp-chủng-quốc, kỹ-luật là phương-pháp traui sửa tính-tình trẻ con. Nó chỉ đề-cập đến sự sửa-chữa những lỗi lầm của trẻ con được coi là một việc làm vô ý-thức, vô-tình, bởi sự không hiểu biết, không thông-thạo mà ra. Học-đường phải giúp trẻ con có đủ tiện-ngli để học-tập. Thầy học phải tùy theo cơ-thể, tính-tình riêng-biệt của trẻ con mà hướng-dẫn chúng.

Ở Hiệp-chúng-quốc, học-đường ở một vùng nào phải phụng-sự dân-chúng vùng ấy, làm thỏa-mãn những nhu-cầu của dân-chúng. Thường một ngôi học-đường được dựng lên là do tiền bạc của dân-chúng. Bởi thế, dân-chúng trong một vùng có quyền ấn-dịnh chương-trình học của nhà trường để phù-hợp với những nhu-cầu địa phương. Các giáo-chức hoặc giáo-sư hoặc giáo-viên đều do dân-chúng tuyển-chọn và trả lương.

Ở Hiệp-chúng-quốc, học-sinh đi đến trường học để biết, để thu-thập tri thức, chứ không phải để kiểm-khuyên-diểm và cuối năm để chiếm mảnh bằng. Ngày thường, thầy cho bài làm nhưng không khuyến-diểm để tránh sự chạm lòng tự-ái của trẻ con và sự giả-dối của chúng. Cuối niên-học, không có một cuộc thi nào cả. Ở các học-đường không có cuộc thi ra trường như ở các nước khác. Trái lại, ở các trường ấy, sinh-viên bị bắt-buộc làm bài tam hoặc lục-cả-nguyệt. Các bài ấy được sửa-chữa và được ghi dấu. Cuối năm, ban Giám-dốc sẽ căn-cứ vào đó mà thảo ra giấy chứng-chỉ học-lực của mỗi sinh-viên. Nói tóm lại, lối dạy theo phương-pháp hoạt-dộng căn-cứ vào các điểm sau đây :

1. Tôn-trọng nhân-vị của trẻ con đúng theo tinh-thần dân-chủ.

2. Thầy chỉ hướng-dẫn trẻ con một cách kín-dần và trong đường lối đã hoạch-dịnh sẵn ; thầy để trẻ con hoạt-dộng tự-do nếu việc làm của chúng không phương-hại đến chúng và toàn lớp.

3. Thầy giúp trẻ con phát-triển các năng-khiếu và ngũ-giác-quan đúng theo khoa tâm-lý nhi-đồng.

4. Thầy giúp trẻ con biết tự kiểm-chế lấy mình và biết nhận-thức tinh-thần trách-nhiệm.

V. ĐỨNG TRƯỚC NGÃ BA ĐƯỜNG NÓI TRÊN, NỀN GIÁO-DỤC TƯƠNG-LAI VIỆT-NAM NHẤT LÀ Ở BẬC TIÊU-HỌC, PHẢI ĐI THEO HƯỚNG NÀO ?

Lẽ dĩ-nhiên, chúng ta không thể hoàn-toàn theo lối dạy cổ-truyền vì nó có nhiều chi-tiết phản khoa học.

Tuy vậy, chúng ta cũng không vì lẽ ấy mà hết mình chạy theo lối mới mà tự mình không có một suy-xét nào để thích-ứng với hoàn-cảnh nước ta.

Vậy nhà giáo chúng ta phải làm sao đây ?

Theo thiên-kiến chúng tôi, chúng ta nên làm mấy việc sau này :

1. Tìm hiểu tinh-thần dân-tộc ta trải qua các thời-đại có những đặc-sắc gì ?

Căn-cứ theo Nho-giáo, trên bốn ngàn năm lịch-sử, dân tộc ta đã sản có một tổ-chức gia-đình và làng nước một cách rành-rọt, phân-minh. Về phương-diện đạo-lý, trong nhà người con phải « hiếu » với cha mẹ, « đễ » với anh chị. Ai không giữ đúng phậu-sự thì bị coi như là nghịch tử. Nếu ở trong nhà là nghịch-tử thì khi ra ngoài xã-hội kẻ ấy sẽ là loạn-thần. Người như thế sẽ bị quần chúng coi là cặn-bã của xã-hội. Tuy rằng ngày nay quan-niệm ấy bị những kẻ nông-nội đánh đổ, nhưng kỷ-trung trong thăm-tăm những người chân-chánh nó vẫn còn nguyên-vẹn ý-nghĩa. « Hiếu » là mầm-mống của đạo « nhân », là khởi-diểm của tinh-thần gia-tộc và rộng ra nữa, của lòng ái-quốc, của tinh-thần quốc-gia.

Trên mấy ngàn năm, dân-tộc Việt ta đã lấy phong-dộ của người quân-tử làm nền-tảng trong việc xử-kỷ tiếp-vật ; mà danh-từ quân-tử lại ám-chỉ sự tu-thân hoàn-bị vì người không biết tu-thân thì không thể làm người quân-tử được.

Người biết tu-thân tức là người biết thờ cha kính mẹ,

tôn-kính thầy học, biết phân tà biện chánh, làm lành lánh dữ, lúc nào cũng nghe và làm theo tiếng gọi của lương-tâm.

Các đặc-sắc vừa kể tiêu-biểu cho tinh-thần truyền-thống của dân-tộc Việt, chứng-minh rõ-rệt rằng trong lối dạy học ngày nay, ta không thể không làm sống lại tinh-thần gia-đình với hai chữ « Hiếu, Đễ », tinh-thần quốc-gia dân-tộc với hai chữ « Nhân, Nghĩa », trật-tự trong gia-đình và xã-hội với quan-niệm người quân-tử và phương-pháp tu-thân, trật-tự ở học-đường với sự kính-trọng thầy học. Lối giáo-dục cổ-truyền giúp ta những yếu-tố cần-thiết là vậy.

2. Phương-pháp giáo-dục Pháp-lan-tây giúp ta những gì ?

Phương-pháp giáo-dục Pháp-lan-tây giúp ta có trí phán-đoán, óc suy-luận rành-rẽ theo một trật-tự chặt-chẽ. Theo phương-pháp này, môn dạy được trình-bày riêng-biệt sau khi giải rành các nguyên-tắc đại-cương. Mục-tiêu của chế-độ này là đào-tạo một cá-nhân hoàn-toàn về ba phương-diện: đức-dục, tri-dục và thể-dục. Điểm này bổ-túc phương-pháp giáo-dục cổ-truyền của ta và khước lên nền giáo-dục hiện-dại một bộ áo khoa-học chứng-minh sự tàn-tiêu.

3. Phương-pháp giáo-dục Hiệp-chủng-quốc giúp ta những gì ?

Phương-pháp giáo-dục Hiệp-chủng-quốc giúp ta đặc-biệt đề ý đến tâm-hồn và sự phát-triển các năng-khiếu và ngũ-giác-quan của trẻ con. Phương-pháp này còn làm cho chúng ta đề ý đến nhân-vị của trẻ con; đến sự tôn-trọng cá-tính của chúng, và nhất là phần thực-hành được coi là phần chính của khoa sư-phạm. Nó lại còn nhắc chúng ta nhiệm-vụ của cá-nhân trong vai tuồng một công-dân của quốc-gia, một phần-tử của xã-hội.

VI. KẾT-LUẬN

Vậy ngày hôm nay, để hành-dộng cho hợp-cảnh mà khỏi mang tiếng là vong-bản, nhà giáo chúng ta phải biết tùy-nghĩ bỏ-tức những cái hay của nền giáo-dục cũ bằng những điều hay, mới, lạ, đúng theo tinh-thần khoa-học của hai phương-pháp Pháp-lan-tây và phương-pháp Hiệp-chủng-quốc.

Ta không bỏ cái hay mà cũng không phụ cái tốt, cái đẹp của người, nếu cái tốt cái đẹp ấy giúp ta cải tiến, bổ-diễn thêm cái mà ta đã có từ lâu.



CHƯƠNG MỘT
MỤC-ĐÍCH GIÁO-DỤC

TẬP CHỮ
CHỮ ĐẠO ĐỨC

TIẾT I

PHÉP GIÁO-DỤC VÀ KHOA SƯ-PHẠM

I. ĐỊNH-NGHĨA

A. PHÉP GIÁO-DỤC

Phép giáo-dục là toàn thể những động-tác, những ảnh-hưởng đã được sử-dụng theo ý muốn của một người đối với một người, hay nói cho đúng hơn, của một người cao niên đối với một người thiếu niên và được hướng theo mục-dịch đào-tạo ở người thiếu niên những tính-chất (dispositions) đủ các loại mà một khi trở nên trưởng thành người ấy cần phải đạt được.

Phần giải-thích để làm rộng ý-nghĩa giáo-dục

1. Phép giáo-dục phải được hiểu với một ý-nghĩa rộng rãi của nó. Theo Ông J.J. Rousseau thì phép giáo-dục cần khởi ngay khi cá-nhân còn ở trong nôi, hoặc sớm hơn nữa. Nói một cách khác, phép giáo-dục hay là giáo-dưỡng phải liên-tục, từ khi cá-nhân còn ở trong nôi đến khi cá-nhân lìa bỏ cũi trần. Nhưng trên thực-tế, người ta chỉ nghĩ đến thời kỳ trưởng thành và nhất là giai-đoạn trước đó mà người ta có thể gọi là giai-đoạn chuẩn-bị để cá-nhân có những khả-năng cần-thiết hầu làm tròn chức-vụ mình trong trường đời một khi đã đến tuổi trưởng-thành.

2. Những tính-chất mà phép giáo-dục giúp cá-nhân đạt được phải được coi là những phương-tiện chứ không

phải là những cứu-cánh. Thí-dụ : Phép giáo-dục các tình-cảm (sentiments) cốt không phải đem hạnh-phúc lại cho cá-nhân một cách trực-tiếp mà chỉ tạo cho cá-nhân khả-năng cảm-giác được hạnh-phúc. Đối-tượng của phép giáo-dục lý-trí hay là trí-năng không phải là sự hưởng-hữu ngay một học-thức mà là sự áp-dụng các phương-pháp giúp sự thu-hoạch học-thức ấy.

3. Cách kết-cấu (la structure) về vật-chất cũng như về tinh-thần thực-hiện được nhờ ảnh-hưởng của phép giáo-dục, thực ra không phải là « tự-nhiên-tính » của cá-nhân con người nhưng nó có tính-chất, như « tự-nhiên-tính » ấy. Vậy ta có thể nói rằng cách cấu-kết ấy chỉ là sự đem hoa kết quả theo một ý-nghĩa nào của tự-nhiên-tính kia ; mà cũng có thể rằng cách kết-cấu ấy phản-đối lại tự-nhiên-tính ấy và thay thế hẳn nó.

B. KHOA SƯ-PHẠM

Sự định-nghĩa của danh-từ sư-phạm thật là rắc-rối, khó-khăn, là vì khoa sư-phạm rất là phức-tạp. Xét về tính-chất riêng-biệt, khoa sư-phạm không phải hoàn-toàn là một khoa-học, là một kỹ-thuật, là một mỹ-thuật, là một triết-lý và nhất là một triết-lý thực-hành. Thực ra nó gồm tất-cả các khoa ấy nếu không toàn-liên thì ít nữa cũng một phần nào của mỗi môn. Vì lẽ ấy mà người ta tạm định-nghĩa khoa sư-phạm như sau :

Khoa sư-phạm có nhiệm-vụ khởi-thảo một học-thuyết giáo-dục, vừa lý-thuyết vừa thực-hành cũng như học-thuyết về đạo-đức (doctrine de la moralité) mà chính khoa sư-phạm là sự nối-tiếp. Khoa sư-phạm không phải chỉ là khoa-học, là kỹ-thuật, là triết-lý, là mỹ-thuật mà là tất-cả các khoa ấy hợp lại và được chỉnh-đốn theo những điều-mục (quan-tiết = articulations) hợp-lý.

Những giới-thích làm rộng ý-nghĩa danh-từ sư-phạm

1. Những liên-hệ giữa hai khoa sư-phạm và sinh-vật-học

Khoa sư-phạm cho là tất-yếu:

a. Sự hiểu biết các định-luật tổng-quát về đời sống con người (sinh-vật-học tổng-quát).

b. Sự hiểu biết các định-luật riêng biệt về sinh-vật hình-thái-học, về giải-phẫu-học và về nhân-thể sinh-lý-học.

c. Sự hiểu-biết những điều-kiện thiết-yếu cho sự tiến-triển con người (cá-thể tiến-hóa-học = ontogénétique).

d. Sự hiểu biết về sự khác biệt những hình-thái (biologie humaine) của con người có thể có hoặc những hình-thái mà sự cấu-tạo tinh-thần con người có thể có, vì chịu ảnh-hưởng của những yếu-tố sinh-lý (Sinh-vật quan-sát hình-thái-học = biotypologie).

đ. Sự hiểu biết những điều-kiện theo đó khoa sư-phạm có ảnh-hưởng đến cá-nhân con người nhất là về cơ-thể như: ảnh-hưởng cụ-thể của sự học-hành, sự đi học sự mệt-nhọc, sự cố-gắng quá sức do môn thể-dục gây nên (sư-phạm sinh-lý-học = biologie éducationnelle).

2. Những liên-hệ giữa hai khoa sư-phạm và xã-hội-học

Khoa xã-hội-học là một trong các nền-tảng tất-yếu của khoa sư-phạm, là sự hiểu biết về quá-khứ rất cần-thiết để soi-sáng hiện-tại. Lại nữa, không ai phủ-nhận rằng phép giáo-dục có bổn-phận thích-nghi-hóa cá-nhân con người với những trường-hợp chung của hoàn-cảnh xã-hội mà cá-nhân ấy cần phải biết rõ.

3. Những liên-hệ giữa hai khoa sư-phạm và tâm-lý

Trước kia, trong một thời-gian khá dài khoa sư-

phạm chủ kêu gọi đến những nguyên-tắc của khoa tâm lý tổng-quát (nói về người lớn). Nhưng từ hậu bán thế-kỷ thứ 19, khoa tâm-lý-nhi-dồng xuất-hiện, khoa sư-phạm đã đi được một bước khá dài nhờ có được những tài-liệu chính-xác về tâm-lý trẻ con khác với tâm-lý của người lớn. Tâm-lý trẻ con là một thế-giới riêng-biệt và trẻ-con không phải là « một người lớn thu hình ». Trẻ con đối với người lớn không khác nào con « nông-nọc » đối với con ếch.

II. MỤC-ĐÍCH

a. Mục-đích của phép giáo-dục

Mục-đích duy nhất của phép giáo-dục là cá-nhân con người tiến-hóa không ngừng đến mức cuối-cùng là : Chân Thiện, Mỹ, ba tuyệt-đích mà tất-cả hành-động con người đều hướng về.

b. Mục-đích của khoa sư-phạm

Khoa sư-phạm có mục đích giúp phép giáo-dục tùy hoàn-cảnh, tùy trình-độ của mỗi cá-nhân, những phương-tiện, những kỹ-thuật thích-hợp cho mỗi môn học để đạt mục-đích duy nhất nói trên.

III. BA HÌNH-THỨC HIỆN-THỜI CỦA PHÉP GIÁO-DỤC

Hiện nay phép giáo-dục được thực-hiện dưới ba hình-thức như sau :

1. Thể-dục. Tức là phép giáo-dục làm cho cơ-thể phát-triển điều-hòa và cá-nhân con người lúc nào cũng có một sức khỏe dồi-dào, một tinh-thần sáng-suốt và đồng-mạnh để đi đến-mức cuối-cùng của phần tri-dục và làm tròn phận-sự của mình sau này đối với cá nhân mình, gia đình và quốc-gia xã-hội.

2. Trí-dục. Tức là phần thứ hai của phép giáo-dục. Phần này giúp cá-nhân học hỏi những điều nghe, thấy hoặc tự mình làm để mở rộng khả-năng hiểu biết của mình lâu sau này sau khi ra ở đời tự tạo lấy một địa-vị trong xã-hội và tự mưu-sinh. Trí-dục phải theo đúng một chương-trình chính-xác đã được ấn-định từ trước.

3. Đức-dục. Tức là phần thứ ba của phép giáo-dục. Nó có tính cách trừu-tượng vì là phần giáo-dục tinh-thần cá nhân. Phần này giúp mỗi cá-nhân có những đức-tính tốt về bốn phương-diện.

a. *Phương-diện cá-nhân* : Về phương-diện này phép đức-dục được gọi là phép Tu-thân.

b. *Phương-diện gia-đình* : Về phương-diện này, phép đức-dục được gọi là phép Tề-gia.

c. *Phương-diện quốc-gia* : Về phương-diện này phép đức-dục được gọi là phép Trị-quốc.

d. *Phương-diện xã-hội, nhân-loại* : Về phương-diện này, phép đức-dục được gọi là phép Bình thiên-hạ. Bình thiên-hạ không có ý-nghĩa là dùng võ-lực chiếm đất nước người. Trái lại bình thiên-hạ có nghĩa là : nhờ sự làm sáng cái đức-sáng của mình, một cá-nhân nói riêng, một dân tộc nói chung, được người nước láng giềng qui-mến, được các dân-tộc bạn kính-yêu và bắt chước gương tốt của mình để cùng nhau sống trong niềm hòa-nhã và yêu-đương. « Thiên-hạ bình » là vậy.

IV. TƯ-ĐỨC VÀ CÔNG-DỨC

Tư-đức là những đức-dộ, tánh-hạnh tốt khi đem ra thực-hành thì nó đem cái lợi trước nhất lại cho

cá-nhân và gián-tiếp, sau một thời-gian lâu hay mau, đến cho gia-đình và quốc-gia xã-hội. Thí dụ :

Sự điều-độ trong cách ăn, cách uống, cách giải-trí.

Công-đức là những đức-độ, những tánh-hạnh tốt khi đem ra thực-hành thì nó vừa ích lợi cho mình và vừa cho những người quanh mình trong quốc-gia xã-hội.

Thí-dụ : Tính công-bình, tính khoan-dung, lễ-phép, thiệp-thế v.v...



TIẾT 1

A. NHỮNG LIÊN-HỆ CỦA PHÉP GIÁO-DỤC VỚI XÃ-HỘI

I. HAI LOẠI GIÁO-DỤC : PHÉP XÃ-HỘI GIÁO-DỤC VÀ PHÉP THIÊN-NHIÊN GIÁO-DỤC

Nhà xã-hội học Durkheim (Pháp) có nói : « Con người mà phép giáo-dục muốn thực-hiện ở ta không phải là con người mà thiên-nhiên đã tạo ra mà là con người mà xã-hội muốn được như thế ».

Con người do thiên-nhiên tạo ra có những cử chỉ, hành-động, ý-nghĩ, tập quán không phù hợp với đời sống xã-hội là vì bất cứ một xã-hội nào dù thô sơ đến đâu đều có một hệ-thống tư-tưởng về cách quan-niệm sự vật và những tập-quán riêng biệt. Trong xã-hội ấy mỗi cá-nhân phải được tập luyện cho y khuôn-mẫu hầu hòa-mình trong đời sống cộng đồng của xã-hội ấy.

Lời ông Durkheim cho ta thấy rõ sự khác biệt của hai lối giáo-dục : lối giáo-dục theo quan-niệm xã-hội hay là phép xã-hội giáo-dục và lối giáo-dục theo quan-niệm tự-nhiên hay là phép thiên-nhiên giáo-dục.

Sự khác biệt ấy bắt nguồn từ ý-niệm xã-hội, như từ là về cơ-cấu (structure) và tác-dụng xã-hội của ông Durkheim.

Ý-niệm ấy chủ trương rằng : phép giáo-dục cần được áp-dụng trong xã-hội, do xã-hội và vì xã-hội.

Nói một cách khác khung-cảnh cần thiết cho phép xã-hội giáo-dục là xã-hội; chủ trương thực thi phép giáo-dục ấy lại cũng là xã-hội và mục-đích phép giáo-dục ấy cũng lại là : phục vụ xã-hội.

II. SỰ TỔ-CHỨC MỘT XÃ-HỘI QUAN-HỆ ĐẾN PHÉP GIÁO-DỤC CỦA XÃ-HỘI ẤY

Tất cả xã-hội đều là những tập-hợp (groupements) đông người và có tổ-chức đường hoàng. Mỗi xã-hội đều có sắc thái riêng biệt về cách quan niệm đời sống công-cộng dưới mọi khía cạnh.

Mỗi xã-hội phải theo đúng hệ-thống tiêu biểu công-cộng (représentation collective) để bảo-vệ những chế-định (institutions) những phong-tục của mình (thí-dụ : quan niệm người quân-tử ở Đông-phương ; quan niệm người hiệp-sĩ ở Tây-phương, trong thời kỳ Trung-Cổ thời đại).

Các chế-định của một xã-hội đương kim là : các tổ-án, các cơ quan hành-chánh trung-ương và địa-phương vân-vân...

III. NHỮNG DẶ-SẮC CỦA PHÉP GIÁO-DỤC TRẢI QUA CÁC THỜI-ĐẠI

Trong bất cứ một xã-hội nào phép giáo-dục là sự khai tâm giúp mỗi cá-nhân hiểu biết cách tổ-chức và mục đích hệ-thống các tiêu-biểu công-cộng nói trên. Vì lẽ đó mà có sự khác biệt về cách thức và về chiều hướng của phép giáo-dục thuộc các xã-hội trải qua các thời đại : cơ cấu xã-hội và giáo-dục có tính-cách tôn-giáo và bác-học (structure religieuse et universaliste) ở thời đại Trung-Cổ; cơ-cấu xã-hội và giáo-dục có tính-cách quốc-gia và tôn-giáo ở thời đại cận kim ; cơ-cấu xã-hội và giáo-dục dần dần hướng về chính-trị và công-nghệ-học (technologie) ở thời đại đương kim.

IV. TÍNH-CÁCH XÃ-HỘI CỦA PHÉP GIÁO-DỤC BẮT NGUỒN Ở NHỮNG ĐIỀU-KIỆN CĂN-BẢN CỦA XÃ-HỘI

Tính-cách xã-hội của phép giáo-dục chính là do những điều-kiện căn-bản của xã-hội mà ra. Thí-dụ: Vì thời gian sinh trưởng của cá-nhân con người quá dài cho nên các thể-hệ thanh thiếu-niên, vì thiếu kinh-nghiệm, tự-nhận thấy bơ-vơ trên đường đời; chúng tự-nhận thấy cần được bảo-vệ, chỉ-bảo, giúp đỡ. Vì lẽ đó mà chúng cần có luôn luôn bên mình những bậc cao-niên, lão thành. Trái lại, bậc cao niên, lão thành cũng cần có bên mình những thể-hệ thanh-thiếu-niên để kết nạp chúng vào những công-việc của mình hầu mai sau này chúng sẽ thay thế các thể-hệ tiền bối để vĩnh-truyền công-nghiệp của các bậc này. Đó là mối liên-quan mật-thiết của xã-hội trong thời-gian.

V. TÍNH-CÁCH TỐI-Ư QUAN-TRỌNG CỦA PHÉP GIÁO-DỤC TRONG XÃ-HỘI

Phép giáo-dục thực ra là phương-tiện liên-tục hóa xã-hội. Loài cầm-thú mà cũng còn có lối giáo-dục của chúng thay, huống chi là loài người.

Lối giáo-dục của thú-cầm nhằm vào sự kiện-toàn ở mỗi con thú còn bé thơ kiểu-mẫu bất di bất dịch của chúng loại. Lối giáo-dục ấy có mục-dịch là hướng dẫn những bản năng (les instincts) đến mức phát triển tột độ như sự tập bay, tập săn thịt v.v...

Lối giáo-dục ấy được áp-dụng dưới hình thức bắt chước các động tác các con thú lớn chứ không phải bằng lối nhủ-khuyên hay ra lệnh.

Lối giáo-dục này còn ở trên bình-diện sinh vật (plan biologique), nghĩa là căn cứ vào những khả-năng mà sự cấu-tạo thích-ứng của cơ thể cho phép.

Đây là một sự chuyển-giao lại cho kẻ sinh sau kinh-nghiệm đã thu hoạch được. Kinh nghiệm ấy đã được súc tích trong cơ-thể của con vật rồi. Thí dụ : Loài chim bay được là nhờ có những ống xương trống rỗng và bộ lông rườm rà, cứng mạnh.

Ở con người, thì, trái lại, kinh-nghiệm thu-hoạch được đã mất hẳn phần lớn tính-chất sinh-vật của nó. Kinh nghiệm ấy được ghi sâu vào những truyền-thống (traditions), những phong-tục, những lễ-nghi, những tín-ngưỡng của con người. Lối giáo-dục này được trợ lực bằng một loại khí-cụ vĩ-dại và phức-tạp.

Ở con người lối giáo-dục này không còn một sự chuyển-giao tổng số động-tác mà là sự truyền đạt (une communication) một hệ-thống tư-tưởng và tình-cảm (sentiments). Nói tóm lại, nó là một sự xã-hội hóa có tính-cách chuyển-môn và tinh-thần.

Lối giáo-dục này không thể có tính chất nào khác là vì con người không thể sinh sống khác hơn là trong khuôn-kho xã-hội. Hay nói một cách khác, không có một nền giáo-dục nào mà không căn-cứ vào xã-hội.

Người gương-mẫu mà xã-hội có ý-định đào-tạo thì khác hẳn với gương-mẫu chủng-loại của thú-cầm nói trên,

Người gương mẫu ấy phải phù hợp với quan-niệm mà xã-hội đã tự nghĩ ra cho mình nghĩa là con người trong xã-hội với những chức vụ đối với xã-hội.

Tuy thế, người ta cũng không thể nói rằng : một xã-hội đào tạo những cá-nhân trẻ trung cho xã-hội chứ không phải cho các cá-nhân ấy là vì xã-hội không khi nào quan-niệm các cá-nhân ấy sẽ ra sao, một khi các cá-nhân ấy sống ngoài xã-hội.

Ý-niệm con người vẫn còn là ý-niệm xã-hội hoặc là một tiêu-biểu công-cộng theo các nhà xã-hội-học.

Trái lại, không một xã-hội nào mà không có phép giáo-dục. Không một xã-hội nào mà không ước vọng được vĩnh-truyền theo ý-nghĩa sự phát triển của mình trong quá-khứ và những ước-vọng (aspirations) hiện tại của mình.

Xã-hội được thành-công là khi giao lại cho những thế-hệ trẻ trung cái di-sản gồm có những tri-thức, kinh-nghiệm, những tập-quán về vật-chất và về tinh-thần, nếp sống và sự nhìn thấy cuộc đời của mình.

Sự xã-hội hóa ấy được thực-hành trước hết bằng cách thấm nhuần dần dần vì lẽ hạng trẻ tuổi vẫn tiếp-tục sống giữa các bậc lão-thành. Kế đó là sự xã-hội-hóa được đem ra thực-hành với tính cách hiểu biết và suy-nghĩ của mỗi cá-nhân.

Mỗi xã-hội đều tưởng-tượng mình đã như thế nào trong dĩ-vãng ; hiện-tại mình ra sao và cái mà mình ước mong sẽ trở thành trong tương-lai.

Nếu một xã-hội có học-thức thì khoa sử-ký sẽ giúp xã-hội đó có những nhận xét sáng suốt về mình trong quá-khứ, hiện-tại và có thể trong tương-lai nữa.

Một xã-hội phức-tạp thường gồm những tập-đoàn riêng-biệt hay dao-động và vô thường, bất định. Các tập-đoàn này xen lẫn giữa nhau (interférer). Vì thế mà các hệ-thống sự-phạm đều phản chiếu những biến động ấy.

Cần nói thêm rằng : khi lập lên một chế độ giáo-dục một xã-hội ít căn-cứ vào sự tưởng-tượng về cơ-cấu ý-tưởng của mình — Hai việc ấy không ăn khớp với nhau.

Nhiều khi xã-hội chỉ truyền lại những tri-thức lỗi thời, những tín-tưởng mà thực-sự chính xã-hội ấy không còn

thi hành nữa nhưng vẫn còn là phần quan-trọng trong quan-niệm truyền-thống mà xã-hội đã nghĩ ra cho chính mình.

VI. TÍNH-CÁCH BẢO-THỦ CỦA PHÉP GIÁO-DỤC

Như sư-phạm Lucien Febre có nói. « Khoa sư-phạm là sự bảo-dảm (và là sự bảo-dảm hữu-liệu nhất) mà xã-hội đã ngẫu nhiên chấp nhận để đối phó lại với những tai-nạn luôn luôn có thể xảy ra, những chuyện bậy bạ, diên khùng (incartades), những cuộc phản kháng (les révoltes), những ý-ngông (caprices), những cải cách quá ư vô trật-tự của những tân học-sinh trẻ trung. »

Do đó chúng ta có thể nói rằng : « Một nền xã-hội giáo-dục là thuần-túy bảo-thủ ; một xã-hội không khi nào quyết-dịnh thêm vào « sự giáo-dục hạng trẻ trong một ít ý-kiến hoặc một vài thực-hành khi mà chính xã-hội ấy không có kinh-nghiệm lâu ngày và một cách già-dặn. »

« Phải có những chuyển-động (secousses), những cuộc cách-mạng « chính-trị » để buộc xã-hội nói trên thi-hành sự cải-cách sâu xa những cơ-cấu sư-phạm của mình, như ở Pháp vào năm 1793, cũng như ở các nước độc-tài như Áo và Nga trong thời-kỳ hiện đại.

« Trái lại, chế-độ phong-kiến ngày xưa (Ancien régime) không khi nào thành công trong công cuộc biến đổi sâu xa chế độ giáo-dục hương-thôn về thời đại Trung-cổ. Thí dụ : Những đạo luật của Nã-phá-Luân Đệ-Nhất, cho đến ngày nay, vẫn còn là nền tảng của bậc giáo-dục trung-cấp ở Pháp. »

VII. CÁC HÌNH-THỨC CỦA PHÉP GIÁO-DỤC BẢO-THỦ

Về lĩnh cách bảo thủ một nền xã-hội giáo-dục tất nhiên

phải theo lối quyền-lực bên ngoài đưa đến cho mỗi học-sinh (hétéronomie) và rất hách dịch.

Về phương-diện tri-dục lối giáo-dục ấy đi đến lối giáo-dục truyền-thụ. Về phương-diện đức-dục nó sẽ đi đến những kỷ-luật phương-pháp (méthodes disciplinaires).

Đây là lối giáo-dục xây dựng toàn-diện cá-nhân của hạng trẻ trung với những nguyên-liệu lấy ở ngoài lương-tâm của họ, một thiên-nhiên tính thứ hai không một chút gì giống và hòa-hợp với cơ-thể sinh-vật và tâm-lý của họ.

Người ta công nhận rằng : cần phải nhìn-nhận giá-trị cuối cùng của thiên-nhiên-tính thứ nhì được đề-nghị như cứu cánh của phép giáo-dục. Riêng đối với các nhà xã-hội-học Pháp thì lối xã-hội giáo-dục bắt nguồn từ xã-hội là vì những phân biệt chủng loại của tính lý (la raison) chính là những sản-phẩm của đời sống xã-hội về lý-thuyết cũng như về thực-hành.

Điều ấy không cấm đoán phép giáo-dục được quan-niệm như sự thụ nhận dần dần vào xã-hội những cá-nhân khác biệt và phép giáo-dục được luôn luôn thay đổi hình-thái tùy theo hoàn-cảnh mà cá nhân phải thích-ứng.

Như vậy, phép giáo-dục phải vừa là sự khai tâm đưa đến sự hiểu biết chế-dộ của tri-thức, các tập-quần công-nghệ học, các tín-ngưỡng đạo-đức và, trên hết, là những ý-nghĩa về chính-trị của xã-hội.

Phép giáo-dục nói trên sẽ chia ra làm nhiều giai-đoạn chồng chất lên nhau nếu chính xã-hội đề-xướng lên nó có nhiều đẳng cấp được sắp-xếp có trật tự.

Nền giáo-dục ấy sẽ có mục-dịch đề-xướng lên công-thức chủ-nghĩa (le conformisme) mà tình-thần duy-nhất

của đoàn-thể phải tùy thuộc sau khi đã cưỡng chế (imposer) ngay lúc đầu sự đồng nhất tương đối của nếp sống, đồng nhất hay nhất-tri về-sự sinh sống ở hạ tầng ; đồng nhất hay nhất tri về tinh-thần ở thượng-tầng. Phép giáo-dục này phổ diễn ra từ dưới lên trên và từ trên xuống dưới.

Sự nhất tri về sự sanh sống ở hạ tầng được thực hiện trong mấy năm đầu của đời sống cá nhân vì lẽ duy nhất là trong thời kỳ này cá-nhân sống chung với gia-đình.

Nhờ đó mà có sự chuyển-tiếp giữa lối sống theo thiên-nhiên và lối sống theo xã-hội.

Tuy nhiên, ngay lúc ấy phép giáo-dục vượt qua hẳn thiên-nhiên là vì nếp sống của cá-nhân đã được ấn-định phần lớn bởi những tập-quán không bắt nguồn ở thiên-nhiên mà ở đời sống công-cộng, ở những tín-ngưỡng được đời sống công-cộng ám chỉ mà nếp sống cá nhân phải tùy thuộc.

Về sự nhất-tri về tinh-thần thì nó có một ý-nghĩa rõ-rệt là khi xã-hội tự coi như một nền văn-minh nghĩa là một hệ-thống giá-trị tinh-thần không lệ-thuộc vào thời hiện-tại và những nhu-cầu của thời-đại này vì rằng : các giá-trị tinh-thần ấy đều là một loại định-luật lý-tưởng và thường-trụ của lịch sử xã-hội nói trên và nhiều xã-hội khác.

B. PHÉP GIÁO-DỤC VÀ CÁC THỂ-HỆ XÃ-HỘI

Cái riêng biệt của một nền giáo-dục được quan-niệm như một tổ-chức xã-hội, không phải là hành-dộng của một cá-nhân đối với một cá-nhân mà là hành-dộng của một thể-hệ (thể-hệ lão-thành) đối với một thể-hệ (thể-hệ trẻ-trung).

Hình như ông Cournot là người đầu tiên đã thấy sự quan-hệ của vấn-đề về các thể-hệ của xã-hội.

Ông nói : « Mỗi thể-hệ nhờ phép giáo-dục mà chuyển sang được cho thể-hệ tiếp theo một bản chất gồm nhiều tư-tưởng. Trong lúc mà động-tác giáo-dục và sự chuyển-giao ấy được thi-hành thì chế-độ có sự mạng giáo-dục chịu ảnh-hưởng của những người còn sống-sót thuộc các chế-độ trước. Những người này không ngờ tham-dự một cách hăng-hải vào sự cai-trị xã-hội, vào trào-lưu tư-tưởng về thương-mại công kỹ-nghệ và họ cũng không lãng quên tất cả quyền-uy của họ trong gia-tộc ».

Áp-lực ấy của mỗi thể-hệ đối với thể-hệ kế tiếp không thể chối cãi trong gia-đình. Nhưng trong hoàn-cảnh xã-hội mà nơi ấy sự sanh-sản của các cá-nhân đều được thực-hiện một cách liên-tục mà không có sự phân-biệt nào và nơi ấy cũng không có sự đối-xứng nào giữa quan-niệm thể-hệ sinh-vật (génération biologique) và quan-niệm thể-hệ xã-hội thì làm sao mà người ta tưởng nghĩ được rằng sự sống có thể phò-diễn theo một nhịp điệu được điều-chỉnh bởi sự kế tiếp của các thể-hệ ?

Nhiều nhà xã-hội học đầy thiện-chí và khách-quan như Ông François Mentré cũng đã cố gắng ổn-định cho ý-niệm thể-hệ xã-hội một nội-dụng xác-thực, và có thể áp-dụng ý-niệm ấy cho tất cả hình-thái của lịch-sử văn-minh và lẽ tất-nhiên là lịch-sử giáo-dục.

Trong văn-chương giới và mỹ-thuật giới người ta thường quen nói đến tình-trạng tinh-thần (état d'esprit) của một thể-hệ, và về diêm này, đã lập ra một cách sắp-xếp các thời-kỳ liên-tiếp nhau. Sự tiến-hóa về chánh-trị chúng tổ những hiện-tượng cùng một loại.

Lý do có lẽ là cơ-cấu của các xã-hội đã như thế nào rồi khiến cho những người sinh ra trong các xã-hội ấy xấp xỉ cùng một tuổi đều chiếm những địa-vị then chốt trong các địa-hạt khác nhau và có một ảnh-hưởng to lớn bao trùm tất cả các ngành hoạt-động của xã-hội.

Nhà hiền-triết Platon đã lập thành pháp-quĩ (codifier) hiện-tượng ấy bằng cách ấn-định hạn tuổi là 50, khi cá-nhân con người đạt được trình-độ ấy thì ngay từ 25 tuổi phải bắt đầu giữ những chức-vụ trong công-quyền. Quyền-uy nói trên được xữ-dụng đối với thể-hệ theo sau đó. Như vậy ý-thức tổng-quát (ton général) của tinh-thần nhân-dân đã được tạo nên.

Lại nữa, một ít biến-cổ lớn-lao đập mạnh vào sự cảm-xúc quần chúng ở những thời buổi đặc-biệt. Các biến-cổ ấy đã tạo cho sự cảm-xúc nói trên liền ngay một sự nhứt-trí để rồi sự này được đứng vững trong một thời, vang dội sáu xa về sau.

Cuộc đại-cách-mạng Pháp, những hậu-quả của phản-động lực gây nên bởi sự sụp đổ của Đế-nhứt đế-chế vào năm 1815, sự chấn-hung của nước Đức sau Đế-nhứt thể-chiến chỉ kéo dài xấp xỉ nhau không quá một phần-ba hoặc một phần-tư thế-kỷ.

Như vậy, cứ sau một thời gian độ chừng 30 năm thì ý-thức tổng-quát (ton général) của tinh-thần nhân dân lại biến-chuyển sang một chiều hướng khác. Một hiện-tượng như thế, nếu nó được kiểm soát bằng một cuộc phê-bình gắt-gao sẽ tất nhiên có tiếng dội trong nền giáo-dục. Hiện-tượng ấy sẽ giải-thích sự xung-đột thường được nêu lên giữa các thể-hệ kế tiếp nhau.

Thật thế, mỗi thể-hệ có một sự nhận xét đặc-biệt các vấn-đề về cuộc sinh-sống. Căn-cứ vào ánh-sáng của kinh-

nghiệm đời sống thể-hệ sẽ phê-phán giá-trị của nền giáo-dục mà họ đã thu nhận.

Nếu kinh-nghiệm ấy lợi cho lối giáo-dục nói trên thì thể-hệ này sẽ cổ xúy sự bảo-tồn những qui-tắc (normes) sự-phạm đối với thể-hệ sắp đến. Như vậy, thể-hệ nói trên vì hệ-thống mà trở thành bảo-thủ và đó là trường-hợp thường xảy ra nhất.

Trái lại, nếu kinh-nghiệm nói trên tỏ ra bất-lợi, thì thể-hệ vừa kể thử tìm những cách-thức sửa chữa những điều đã đưa đến những kết-quả tai-hại cho họ. Trong trường-hợp này cũng như trong trường-hợp trước, ít khi thể-hệ ấy có tri tưởng-tượng và tỉnh khỏng vụ lợi cần-thiết để muốn có một phép giáo-dục phù-hợp với ước-vọng của các thể-hệ sau.

Sự thật là thể-hệ đương lên đối-chọi lại với thể-hệ trước bởi vì thể-hệ trẻ này ước-vọng thay thế thể-hệ đàn anh vừa nói và họ đã nhận thấy những nhu-cầu tương-lai của họ. Họ ước mong xác-định sự độc-lập của họ. Vì thế mà thể-hệ đương lên này có tính-cách cải-tiến.

Khi những hiện-tượng ấy đã làm tổn-thương cơ-cấu xã-hội đang hồi sắp tan rã thì nó góp sức vào để thúc-dẩy sự tan rã ấy đến cho mau.

Người ta ít khi đề ý rằng các cuộc cách-mạng xã-hội thường là do những thể-hệ trẻ-trung gây nên để xô nhào các thể-hệ trước. Ấy là trường hợp của cuộc Đại cách-mạng Pháp, của cuộc cách-mạng Phát-xít ở Ý, của cuộc cách-mạng Quốc-Xã ở Đức mà các lãnh-tụ phần nhiều có độ từ 30 trở xuống.

Tất cả cuộc cách-mạng đều nên lên đầu hết của chương-trình cải-tác (sự dục lại) những cơ-cấu sự-phạm.

Sự phản-kháng của một thế-hệ đối với thế-hệ trước, sự từ chối không chấp-nhận những huấn-lệnh của thế-hệ lãnh-đạo càng bùng-bột lên nếu xã-hội ở trong tình-trạng bấp-bênh và sự an-ninh của tương-lai bị đe-dọa.

Thế-hệ mới thù oán thế-hệ đàn anh vì thế-hệ này đã chuyển-giao lại cho họ những điều-kiện sinh-sống không làm họ thỏa-mãn và họ đề-nghị xóa bỏ những truyền-thống, những gương-mẫu để tự tin lấy họ trong sự bảo-đảm đời sống và hạnh-phúc của họ.

Trong hoàn cảnh gia-đình sự chống đối của trẻ con chỉ mãnh-liệt trong những thời-kỳ biến-loạn ngoài xã-hội. Chúng dựa vào tình-trạng tinh-thần chung mà hành-động ở trong gia-đình.

Sự chống đối nhau giữa các thế-hệ không phải là sự tổng hợp các vấn đề cá-nhân này đối với cá-nhân khác, mà là một tiêu-biểu chung. Các trường-hợp chống đối cá-nhân đều do đó mà ra. Sự chống đối công-cộng là hiện-tượng trước nhất đã xảy ra.

C. SỰ PHÊ-BÌNH CĂN-BẢN VỀ PHÉP GIÁO-DỤC ĐƯỢC QUAN-NIỆM NHƯ MỘT SỰ THẦU NHẬN CÁ-NHÂN VÀO CƠ-CẤU XÃ-HỘI

Dù cho có người nói rằng phép giáo-dục không ăn nhập gì với xã-hội, lời phủ-nhận ấy không đứng vững. Những sự-kiện đã chứng-minh sự trái ngược lại rất rõ ràng.

Người ta tự hỏi : xã-hội tự đảm-nhiệm phép giáo-dục phải chăng chỉ có phạm-sự duy-nhất là chỉ nghĩ đến mình mà thôi sao ?

Trước nhất một nền giáo-dục như thế sẽ có tính-cách

nào ? Người ta không ngần-ngại mà nói rằng : càng đi sâu vào vấn-đề lối giáo-dục xã-hội ấy không khác với lối giáo-dục uốn-nắn dù rằng lối giáo-dục sau này có liên-hệ đến cơ-thể hữu-hình của cá-nhân và dựa vào đấy để làm điểm tựa.

Tất cả những con chó đều không có khả-năng săn bắt cứ loại thú rừng nào mà chỉ săn những loại mà cơ-thể của chúng cho phép.

Nhiều phép uốn-nắn không dính-dáng gì đến thiên-nhiên tính. Thí-dụ : những con thú được uốn-nắn để làm trò trong những gánh hát xiếc (cirque) hoặc trong những việc trông-trọt hay chuyên chở.

Phép uốn-nắn là sự tạo ra ở con người hoặc con thú một thiên-nhiên tính thứ nhì, giả-tạo. Có người cho biết rằng con người được tiền định sống trong xã-hội là vì những nhu-cầu vật-chất con người không thể tự mình làm thỏa-mãn được trong thời-kỳ còn yếu đuối và đương sinh trưởng và vì lẽ cơ-cấu tinh-thần con người bắt buộc con người sống quần tụ với nhiều kẻ khác. Một lý do nữa là xã-hội chẳng những siêu-việt (transcendante) đối với cá-nhân con người mà lại còn hằng cửu bất biến (immanente). Sự triu mến các đoàn-thể xã-hội thị-hiện ở cá-nhân bằng sự khát-vọng tự nhiên của xã-hội tính (sociabilité).

Các nhà xã-hội học Đức cho đó là lý-tưởng căn-bản đã được ghi sâu vào những tính-chất tự-nhiên của cá-nhân.

Các nhà xã-hội học Pháp từ chối không nhìn-nhận rằng đời sống xã-hội phải buộc dính vào căn-bản sinh-vật hoặc tâm-lý.

Lối giáo-dục được ấn định theo quan-niệm trên đây gần như là lối giáo-dục uốn-nắn. Nó là lối dạy dỗ đúng

theo công-thức chủ-nghĩa (conformisme) rất cần cho sự bảo-tồn đoàn-thể.

Khoa xã-hội học giáo-dục (sociologisme éducationnel) không có chi-phối sâu xa sự dạy dỗ ở bên Pháp và không chịu trách-nhiệm về sự xuống dốc của tinh-tinh đạo-đức cá-nhân mà người ta thường gán cho nó. Có điều chắc chắn là ở các xứ khác, sự chi-phối hoàn-toàn của xã-hội đối với phép giáo-dục đã đưa đến sự làm mờ ám hoàn-toàn (obnubilation) ý-niệm cá-nhân tính (indiv dualité) của con người.

Muốn được coi là phép giáo-dục xác thực (véritable) sự uốn-nắn có tánh-cách xã-hội cần được dần dần biến thành sự đào-tạo nhân-phẩm đạo-đức (personnalité morale). Ta phải nhìn nhận ngay liền rằng : lý-thuyết xã-hội học không bác hẳn việc ấy. Khi các xã-hội đã đến cao-độ của sự khác biệt trong phạm-vi phân công thì tính đoàn-kết về vật-chất sẽ thay thế cho tính đoàn-kết rất máy móc thời sơ-thủy, và các xã-hội nói trên sẽ bị bắt buộc phải tuyên-bố giá-trị và tôn-trọng quyền-lợi con người. Như vậy phép giáo-dục có thể có một sự tiến bộ song-hành.

Nhưng nhân-cách (Personnalisme) được hiểu như thế vẫn còn bị bao-vây trong phạm-vi những yêu-sách căn-bản của đời sống công-cộng.

Thực ra nhân-cách ấy không vượt ra ngoài đời sống công-cộng mà cũng không vượt lên khỏi đời sống này. Nếu có được như thế là phép giáo-dục xã-hội có thể tự biến-thể để trở thành lối giáo-dục cá-nhân. Nói một cách khác, ở đây người ta cảm thấy đứng trước một tình-cảnh tương-phản triệt-đề (antinomie radicale) có thể vi với tình-cảnh tương-phản mà lối giáo-dục tự-nhiên đã vấp phải. Hoặc là phép giáo-dục được hoàn-toàn chuyên-môn có tính-cách xã-hội và như thế nó sẽ không phải là phép giáo-

dục xác-thực nữa : hoặc là phép giáo-dục được hoàn-toàn là giáo-dục và như thế nó sẽ không thể là chuyên-môn xã-hội nữa.

Dù rằng những ước-vọng lố cao của cá-nhân chỉ có phôi-trương ra tùy trường-hợp và nhờ phương-tiện sống chung, con người chẳng phải là hoàn-toàn trọn vẹn con người khi bị tự thu nạp vào xã-hội. Trong mỗi cá-nhân con người còn có một chủ-quan thực-tại nữa (réalité subjective), một căn-bản trong một tồn-chất linh-diệu (résidu mystérieux). Chính cái đó mới làm cho cá-nhân con người thật là cá-nhân và do đó mà phần này thoát ra khỏi công-thức-thuyết (conformisme) và ngự-trị trong nội giới của mỗi cá-nhân.

Không có một lý-do nào để cho phép giáo-dục toàn-diện bỏ rơi khía-cạnh ấy của đời người. Trái lại, muốn được đầy-dủ, phép giáo-dục phải chẳng cần đi sâu vào khía-cạnh ấy ?

Sự thực hiện-nhiên là đào-tạo con người cho xã-hội chú-trọng đến sự giáo-dục lý-trí hay là đến sự máy-móc hóa cử-dộng của cá-nhân, những hình-thái bề ngoài của nhân-phẩm, nhiều hơn là sự chú-trọng đến cảm-xúc tính ở nội-tâm và sâu-xa. Lối giáo-dục ấy không nghĩ đến hạnh-phúc cá-nhân con người mà chỉ nghĩ đến cách nhận-xét những giá-trị riêng-biệt về tinh-thần để hưởng-thụ thôi.

Rốt lại, sự tiến-hóa của loài người chỉ lên đến các giá-trị tinh-thần cao tốt là với điều-kiện sau đây : tự tách rời khỏi xã-hội. Đó là ý-nghĩa những hiện-tượng cao tốt của văn-minh. Thực ra, văn-minh là tổng-số những tài-sản chung cho các xã-hội, như chân-lý khoa-học (vérité scientifique) hoặc lịch-sử, một ít qui-luật căn-bản của đạo-lý hay của pháp-luật, những phổ-diễn mỹ-thuật thuộc các loại, những trào-lưu quan-trọng về tư-tưởng triết-lý và tôn-giáo.

Khi một xã-hội tự coi mình như một phần-tử xây dựng hoặc một phần-tử truyền-tín của nền văn-minh chung thì xã-hội ấy phải từ bỏ lối khoanh tròn mình lại, lối sống theo xã-hội cô-lập (hế quan tỏa cảng), lối ép buộc phải công-nhận quan-diểm của mình trong những lời phán-đoán có giá-trị và phải tự mở rộng cửa để tiếp-xúc với tinh-thần thế-giới, nhất là về phương-diện lý-trí và đạo-đức. Cũng theo cái dả ấy, trên bình diện sư-phạm, xã-hội ấy phải vượt qua khuôn-khổ chật hẹp của mình để trở thành một con đường đưa đến các giá-trị tinh-thần nói trên. Đến mức ấy, cần phải thu-nạp vào thiên-tài nói trên, đặc-tính quốc-gia (génie national), ý-niệm khách-quan thực-tiễn (objectivité positive), ý-niệm và sự tôn-trọng những khác-biệt chủ-quan, và, trên hết là ý-niệm mỗi dân-tộc là một phần-tử cốt-cản của sự hợp-tác chung đã khai-sinh ra nền văn-minh.

Không có cái gì đối-choi lại cử-dộng vừa nói cho bằng sự chuyển-hướng giáo-dục ở các nước mà quan-niệm xã-hội học đã trở thành một giáo-điều căn-bản (un dogme fondamental) của cơ-cấu chánh-trị.

Như vậy vấn-đề tư-tưởng mâu-thuẫn (antinomie) về xã-hội-học đã được đặt ra một cách rõ-ràng: không có con đường nào khác hơn là xã-hội để đạt được bằng phép giáo-dục những giá-trị tinh-thần cao tột của văn-minh và của thần-thể-tinh (spiritualité). Phép giáo-dục chỉ đạt được các giá-trị ấy là với điều-kiện vượt lên trên xã-hội riêng biệt đã xây-dựng mình. Có lẽ đây là một vấn-đề ghê-gớm, đáng sợ nhất trong các vấn-đề mà khoa triết-lý giáo-dục phải giải-quyết.



TIẾT III

A. NHIỆM-VỤ TRƯỜNG SƠ-TIỂU VÀ CÁC NGUYÊN-TẮC CĂN-BẢN

Trường Sơ-Tiểu chiếm hạ tầng của cơ-quan giáo-dục trong một nước. Nó rất quan-hệ vì phạm-vi của nó rất rộng lớn và bao trùm tất cả thể-hệ thanh-thiếu-niên của nước ấy. Nó lại còn quan-hệ hơn nữa ở chỗ nó là nền-tảng của chế-độ giáo-dục trong một nước. Nếu nền-tảng ấy không vững-chãi thì công-trình đồ-sộ kiến-thiết trên đây sẽ sụp đổ ngay. Nước nhà thanh hay suy, hùng-cường hay bạc-nhược, thay đều do đó mà ra cả.

Phần nhiều trẻ con sau khi đã học qua năm năm bậc sơ-tiểu thì, vì hoàn-cảnh gia-đình thiếu hụt, phải ra đời tìm kế sinh-nhai. Vì lẽ ấy mà ngay trong giai-đoạn sơ-tiểu này, nhà trường phải dạy con trẻ một cách đầy-đủ về bốn mặt : thể dục, tri-dục, đức-dục và xã-hội.

I. VỀ PHƯƠNG-DIỆN THỂ-DỤC

Về phương-diện này, nhà trường tập trẻ con tra hoạt-động, thích thể-thao, để có một thân-thể nở-nang, một sức-khoẻ dồi-dào và một tinh thần tráng-kien. Chỉ với các điều cần-thiết ấy mà trẻ con mới tiến xa trong đường học-vấn được. Xưa kia, lối giáo-dục cổ-truyền đã bỏ rơi thể-dục. Ngày hôm nay chúng ta quyết không làm như vậy và chúng ta sẽ dành cho môn thể-dục một địa-vị xứng đáng. Điều nên nhớ : một sức-khoẻ dồi-dào giúp chúng ta có nhiều đức-tính hay, nhất là sự lạc-quan trong sự học tập cũng như trong công cuộc mưu-sinh.

II. VỀ PHƯƠNG-DIỆN TRÍ-DỤC

Các môn học ở nhà trường có mục-đích kích-thích, làm phát-triển ngũ giác-quan và các năng-khiếu của trẻ con. Vậy, khi dạy một môn gì, giáo-chức phải biết ở trẻ con năng-khiếu nào cần phải kích-thích, giác-quan nào cần phải khai-thác. Giáo-chức nên nhớ rằng « trẻ con phát-triển (lớn khôn) một cách liên-tục và toàn-diện ». Câu ấy có nghĩa là : đồng-thời thân-thể của trẻ con nở nang, cao lớn, thì đồng-thời các giác-quan, các năng-khiếu và trí-tuệ của chúng đều phát-triển. Bởi thế, ta không nên kích-thích một ít năng-khiếu này mà bỏ rơi các năng-khiếu khác.

III. VỀ PHƯƠNG-DIỆN ĐỨC-DỤC

Trước thời Pháp-thuộc đức-dục được đề-cao, đóng vai chính theo lối giáo-dục cổ-truyền : « Tiên học lễ hậu học văn ». Đến thời Pháp-thuộc, trí-dục được nâng cao mà đức-dục bị bỏ rơi. Chế-độ giáo-dục này đã di-hại đến ngày nay. Nó đã đào-tạo ra những người « có học-thức rộng mà không có lương-tâm ». Hạng người ấy là một tai-hại rất lớn cho xã-hội vậy. Thấy rõ cái tệ-đoan của chế-độ giáo-dục ấy, ta phải can-đảm mà đi ngược lại trào-lưu và cương-quyết làm sống lại những chỉ gọi là quốc-hồn, quốc-tủy của dân-tộc Việt.

Về phương-diện đức-dục, trong những giờ luận-lý, theo nguyên-tắc « do thiên nhập thâm » (đi từ chỗ cạn đến chỗ sâu), giáo-chức sẽ lần-lượt giảng-giải cho trẻ con hiểu và làm theo những công-đức và tư-đức. Hai loại đức-tính ấy hợp lại thành chương-trình « Tu thân ». Đồng-thời giáo-chức dạy trẻ con biết rõ và thực-hành hai chữ « Hiếu-Đễ » ở trong gia-đình, sự tôn-kính thầy ở nhà trường. Ở lớp Nhì và lớp Nhất, giáo-chức bắt đầu nói cho trẻ con biết thế nào là lòng « nhân », thế nào là tinh-thần gia-đình, thế nào là lòng thương mến quê-hương tổ-quốc ?

Giáo-chức cũng giải qua thế nào là người quân-tử; đại-cương những đức-tính của người quân-tử là gì ? Mỗi tuần chỉ có một hoặc hai giờ luân-lý ở mỗi lớp mà thôi. Như vậy, nếu môn luân-lý không được khéo dạy thì nó sẽ vô-hiệu như dưới thời Pháp-thuộc. Vậy, ngoài giờ luân-lý chánh-thức ra, khi dạy bất-cứ một môn gì, giáo-chức nên đặc-biệt đề ý đến sự áp-dụng các bài Luân-lý đã học rồi (các đức-tính chẳng hạn) cho trường-hợp hôm nay. Ngoài giờ học, trong giờ chơi, ngoài đường hoặc ở nhà của trẻ con, giáo-chức, nếu có thể được, cần luôn-luôn theo dõi chúng để xem chừng chúng có áp-dụng những bài Luân-lý đã học rồi không ?

IV. VỀ PHƯƠNG-DIỆN XÃ-HỘI

Về phương-dien này trường sơ-tiểu có nhiệm-vụ đào-luyện trẻ con thành một công-nhân lành nghề, một người chủ gia-đình sáng-suốt và một công-dân gương-mẫu.

1. Nhà trường đào-luyện trẻ con thành một người công-nhân, một người thợ lành nghề

Câu ấy mới xem qua tựa-hồ như không thể áp-dụng cho trường sơ-tiểu được vì lẽ trường sơ-tiểu đâu phải là trường kỹ-thuật chuyên-nghiep ? Tuy-nhiên, trong khi giảng dạy các môn trong chương-trình tổng-quát, giáo-chức đã mặc-nhiên khai-thị nhiều đức-tính hay cần-thiết cho sự học chuyên-nghiep mai sau này của trẻ. *Thi-dụ* : tính cần-thận, tính nhẫn-nại, tính ưa trật-tự, óc quan-sát thực-tế, sự suy-nghĩ kỹ-lưỡng trước khi hành-dộng, sự tiết-kiệm các vật-liệu, sự săn-sóc các dụng-cụ, v.v... Ngoài ra lại còn có các môn học có tính-cách thực-tế giúp trẻ con có một số tri-thức (connaissances) tối-thiểu khá-dễ đem ra áp-dụng cho đời sống hằng ngày mai sau này của chúng. Các môn ấy là : Toán, Hình-học, Đo-lường, Khoa-học thường-thức, Nông-phổ, Vệ-sinh, Hội-họa, Thủ-công, Nữ-

công. Gia-chánh, v.v... Với bấy-nhiều học-thức đó, trẻ con sau khi rời ghế nhà trường, sẽ có những điều-kiện cần-thiết để trở nên một công-nhân, một người thợ lành nghề. Về phần chuyên-môn, trẻ con tiếp-tục theo học một lớp kỹ-nghệ chuyên-môn nào đó và sẽ có nghề để sinh-nhai ngay.

2. Nhà trường đào-luyện trẻ con thành một chủ gia-đình sáng-suốt

Gia-đình là một đơn-vị của xã-hội. Như trong « Lời tổng-quát » đã có nói, nếu gia-đình hư-nát, rối-loạn thì lẽ tất nhiên xã-hội sẽ bị hư-nát và rối-loạn. Mà sở-dĩ gia-đình hỗn-loạn là tại gia-trưởng là người không ra gì, không biết tu-thân. Chính cá-nhân mình không ra gì thì mình còn điều-khiển vợ con trong nhà sao được? Trong tình-trạng ấy, sự đổ-vỡ của gia-đình là lẽ cố-nhiên. Vậy muốn gia-đình được hưng-vượng, gia-trưởng phải tự khép mình, phải có nhiều đức-tính đáng phục, nghĩa là phải biết tu-thân. Được như vậy, gia-trưởng mới sáng-suốt mà điều-khiển mọi việc và chắc-chắn vợ con sẽ nghe lời mình. « Nguồn suối có trong thì dòng suối mới trong » là vậy.

3. Nhà trường đào-luyện một công-dân gương-mẫu

Trẻ con sau khi đã rời ghế nhà trường, sau khi đã có một nghề để sinh-sống và sau khi đã đúng tuổi « thành-nhân » sẽ nghiêm-nhiên là công-dân của nước. Vì lẽ đó, ngay khi chúng còn ngồi ghế nhà trường, đến giờ Công-dân giáo-dục, giáo-chức phải dạy chúng thế nào là quyền-lợi, thế nào là bổn-phận của một công-dân. Hai khoản này sẽ được giải-rành-rọt với nhiều chi-tiết khi giáo-chức giảng-giải môn Công-dân giáo-dục. Ngoài ra, còn dạy trẻ con cách đi đứng, cách đối-xử giữa

dám dõng, hoặc ngoài lộ, hoặc nơi hội-hè đông-dào đề tỏ ra chúng là những công-dân xứng-dáng của một nước văn-minh tân-tiến. Mòn công-dân giáo-dục cũng là sự áp-dụng những công-đức đã được giải rõ khi trẻ con học môn luân-lý. Một công-dân gương-mẫu là một cá-nhân biết rõ quyền-lợi của mình đến đâu, bổn-phận của mình đối với quốc-gia xã-hội, đối với người trong nước và người ngoại-bang đến viếng xứ mình. Trong mọi trường-hợp, người công-dân gương-mẫu phải nêu cao tinh-thần phục-vụ và lúc nào cũng cố-gắng tô-diêm, bồi-bổ danh-dự của quốc-hương, tổ-quốc trước con mắt ngoại-bang. Nếu cần, người công-dân gương-mẫu sẵn-sàng hy-sinh xương máu để bảo-vệ lãnh-thổ của cha ông.

V. KẾT-LUẬN

Nói tóm lại, trường sơ-tiêu có nhiệm-vụ hết sức nặng-nề là đào-tạo những công-dân xứng-dáng về hốn mặt thể-dục, tri-dục, đức-dục và xã-hội cho nước nhà. Bởi thế sự sơ-xuất của giáo-chức trong khi dạy-dỗ trẻ con sẽ có một hậu-quả tai-hại. Hậu-quả ấy sẽ kéo dài, trong nhiều năm và sẽ là nọc độc làm hại biết bao-nhiều thế-hệ ! Một giáo-chức có lương-tâm chức-nghịệp nên luôn-luôn sợ cái viễn-ảnh tai-hại ấy.

B. CÁC NGUYÊN-TẮC CĂN-BẢN CỦA TRƯỜNG SƠ-TIÊU

Trong sự dạy-dỗ trẻ con, trường sơ-tiêu áp-dụng đúng những nguyên-tắc căn-bản sau đây :

I. NHÀ TRƯỜNG ĐÀO-TẠO NHỮNG CON NGƯỜI TỰ-DO CHỚ KHÔNG ĐÀO-TẠO NHỮNG CON NGƯỜI NỖ-LỆ HÈN-MẠT

Câu ấy có nghĩa là trong khi dạy-dỗ trẻ con, giáo-chức phải tôn-trọng nhân-vị, thể-thống cá-nhân của trẻ. Giáo-

chức không nên áp-dụng những hình-phạt hung-tợn khiến trẻ con sợ-sệt, khúm-núm, dễ rồi vì sợ-hãi mà trở nên dối trá, giấu-giếm, không dám nhận lỗi mình, không dám nói sự-thật. Cách dạy-dỗ vừa nói được coi là phân khoa sư-phạm và phân tinh-thần dân-chủ. Trái lại, giáo-chức phải dạy-dỗ trẻ con cách nào để chúng trọn tin nơi thầy, bày-tỏ sự-thật cùng thầy mà không chút giấu-giếm nào trong mọi trường-hợp. Làm thế nào cá-tính của mỗi trẻ con được tự-do phát-triển dễ rồi giáo-chức sẽ do đó mà sửa-chữa chúng theo đường ngay nẻo thẳng.

II. NHÀ TRƯỜNG THỨC-GIỤC TRÍ-ÓC TRẺ CON LÀM VIỆC LUÔN LUÔN

Bản tính trẻ con là ưa hoạt-động. Giáo-chức nên theo cái đà ấy mà thức-giục trẻ con hoạt-động dưới nhiều hình-thức khác nhau và trong một thời-gian vừa sức của chúng, để kích-thích các năng-khiếu, các giác-quan của chúng. Đó là giúp sự tiến-triển điều-hòa của trẻ con về phương-diện vật-chất cũng như về phương-diện tinh-thần.

III. NHÀ TRƯỜNG NHÌN-NHẬN RẰNG : CÁ-NHÂN CON NGƯỜI ĐƯỢC TẠO NÊN PHẦN LỚN LÀ DO CÁC TÌNH-CẢM CHƠN-THẬT BÊN TRONG (NỘI-GIỚI) CHỚ KHÔNG DO NHỮNG ĐIỀU-BỘ, NÉT MẶT BÊN NGOÀI

Câu ấy có nghĩa là : trong khi dạy học, giáo-chức phải làm thế nào cho trẻ con kính-phục ở trong thâm-tâm chớ chẳng phải ở ngoài mặt. Sự tâm-phục mới là chân-thật và bền lâu. Trái lại, sự diện-phục chỉ là giả-dối và nhất thời. Lại nữa muốn biết rõ chân-tánh của trẻ con thì giáo-chức phải tìm hiểu các mối-tình chân-thật ẩn-tàng bên trong của chúng, chớ không nên căn-cứ vào những điều-bộ bên ngoài.

IV. NHÀ TRƯỜNG DẠY TRẺ CON KHÔNG PHẢI TÙY NGẪU-HỨNG, TÙY THỊ-HIỆU NHẤT-THỜI, MÀ TRÁI LẠI, NHÀ TRƯỜNG THEO ĐÚNG NHỮNG NGUYÊN-TẮC CĂN-BẢN, KẾT-QUẢ CỦA SỰ KINH-NGHIỆM LÂU ĐỜI VÀ KHOA-TÂM-LÝ-HỌC

Câu ấy có nghĩa là các phương-pháp, các phương-sách được áp-dụng trong sự dạy-dỗ trẻ con đều là những kinh-nghiệm lâu đời đã thu lượm trong địa-hạt giáo-dục và đã được công-nhận là đúng với khoa tâm-lý, nhất là khoa tâm-lý nhi-đồng. Vậy trong khoa sư-phạm hiện thời, nhất nhất việc chi đều được đem ra thí-nghiệm và nghiên-cứu kỹ-lưỡng trước khi đem ra áp-dụng. Giáo-chức, khi dạy một môn nào, thì trước đó phải sửa-soạn bài chu-đáo, đúng theo những nguyên-tắc căn-bản về công-việc này chứ chẳng phải sau khi vào lớp thích cái gì thì dạy cái ấy mà không sửa-soạn trước. Ngẫu-hứng, thị-hiệu nhất thời đều không được tha-thứ trong nghề dạy học.

V. NHÀ TRƯỜNG, TRONG KHI DẠY-DỖ TRẺ EM DẠY ÍT NHƯNG DẠY KỸ

Câu ấy có nghĩa là : nhà trường chỉ dạy ít điều cần-thiết cho đời sống của trẻ con mai-hậu. Nhưng cách dạy rất là chu-đáo, rành-rọt khiến trẻ con không chút gì mơ-hồ. Những điều chúng đã học, sau khi ra trường, chúng sẽ áp-dụng được ngay.

VI. NHÀ TRƯỜNG VỪA KHIÊM-TỐN VỪA CÓ CAO-VỌNG

1. Nhà trường khiêm-tốn ở chỗ nhà trường tự biết sức mình không thể, trong một thời-gian ngắn dạy tất cả những điều thuộc về sự hiểu-biết của loài người. Trái lại, nhà trường tự hạn-chế chương-trình dạy-dỗ của mình để nó phù-hợp với tuổi-tác và trình-độ hiểu-biết của trẻ

con. Số các môn dạy cũng được ấn-dịnh rõ-rệt, nhất-là các môn cần-thiết cho đời sống trẻ con sau này.

2. **Nhà trường có cao-vọng.** Câu ấy có nghĩa là một số ít môn mà nhà trường đã dạy cho trẻ con sẽ giúp chúng mai sau này tự học tiến-bộ.

VII. NHÀ TRƯỜNG MỞ CỬA RỘNG CHO TẤT-CẢ CON EM BẤT-LUẬN LÀ THUỘC GIAI-CẤP, ĐẢNG-PHÁI HAY TÔN-GIÁO NÀO TRONG XÃ-HỘI

Những điều mà nhà trường dạy cho trẻ con có tính-cách tổng-quát cần-thiết cho tất-cả mọi cá-nhân dù cá-nhân ấy thuộc đảng-phái hay tôn-giáo nào cũng vậy. Về phương-diện tôn-giáo và chính-trị đảng-phái, nhà trường lúc nào cũng giữ thái-độ trung-lập tuyệt-đối nhất là đối với các đảng phái chính-trị hợp-pháp, ngoại-trừ những chủ-nghĩa đảng-phái đi ngược lại giải-pháp quốc-gia.

VIII. KẾT-LUẬN

Để cho sự dạy-dỗ trẻ con có kết-quả tốt đẹp, nhà trường cần theo đúng những nguyên-tắc căn-bản làm nòng-cốt cho khoa sư-phạm ngày nay. Không theo đúng các nguyên-tắc ấy tức là cất nhà trên bãi cát vậy.



CHƯƠNG HAI

**NHỮNG ĐẠI-CƯƠNG VỀ TÂM-LÝ
TRẺ CON LÀNH MẠNH**

THE
JOURNAL
OF
THE
ROYAL
ANTHROPOLOGICAL
INSTITUTE
OF GREAT
BRITAIN
AND IRELAND
VOLUME
LXXV
PART I
1945

NHỮNG ĐẠI-CƯƠNG VỀ TÂM-LÝ TRẺ CON LÀNH-MẠNH

I. QUAN-NIỆM SAI-LẦM VỀ TRẺ-CON CỦA THỜI XƯA

Trước ngày khoa tâm-lý nhi-đồng xuất-hiện từ Âu sang Á, trên mấy ngàn năm, người ta có những quan-niệm sai-lầm về trẻ con.

Theo những quan-niệm sai-lầm ấy, người ta cho rằng trẻ con có một cơ-thể và một tinh-thần được cấu-tạo như người lớn. Nói một cách khác, trẻ con là người lớn thu nhỏ lại. Vì lẽ đó, ở trong gia-đình, các bậc phụ-huynh và, ở nơi học-đường, các thầy học đều tập trẻ con đi đứng, nói-những, làm việc và suy-nghĩ như người lớn vậy. Trong cách giáo-dục cổ-truyền của nước ta, trẻ con đến trường lần thứ nhất đã phải học qua bộ giáo-khoa "Tam tự kinh" là quyển sách Bách-khoa thu hẹp của Trung-Hoa, không hơn không kém. Kế đó, chúng phải học hai quyển Minh-Tâm rồi Tĩnh-Tâm là hai quyển sách góp nhặt những tư-tưởng hay, những lời cao-đẹp của các danh-nhân, hiền-triết Đông-phương ấn-định phương-châm xử-thế, tu-thân của người lớn ; và nhiều loại sách nữa trước khi học đến Tứ-thơ, Ngũ-kinh. Trong cách trình-thừa, vâng, dạ, đi đứng, chào hỏi, trẻ con nhất-nhất phải tập hành-động như người lớn.

Khoa tâm-lý nhi-đồng ngày nay chứng-minh trái ngược lại. Tâm-hồn trẻ con là một thế-giới riêng-biệt, không

giống một mây may nào tâm-hồn của người lớn. Để chứng-minh cụ thể sự khác-biệt ấy, người ta ví trẻ con như con cá nhái, con « nòng-nọc » mà người lớn, cha mẹ chúng, là « con ếch ». Con nòng-nọc vốn là trứng ếch nở ra, là con của ếch. Ấy thế mà trong thời-kỳ còn là nòng-nọc, hình-thù và cách sinh-sống của nó không có cái chi là giống con ếch cả. Dần dần nó sẽ mọc chân, rụng đuôi, mất hai cái mang và có hai buồng phổi để rồi nhảy lên bờ sống đời sống của ếch.

Như vậy trẻ con cần sống một đời sống đúng theo tuổi trẻ-trung của chúng. Chúng có những nhu-cầu, những ý-nghĩ, những cách chơi mà người lớn không khi nào nghĩ đến. Người lớn mua cho chúng một con ngựa gỗ sơn thếp đẹp-dẽ; chúng thích chơi với vật ấy trong vài ngày rồi chúng sẽ chán, bỏ vào một góc tường, hoặc đập hư nát đi. Khi chúng cần, một cái gối, một cây gậy, một tàu cau là con ngựa của chúng, đủ rồi.

II. NHỮNG ĐIỀU ĐẠI-CƯƠNG VỀ TÂM-LÝ TRẺ CON.

Trước khi dạy-dỗ trẻ con, giáo-chức cần cảm-thông những điểm đại-cương về khoa tâm-lý nhi-đồng.

Nhận-xét thứ nhất : « Trẻ con là một sinh-vật tự-động tự-chủ ». Nói một cách khác, trẻ con hoạt-động, suy-nghĩ và nhận-xét sự-vật theo một lối riêng, không giống lối của người lớn.

Nhận-xét thứ nhì : « Trẻ con là một sinh-vật đương tiến-triển, đương lớn một cách toàn-diện và liên-tục ». Nói một cách khác, ở trẻ con thân-hình và tri-não tâm-hồn đều biến-chuyển, phát-triển đồng nhịp với nhau nghĩa là không có sự so-le, chênh-lệch và không ngừng. Vì lẽ đó mà trong khi dạy-dỗ chúng, thầy phải làm phát-triển tất-cả khả-năng, tất-cả giác-quan và năng-

khieu của chúng về ba mặt thể-dục, trí-dục và đức-dục cùng một lúc.

III. NHỮNG GIAI-ĐOẠN MÀ DỨA TRẺ PHẢI TRẢI QUA TRƯỚC KHI TRỞ NÊN NGƯỜI LỚN

Trước khi trở nên người lớn, cơ-thể cũng như tâm-hồn trí-não của trẻ con, phải trải qua năm giai-đoạn như sau :

1. Giai-đoạn thứ nhất (Từ sơ-sanh đến 2 tuổi tây)

Trong giai-đoạn này trẻ con lúc đầu không biết chi cả ; nhưng sau rồi biết nhìn những sự-vật chung-quanh, những ánh-sáng, những màu-sắc, biết vài cử-dộng, biết bò chắt dĩnh và từ một tuổi tây trở lên thì hay bắt chước những hành-dộng của người lớn.

2. Giai-đoạn thứ hai (Từ 2 đến 6 tuổi tây)

Trong giai-đoạn này đứa trẻ bắt đầu nhận-định hiệu-lực của tiếng nói, các điệu-bộ và tập nói nhiều. Nhận biết rằng mỗi tiếng nói có một ý-nghĩa nên chúng thường hỏi cha mẹ hoặc anh chị để hiểu biết : « Tại sao cái này là như vậy, cái nọ là như kia ? » Tự chúng lặp đi, lặp lại nhiều lần những tiếng mà người lớn đã dạy chúng. Trẻ con bắt đầu học hỏi vậy.

Tuy-nhiên, trẻ con trong thời kỳ này chưa sống hẳn trong hoàn-cảnh thực-tại. Phần nửa đời sống tinh-thần của chúng còn thuộc về hoàn-cảnh hoang-dường đó tri tưởng-tượng của chúng gây nên. Vì thế mà chúng chưa phân biệt được cái chi là thực-tế với cái chi là tưởng-tượng và sự nhận-xét sự-vật của chúng khác hẳn với cách nhận-xét của người lớn. Trong giai-đoạn này trẻ con dễ chịu ảnh-hưởng của ngoại-giới.

3. Giai-đoạn thứ ba (Từ 6 đến 12 tuổi tây)

Trong giai-đoạn đầu, trẻ con chỉ biết đến bản-thân

mà không biết gì hoặc đề ý đến những người sống chung-quanh chúng. Cái « ta », cái « bản-ngã » của chúng phát-triển mạnh là vậy. Trái lại, trong giai-đoạn thứ ba này thì chúng nhận thấy người chung-quanh chúng khác với chúng, không phải chúng.

Đồng-thời trong sự tiếp-xúc với ngoại-giới, chúng tò-mò, thích quan-sát, khảo-sát, để hiểu-biết những sự-vật quanh chúng. Chính trong giai-đoạn này mà trẻ con thích học-hỏi và thích đến nhà trường. Theo nữ bác-sĩ Montessori, từ 4 đến 7 tuổi, trẻ con tập nói các thứ tiếng và uốn giọng rất dễ-dàng.

Cũng trong giai-đoạn này trẻ con thích học tính-toán, đo-lường, hình-học, trang-trí, thủ-công, hơn là học chữ nghĩa, và bắt đầu hành-động có trật-tự. Chúng thích sống đời sống thực-tại trong giây phút và không nhớ những việc đã qua.

Chính ở giai-đoạn này mà giáo-chức phải chăm-chú sửa-chữa trẻ con một cách ôn-tồn nhã-nhận mỗi khi chúng, làm một điều chi không hay, không tốt. Giáo-chức cố làm cho chúng cảm-xúc, tin-cậy nơi thầy và sẵn-sàng chữa lỗi.

4. Giai-đoạn thứ tư (Từ 12 đến 14 tuổi) (rút trong « giáo-dục mới » của tác-giả Lâm-Toại)

« Trong giai-đoạn này, trẻ con bắt đầu nhận-thức nhân-cách của chúng, đề ý đến đời sống thực-tế, thích những hoàn-cảnh thực-tại và không thích những chuyện thần-tiên mơ-hồ như hồi thơ-ấu nữa ». Cũng trong giai-đoạn này, kỷ-ức của chúng rất sung-mãn, chúng đọc chi thì nhớ nấy. Bắt đầu từ 12 tuổi sắp lên, thể-chất và tinh-tinh của chúng phát-triển theo hai đường khác nhau trai khác, gái khác.

Trẻ trai thì thích hoạt-động, thích bạn-bè, thích đua-tranh, Trẻ gái, trái lại, uể-oải, không thích cử-động, hay

mũi lòng, dễ phiền-muộn. It thích hạn-bè, thường thích cảnh sống đầm-ấm ở gia-dinh với chị em hơn, ưa mơ-mộng, thích đọc tiểu-thuyết, xem kịch, xem chiếu bóng.

Lúc này, thiếu-niên nam nữ bắt đầu tiếp-xúc với thực-tế, hay lo-ngại về tương-lai của mình, sống hời-hợt theo lý-tưởng nên dễ sinh chán-nản, thất-vọng.

Trong giai-đoạn này, thầy học và cha mẹ phải đặc-biệt chăm-sóc chúng để tránh những sự đáng tiếc.

5. Giai-đoạn thứ năm (Từ 15 đến 18, 19 tuổi tây)
(rút trong : « Giáo-dục mới » của tác-giả Lâm-Touï).

« Chính là lúc mà trẻ sắp thành-nhân, sắp đổi trạng-thái trẻ con ra trạng-thái người lớn. Thể-chất cũng như tinh-thần của chúng phải trải qua một cuộc dao-động mãnh-liệt khiến chúng sinh ra hoang-mang, cuồng-nhiệt, thường suy-ngĩ vẩn-vơ đến đời sống tương-lai, cần hạn tâm-phức, thân-tín để trút hết nỗi lòng và thăm dò ý-kiến.

Vào khoảng 18, 19 tuổi, người ta thường thấy thanh-niên phát-biểu những ý-tưởng kỳ-dị, điên-cuồng về mỹ-thuật, chính-trị, tôn-giáo ; lòng hào-hiệp, nên chúng ưa mạo-hiểm, thích hy-sinh, mơ-ước lập kỳ-công, thích tự-do tự-lập, thích bất-chước những vị anh-hùng, liệt-nữ. Nhưng càng bùng-bột bao-nhiều, càng mau nguội lạnh bấy-nhiều, vui đó rồi lại buồn ngay đó, hăng-hái đó rồi lại chán-nản ngay liền đó ! Tuổi này là tuổi khó-khăn nhất trong đời người. Cha mẹ, và nhà giáo phải cố-gắng hiểu biết trẻ con gây lòng tin-cậy của chúng đối với mình để có thể dùng uy-tín và thân-tín mà hướng-dẫn chúng vào con đường chính-đại, phù-hợp với bản-tính của chúng ; và rồi đây tuổi thiếu-niên vô-tư, vô-lự sẽ đi qua và thanh-niên sẽ chạm trán với đời thực-tế, sống theo định-mệnh của nó.

Theo sự khảo-cứu của nữ Bác-sĩ Montessori, trong

giai-đoạn này nên cho trẻ có dịp sống tập-thể, tự-do cùng bạn-lứa, giữa cảnh thiên-nhiên, tại những trại ở đồng quê hay ở rừng núi để trẻ con có dịp hòa đời sống của chúng với đời sống thực-tế chung quanh, để có một ý-niệm rõ-ràng về chân-tướng của xã-hội và cách cộng-tác của loài người trong công-cuộc sinh-tồn chung để nhận-định rõ trách-nhiệm của mình và tập sống một đời hữu-ích cho xã-hội ».

IV. SỰ TIẾN-TRIỂN CỦA TƯ-TƯỞNG TRẺ CON : CÁC GIAI-ĐOẠN (phỏng theo « Giáo-dục mới » của ông Lâm-Toại)

1. Giai-đoạn thứ nhất

Trong giai-đoạn này, trẻ con chỉ biết có mình mà thôi (Période d'autisme).

2. Giai-đoạn thứ nhì

Trong giai-đoạn này, trẻ con lấy mình làm trung-tâm điểm mà suy ra người khác, lấy mình làm trung-tâm điểm của vũ-trụ (Période d'égoctrisme),

3. Giai-đoạn thứ ba

Trong giai-đoạn này, trẻ con bắt đầu lãnh-hội tổng-quát. Khi chúng thấy một sự-vật gì thì thấy sự-vật ấy toàn diện, nghĩa là thấy chung toàn-thể của sự-vật một lượt để nhận-thức, để ghi nhớ chứ không biết phân-tách riêng ra từng bộ-phận của sự-vật như người lớn đã thường làm (Période de globalisation).

4. Giai-đoạn thứ tư

Từ 18 tuổi trở lên, trẻ con lần lần lý-luận có hệ-thống (raisonnement), biết phân-tích (analyse) và biết tổng-hợp (synthèse) và bắt đầu đi vào trình-độ suy-nghĩ của người lớn.

V. PẦN TÓM-TẮT NHỮNG GIAI-ĐOẠN TIẾN-TRIỂN CỦA TRẺ CON HÒA NHẬP VỚI CÁC KHẢ-NĂNG TÂM-LÝ CỦA CHÚNG (phỏng theo ý-kiến của ông Lâm-Toại trong « Giáo-dục mới »)

Giai-đoạn thứ nhất (ấu-thời)

Từ lúc sơ-sanh đến 6 tuổi : khả-năng chủ-yếu là vận dụng các quan-năng gồm ba thời-kỳ :

- a. Từ khi sơ-sinh đến 2 tuổi : xúc-tiến mạnh.
- b. Từ 2 đến 4 tuổi : cảm-giác nhờ bắt thit nhiều hơn.
- c. Từ 4 đến 6 tuổi : hành-dộng nửa theo quan-năng, nửa theo bắt-chước.

Giai-đoạn thứ hai (thiếu-thời)

- a. Từ 6 đến 8 tuổi : bắt-chước theo cảm-giác.
- b. Từ 8 đến 10 tuổi : bắt-chước thuần-túy.
- c. Từ 10 đến 12 tuổi : bắt-chước theo trực-giác.

3. Giai-đoạn thứ ba (thanh-niên)

Từ 12 đến 18 tuổi : khả-năng chủ-yếu là trực-giác gồm 3 thời-kỳ :

- a. Từ 12 đến 14 tuổi : nửa trực-giác, nửa bắt-chước.
- b. Từ 14 đến 16 tuổi : trực-giác thuần-túy.
- c. Từ 16 đến 18 tuổi : trực-giác theo lý-trí.

4. Giai-đoạn thứ tư (tràng-niên)

Từ 18 tuổi đến 21 tuổi : khả-năng chủ-yếu lý-luận, gồm 3 thời-kỳ :

- a. Từ 18 đến 20 tuổi : lý-luận theo trực-giác.
- b. Từ 20 đến 22 tuổi : lý-luận thuần-túy.
- c. Từ 22 đến 24 tuổi : có khả-năng phân-tích và tổng-hợp, phân-biệt được rõ-ràng giữa : trực-giác, bắt-chước theo tục-lệ và cảm-giác.

Gần nên chú-ý :

Trong mỗi con người, các giai-đoạn tiến-phát về tâm-lý như đã nói trên, không đều nhau. Có người tiến-phát nhiều về giai-đoạn này, mà tiến-phát ít về giai-đoạn khác. Do đó mà có nhiều loại tâm-lý khác nhau :

- a. Loại hành-động theo lý-trí (duy-lý : type rationnel)
- b. Loại hành-động theo trực-giác (type intuitif)
- c. Loại hành-động theo tục-lệ (type traditionnelle)
- d. Loại hành-động theo quan-năng (type sensoriel)

VI. NHỮNG NHU-GẦU CHÍNH-YẾU CỦA TRẺ CON

Trước khi dạy trẻ con, giáo-chức cần biết qua những nhu-cầu chính-yếu của chúng để hướng-dẫn chúng theo sở-thích của chúng. Các nhu-cầu ấy được kể ra như sau :

1. Nhu-cầu hoạt-động

Trẻ con là một sinh-vật đang sinh-trưởng, đang lớn và biến-chuyển liên-tục để dần dần biểu-hiệu chân-tính của chúng. Vì thế mà chúng thích hoạt-động như tiếp xúc với các sự-vật, quan-sát, khảo-cứu những gì mà chúng thấy trước mắt. Chúng thích sáng-tác một việc gì; phò-diễn một ý-nghĩ, thi-thố các khả-năng của chúng để rút kinh-nghiem.

2. Nhu-cầu được dễ yên hay là sự nhu-cầu yên-tĩnh về phương-diện tinh-thần

Khi làm một việc gì, trẻ con cần được dễ yên, không bị khuấy-rối, bị can-ngăn.

3. Nhu-cầu có một tiêu-chuẩn để noi theo

Trẻ con cần có một tiêu-chuẩn chắc-chắn không thay đổi để noi theo trong khi học-tập. Tiêu-chuẩn ấy chúng không tìm thấy trong tâm-trí chúng vì có sự biến-chuyển

không ngừng và cũng không tìm thấy ở hoàn-cảnh bên ngoài vì chúng thiếu kinh-nghiệm mà chỉ tìm thấy ở cha mẹ và thầy học mà thôi. Vậy thầy học và cha mẹ phải là những gương tốt để trẻ con bắt-chước.

4. Nhu-cầu chơi

Tất cả trẻ con đều cần chơi và thích chơi. Nhân cái đó ấy nhà trường sẽ tổ-chức những cuộc chơi đồng thời dạy trẻ con quan-sát, suy-nghĩ, ghi nhớ và tập nhiều tính tốt.

5. Nhu-cầu tư-hữu

Ấy là bản-tính phát-hiện sớm nhất ở trẻ. Trẻ con đã sớm tỏ ý cần có đồ chơi riêng, của riêng. Nhân thế, giáo-chức tập chúng biết sắp đặt các đồ chơi có trật-tự, ngăn nắp, hầu dùng các môn ấy được lâu và, khi cần đến, sẽ tìm được ngay. Cho mỗi trẻ con một ngăn tủ riêng để cất đồ chơi của chúng.

6. Nhu-cầu làm việc, ăn chơi, có giờ nhứt-định

Tuy nói là trẻ con hành-dộng tự-do, chứ những hành-dộng của chúng đều đúng theo một chương-trình đã được ấn-định trước. Nên hiểu chúng hành-dộng tự-do là như thế này. Thí-dụ: đến giờ hội-họa, giáo-chức giải-nghĩa cho toàn lớp những điểm đại-cương cần-thiết cho môn này. Sau đó, giáo-chức để mỗi trẻ tự-do vẽ vật kiểu-mẫu đặt trước mặt chúng. Giáo-chức không nên luôn luôn can-thiệp, thúc-hối chúng, sửa luôn bài của chúng. Làm như thế trẻ con sẽ không có an-ninh về tinh-thần và lúc nào cũng nơm-nớp lo sợ không làm vừa ý thầy. Vì thế mà cá-tính của trẻ con không phát-hiện được mà luôn luôn chúng có tính ý-lại vào thầy. Theo một chương-trình đã được ấn-định trước một cách khéo-léo, trẻ con sẽ ăn, nghỉ, chơi, học có giờ và rất có trật-tự. Sự có trật-tự ấy

phải được trình-bày dưới một hình-thức mà trẻ con có cảm-tưởng là chính chúng đã lập ra.

7. Nhu-cầu thành-tự

Khi trẻ con làm một việc gì chúng cố gắng làm cho kỳ được việc ấy. Chúng cố-gắng làm thỏa-mãn nhu-cầu thành-tự của chúng.

8. Nhu-cầu được giúp-dỡ

Khi chúng cố-gắng làm một việc gì mà không được thì chúng sẽ mau mau cầu-cứu đến cha mẹ, đến thầy. Thầy chỉ can-thiệp trong trường-hợp ấy mà thôi. Khi trẻ con một mình tự làm lấy một việc gì có ích-lợi mà không có tai-hại gì cho chúng và cho toàn lớp thì giáo-chức để chúng tự-do hoạt-động.

9. Nhu-cầu được khen-thưởng

Sau khi đã làm xong một việc gì, trẻ con cần được khen-thưởng. Chính lúc ấy là lúc lời ban khen của giáo-chức rất cần-thiết để khuyến-khích trẻ tiến tới nữa.

Chẳng những trẻ con cần thầy ban khen mà chúng cũng cần toàn lớp hoan-nghinh, tán-dương chúng.

10. Nhu-cầu được thầy thương-yêu

Vừa mới rời gia-dình để vào trường trẻ con rất cần sự thương-yêu của thầy cô để an-ủi và tránh sự bỡ-ngờ lạ chỗ, lạ nhà. Sau khi nhận thấy được thầy giáo hoặc có giáo thương-yêu thì trẻ con sẽ không còn rụt-rè, sợ-hãi nữa và mạnh tiến trong sự học-hành.

11. Nhu-cầu sống chung với nhiều kẻ khác

Vì chưa biết tự tin-cậy lấy mình trẻ con sẽ nhận thấy bơ-vơ, cô-độc khi học-tập một mình. Vì thế mà trẻ con cần sống chung với chúng bạn, làm việc tập-thể ở nhà trường.

12. Nhu-cầu về phương-diện sinh-lý

Trẻ con cần ăn-uống no đủ, nghỉ-ngơi đủ thì-giờ, ăn mặc ấm-áp, chạy chơi trong một khu vườn rộng có bóng mát, thở một không-khí trong sạch... Giờ học không nên quá dài và sau giờ học lại có giờ chơi giải-trí.

13. Nhu-cầu về phương-diện tinh-thần

Tùy hạng tuổi, tùy giai-doạn, trẻ con cần bắt-chước cần nói phở, cần tưởng-tượng, cần tô-mô học-hỏi, cần biết mình, biết người, hiểu-biết hoàn-cảnh thực-tại.

VII. KẾT-LUẬN

Trẻ con ví như một bệnh-nhân. Thầy học ví như một vị lương-y. Lương-y có đoán trúng căn-lệnh mới mong trị khỏi bệnh được.

Lời nói ấy đáng được ta suy-nghĩ nhiều trong khi dạy-dỗ trẻ con.



CHƯƠNG BA

TRẺ CON KHÁC THƯỜNG

AS ORDERED

BY THE BOARD OF DIRECTORS

TRẺ CON KHÁC THƯỜNG

I. QUAN-NIỆM VỀ TRẺ CON KHÁC THƯỜNG

Từ-ngữ « khác thường » có nghĩa là ngoài cái đạo-thường, ngoài cái lẽ tự nhiên, phép-tắc thông thường. Một trẻ con khác thường là trẻ con vô kỷ-luật hay là trẻ trãng đối với mức học-thức của lớp học. Nói một cách khác, một trẻ con khác thường là trẻ con không được thích-hợp với hoàn-cảnh nhà trường.

Nhiều khi triệu-chứng hữu-hình cho ta biết được tính cách khác thường của trẻ. *Thí-dụ* : bệnh dị-thường phát dục (bệnh cao lớn quá mức), bệnh lùn người, sự biến-hình của xương sọ, của cái mặt, tật-nguyên tự-nhiên của mũi, mắt, hàm răng, lưỡi, ð-gà (khẩu-cái), v.v...

II. HAI LOẠI TRẺ KHÁC THƯỜNG

Có hai loại trẻ khác thường như sau : trẻ khác thường về tri-khôn (tri-tuệ) và trẻ khác thường về tình-tình.

1. Trẻ khác thường về tri khôn

Loại này gồm những trẻ chậm tiến (arriérés) và không có khả-năng học-tập.

Trong loại này người ta kể : *trẻ ngu-sí* (ngu-xuần, ngu đại : idiot) mà tri khôn không quá trình-độ của lứa trẻ

lên hai, *trẻ khờ dại* (imbécile) khờ-khạo vì tâm-hồn yếu đuối suy-nhược và trí-khôn không quá trình-độ đưa trẻ lên mười và sau rốt là những trẻ thông-minh sớm (thần-dồng). Trước kia, dễ phân-loại các trẻ ấy, người ta căn-cứ vào giọng nói, cách phỏ-diễn tư-tưởng của chúng. Ngày nay, nhờ áp-dụng những « trắc-nghiệm » mà người ta phân-biệt được những trẻ khác thường với những trẻ lành-mạnh.

2. Trẻ khác thường về tính-tình. Loại này gồm những trẻ không được thích-hợp với đời sống bởi những phản-ứng của chúng về tình đa cảm, những quyết-định lạ đời của chúng do sự hỗn-loạn về khí-sắc. Người ta gọi các trẻ này là : trẻ vô-thường, bất-định (instables) hoặc là trẻ tà-vạy, bại-hoại (pervers).

Trẻ vô-thường, bất-định, là trẻ không ngồi yên, khí-sắc, tnh-tình thay đổi mãi, không chú-ý lâu được vào một việc gì ; nói chuyện luôn và vật gì cũng sờ-mó.

Trẻ tà-vạy, bại-hoại là trẻ « nói dối để mà nói dối, hay chọc phá không ngớt trẻ bên cạnh, hay đánh đập và ăn-cắp vật, hay nóng-giận, hay đa-nghi, hoặc khoe-khoang, hay lý-luận, v.v... » Loại trẻ này hay có những cơn thịnh nộ thình-lình và bạo-tợn. Tất-cả những triệu-chứng ấy đều do sự hỗn-loạn về tính-tình mà ra.

Nếu người ta quan-sát kỹ loại trẻ thứ hai này thì thấy chúng hay nói chuyện, hay khuấy bạn trẻ, tính-tình xôn-xao, bất-an, hỗn-xược, dơ-bẩn và hay ăn-cắp vật.

Đến giờ chơi, loại trẻ này làm rầy ở ngoài sân, nghịch ngợm, hiếu-dộng, khuấy-phá chúng bạn và hay đánh lộn. Chúng không sợ những lời cảnh-cáo, la-rầy, nhiều khi lấy sự thô-tục hỗn-xược để đối lại.

Loại trẻ khác thường về tính-tình thực ra chưa phải là trẻ chậm-tiến về tâm-hồn (arriérés mentaux). Nhưng

những triệu-chứng kể trên vì làm hư-hoại tính bình-thường của trẻ con sẽ làm trở-ngại hoặc đổi hẳn sự tiến-triển về trí-khôn của chúng.

Ngoài hai loại trẻ khác thường vừa kể, còn không biết bao nhiêu trường-hợp khác nữa do những sự biến-đổi của cơ-năng về tình-cảm (affectivité), của ý-chí (volonté), của thu-súc-tính (motricité), v.v... và sau rốt là những trường-hợp do những bệnh-hoạn của cơ-thể mà ra. Chính là sự hỗn-hợp hai loại trường-hợp khác thường ấy đã sinh ra muôn ngàn trường-hợp trẻ khác thường vậy.

III. TẠI SAO PHẢI GIÁO-HÓA NHỮNG TRẺ KHÁC THƯỜNG ?

Trong số các trẻ khác thường có một thiểu-số không thể giáo-hóa được và thuộc vào hạng bất trị. Hạng trẻ này đã được dưỡng-dưỡng đặc-biệt săn-sóc nhưng cũng không có hy-vọng gì.

Ngoài ra, đa-số trẻ khác thường đều có thể giáo-hóa được. Lý-do giáo-hóa các trẻ ấy là như sau : vì nhân đạo xã-hội không thể bỏ rơi hạng trẻ ấy là vì chúng cũng có quyền sống như ai, cũng có quyền tự-do mưu-sinh như ai. Lại nữa, nếu các trẻ ấy được giáo-hóa một cách thích-ứng thì chúng sẽ trở nên hữu-ích cho xã-hội và sẽ không ăn bám xã-hội nữa.

1. Sự giáo-hóa các trẻ con câm, điếc và đui mù

Loại trẻ con này cần được tập-trung trong các học-đường đặc-biệt để vừa săn-sóc nuôi-dưỡng chúng, vừa dạy chúng học một ít nghề thủ-công thích-ứng với tật-nguyên của chúng. Ở trường mù, người ta dạy trẻ con tập-đọc, học âm-nhạc, học đàn thùng-mung bằng tre, học làm bàn chải, v.v... Sau khi thành tài, các trẻ con ấy hành-nghe của mình để kiếm ăn, khỏi phải nhờ chính-phủ châu-cấp nữa.

2. Sự giáo-hóa những trẻ con tạm-thời không

thích-ứng với nhà trường. Tình-trạng của các trẻ con này do sự phát-triển không đều của thân-thể chúng, do sự suy-nhược, sự kém sức khỏe mà ra. Chúng cần được tập-trung trong những lớp rộng-rãi, mát mẻ, như là ở thôn-quê, đồng-nội, dựa bãi biển tốt, hoặc trên núi cao có khí-hậu tốt, mát-mẽ.

IV. SỰ DẠY-ĐỖ TRONG CÁC LỚP CẢI-THIỆN TRẺ CON KHÁC THƯỜNG

Ở các lớp này, các trẻ con khác thường phải qua một sự khám-xét kỹ-lưỡng của các bác-sĩ chuyên-môn để ấn-định rõ-rệt những khuyết-diểm của chúng về cơ-thể cũng như về tinh-thần hầu sắp chúng ra từng loại một.

Dù sao, trong các lớp này, giáo-chức phải gặp hai trở ngại sau đây : sự không hiểu biết chi cả, không thể lãnh-hội được những điều mà giáo-chức dạy chung cho những trẻ khác thường về trí khôn, và sự đăng-trí, sự không chú-ý đến bài học hay sự vô kỷ-luật của những trẻ vô thường, bất-định, và những trẻ tà-vạy và bại-hoại.

Giáo-chức trông-nom, dạy-đỗ các lớp này phải được huấn-luyện theo một kỹ-thuật riêng biệt.

Dù sao, ở các lớp nói trên, chương-trình học-khóa gồm có hai phần : phần tổng-quát chung cho các trẻ lành-mạnh và các trẻ khác thường, và phần riêng biệt dành riêng cho các trẻ thuộc loại sau này.

Theo lời bác-sỹ Simon thì chương-trình học-khóa áp-dụng cho một lớp trên đây phải khác với chương-trình học-khóa áp-dụng cho một lớp học dành cho các trẻ lành-mạnh. Nó có những đặc-diểm sau đây đi đôi với tình-trạng khác thường nặng hay nhẹ của mỗi trẻ con.

1. Đối với trẻ con khờ dại nhẹ. Chương-trình học-khóa và chương-trình Dự-bị (lớp Tư) dành cho trẻ con từ 6 đến 7 tuổi Sơ-tiểu thường.

Đối với những trẻ con suy-nhuợc nặng. Chương-trình học-khôn không đi quá chương-trình lớp Sơ-đẳng (lớp Ba) dành cho trẻ con từ 7 đến 8 tuổi.

3. Đối với những trẻ con suy-nhuợc ít. Chương-trình học-khôn không đi quá chương-trình lớp Nhì trường Sơ-tiêu dành cho trẻ con từ 8 đến 9 tuổi.

Đối với trẻ con khác thường về trí-khôn thuộc hạng 8 đến 9 tuổi, giáo-chức có thể dạy chúng quét nhà, nhúm lửa, đào đất, xới đất, v.v... và lần-lần tập chúng những nghề mọn như : đan vớ (bít-tất) với một cái máy khâu vớ. Sự tiến-bộ của trẻ sẽ có khi nào những công-việc ấy được làm đi làm lại nhiều lần.

Đó là sự hạn-chế chương-trình. Ngoài ra còn phải hạn chế trong sự thu-thập những tri-thức của chúng và phải hạn-chế sự đào-luyện tâm-hồn chúng nữa. Ông Binet, vào năm 1910, đã có bày ra những bài áp-dụng cốt để bồi-dưỡng, sửa-chữa trí ký-ức, trí quan-sát, và giúp cho trí-khôn của trẻ có một thái-độ nhứt-định và thói quen của thái-độ ấy.

Bác-sĩ Simon nhận thấy rằng : các bài áp-dụng ấy chỉ mở-mang không phải những năng-khiếu cao-thượng của tâm-hồn mà là những việc làm tâm-thường, như sự nhận-thức được sự giống hoặc sự khác nhau giữa nhiều cảm-giác, giữa nhiều ký-ức, giữa nhiều cử-dộng tế-nhị hoặc khéo-léo. Theo ông thì người ta có thể đi xa hơn nữa.

Người ta nhận thấy rằng : đối với trẻ con khác thường, nếu giáo-chức muốn dạy chúng một việc gì, một điều chi thì phải lặp đi lặp lại luôn-luôn. Nếu việc ấy không được liên-tục phổ-diễn thì chúng sẽ quên ngay. Vậy việc dạy chúng phải cần nhiều ngày và có nhiều cố-gắng. Lại nữa, đối với chúng, kỷ-luật cần được áp-dụng một cách hết sức khéo-léo để tránh những phản-ứng nhiều khi tào-bạo,

thô-lỗ của chúng. Chúng kiêng-nề sức mạnh, bộ dạng uy-nghĩ, tính trầm-tĩnh, nghiêm-nghị, giọng nói cương-quyết và tính công-bằng của giáo-chức.

Trước mặt một đứa trẻ khác thường, điều trước tiên của giáo-chức là nghiên-cứu tỉ-mỉ đứa trẻ ấy để biết rõ sở-trường, sở-doan của trẻ và hoạch-định một chương-trình giáo-dục đối với trẻ.

Một người giáo-chức giỏi trong sự giáo-hóa đứa trẻ khác thường là một giáo-chức đã hiểu rành-mạch khoa sư-phạm đối với các trẻ lành mạnh ở lớp mẫu-giáo và các lớp trường Sơ-tiểu, và sẽ tùy-cơ ứng-biến, áp-dụng kinh-nghiệm ấy cho trẻ khác thường tùy trình-độ nhiều hay ít của sự khác thường ấy. Nói thực ra, đối với những trẻ khác thường hiện nay chỉ có những nguyên-tắc đại-cương của khoa sư-phạm được tùy trường-hợp mà áp-dụng thôi.

V. KẾT-LUẬN

Nói tóm lại, trong một nước, số trẻ con khác thường không phải là ít. Ấy là những trẻ con xấu số. Trong một gia-đình đạo-đức biết rõ trách-nhiệm mình, những trẻ con tàn-tật là mối lo-âu lớn của cha mẹ vậy. Chúng sẽ được thương-yêu, săn-sóc nhiều hơn các đứa con lành mạnh.

Ở trong một quốc-gia, chính-phủ là cha mẹ dân thì hạng dân xấu số ấy lẽ tất-nhiên phải được chính-phủ chăm-nom, săn-sóc, dạy-dỗ kỹ-lưỡng là vì nếu chúng bị bỏ rơi, thì chúng sẽ là những tai-hại lớn cho làng nước ; mà đối với chúng, chính-phủ cũng không làm tròn phận-sự của mình.

CHƯƠNG BỐN
CÁC PHƯƠNG-PHÁP GIÁO-DỤC

TIẾT I

PHƯƠNG-PHÁP QUI-NẠP VÀ PHƯƠNG-PHÁP SUY-DIỄN VỀ PHƯƠNG-DIỆN KHOA-HỌC VÀ PHƯƠNG-DIỆN GIÁO-DỤC

I. ĐỊNH NGHĨA. Phương-pháp là con đường thẳng nhất và chắc-chắn nhất để tìm ra chân-lý và, một khi chân lý ấy đã tìm ra được, truyền nó lại cho người khác.

Người ta tìm ra chân-lý bằng những phương-pháp nghiên-cứu. Người ta truyền chân-lý ấy lại cho người khác bằng phương-pháp giáo-dục.

II. NHỮNG PHƯƠNG - PHÁP NGHIÊN - CỨU (Les méthodes de recherche). Trong địa-hạt khoa-học, muốn tìm ra một định-luật, một chân-lý, nhà bác-học phải theo một phương-pháp nhất-dịnh để khỏi mất thì-giờ. Các phương-pháp nghiên-cứu rất nhiều : nhưng, tựu-trung, đều qui về hai hình-thức căn-bản là : qui-nạp pháp và suy-diễn pháp.

1. Qui-nạp pháp (Méthodes inductive)

Theo phương-pháp này, người ta khởi đầu nghiên-cứu những trường-hợp riêng-biệt, thí-nghiệm về nhiều thí-dụ để rút kinh-nghiệm và sau cùng người ta gồm những điểm giống nhau trong các cuộc thí-nghiệm ấy để lập thành một định-luật tổng-quát :

Thí-dụ : Sắt đốt nóng thì phồng lên. Đồng đốt nóng thì phồng lên. Bạc đốt nóng thì phồng lên. Vàng đốt nóng thì phồng lên, vân vân... Mà sắt, đồng, bạc, vàng, v. v... là loài kim-thuộc. *Như vậy : Loài kim-thuộc đốt nóng thì phồng lên.*

2. Suy - diễn pháp hay là diễn - dịch pháp (Méthode déductive)

Theo phương-pháp này, người ta đi từ định-luật tổng-quát mà xuống cho đến các thí-dụ, các trường-hợp riêng-biệt.

Thí - dụ : *Loài kim-thuộc đốt nóng thì phồng lên -- (Định-luật tổng-quát).*

Đồng là loại kim-thuộc — Vậy đồng đốt nóng thì phồng lên.

Sắt là loại kim-thuộc — Vậy sắt đốt nóng thì phồng lên, v. v...

Nói tóm lại :

Theo qui-nạp pháp thì người ta bắt đầu từ những trường-hợp đặc-biệt ở dưới thấp mà lên đến định-luật tổng-quát ở trên cao.

Trái lại, theo suy-diễn pháp thì người ta bắt đầu từ trên cao là định - luật tổng-quát mà đi xuống thấp là những trường-hợp riêng-biệt.

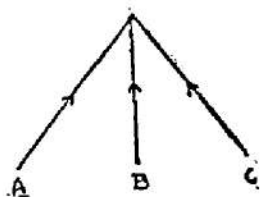
Qui-nạp pháp và suy-diễn pháp được gọi là : « lưỡng-

đồ suy-luận » của nhà triết-học Anh là ROGER BACON (La double échelle de Roger Bacon).

Phương-pháp qui-nạp dùng để tìm ra chân-lý, hay là một định-luật tổng-quát.

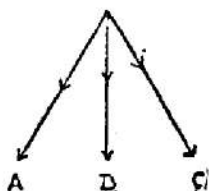
Trái lại, phương-pháp suy-diễn giúp sự kiểm-soát coi định-luật ấy có đúng không bằng cách áp-dụng định-luật ấy cho các trường-hợp riêng-biệt.

Định-luật tổng-quát



Qui-nạp-pháp

Định-luật tổng-quát



Suy-diễn-pháp

III. NHỮNG PHƯƠNG-PHÁP GIÁO-DỤC CHÍNH

Phương-pháp qui-nạp và phương-pháp suy-diễn cũng đã được coi là phương-pháp giáo-dục từ lâu. Thí dụ : Khi dạy môn Quan-sát hay là Khoa-học thường-thức, hoặc môn Văn-phạm, giáo-chức đi từ những trường-hợp đặc-biệt (những thí-dụ cụ-thể khác nhau) rồi đưa học-sinh đến sự tự chúng tìm ra định-luật hoặc qui-tắc chung. Đó là giáo-chức đã áp-dụng qui-nạp pháp vậy.

Trái lại, khi dạy môn Luân-lý, môn Hình-học, v. v... giáo-chức nêu lên một nguyên-tắc, một công-thức rồi bảo trẻ-con áp-dụng nguyên-tắc, công-thức ấy cho những thí-dụ cụ-thể. Đó là giáo-chức áp-dụng suy-diễn pháp rồi vậy.

1. Qui-nạp-pháp và suy-diễn-pháp được áp-dụng cho những lớp nào ở trường sơ-tiêu ?

Như trước kia chúng tôi đã nói, ở các lớp nhỏ trường sơ-tiêu (từ lớp Năm đến lớp Ba) trẻ con thích quan-sát những sự-vật hữu-hình, cụ-thể vì trong thời-kỳ này chúng vận-dụng triệt-đề ngũ-giác-quan của chúng. Bởi thế, qui-nạp-pháp là phương-pháp thích-hợp nhất với trình-độ của chúng. Trái lại, chúng không thích cái chi là trừu-tượng ; những cái đó sẽ khó hiểu đối với chúng và chúng sẽ chán-nản ngay. Suy-diễn pháp đi từ định-luật tổng-quát nghĩa là một ý-tưởng trừu-tượng để rồi xuống đến những thí-dụ cụ-thể, lẽ tất-nhiên không phù-hợp với trình-độ trẻ con ở các lớp này.

Suy-diễn pháp chỉ áp-dụng cho các lớp lớn, như lớp Nhì, lớp Nhất trường sơ-tiêu.

2. Dưới hình-thức nào hai phương-pháp qui-nạp và suy-diễn được áp-dụng trong sự dạy-dỗ trẻ con

Với tư-cách là phương-pháp giáo-dục, hai phương-pháp qui-nạp và suy-diễn được áp-dụng dưới một trong ba hình-thức sau đây :

a. Phương-pháp qui-nạp hay là suy-diễn dưới hình-thức thuyết-minh

Dưới hình-thức này, trong khi giảng bài mới, thầy chỉ nói một mình từ đầu chí cuối.

Phần lợi : Dưới hình-thức này bài dạy không làm mất quá nhiều thi-giờ. Cuối năm chương-trình học có thể được giảng tất. Bài giảng khỏi bị gián-đoạn. Thầy sẽ hứng-thú được giảng bài liên-tiếp.

Phần hại : Học-sinh đóng vai thụ-động, chỉ nghe mà không được nói gì từ đầu chí cuối. Chúng sẽ chán và lớp học sẽ trở nên buồn tẻ, không chút gì linh-động. Lại nữa,

thầy sẽ không sao biết được học-sinh có theo kịp mình không; thầy sẽ lao tâm, kiệt sức mà rồi kết-quả không có gì.

b. Phương-pháp qui-nạp hay là suy-diễn dưới hình-thức chất-vấn hay là vấn-đáp

Dưới hình-thức này bài giảng được trình-bày dưới hình-thức một cuộc đàm-thoại giữa thầy và học-sinh. Thầy hỏi, học-sinh trả lời, từ đầu đến cuối bài.

Phần lợi : Lớp học rất linh-dộng. Học-sinh được nói được phát-biểu ý-kiến. Chúng trở nên dạn-dĩ, lanh-lẹ.

Thầy nhờ thế mà biết được sự hiểu-biết của học-sinh và kết-quả cách dạy của thầy. Đồng thời thầy được nghỉ đôi chút.

Phần hại : Nếu bài không được sửa-soạn kỹ, nếu cách điều-khiển lớp học không được khéo-léo thì cách dạy như thế làm mất thì-giờ rất nhiều cho toàn lớp và lớp học sẽ mất trật-tự.

c. Phương-pháp qui-nạp hay suy-diễn dưới hình-thức hỗn-hợp

Dưới hình-thức này, những đoạn khó của bài được thầy giảng-dạy cho toàn lớp (hình-thức thuyết-minh). Nhưng đến những đoạn dễ thì thầy ngừng lại để hỏi học-sinh.

Phần lợi : Lớp học linh-dộng; toàn lớp ít mất thì-giờ

Phần hại : Lối dạy này đòi-hỏi một kinh-nghiệm dạy-dẫn. Nếu không, lớp học sẽ lộn-xộn và mất rất nhiều thì-giờ, nhất là bài dạy không được sửa-soạn kỹ.

IV. KẾT-LUẬN

Nói tóm lại trên lãnh-vực khoa-học cũng như trên lãnh-vực giáo-dục, phương-pháp là con đường thẳng

nhất đưa chúng ta đến ngay mục-tiêu đã nhắm và tránh cho ta sự phí mất thì-giờ vô-ích. Hai phương-pháp căn-bản về phương-diện nghiên-cứu cũng như giáo-dục là : qui-nạp và suy-diễn hay là diễn-dịch.

TIẾT II

CÁC PHƯƠNG-PHÁP GIÁO-DỤC XƯA VÀ NAY

Biến-thể của hai phương-pháp trên

Như trên chúng tôi đã nói có hai phương-pháp giáo-dục chính là : Qui-nạp pháp và suy-diễn hay là diễn-dịch pháp.

Nhưng trên thực-tế từ xưa đến nay hai phương-pháp ấy được áp-dụng dưới nhiều hình-thức khác nhau. Vì thế mà có những phương-pháp cổ-truyền và phương-pháp tối-tận ngày nay.

PHẦN THỨ NHẤT. CÁC PHƯƠNG-PHÁP VỀ THỂ-DỤC

I. PHẦN KHÁI-QUÁT

Sự lựa chọn các trò chơi (Le choix des jeux)

Không một phương-pháp thể-dục nào qua được các cuộc chơi vì lẽ một phần là các trò chơi luôn luôn thích-

thú toàn-diện cơ-thể và một phần là nó thích-ứng đúng mức với những lợi-ích tâm-lý của mỗi hạng tuổi. Tất-cả các cuộc chơi đều có tính-chất đánh thức ở mỗi trẻ ý-thức xã-hội nhờ sự thực-hành những qui-tắc ước-định thuộc về các cuộc chơi ấy. Hầu hết các cuộc chơi đòi-hỏi ở mỗi trẻ óc sáng-kiến, tính nhanh-nhẹn trong sự quyết-định, những tính đặc-biệt về sự khéo-léo và sự bình-tĩnh. Các cuộc chơi được phân ra từng đội, từng nhóm, làm nảy-nở tinh-thần đoàn-kết, đồng-đội. Đó là những động-tác quý-báu để đào-luyện tinh-tinh cá-nhân.

Sự lựa-chọn các trò chơi cần theo đúng ba điều-kiện sau đây: trò chơi thích ứng với khả-năng của cơ-thể và tri-tuệ của mỗi trẻ tùy theo hạng tuổi; trò chơi phải làm thích-thú những cơ-năng khi-quan (fonctions organiques) mà không làm trẻ quá nhọc; trò chơi không nên có mục-dịch làm nảy-nở ở trẻ nhiều tật xấu hoặc nhiều tánh xấu về phương-diện luân-lý. Một ít trò chơi quá mạnh-bạo có thể đưa đến những rủi-ro nhưng không vì thế mà có sự cấm đoán nghiêm-ngặt. Cái tai-hại chính của các trò chơi là các cử động không được kiểm-soát kỹ-lưỡng, sự phung-phí nghị-lực không được lường-đo, các trò chơi không được tổ-chức theo cách tuần-tự nhi-ên.

Trò chơi vượt ra ngoài phạm-vi của khoa vận-động sinh-lý học (physiologie du mouvement). Riêng về giá-trị thể-thao của trò chơi thì nó không có tính-cách sửa-chữa chi cả. Một đôi khi trò chơi lại làm phát-triển mạnh những khuyết điểm, những tật thuộc về cơ-thể hơn là sửa-chữa nó. Vì lẽ ấy mà khoa thể-dục dùng phương-pháp, hợp-lý cần đi đôi với trò chơi lâu chừng nào hay chừng ấy mà vẫn không làm mất đặc-tính của trò chơi.

II. NHỮNG PHƯƠNG-PHÁP VỀ THỀ-DỤC

Các nhà sinh-lý học và các lý-thuyết gia về Thề-dục đã tranh-luận trong một thời-gian rất dài và hiện nay họ vẫn còn tranh-luận về phương-pháp có nhiều giá-trị thề-dục nhất. Những người cô Hy-lạp bỗng-nhiên đã nghĩ ra một lối Thề-dục rất hợp-lý: họ đã tạo ra vận-dộng-trường và tổ-chức những cuộc cạnh-tranh thể-thao (dấu thể-thao). Cũng một lúc họ đã đạt được mục-dịch duy nhất của môn thể-thao là: sức khỏe bằng cách dung-hóa sự di tìm thể-lực với sự di tìm vẻ đẹp của cơ-thể, dung-hòa sức-lực với trạng-thái điều-hòa của các cử-dộng. Lối thề-dục ấy đã thoải-bộ từ khi nó có tính-cách quân-sự và chỉ dành riêng cho quân nhân. Vấn-đề ấy lại được đặt trở lại nhiều lần do những nhà cổ-diễn học trong thời-kỳ khoa-học văn-ngệ phục-lưung và sau nữa là J.J. Rousseau và các nhà lập-pháp trong thời-kỳ Đại cách-mạng Pháp.

Thế-kỷ thứ XIX đã thấy xuất-hiện nhiều hệ-thống thể-thao đưa Thề-dục theo nhiều hướng thuộc những quan-niệm như sau: Quan-niệm lực-sĩ, quan-niệm quân-sự, quan-niệm giải-phẫu sinh-lý, quan-niệm giáo-dục, v.v...

Các hệ-thống hay phương-pháp thề-dục ấy là:

Thề-dục Pháp-lan-tây hay là phương-pháp Armuros, phương-pháp trường Joinville, phương-pháp Thụy-diễn, phương-pháp tự-nhiên, Thề-dục lực-sĩ, phương-pháp được chính-thức công-nhận ở các học-đường ngày nay. Được liệt vào loại thề-dục lực-sĩ cần kể thêm phương-pháp của nhà thề-dục Georges Demeny, phương-pháp thề-dục nhịp-nhàng của Jacques Dalcoze (Xin xem các phương-pháp thề-dục này về môn thề-dục trong quyển Sư-phạm thực-hành cùng một tác-giả).

III. KẾT-LUẬN

Phần thứ nhất : Tất cả các phương-pháp thể-dục ngày nay vẫn được đặt dưới sự hiểu-biết về cơ-cấu giải-phẫu và cách-thức vận-chuyển về phương-diện sinh-lý của cơ-thể con người. Đó là tính cách tổng hợp của các phương-pháp ấy.

Thể dục rất cần-thiết cho bất-cứ hạng tuổi, bất-cứ thời-kỳ sinh-trưởng nào. Nó vẫn còn cần-thiết cho những bậc lão-thành với điều-kiện là nó đứng dựa trên sự mệt-nhọc và sự cố-gắng quá lễ.

Sự mệt-nhọc là do sự kiệt-lực mà ra và được chấm-dứt bằng sự nghỉ-ngơi sau buổi tập.

Sự mệt-nhọc do sự cố-gắng quá sức có thể đưa đến sự đầu-độc cơ-thể bằng sự bài-tiết một vài chất độc trong thân con người và rất có hại cho sức-khỏe.

Khoa thể-dục cần được kiểm-soát chu-dáo. Sự kiểm-soát ấy gồm hai phần : phần thuộc về sinh-vật học và phần thuộc về chuyên-môn. Phần thứ nhất bắt-buộc phải lập phiếu cá-nhân và các yếu-tố giúp thành-lập một trắc-diện (profil) rất đúng của mỗi cá-nhân.

Phần thứ hai : Được giao cho các giáo-sư hay các giảng-lập-viên. Nó gồm tất-cả những kết-quả các tiến-bộ về chuyên-môn và về các thành-tích trong các cuộc thi đua.

Sự so-đo hai phần trên đây giúp ta có nhiều tài-liệu quý-báu về sức tiến-triển của mỗi cá-nhân và giúp chúng ta tổ-chức những sự tìm-tòi mới để luôn luôn cải-thiện các phương-pháp được áp-dụng.

PHẦN THỨ HAI. CÁC PHƯƠNG-PHÁP VỀ TRÍ-DỤC (Les méthodes intellectuelles)

Các phương-pháp trí-dục được kể theo tuần-tự cũ trước, mới sau, theo như dưới đây :

1. PHƯƠNG-PHÁP GIÁO-HUẤN HAY GIÁO-THỤ (Méthode didactique)

a. Định-nghĩa : Ấy là phương-pháp giáo-dục chuyên truyền-thụ lại cho nhiều người khác những tư-tưởng quý, những tri-thức hay dưới hình-thức một bài dạy soạn trước do giáo-sư trình-bày một mình. Học-sinh cứ việc ngồi nghe và không phát-biểu ý-kiến gì. Bài dạy có tính-cách một lời khuyên-răn, một chân-lý cần phải công-nhận.

b. Những ích-lợi của phương-pháp giáo-huấn hay giáo-thụ

Trẻ con nếu để chúng tự tìm ra các ý-kiến, hoặc tự lập lại những phát-minh của các thể-hệ trước thì không sao làm được là vì chúng thiếu kinh-nghiệm. Chúng sẽ chới-với như người xuống biển mà không biết bám-vào vào đâu. Lại nữa chúng ít khi, lần đầu-tiên, đi đúng đường, đạt mục-đích ngay. Chúng sẽ lăm-lạc nhiều và nhiều khi những lăm-lạc ấy rất có hại cho chúng và chúng mất rất nhiều thì-giờ. Có nhiều môn học, dù chúng thông-minh đến đâu cũng không thể tìm ra được. Thí-dụ : Các sự-kiện lịch-sử, nếu chúng không biết thì phải dành chịu vấp chứ không sao tự tạo được.

Để tránh cho trẻ con khỏi mất thì-giờ và khỏi lăm-lạc tai-hại người ta áp-dụng phương-pháp giáo-huấn hay giáo-thụ, một hình-thức của suy-diễn hay là diễn-dịch pháp.

c. Những tai-hại của phương-pháp giáo-huấn hay giáo-thụ

Trong sự áp-dụng phương-pháp giáo-huấn hay giáo-thụ, giáo-sư thời xưa thường coi trẻ con là một người lớn thu hình « nghĩa là : sự hiểu-biết và cảm-xúc của trẻ y như người lớn ». Điều ấy rất sai theo khoa tâm-lý nhi-đồng ngày nay.

Vì quan-niệm trẻ như thế cho nên người ta cứ rớt vào tai trẻ vô số tri-thức không cần tìm-hiểu trẻ có hấp-thụ được không và chịu nỗi việc nhồi vào trí-óc liên-tiếp những tri-thức ấy không ?

Nếu trẻ tin-tưởng ở thầy và sợ thầy quở phạt thì trẻ sẽ cố-gắng mà « nhớ » những điều thầy đã dạy. Ấy là lối « học vẹt » ngày xưa.

Bằng chẳng vậy thì trẻ sẽ chán-nản, sợ lớp học rồi bỏ học.

Trẻ nào không đủ sức theo học lớp ấy nhưng bị cha mẹ bắt-buộc phải theo thì cuối niên-khóa sẽ trở nên suy-nhược, dần-độn về tinh-thần.

Cái lăm-lạc của phương-pháp giáo-huấn là tự coi mình là đầy-đủ. Nói một cách khác, trong khi dạy một môn gì từ đầu chí cuối ông thầy chỉ áp-dụng phương-pháp này thì đó là một tai-hại; tai-hại cho học-sinh vì suốt giờ chúng phải đóng vai thụ-động; tai-hại cho thầy vì thầy mệt lả !

Phương-pháp giáo-huấn lạm-dụng quá mức sự trừu tượng hóa, sự suy-luận và phép tự-hình giáo-dục (verbalisme).

II. PHƯƠNG-PHÁP TRỰC-GIÁC (Méthode intuitive).

A. ĐỊNH-NGHĨA

1. Trực-giác là một tác-động ngẫu-phát nhất của trí khôn con người. Do sự tác-động ngẫu-phát ấy con người biết ngay được một điều gì đúng với chọn - lý, đúng với sự thật, nên làm hay không nên làm mà không cần cố sự suy-nghĩ tìm-tòi, hay nhờ sự góp sức của một trung-gian nào.

Trực-giác không phải nhờ học-hỏi mà có và không phải ai ai cũng có trực-giác. Có ba loại trực-giác là :

Trực cảm-giác (Intuition sensible). lý-trí trực-giác (Intuition mentale) và đạo-đức trực-giác (Intuition morale).

Người có trực cảm-giác sau khi thấy, nghe, sờ, mó, hoặc nếm, ngửi một vật gì, một âm-thanh, một sinh-vật thì biết ngay sự tốt hay xấu, lành hay dữ sắp xảy ra.

Người có lý-trí trực-giác sau khi xem một điều gì thì biết ngay việc ấy nên làm hay không nên làm và, nếu làm, thì phải làm cách nào?

Người có đạo-đức trực-giác thì trong những lúc mọi người đều tấn-thối lưỡng-nan, không biết cư-xử thế nào cho phải thì người ấy biết ngay cách giải-quyết vấn đề một cách thỏa-đáng. Lúc nào người ấy cũng làm đẹp dạ mọi người.

Trực-giác là một tính-chất (disposition) phi-thường. Nhưng tại sao các sư-phạm gia từ xưa đã nêu lên phương-pháp trực-giác? Không chỉ lạ; các nhà sư-phạm nói trên căn-cứ vào cách thị-hiện của trực-giác thiên-nhiên mà tạo ra một thứ trực-giác nhân-tạo bằng cách như sau.

Thí-dụ: Trẻ con chưa biết ớt là cay, lửa là nóng thì cứ để trẻ nếm ớt, sờ lửa. Tự-hậu hệ thấy ớt không cần nếm mà chúng biết ngay là cay, thấy lửa không cần sờ mà chúng biết ngay là nóng. Sự thấy ớt biết ngay là cay, thấy lửa biết ngay là nóng là lối trực-giác nhân-tạo vậy. Nó đòi hỏi một sự quan-sát sự-vật bằng ngũ-giác-quan lâu hoặc mau để rút kinh-nghiệm. Chính kinh-nghiệm vừa nói trên là nền-tảng của lối trực-giác nhân-tạo này.

2. Vậy phương-pháp trực-giác là một phương-pháp giáo-dục căn-cứ vào sự cho trẻ con quan-sát sự-vật (sờ mó, nếm ngửi, cân lường, v.v...) để tự rút kinh-nghiệm và tự tìm ra tính-chất và công-dụng của mỗi sự-vật. « Để vật trước mắt » là châm-ngôn của lối giáo-dục này, một hình thức « qui nạp pháp ».

Phương-pháp trực-giác đã được các sư-phạm gia trừ-danh thời Văn-học, khoa-học, mỹ-nghệ phục-hưng đề-xướng và truyền-bá như : Rabelais, Montaigne, và sau nữa là Comenius (Tiệp-khắc) và Locke (Anh-quốc). Lối giáo-dục này căn-cứ vào những quan-niệm sau đây : quan-niệm về duy-cảm chủ-nghĩa (conception sensualiste) và quan-niệm liên-tưởng triết-học (conception associativiste) hơn là quan-niệm về khởi-nguyên-thuyết (conception génétique) của khoa tâm-lý nhi-dồng.

Các sư-phạm gia bình-vực phương-pháp này đồng tuyên-bố rằng : phải dành một phần lớn cho sự quan-sát có tính-cách tâm-lý và sự giáo-dục trẻ con đầu-tiên phải đi ngay vào ngũ-giác-quan, phải khởi-dầu bằng cái chi cụ-thể, thấy được, sờ được đề rồi dần-dần đi đến những liên-hệ trừu-tượng. Các vị ấy còn nói thêm rằng : « Những miêu-tả, những tượng-trưng sẽ được in sâu vào tư-tưởng của trẻ con nếu những cái ấy đều hoàn-toàn bằng hình-ảnh gom lại tùy theo những mối quan-hệ của các thứ ấy trong cuộc thí-nghiệm ».

Nhưng khi nêu lên phương-pháp trực-giác các sư-phạm gia nói trên không nói rõ đó thuộc về loại trực-giác nào ? Sau này, để cho phương-pháp nói trên được chính-xác, người ta mới áp-dụng nó cho ba loại trực-giác là : Trực cảm-giác, Lý-trí trực-giác, Đạo-đức trực-giác. Ba loại trực-giác này có khi được coi là ba phương-pháp giáo-dục. Nhưng ở đây chúng ta liệt nó vào phương-pháp trực-giác.

B. TRỰC CẢM-GIÁC (Intuition sensible)

1. Định-nghĩa : Tức là sự hiểu-biết ngay một điều gì do sự trung-gian của ngũ-giác-quan. Trực cảm-giác được coi như là một phương-pháp giáo-dục.

2. Nguyên-tắc áp-dụng trực cảm-giác trong sự dạy-dỗ trẻ con, « Đề vật trước lời » (Les choses avant les mots).

Câu ấy có nghĩa là : phạm giảng-giải một bài gì, nhất là về môn quan-sát hay khoa-học thường-thức, thì phải để cho trẻ con sờ, mó, nếm, ngửi, cân-nhắc những đồ-vật mà chúng cần quan-sát để học-hỏi. Nhờ sự quan-sát ấy mà trẻ con sẽ biết những đặc-tính của đồ-vật, và sẽ có một kinh-nghiệm về vật ấy. Nói một cách khác phải cụ-thể hóa bài dạy bằng cách bắt trẻ-con áp-dụng ngũ-giác của chúng trong sự quan-sát.

3. Trực cảm-giác được áp-dụng cho những môn nào trong chương-trình ?

Trực cảm-giác được áp-dụng cho những môn sau đây trong chương-trình như :

Cách-trí hay là môn quan-sát,

Địa-dư,

Sử-ký,

Toán-pháp, Hình-học, Đo-lường,

Ngữ-vựng, Tác-văn.

4. Phần lợi của sự áp-dụng trực cảm-giác

Ở các lớp mẫu-giáo, các lớp tư và lớp ba trường sơ-tiêu sự áp-dụng trực cảm-giác đem lại những thắng-lợi sau đây :

Trẻ con rất vui-thích mà được thấy, sờ, mó, nếm, ngửi, nghe tiếng (âm-thanh) của các vật để trước mắt chúng,

Lớp học sẽ trở nên linh-dộng : tri-óc quan-sát của trẻ con sẽ luôn-luôn được kích-thích.

5. Phần hại : Nếu bài soạn không được chu-đáo, nếu các câu hỏi không được nghĩ ra và sắp-xếp theo thứ-tự để đạt một mục-dịch nhất-định thì đó là một sự phí mất thời-giờ quá nhiều và chung cuộc tâm-hồn trẻ con sẽ hoang-mang, các ý-kiến nêu lên sẽ rất rời-rạc.

6. Kết-luận

Sự áp-dụng trực cảm-giác trong sự dạy-dỗ trẻ con đã trở nên nguyên-tắc căn-bản của nền giáo-dục mới. Nó đòi-hỏi ở ông thầy một kinh-nghiệm dày-dặn, một sự cẩn-thận lớn trong khi soạn bài và giảng bài. Nếu không, nó chỉ đem lại tai-hại cho trẻ con mà thôi. Trực cảm-giác được triệt-dễ áp-dụng cho các lớp mẫu-giáo, các lớp năm, tư và ba trường sơ-tiểu. Từ lớp nhì trở lên về môn quan-sát giáo-chức phải bắt đầu cho học-sinh làm những thí-nghiệm nhỏ.

C. LÝ-TRÍ TRỰC-GIÁC (Intuition mentale)

1. Định-nghĩa : Lý-trí trực-giác hay là trực-giác chính-thức (intuition proprement dite) là sự hiểu biết ngay một điều gì nên làm hoặc không nên làm, một cách đúng lý mà không cần đến sự giúp-dỡ của ngũ giác-quan, đến sự suy-nghĩ và một sự chứng-minh nào,

2. Các thí-dụ : Ta suy-nghĩ để tìm cách giải-quyết một bài toán đã hai ba ngày mà không ra.

Thình-linh có người bạn đến, ta đem hỏi cách giải-quyết bài toán ấy. Không ngần-ngại một phút nào người ấy chỉ ngay cho ta cách giải-quyết bài toán ấy một cách mau lẹ và rất đúng.

Những nhà khoa-học phát-minh ra nhiều định-luật về vật-lý học là nhờ lối trực-giác này. Thí-dụ : Archimède tìm ra « nguyên-tắc Archimède » về những vật hồ trong nước. Newton tìm ra nguyên-tắc của hấp-lực trong vũ-trụ.

3. Sự ích-lợi của lý-trí trực-giác : Lý-trí trực-giác có một công-dụng vô cùng lớn lao. Những phát-minh vĩ-dại về khoa-học phần nhiều là những kết-quả của lý-trí trực-giác. Những bậc « Siêu-nhân » thời xưa, những « thiên-tài »

đã làm được những công-cuộc hiển-hách, phi-phàm, đều đã nhờ lý-trí trực-giác mà nên cơ-nghiệp.

Về phương-diện tôn-giáo, lý-trí trực-giác được gọi là « tuệ-giác ».

d. Kết-luận. Nói tóm lại, lý-trí trực-giác là một thiên-tư đặc-biệt, không phải mọi người ai cũng có. Nó, hoặc là sự kết-tinh của nhiều thế-hệ đã được đào-luyện theo một đường lối nhất-định, hoặc là tự-nhiên (mà bộc-phát). Cá-nhân nào hân-hạnh được có lý-trí trực-giác sẽ giúp ích cho nhơn-quần trong xã-hội không biết bao nhiêu việc. Lý-trí trực-giác có đôi khi phát-triển ở trẻ con mà người ta gọi là « thần-dồng ».

D. ĐẠO-ĐỨC TRỰC-GIÁC (Một phương-pháp giáo-dục)

1. Định nghĩa : Đạo-đức trực-giác là sự nhận-thức, sự hiểu-biết ngay những chân-lý thuộc về luân-lý đạo-đức ở trong tâm - hồn con người. Các chân - lý ấy là những nguyên-tắc điều-chỉnh tánh-hạnh con người.

2. Phương-pháp áp-dụng : Đạo-đức trực-giác được áp-dụng cho sự giảng-dạy môn luân-lý ở nhà trường. Lý-do chính-yếu là : khi trẻ con đến nhà trường chúng đã có sẵn trong tâm-hồn những khái-niệm về Chân, Thiện và Mỹ. Các khái-niệm ấy chỉ chờ cơ-hội để phát-triển thôi. Khi dạy môn quan-sát, môn toàn môn hình-học, môn đo-lường, môn sử-dịa, môn thủ-công, giáo-chức kích-thích óc quan-sát, trí suy-nghĩ của trẻ con, tập chúng ưa thích sự thật và dần dần đưa chúng đến tình thành-thật, chân-thật.

Khi giáo-chức dạy chúng những đức-tánh tốt cần phải có, những công-tác xã-hội, những việc bố-thí,慈善, v.v... giáo-chức đã hướng chúng lần lần về « Thiện ».

Khi giáo-chức tập trẻ con biết thương-thức một

bài hát hay, một bản nhạc du-dương, một bức tranh, một phong-cảnh đẹp giáo-chức chúng về « mỹ », khiến thâm-mỹ sẽ dần dần phát-sinh ở chúng và sẽ giúp chúng có một tính-tình cao-thượng, điều-hòa. Trong khi dạy môn luân-lý, giáo-chức phải áp-dụng lối dạy « Do thiện nhập thâm » (đi từ chỗ cạn, chỗ nông, đến chỗ sâu) nghĩa là đi từ chỗ dễ đến chỗ khó. Giáo-chức không nên giảng bài một cách cao-siêu, tế-nhị quá. Trái lại, bài học phải được trình-bày dưới một hình-thức cụ-thể, giản-dị về câu văn, lời nói cũng như về ý-nghĩa. Bài học phải ngắn và cuối cùng có những câu châm-ngôn có ý-nghĩa thiết-thực để trẻ học thuộc lòng thay thế cho toát-yếu của bài.

Ở các lớp nhỏ bậc sơ-tiền, thầy chỉ thuật một ít mẫu chuyện ngắn thuộc về bài học rồi quay ra bảo học-sinh tìm trong câu chuyện những chỗ nào là phải, chỗ nào là quấy, chỗ nào là hay, chỗ nào là dở. Một câu châm-ngôn tóm-tắt câu chuyện được nêu lên bằng đen để trẻ học thuộc lòng. Sau đó, giáo-chức có thể bảo trẻ con thuật lại những mẫu chuyện tương-tự mà chúng đã nghe thấy.

Trong khi giảng bài luân-lý giáo-chức không nên nói một mình và phải áp-dụng phương-pháp hoạt-động dưới hình-thức vấn-dáp.

3. Kết-luận

Nói tóm lại, đạo-đức trực-giác được coi là phần tối-cần của cách dạy môn luân-lý và công-dân giáo-dục. Căn-cứ vào đó giáo-chức sẽ kêu-gọi những tiềm-lực tự-nhiên của lương-tâm và tin-tưởng ở tính tự-nhiên của con người, những bản-năng tốt của trẻ con, ở những khuynh-hướng của chúng về : Chân, Thiện, Mỹ.

Điều cần chú-ý : Trong khi áp-dụng phương-pháp trực-giác mà thầy không dẫn-dắt học-sinh một cách khéo-léo trong sự quan-sát các sự-vật, trong sự tìm-kiếm các đặc-tính của sự-vật và so-sánh sự-vật này với sự-vật khác và phó-mặc cho học-sinh tùy ý quan-sát sự-vật thì chúng sẽ không quan-sát gì hết, chúng sẽ xem qua sự-vật rồi thôi ; chúng cũng sẽ thụ-động như với phương-pháp giáo-huấn vậy. Ấy là điều đáng trách và đáng tránh trong sự áp-dụng phương-pháp trực-giác vậy.

III. NHỮNG PHƯƠNG-PHÁP HOẠT-DỘNG (Les méthodes actives).

A. KHÁI-QUÁT. Chính những khuyết-diểm của phương-pháp giáo-huấn hay giáo-thụ và phương-pháp trực-giác khi người ta so-sánh hai phương-pháp này với những kết-luận đầu-tiên của khoa tâm-lý thực-nghiệm đã thúc-dẩy các nhà sư-phạm nghĩ đến những phương-pháp hoạt-động.

Phương-pháp hoạt-động là những phương-pháp muốn làm nổi bật lên những tiến-bộ của phần trí-dục trẻ-con cũng như của người thanh-niên, chẳng những về quan-diểm thu-thập các trí-thức mà còn về quan-diểm đào-tạo những tập-quán lành-mạnh về cách tư-tưởng thuộc căn-bản tâm-lý của chúng bằng cách kêu-gọi những ích-lợi của chúng cho sự kích-thích óc sáng-kiến và ước-vọng lúc nào cũng hiểu-biết nhiều hơn và luôn luôn hay hơn ở chúng.

Phương-pháp hoạt-động chống hẳn lại với tất-cả cái chi là thụ-động trong phương-pháp giáo-huấn và phương-pháp trực-giác. Nó là một hình-thức của qui-nạp pháp. Sự áp-dụng phương-pháp hoạt-động căn-cứ vào sự hiểu-biết đúng mức của những lợi-ích tinh-thần của trẻ con thanh-niên. Nó có hình-thức cơ-giới, kiến-tạo, phát-mình

khi mà tinh-thần trẻ con chỉ hướng về những loại hoạt-động ấy dễ hiểu cảnh thực-tại. Hình-thức ấy sẽ được thay đổi và được lý-trí hóa (s'intellectualiser) dần khi trí-óc trẻ-con được thúc đẩy bằng những lợi-ích hoàn-toàn lý-trí; hoặc bằng lối lúc đầu thì trừu-tượng hoặc là hoàn-toàn xác-lý (logiques). Như thế hình-thái của phương-pháp hoạt-động thay đổi luôn tùy theo đẳng-cấp của sự áp-dụng nó. Nói một cách khác phương-pháp trí-dục hiện nay có thể luôn luôn là phương-pháp hoạt-động từ giai-đoạn đầu đến giai-đoạn cuối cùng của sự đào-luyện lương-tâm, từ cấp-bực sơ-tiểu, đến cấp-bực trung-học và đại-học dưới một hình-thức rộng-rãi chuyên-nghiệp và không có một sự cố-chấp theo một hệ-thống phép tắc hay thủ-đoạn nào.

Một điều cần được chú-ý là phương-pháp hoạt-động rất tiện lợi cho sự học nghề của trẻ con sau này (thủ công, nữ công được áp-dụng luôn). Nhưng không vì thế mà bỏ rơi phần giáo-dục lý-trí. Ông Adolphe Ferrière có nói : « Hoạt-động kinh-tế không khi nào vượt lên trên hoạt-động tinh-thần, cũng như hoạt-động bằng tay không khi nào vượt lên trên hoạt-động của lý-trí ». Nói một cách khác, một cá-nhân làm một công-nghệ gì không vì lẽ ấy mà tự khép mình trong khuôn khổ công-nghệ ấy mà không cần biết chi về hoạt-động lý-trí, tinh-thần. Tưởng như thế là sai.

Những phương-pháp hoạt-động ở cấp-bực Sơ-tiểu.— Những phương-pháp hoạt-động được áp-dụng trước nhất ở trường mẫu-giáo, vì ở loại trường này những khuyết-diểm thật là quá lớn trong sự giáo-dục các thiếu-nhi. Lại nữa chính với trẻ con thuộc hạng tuổi này mà người ta đã áp-dụng những sáng-kiến đầu-tiên.

B. MỤC-ĐÍCH CHUNG CỦA CÁC PHƯƠNG-PHÁP HOẠT-ĐỘNG (cũng được gọi là phương-pháp giáo-dục

mới phỏng theo Sư-phạm giản-yếu của ông Phạm-xuân-Độ). Mục-dịch của các hoạt-dộng là : « vừa mở-mang kiến-thức của trẻ vừa rèn-luyện cho chúng những tập-quan tốt trong việc học-tập. » Nó căn-cứ vào ba nguyên-tắc như sau :

- a) Khêu-gợi hứng-thú của trẻ con.
- b) Gây cho chúng có óc sáng-kiến,
- c) Khiến chúng càng ngày càng hiểu-học.

Ba nguyên-tắc này được thực-hiện khi trẻ con được tự-do hoạt-dộng, được tự-do theo sở-thích của chúng trong công-việc học-tập về những công-việc làm bằng tay cũng như về những công-việc làm bằng trí-não.

C. CÁC GIAI-ĐOẠN TIẾN-TRIỂN CỦA TINH - THẦN TRẺ CON

1. Quan-niệm của ông Adolphe Ferrière. Theo ông Adolphe Ferrière thì tinh-thần trẻ con tiến-triển tuần-tự theo bốn thời-kỳ như sau :

Thời-kỳ ấu-trì : Từ lúc sơ-sanh đến 6 tuổi. Trong thời-kỳ này trẻ con cảm-giác nhiều, Các ngũ-giác-quan của chúng đều phát-triển.

Thời-kỳ thiếu-niên : Từ 6 đến 12 tuổi. Trong thời-kỳ này chúng cư mô-phỏng.

Thời-kỳ thanh-niên : Từ 12 đến 18 tuổi. Chủ-yếu của thời-kỳ này là sự mở-mang trực-giác.

Thời-kỳ trưởng-thành : Từ 18 đến 24 tuổi. Trong thời-kỳ này chúng đã có đủ năng-lực để suy-nghĩ và phán-doán.

Sự phân chia các thời-kỳ này căn-cứ vào trình-độ của những trẻ-con lành-mạnh. Tuy-nhiên, nó không phải là bất-di, bất-dịch, Nó có thể tùy khí-hậu, tùy hẩm-chất, tùy trí thông-minh của trẻ con mà thay đổi.

2. Quan-niệm của ông Auguste Comte. Ông Auguste Comte thì cho rằng : tinh-thần trẻ con biến-chuyển theo ba trạng-thái sau đây :

Trạng-thái vật-thần (Etat fétichiste). Dưới trạng-thái này trẻ con tưởng-tượng các đồ-vật đều có tinh-tinh và cử-chỉ như con người. Thí-dụ : khi vấp phải một cái bàn, cái ghế thì chúng tức-giận và đánh cái bàn cái ghế ấy để trả thù.

Trạng-thái siêu-hình (Etat métaphysique). Dưới trạng-thái này trẻ-con không còn lầm-tưởng các vật vô-tri là những động-vật nữa, nhưng chưa thể hiểu-biết sự-vật một cách xác-đáng và sáng-sốt đúng theo nguyên-tắc khoa-học được.

Trạng-thái thực-nghiệm (Etat positif). Dưới trạng-thái này trẻ con đã khôn lớn, biết nhận-định thế nào là tạo-vật.

Căn-cứ vào ba trạng-thái trên, giáo-chức cần biết rõ trẻ-con ở trạng-thái nào hoặc ở vào thời-kỳ nào để dạy-dỗ chúng cho hợp với trình-độ chúng.

3. Quan-niệm của ông Piaget. Nhà sư-phạm Piaget đã liệt các phương-pháp hoạt-động vào hai loại như sau :

Những phương-pháp cá-tính-hóa nền giáo-dục : Phần này gồm các phương-pháp rèn-luyện cá-tính của tuổi trẻ. Nếu theo các phương-pháp này người ta có khi bàn đến sự xếp-đặt các học-sinh từng nhóm. Đó là một hình-thức đề chú-trọng đến tư-cách của mỗi cá-nhân thôi. Có khi người ta dùng sự sống tập-đoàn của các trẻ con làm lợi-khí để giúp đạo tu-tề của mỗi học-sinh.

Những phương-pháp xã-hội hóa nền giáo-dục : Phần này gồm các phương-tiện mà giáo-chức cần áp-dụng để dạy trẻ con chung sống với người khác cũng như để

sửa-soạn chúng vào trường đời. Vì thế mới có sự phân-chia các học-sinh ra từng nhóm bởi lý-do sau đây : trong mỗi nhóm sẽ có sự hợp-tác giữa nhiều cá-nhân và sự hợp-tác này rất cần-thiết cho sự rèn-luyện bản-năng quần-cư khiến trẻ con dần dần trở nên những công-dân sáng-suốt những phần-tử xứng-đáng của xã-hội nhơn-quần.

Nói tóm lại các phương-pháp c-tính hóa nền giáo-dục thiên về cá-tính của mỗi trẻ con, chú-trọng về sự tu-thân của chúng. Trái lại, các phương-pháp xã-hội hóa nền giáo-dục chú-trọng về tình đoàn-kết giữa các thành-phần của xã-hội.

D. NHỮNG BIẾN-THỂ CỦA PHƯƠNG-PHÁP HOẠT-ĐỘNG

LOẠI THỨ NHẤT. NHỮNG PHƯƠNG-PHÁP HOẠT-ĐỘNG CĂN-CỨ VÀO NHỮNG CẤU-TẠO (Mécanismes) CÁ-NHÂN CỦA TƯ-TUỞNG.

Đệ nhất pháp. Phương-pháp Montessori.

1. **Tiểu-sử.** Bà Montessori là một nữ Bác-sĩ người Ý sinh năm 1870. Bà cũng là nhà tâm-lý-học và sư-phạm-gia trứ-danh.

Bà được chính-phủ Ý giao-phó cho sự điều-khiển Thần-kinh viện ở Rome. Nhờ cơ-hội này mà bà nhận thấy : *vấn-đề trẻ-con bất-túc (les insuffisants) là một vấn-đề có tính-cách sư-phạm hơn là có tính-cách y-khoa.*

2. Lý-do

Cái khởi-diểm của các thí-nghiệm sư-phạm của nữ Bác-sĩ Montessori là sự nhận-thức rằng : *« Sự cần đến sự hoạt-động ngẫu-phát dù đối với trẻ con bất-túc đi nữa đã đưa đến kết-quả không có quan-hệ gì với những kết-quả đã thu thập được với những phương-pháp truyền-ngôn*

thông-thường (Le recours à l'activité spontanée donnait, même chez les débiles mentaux, des résultats qui n'avaient aucun rapport avec ceux des méthodes ordinaires). Vì thế mà bà có ý áp-dụng cho trẻ con lành-mạnh những phương-sách đã thành-công mỹ-mãn với những trẻ con đặc-biệt (khác thường) — Do đó mới có những « nhà trẻ thơ » được khai-trương từ năm 1907 (Case de Bambini) tại thành La-Mã.

3. Các nguyên-tắc. Phương-pháp Montessori dựa trên những nguyên-tắc sau đây :

a. Sự tôn-trọng tự-do của trẻ con. Tự-do nói đây là loại tự-do có ý-nghĩa sinh-vật (sens biologique). Thí-dụ : tự-do lớn, tự-do chơi, ăn-uống, nghỉ-ngoi, hoạt-động, v. v...

b. Sự hoạt-động của trẻ con vừa theo ý-nghĩa hoạt-động cơ-năng (activité fonctionnelle) mà nền-tảng là lợi-ích ngẫu-nhiên và vừa là việc huấn-luyện cảm-giác thần-kinh (exercice sensori-moteur).

4. Đặc-sắc. Các đặc-sắc của phương-pháp này là sự áp-dụng một số chặt-chẽ những bài luyện-tập tùy theo tuổi với một dụng-cụ bất-di bất-dịch để làm khí-cụ cho các bài luyện-tập ấy.

5. Vấn-đề kỷ-luật. Hệ-thống Montessori không loại trừ bất-cứ một loại kỷ-luật nào, nhưng có điều là loại kỷ-luật ấy được giản-dị hóa do sự khởi công thực-hiện những lợi-ích của trẻ em, như sự ưa thích tìm tòi và sự cố-gắng liên-tục của chúng. Một trong các kỷ-luật hiếm có và bị bắt buộc là : « bài học yên lặng » (Leçon de silence) mà trong đó trẻ con học cách kiểm-soát và cấm-đoán các cử-động của chúng bằng cách ngồi lặng thỉnh hai mắt nhắm cho đến khi có lệnh mở ra mới thôi.

6. Vấn-đề dụng-cụ. Còn về vấn-đề dụng-cụ Montessori nó chỉ là cơ-hội kéo dài những sự dắt-dẫn thích-ứng đối với trẻ con mà sự quan-sát tâm-lý của chúng đã tìm ra. Thí-dụ : những bài tập lắp vào các lỗ trống (*exercices d'encastrement*) bài tập lồng hai vật vào nhau, lắp mộng (*exercices d'emboitement*) theo chiều sâu và theo chiều bình-diện để trẻ con có một ý-niệm về không-gian, v. v...

Toàn-thể dụng-cụ ấy được dùng để đạt những mục-dịch sư-phạm và khoa-học. Dụng-cụ ấy dùng để huấn-luyện ngũ-giác-quan. Sự tạo ra dụng-cụ ấy đã được dựa vào những định-luật tâm-lý vật-lý-học (Loi de Weber).

Ông thầy bà thầy chỉ can-thiệp để tổ-chức sự làm việc của trẻ mà thôi chứ không phải tự mình dạy trẻ. Dụng-cụ là ông thầy, bà thầy chính-thức vậy.

7. Cách giáo-dục Montessori (Phần thực-hành). Rốt cuộc phương-pháp Montessori không phải chỉ dựa vào các bài huấn-luyện cảm-giác thần-kinh như đã nói trên mà thôi đâu, mà nó còn dựa vào các công-việc làm có tính cách giáo-dục như thể-thao và các trò chơi, thủ-công, sự huấn-luyện các cử-dộng của đời sống thực-tế và hữu-hình, sự làm vườn.

Sau cùng sự chuyển hướng từ bình-diện cảm-giác thần-kinh sang bình-diện tinh-thần được đảm-bảo nhờ các nguyên-tắc căn-bản nói trên.

« Một loại mới các bài huấn-luyện giúp kiện-toàn sự tri-giác trực-tiếp bằng những tiêu-biểu trừu-tượng hơn. Ấy là những bài huấn-luyện về sự sờ-mó các quả cân, các khối-thước, các khuôn-khò của hai mặt của cơ-thể bị bị lại và được thay thế bằng mắt của tâm-hồn ».

Lại nữa, thêm vào đó có sự thu-thập ngữ-vựng (từ-vựng) và tiếng nói thích-ứng với dụng-cụ. Nhất là sự áp-

dụng các cảm-giác được tập-luyện cho sự quan-sát hoàn-cảnh chung-quanh, những tranh-ảnh, những đồ làm bằng giấy cứng, sự phân-tách theo phương-pháp hình học, các hình vẽ.

Sau cùng đến sự thu-thập các tri-thức thông-thường là : tập đọc, tập viết, môn tính học với một loại dụng-cụ riêng.

8. Ảnh-hưởng của Phương-pháp Montessori. Phương-pháp Montessori đã đi khắp hoàn-cầu. Ta cứ xem sự khác-biệt dôi-dào của loại dụng-cụ thích-ứng cho hạng tuổi thứ nhì (từ 3 đến 7 tuổi) được áp-dụng trong các trường mẫu-giáo Pháp thì đủ biết ảnh-hưởng ấy lớn-lao đến bực nào.

Đ. Các di-luận. Tuy-nhiên phương-pháp Montessori không phải là không bị chỉ-trích.

a) Người ta trách phương-pháp Montessori đã dựa vào một khoa tâm-lý ngày nay đã lỗi-thời, vào một khoa tâm-lý chỉ chú-trọng về sự nghiên-cứu các cảm-giác (sensations) hơn là sự nghiên-cứu lý-trí cảm-giác thần-kinh (intelligence sensori-motrice) toàn-diện.

b) Sự giao-phó cho trẻ-con dụng-cụ bất-di bất-dịch được ấn-định trước, thật-sự đã biết sự hoạt-dộng của trẻ con thành một sự bán ngẫu-phát (demi-spontanéité). Trò chơi tự-do còn được coi là một hoạt-dộng trẻ con và dụng-cụ đã cấm-đoán sự hoạt-dộng thích-ứng trong các sự kiến-tạo ngẫu-phát và sự-sáng-chế thật-sự.

Trong nhiều trường học người ta cho rằng sự chế-tạo ra dụng-cụ do trẻ con và loại dụng-cụ ấy luôn luôn được thay-đổi, chính nó mới thật là phương-tiện đào-luyện sự hoạt-dộng của trẻ con.

ĐỀ NHỊ PHÁP. PHƯƠNG-PHÁP DÉCROLY:

1. **Tiểu-sử.** Ovide Déroly là một Bác-sĩ người Bỉ sanh năm 1871 tại Renaix (Bỉ) và chết năm 1932, Ông vừa là một bác-sĩ vừa là nhà tâm-lý học và nhà sư-phạm trứ-danh. Ông được nổi tiếng là nhờ phương-pháp giáo-dục của ông. Chẳng những ông đã nghiên-cứu tận-tường khoa tâm-lý nhi-đồng ở trong phòng thí-nghiệm mà ông lại còn tự mình thực-hành công-việc dạy trẻ ngay ở học-đường của ông tại Bruxelles.

2. **Phương-pháp Déroly.** Phương-pháp Montessori một phần lớn còn trung-thành với nguyên tắc « Sự phức-tạp tuần-tự nhi liên » (Principe de complexité croissante) mà các nhà tâm-lý theo lối xưa rất thích.

a. **Các nguyên-tắc.** Trái lại, phương-pháp Déroly được đặt trên nguyên-tắc đối chọi lại. Nguyên-tắc ấy ông đã tìm ra trong khi ông quan-sát các trẻ con đặc-biệt (bất-thường) — Nguyên-tắc ấy là như sau :

« Sự phát-triển tinh-thần trẻ con khởi sự từ cái tổng-quát, cái không phân-biệt (du global, de l'indifférencié) trên tất-cả các địa-hạt đề rồi từ sự hỗn-hợp nguyên-thủy ấy mà đi đến sự phân-tách và sự tổng-hợp (sự kết-hợp, sự điều-hòa) mà cả hai sự này sẽ cũng phối-hợp lại ».

(Sự áp-dụng danh-tiếng nhất của phương-pháp Déroly là sự « tập đọc tổng-quát » (lecture globale). Thay vì dạy trẻ con học các tự-mẫu (chữ cái) đề rồi đi đến sự hợp các tự-mẫu thành các vần rồi các vần thành « tự » (chữ) (mot) dựa vào sự phân-tách tri-giác ở trẻ con và những kết-quả của phương-pháp qui-nạp trên địa-hạt tâm-lý thực-nghiệm, bác-sĩ Déroly bắt đầu cho trẻ con đọc ngay chữ (tự : mot) và hơn thế nữa, các câu ngắn ; rồi đi từ những câu ngắn ấy đến sự nhìn ra các « tự » (chữ, mot) rồi từ các « tự » (chữ) phân-tích các vần và rồi từ các vần đến các tự-mẫu (lettres).

Thí-nghiệm cho thấy rằng : nhờ vậy mà trẻ con đọc rất mau và với sự thích-thú mỗi lúc một tăng.

Theo ông Décroly thì phương-pháp này có thể được áp-dụng cho tất-cả các môn học.

Do đấy mà người ta nhận ra *tình-trạng không phân-biệt* (tình-trạng tổng-quát hóa, hỗn-hợp hóa theo ông Claparède) *trên bình-diện ý-niệm và tư-tưởng* cũng như trên bình-diện tri-giác. *Chính điểm này là trụ-cốt của thuyết chủ-điểm, phần trung-lâm của phương-pháp Décroly.*

Lỗi giáo-dục cổ truyền chẳng những có cái sai-lầm là làm riêng-rẽ sự giáo-dục các lợi-ích ngắn-phát của trẻ con mà lại còn có cái sai-lầm này nữa là phân-rẽ tất-cả các môn học. Người ta dạy cho trẻ những bài riêng-biệt về văn-phạm, về địa-lý, về toán-học, v.v... mà không có một mối liên-lạc nào giữa các môn ấy, không có một liên-lạc nào với đời sống nhi-đồng !!!

« Sự cố-gắng của bác-sĩ Décroly là, ngay trong sự giáo-huấn, kiếm thế tạo ra một sự chuyển-tiếp liên-tục từ tổng-quát đến phân-tích và từ phân-tích đến hỗn-hợp. Nói một cách khác, từ cử-động có ý-nghĩa của chủ-điểm đến sự thu-thập chặt-chẽ các tri-thức thuộc về chủ-điểm ấy.

b. Cách giáo-dục theo phương-pháp Décroly.

Vấn-đề chủ-điểm. — Các chủ-điểm ấy được liệt vào bốn loại quan-trọng là : sự ăn uống (l'alimentation) ; nhu-cầu được che-chở đối với thời-tiết (đọc gió, đọc mưa) ; nhu-cầu được bảo-vệ đối với các nguy-hiểm chung ; nhu-cầu làm việc.

Cô giáo Hamaide có nói rằng : « Mỗi năm chúng tôi nghiên-cứu một loại chủ-điểm cho tất-cả các lớp. Việc này tạo nên trong toàn trường một tinh-thần đoàn-kết, một tinh-thần đặc-biệt mà người ta không tìm thấy ở đâu

cả, ngoại-trừ ở nhà trường Décroly ; bởi vì lợi-ích của nhân-viên, của ban Giám-Đốc và của trẻ con đều là một và tất cả mọi người đều làm việc để thực-hiện cái triển-vọng, cái lý-tưởng đó. »

Tất-cả các ngành làm việc đều được qui-tụ lại chung-quanh chủ-điểm và tất-cả cố-gắng đều cùn-cút vào ba loại diễn-tiến lớn của tư-tưởng là : quan-sát (observer), liên-tưởng, liên-hợp (associer), biểu-thị, phỏ-diễn (exprimer).

Sự quan-sát của trẻ con trước hết được thực-thị đối với vật thực-tại hiển-hiện và sống động. Thí dụ : Nếu chủ-điểm là sự xây-cất nhà cửa thì ba loại diễn tiến của tư-tưởng nói trên là những hoạt-động chính-thức thích-ứng về công-việc này như : vẽ những bông-đồ (kế-hoạch) ; qui-tụ các vật-liệu, xây lên các gian nhà. Nhân dịp này trẻ con làm thí-nghiệm, sờ-mó, miêu-tả (décrire) và tự trẻ qui-tụ sự khảo-chứng (documentation) của mình lại tại xưởng, tại nhà máy, tại nông-trại trong sự cộng-tác với ông thầy, bà thầy. Vì này nói rất ít mà làm rất nhiều (Peu de mots, beaucoup de faits). Lớp học trở thành phòng thí-nghiệm, xưởng thợ.

Những kết-quả của cuộc quan-sát thu-lượm được, được nối-tiếp với nhau và phỏ-diễn ra bằng những bài làm thực-tế và khác-biệt (nặn, vẽ, chế-tạo đồ-vật).

Còn như các nhà kỹ-thuật như văn-phạm, tinh-dố thì được học với hình-thức các cuộc chơi và các bài tập có tính-cách giáo-dục và theo nguyên-tắc tổng-quát, dựa vào những tượng hình người, thú và thảo-mộc và các vật cụ-thể. Những môn học cao-siêu nhất cũng có thể qui-tụ lại trong sự liên-quan với loại hoạt-động này. Thí dụ : địa-lý nhân-văn và môn văn-hóa sử-cương (histoire de la civilisation) địa-lý hình-thể và những khuôn-khổ của lịch-sử tổng-quát cũng có thể qui-tụ lại chung một chủ-điểm.

Vai tưởng của ông thầy, bà thầy. — Nghệ-thuật của ông thầy, bà thầy không phải là duy-tri lợi-ích của chủ-điểm là vì nó tự duy-tri lấy nó rồi, mà là làm cho trẻ con nhận thấy sự cần-thiết của các tri-thức trung-gian, nhận thấy sự cần-thiết phải tập-trung lại một cách thiết-thực tất-cả chương-trình chung-quanh chủ-điểm hiện đương điều-khiển sự nghiên-cứu.

3. Lời phê-bình

a. Cách dạy tổng-quát. Người ta quan-niệm rất dễ-dàng rằng một phương-pháp như thế chẳng những làm cho dễ-dàng sự thu-thập các tri-thức bằng cách sắp-đặt các tri-thức ấy chung-quanh những khí-lực sâu-xa của tâm-lý trẻ con mà lại còn trọng-trung một thắng-lợi rất quý-báu cho sự học-tập về cách sống ở đời vì lẽ trẻ con sớm đã học được tính ưa-thích tự mình tìm-tòi mọi việc và nhận thấy sự cần-thiết tìm ra những phương-tiện của sự khảo-chứng trong đó có cả sách-vở rất cần-ích cho mọi sự làm việc.

Vấn-đề sách giáo-khoa. — Một tính-chất khác của phương-pháp Décroly là loại hẳn sách giáo-khoa ra. Các sách giáo-khoa này được thay thế bằng tập thể (fichier) cá-nhân, một quyển sách của đời sống thực-tế.

Kế-hoạch của tập thể này được đem ra bàn-cãi và ấn-định giữa các học-sinh và ông thầy trong sự cộng-tác liên-tục mà mỗi học-sinh phải tiếp-tục tạo lên trong thời-gian học-khóa.

Như vậy quyển sách đời sống thực-tế nói trên là kết-quả những cố-gắng ngẫu-phát cá-nhân, là diễn-đề mục-lục (répertoire) các tri-thức mà mọi người cố giữ-gìn và áp-dụng bởi vì họ có cảm-tưởng là tự họ đã-lập nên.

4. Kết-luận

Như thế thì phương-pháp Déroly rất phù-hợp chẳng những cho việc làm, việc học cá-nhân mà lại còn phù-hợp cho việc làm, việc học từng nhóm nữa.

Tuy-nhiên, trong khi giữ trẻ con luôn luôn liên-lạc mật-thiết với hoàn-cảnh xã-hội mà trong đó trẻ sống, phương-pháp này đặc-biệt phù-hợp với sự giúp trẻ con tự tổ-chức, tự sắp-dặt lấy trong công-việc làm cá-nhân, riêng-biệt (personnel).

Phương-pháp này chính là phương-pháp giáo-dục có tiêu-chuẩn, có trình-hạn (enseignement sur mesure) là vì toàn-thể phương-pháp này căn-cứ vào cá-nhân-tính của trẻ con (individualité de l'enfant).

Sự thành-công của phương-pháp Déroly là sự kiểm-soát chặt-chẽ giá-trị của phương-pháp hoạt-động vậy.

ĐỆ TAM PHÁP : PHƯƠNG-PHÁP AUDEMARS LA-FENDEL.

1. Xuất-xứ. Phương-pháp này đã được thực-hành tại Nhà trẻ con » (Maison des Petits) ở tại thành Genève vào năm 1912 dưới sự bảo-trợ của Viện Jean Jacques Rousseau.

2. Nguyên-tắc giáo-dục. Ngoài tư-cách một thí-nghiệm sư-phạm ra, phương-pháp Audemars-Lafendel dựa vào hai nguyên-tắc căn-bản sau đây :

Trước hết là sự cần-thiết của cuộc chơi (le jeu) chính-thức chứ không phải là bài tập-luyện có tính-cách vui-thích. Thứ đến là sự cần-thiết lệ-thuộc sự giáo-dục giác-quan vào sự hoạt-động tự-do nghĩa là vào lý-trí cảm-giác thần-kinh (intelligence sensori-motrice) chính-thức.

Một dụng-cụ thích-ứng cho Nhà trẻ con nói trên giúp sự thực-hiện hai nguyên-tắc vừa nói.

Về vai tưởng của cuộc chơi trong sự tiến-triển của trẻ con về ba mặt : sinh - vật học, tâm - lý học và xã-hội học, chúng ta không nói lại nữa, Những nhà sư-phạm Genève đều hiểu rằng : trò chơi chính nó tự có một giá-trị giáo-dục và những trò chơi được gọi là trò chơi giáo-dục (theo chế-độ Froebel và Montessori) đều có cái chỉ giả-tạo, không thích-hợp với tính-chất tự-nhiên của sự hoạt-động trong cuộc chơi. Dụng-cụ Audemars - Lafendel đã được quan-niệm thế nào mà các trò chơi tự-nhiên của trẻ con sẽ dần-dần biến thành các công-việc làm. Sự biến-đổi ấy căn-cứ vào quan-niệm định-luật thực-nghiệm chi-phối những mối liên-lạc giữa cử-động và tư-tưởng. Các nhà quan-sát nhận thấy rằng : nếu trẻ con khởi-sự bằng những trò chơi hoàn-toàn tượng trưng, thứ trò chơi cảm-giác thần-kinh tự-do và các trò chơi kiến-tạo, xây-dựng, nối liền sự tượng-trưng với sự hoạt-động cảm-giác thần-kinh thì các trò chơi ấy dần-dần trở nên phức-tạp, sẽ dần dần đi sát với sự tiêu-biểu của thực-tại. Nói một cách khác sự tiến-triển của cuộc chơi hướng về công-việc làm được thị-hiện trong ba thời-kỳ.

Trước hết trò chơi không có mục-dịch gì, là một thứ cử-động được thực thi với tư-cách cử-động vào cho sự đồng-hóa cảm-giác thần-kinh của dụng-cụ. Kế đó giữa cuộc chơi mục-dịch xuất-hiện ra và có sự tượng-trưng (symbolisme) cùng đồng sinh với cử-động. Sau cùng mục-dịch được nêu lên trước cuộc chơi và thường kế-hoạch cuộc chơi được kỹ-lưỡng lập thành.

Như vậy, tuần-tự cử-động đi trước tư-tưởng. Kế đó cử-động và tư-tưởng cùng xuất-hiện song-song nhau. Sau cùng thì tư-tưởng hiện ra trước cử-động. Trong giai-đoạn

chót này có một số trung-gian hiện ra giữa ý-niệm mục-dịch cần đạt được và sự thực-hiện mục-dịch ấy.

Đến lúc ấy thì trò chơi đi gặp công-việc làm thiết-thực vì lẽ công-việc làm được ấn-định bằng cách sắp-dặt phối-tri (coordonnation) những phương-tiện nhằm vào một mục-dịch luôn luôn xa-xăm.

Nhưng mà, cùng trong lúc ấy lý-trí thị-hiện dần-dần inh-chất thực của nó bằng cách bảo-vệ sự thích-ứng với hực-tại do một sự thăng-bằng tuần-tự nhi-tiến của sự đồng-hóa và sự thích-hợp. Sự hoạt-động của cuộc chơi tự-nhiên bị thu-hút trong một sự nẩy-nở của tâm-hồn. Khi mà tư-tưởng đi trước hành-động thì tư-tưởng cũng có thể tính toán và suy-luận theo lối suy-diễn được, suy-luận và hoạt-động hợp-lý.

Cần nhớ rằng sự diễn-tiến đề hợp-lý-hóa lại phù-hợp với việc tuần-tự xã-hội hóa. Trong lúc mà các ấu-nhi tra làm việc riêng-rẽ hoặc trong những khóm nhỏ ti-hon và trong các khóm ấy mỗi ấu-nhi theo đuổi đường-lối kiến-tạo của mình thì các trẻ lớn chuộng sự cộng-tác trong hành-động và sự hội-thảo công-cộng cho việc suy-nghĩ, suy-luận.

3. Kết-luận

Như thế người ta có thể nói rằng : nhà trẻ con quí-tu, tổng-hợp và sửa-chữa cái này bằng cái kia phần chính-yếu của phương-pháp Montessori và của phương-pháp Déroly bằng cách áp-dụng một loại dụng-cụ thích-ứng hơn đối với trẻ con và có sự tự-do rộng-rãi dành cho những hoạt-động ngẫu-nhiên của chúng.

ĐỆ TƯ PHÁP : PHƯƠNG-PHÁP FREINET

I. Tiểu-sử. Freinet là một nhà giáo Pháp. Ông được nổi tiếng là nhờ phương-pháp giáo-dục do ông đề-xướng

lên. Phương-pháp ấy căn-cứ vào sự đem nghệ-thuật ăn-loát (nhà in) vào nhà trường và biến sự ăn-loát ấy thành chủ-điểm của sự giáo-dục trẻ con.

2. Nguyên-tắc

Phương-pháp Freinet, theo ý-kiến ông H. Bouchet, đi sâu dần-dần vào nền giáo-dục Sơ-Tiểu nhờ sự cô-động bền-bĩ, hăng-hải và sáng-suốt của ông. Phương-pháp này đòi hỏi những vận-dụng bằng tay chính-yếu của một nhà in.

Đặt trẻ con từ 5 đến 6 tuổi vừa biết được 15 hoặc 20 chữ cái, trước một bàn sắp chữ ; để vào tay chúng một dụng-cụ sắp chữ và bảo trẻ sắp thành một bài mà mọi người đều biết và sẽ được in sau đó. Đó là một kỹ-thuật chẳng những mới-mẻ, mà lại còn hấp-dẫn lạ thường từ xưa đến nay chưa từng thấy ?

Chẳng những phương-pháp ấy làm trẻ phát-triển sự khéo-léo chân tay của trẻ là : thị-giác ký-ức mà nó lại còn làm dễ-dàng sự học-tập các môn như : tập đọc, tập viết và chính-tả. Các môn khác như : tính-đố, địa-lý, sử-ký, tự-nhiên cũng được lợi trong sự áp-dụng phương-pháp này.

Sau cùng vì trẻ con tập được thói quen là phô-diễn tư-tưởng một cách tự-do khi còn thơ-ấu, trong cách sắp chữ thành những bài ngắn, ông thầy, bà thầy mới nhân đó mà biết rõ mỗi trẻ trong cá-tính trực-giác của chúng mà không cần bắt-buộc mỗi trẻ phải dè-nén xuống mỗi tình-cảm của chúng. Mỗi cố-gắng giáo-dục có thể được hoàn-toàn thích-ứng cho mỗi cảm-xúc tính cá-nhân.

3. Kết-luận.

Nói tóm lại phương-pháp Freinet có thể có những sự áp-dụng trường-kỳ. Nó có thể được bỏ-tức một cách hữu-ích với những trẻ lớn tuổi, bằng nghệ-thuật tranh vẽ và hình chạm trên gỗ hoặc trên thứ bở linoléum. — « Từ báo

nhà trường » (le Journal de l'école) qui-từ một cách hữu-ích tất-cả các phương-sách ấy.

V NHỮNG PHƯƠNG-PHÁP CỦA NGƯỜI MỸ

(Rút trong Giáo-Dục Mới, trang 129 của Ông Lâm-Toại).

Ở Mỹ-Quốc, tại các học-đường về hai bậc : Sơ-học và Trung-học, người ta áp-dụng nguyên-tắc « hoạt-động » và « Phương-pháp giáo-dục tiệm-tiến ». Người ta không khép trẻ con vào khuôn-khổ nghiêm-khắc của một học-đường tổ-chức theo ý muốn của người lớn.

Ở Mỹ, học-đường là nơi trẻ đến sống, hoạt-động tự-nhiên, quan-sát, nhận-xét, suy-nghiệm, thử-thách để dần-dần tự đào-luyện, tự giác-ngộ, để hoàn-thành cá-tính thiên-nhiên của chúng về thể-chất, tâm-linh và trí-tuệ một cách điều-hòa.

Giáo-chức không đàn-áp, không thúc-giục mà chỉ khuyến-kích, hướng-dẫn trẻ làm sao cho thiên-tư của chúng phát-triển dần-dần và phù-hợp với hoàn-cảnh xã-hội bên ngoài. Thiên-tư ấy có thể đem lại hạnh-phúc cho chúng và lợi-ích cho xã-hội : « *Sự dung-hòa hạnh-phúc cá-nhân và hạnh-phúc chung là mục-đích chủ-yếu của nền dân-chủ Mỹ* ».

Ở đây người ta không chăm chú rèn-luyện trí nhớ của trẻ con bằng lối học thuộc lòng « hỏi và trả lời » theo những câu trong sách. Giáo-chức chỉ giúp trẻ con có đủ vật-liệu, tài-liệu, để trẻ quan-sát thí-nghiệm và thực-hành rồi tự-nhiên trẻ sẽ hiểu-biết.

Người ta không cần chăm-chú về phần trí-óc mà người ta còn lo giúp trẻ con khéo-léo về tay chân nữa. Ở các lớp dưới, họ không diễn-giảng mà chỉ bày-vẽ cho trẻ, mỗi khi trẻ cần hỏi đến. Người ta cho trẻ sống tập-thể cho chúng tự giúp-đỡ lẫn nhau.

Ở hai bậc giáo-dục cơ-bản nói trên người ta không phân hạng giữa các trẻ giỏi và các trẻ kém, không thi hạch để trẻ được yên tâm mà học-tập, giữ tinh đoàn-kết giữa chúng bạn, không ganh-ty lẫn nhau.

Dời sống tập-thể ở học-đường giúp trẻ con nhận-định trách-nhiệm của mỗi người trong một đoàn-thể, và nhờ vậy, trẻ cư-xử thích-nghĩ với xã-hội.

Ở Mỹ, phương-pháp sư-phạm hiện nay được áp-dụng là một phần dựa theo « công-tác tự-do của bác-sĩ Decroly » và phần lớn dựa theo phương-pháp sư-phạm « chủa động » của nhà tâm-lý-học Stanley Hall và học-trò ông là nhà triết-học John Dewey.

A. PHƯƠNG-PHÁP GIÁO-DỤC MỚI CỦA JOHN DEWEY

1. Những chủ-trương của hai ông Hall và Dewey

Hai ông Hall và Dewey chủ-trương rằng : « Sự tiến-triển của tâm-lý con người phát-sinh từ trong mà ra ». Như vậy, sự tiến-triển ấy không phải nhờ sự thúc-đẩy bên ngoài mà có và khoa sư-phạm phải lấy đứa trẻ làm khởi-điểm, phải căn-cứ trên tâm-lý trẻ chứ không phải trên tâm-lý người lớn, phải dựa vào năng-lực và nhu-cầu của tuổi trẻ và của mỗi trẻ riêng, phải lấy kỷ-luật tự-giác làm phương-liện. Đứa trẻ phải là trung-tâm-điểm của học-đường.

Tâm-lý của trẻ con không phải là một « tĩnh-thể » (système statique) cứ đứng yên mãi một chỗ, giữ một mực, mà là một « động-lực » diễn-tiến không ngừng. Mỗi tuổi có những nhu-cầu riêng và một trình-độ hiểu-biết riêng.

Theo ông Dewey thì « bản-ngữ có nghĩa là hoạt-động » (le moi c'est de l'activité). Đó là nguồn sinh-lực tiềm-tàng luôn luôn hoạt-động để thực-hiện cái chơn-tĩnh của nó.

Sự nỗ-lực diễn-tiến không ngừng ấy phát-biểu ra ngoài dưới ba hình-thức :

— Ý-chí (volonté) phần cốt-yếu của bản-ngã.

Cảm-xúc hay tình-cảm, sự phản-ứng của bản-ngã đối với ngoại-giới.

— Trí-giác hay trí-tuệ (intelligence), lợi-khi giúp bản-ngã thực-hiện chơn-tinh của mình.

Tánh-tình hay chí-khi (caractère) là trạng-thái chuyên-nhất (nhất-quyết) theo ý-chí là phần mà bản-ngã đã thực-hiện được rồi. Đó là kết-quả chính của công-trình giáo-dục.

Theo thuyết-gia Dewey « Khoa giáo-dục là khoa đào-luyện tinh-tinh ». Câu ấy có nghĩa là : trước hết giáo-dục giúp cái động-lực có sẵn trong tâm-trí của mỗi người là bản-ngã có dịp thuận-tiện để vận-chuyển hầu thực-hiện cái chơn-tánh của mình mà tạo-hóa đã phú cho. Như vậy giáo-dục tức là phát-động, kêu gọi đến cái động-lực thiên-sinh của con người, để rồi hướng-dẫn nó cho thích-hợp theo tình-thế xã-hội.

Theo thuyết-gia Dewey, giáo-dục không phải chỉ là một công-việc dạy chữ, dạy tiếng mà trước hết là để cho trẻ sống, hoạt-dộng theo đà tiến-phát của chúng, theo tiếng đập của tim chúng trong một bầu không-khí thuận-tiện, để cho cả cơ-thể, tâm-tinh và trí-tuệ của chúng di-dưỡng và nảy-nở điều-hòa. Giáo-dục có nghĩa là « học » nhưng học nhờ sự sống và trong sự sống (Apprendre par la vie et dans la vie).

2. Phương-pháp Sư-phạm Dewey

Phương pháp này có thể được tóm-tắt theo ba nguyên-tắc chính sau đây :

Nguyên-tắc thứ nhất : « Giáo-dục đồng phát-sinh vớ

trẻ » (Pédagogie génétique). Câu ấy có nghĩa là : việc giáo-dục trẻ con không phải là một việc từ bên ngoài đưa vào (như rót nước vào thùng, nhồi bông vào nệm, v. v. . .) mà là một việc phát-khởi từ trong thâm-tâm, tâm-trí của trẻ con. Như vậy khoa-học giúp trẻ tự đào-luyện lấy chứ không phải trẻ bị « nhồi sọ ». Việc tiến-phát của trẻ là việc trẻ tự-động làm lấy.

Trước khi ta quan-niệm rằng tâm-lý trẻ con gồm có những năng-lực riêng-biệt như là : ý-chí, tình-cảm, trí-tuệ, kỷ-ức, trí-tưởng-tượng, óc quan-sát, v.v... mà không nhận rằng : tâm-lý trẻ con là một nguồn sinh-lực duy-nhất, đồng nhất, biến-thiên và liên-tục.

Như vậy, đứng trước những sự ham-thích của tuổi trẻ, nhà giáo phải có thái-độ nào ? Phải theo ý muốn của chúng hay phải hướng-dẫn chúng ? Phải để chúng hoạt-động tự-nhiên hay là uốn-nắn chúng theo hình-ảnh mình ? Đó là vấn-đề then-chốt trong công-cuộc giáo-dục.

Nếu nhà giáo chủ-trương kiềm-chế, tức là không hiểu sự tiến-phát tự-nhiên và sự tự-động trong công-cuộc sinh-trưởng của tuổi trẻ. Trái lại, nếu chủ-trương để trẻ hoàn-toàn tự-do hành-động thì không khéo lại nuôi cho lớn cái tính thay-đổi bất-thường (caprice) của tuổi trẻ chứ không phải giúp chúng tiến-phát một cách hữu-ích.

Về điểm này, ông Dewey có cho ý-kiến sau đây : Theo ý ông, không phải là vấn-đề « chiều » hẳn trẻ con theo sự ham - thích của chúng vì những ham-thích như ở thời ấy sẽ thay-đổi luôn. Nếu ta nuông-chiều trẻ thì những ham-thích nhất-thời ấy sẽ cố-định lại và sẽ trở thành những tập-quán rất tai-hại. Như vậy, vô-linh ta đã cản-trở cuộc tiến-hóa không ngừng của tuổi trẻ và sẽ làm trái-ngược với quan-niệm phát-sinh liên-tục đã nói trên. Nhà giáo-dục cần nhận-định rõ-ràng những sự ham-thích ấy là dấu-hiệu của những nhu-cầu bi-ấn trong thâm-tâm trẻ.

của chân-tinh tiềm-tàng đương lộ ra ngoài của những cơ-năng (fonction) đương muốn phát-sinh mà nhà giáo có phận sự giúp-đỡ bằng cách đặt đũa trẻ trong những điều-kiện thuận tiện cho nó nảy-nở được dễ-dàng. Muốn rõ nhu-cầu bí-ẩn của trẻ, nhà giáo cần biết nhận-đoán những dấu hiệu đã phát lộ ra ngoài, nghĩa là căn-cứ vào những sự ham-thích hiện-thời của trẻ mà xét-đoán cái tiềm-lực đương tìm đường phát-sinh.

Quan-niệm những sự ham-thích của trẻ được coi là những triệu chứng phát sinh giúp ta đặt nền tảng của công-cuộc giáo-dục trên những xu-hướng tự-nhiên của trẻ bằng cách dò theo cá-tính thiên-nhiên của trẻ để hướng-dẫn trẻ theo một chiều thuận-lợi cho trẻ mà vẫn không chiều theo tánh thay-đổi bất-thường của trẻ.

Nguyên-tắc thứ nhì: Sư-phạm cơ-năng (Pédagogie fonctionnelle) quan-niệm « Sư-phạm cơ-năng » nhằm mục đích xúc-tiến cái tiềm-lực tiến-triển của tâm-lý, vì nhu-cầu của sự sống còn, vì công-dụng của nó đối với các hành-vi, cử-chỉ hiện tại và tương-lai nghĩa là xem sự hoạt-dộng và tiến-triển của tâm-lý trẻ như những lợi-khai, những cơ-năng cần-thiết cho sự sinh-tồn (cũng như cơ-năng hô-hấp, cơ-năng tuần-hoàn của huyết, v. v... chứ không phải là những hoạt-dộng riêng-biệt vì một lý-do riêng-biệt ở ngoài con người, không liên quan gì đến sự sống của con người, Sự hoạt-dộng là điều-kiện cần-thiết để cho trẻ nảy-nở,

Cái khuyết-điểm của khoa sư-phạm cổ-truyền là phân-tán các năng-lực của tâm-trí ra (như sự chia tâm-trí trẻ-con ra nhiều phần như trí ký-ức, óc quan-sát, trí suy-luận, v.v...) làm cho nó rời-rạc và mất hiệu-lực trong khi mà tất-cả các năng-lực ấy cần phải kết-hợp chặt-chẽ với nhau-để thành một động-lực hữu-ích cho sự sinh-trưởng, chẳng khác nào người ta làm hoa héo khi rút nó ra khỏi cội, ,

Quan-niệm « Sư-phạm cơ-năng » căn-cứ trên nguyên-tắc đứa trẻ là một sinh-vật nó cần hoạt-động để sống còn, để sinh trưởng. Vậy muốn cho trẻ con học tập, ta phải dùng phương-pháp tự nhiên « phương-pháp tự-động » bằng cách giúp trẻ nhận thấy công việc ta muốn trẻ làm, cử-chỉ ta muốn trẻ có là cần thiết cho sự sống còn của nó, đúng với nhu-cầu của nó. Đời sống đứa trẻ là một động-lực liên-tục. Sở dĩ trẻ con ưa hoạt-động là vì đó là một nhu-cầu của sự sống. Vậy hoạt động và nhu-cầu là một. Vậy ta không phải vì một lý-do gì mà bắt buộc trẻ con phải hành động khi hành động ấy không phù-hợp với nhu cầu tâm-lý của trẻ.

Tâm-lý trẻ con tự nó có giá-trị của nó. Đó là một động thể thuần nhất mà tất cả các cử-động đều hướng về một mục-dịch chung là sống.

Tâm-hồn trẻ con là một chuỗi nhu-cầu, dục-vọng, sở-thích.

Vậy cần sắp đặt các môn học thế nào cho có một trật-tự hợp-lý nghĩa là ăn khớp với các nhu-cầu, dục-vọng và sở thích ấy. Có như thế thì các môn học mới « linh-động », mới có « hồn » và trẻ con sẽ nhận thấy các sự-vật được đem dạy có ý-nghĩa, có giá trị đối với chúng. Chúng nhận thấy rằng: *không phải học để trở nên thông-thái hay cái gì khác mà để hành.*

Nguyên-tắc thứ ba : *Ý-thức xã-hội. Ý-thức xã-hội là kết-quả tự-nhiên của khoa sư-phạm cơ-năng.*

Con người là một cơ-quan trong tổ-chức xã-hội. Vì vậy cần phải đặt trẻ vào đời sống tập-thể để cho thiên-tính về xã-hội của nó có điều kiện phát-triển dễ-dàng.

Thủ-công chính là môn học thuận-tiện nhất cho ý-

thức « cộng-dồng hoạt-dộng » được thực hiện dễ-dàng, Vì vậy ông Dewey dùng môn thủ-công làm trung-tâm-diểm cho các hoạt-dộng của học-sinh rồi ghép các môn học khác vào chung quanh.

Nhà sư-phạm thực-nghiệm Đức là ông Kerschensteiner cũng đã chủ-trương biến « học-đường sách-vở » ra « học-đường cần-lao » (École de travail).

Ông Dewey đã nhận thấy rằng: sự cộng-tác giữa học-sinh là phương-tiện có hiệu quả nhất để giúp trẻ học làm người. Vì thế mà ngày hôm nay, ở học-đường mới người ta không còn cấm-doán trẻ con dõm ngổ nhau, hời-han nhau, bày-vẽ cho nhau trong khi làm bài. Học-đường tân-tiến không còn là một tổ-chức riêng-biệt với những điều kiện thông thường của xã-hội thực-tế bên ngoài nữa. Học-đường ngày nay là: « trường đời của trẻ con »,

3. Kết-luận

Nói tóm lại phương-pháp giáo-dục Dewey là « phương-pháp giáo-dục tự-nhiên và vị nhân-sinh » căn-cứ trên nguyên-tắc « tự động » và « Đồng nhất » của tâm-tri đứa trẻ. Theo phương-pháp này người ta tìm hiểu xu-hướng tự-nhiên của mỗi trẻ để rồi hướng-dẫn chúng một cách hữu-ích và giúp chúng tự đào-luyện tánh tình chúng phù-hợp với tình thế xã-hội.

B. ĐỒ-ÁN DALTON (Le plan Dalton)

1. Nguồn-gốc

Đồ-án Dalton là sự thực hiện đầu-tiên về loại thí-nghiệm này. Đặc-sắc của nó là hoàn-toàn phù-hợp với sự ổn-định những chương-trình chặt-chứa và sự dạy-dỗ bằng sách (giáo-huấn đồ-thư), — Đồ-án này được Cô giáo Hélène

Parkhurst đề-xướng trong khoảng 1911 đến 1913 tại thành Dalton (Mỹ). — Trong khoảng thời-gian này cô làm thí-nghiệm cuộc cải-cách mới này và đã áp-dụng nó sau đó cho trường Children's University School of New-York vào năm 1923.

2. Nguyên-tắc giáo-dục

Đồ-án Dalton căn-cứ vào hai nguyên-tắc chính-yếu là :

- a) Dành cho trẻ con sự tự-do toàn-diện của chúng ;
- b) Làm phát-triển ở mỗi trẻ những quan-năng (facultés) ngẫu-phát riêng của chúng. Đồ-án ấy khởi-diểm từ ý-niệm này : ở nhà trường cũng như ở trường-dời các cá-nhân không làm việc một cách đồng nhau và cũng không có những khả-năng in nhau nếu một chương-trình được ép-buộc cho tất-cả thì ít ra nó phải được áp-dụng một cách khác-biệt đối với mỗi cá-nhân. Như vậy, trong các lớp học, người ta sẽ tìm ra để tránh những sự chênh-lệch về lực học khiến nên trẻ dờ làm mất thi-giờ trẻ giỏi làm trẻ kém có tự-ti mặc-cảm cấm- đoán sự hoạt-động của loại trẻ này.

Đồ-án Dalton làm tiêu-tan tính thống-nhất giả-tạo của lớp học để phân-phát cho mỗi trẻ một chương-trình thích-hợp với trẻ ấy và tìm lại ý-nghĩa sự cộng-đồng trong những nhóm riêng-biệt về công-việc làm thuộc các ngành.

Đồ-án Dalton tìm cách hoàn lại cho mỗi trẻ bằng cách lập lên sự làm theo đã cá-nhân và theo những khả-năng của mỗi trẻ và theo sự tự-do về kỷ-luật bên trong (Pia- get).

Sự tổ-chức nhà trường đáp lại nguyên-tắc ấy. Dù cho nhà trường hấp-dẫn vui-vẻ đến đâu cũng vậy, nơi đây trẻ con được tự-do đi lại từ phòng này đến phòng khác và có quyền nói chuyện khế với nhau : « Không phải những phòng có bàn ngồi sắp theo hàng lối ngay-ngắn và có

những bức tường dữ-lợn, khó thương (rébarbatif) mà là những phòng thí nghiệm cho mỗi môn học được trang-bị một cách vui-tươi, hấp-dẫn với những sách, tranh-ảnh, những học-cụ được qui-tụ lại tùy theo loại bài học nhất-dịnh.

« Không có thầy học cho một lớp : mỗi ông thầy phụ-trách một môn dạy. Mỗi buổi sáng, ông thầy qui-tụ nhóm của ông lại để ban những chỉ-thị và lời khuyên-bảo và mỗi buổi chiều, để kiểm-điểm lại việc làm của mỗi trẻ và so-sánh những kết-quả đã thu-thập được và trao-đổi những ý-kiến. Lại nữa, những trẻ con được qui-tụ không phải tùy theo những hạng tuổi, mà theo từng nhóm tùy theo trình-độ khả-năng của chúng trong các ngành.

Nguyên-tắc việc làm cá-nhân ám-chỉ nguyên-tắc các lớp lưu-dộng (thay-đổi thành-phần mà mỗi nhóm tùy khả-năng của cá-nhân đối với mỗi môn).

« Chương-trình thí chung tất-cả mỗi trẻ nghĩa là cuối niên-khóa tất-cả các học-sinh đồng thu-thập một thứ tri-thức.

Chương-trình ấy được phát ra từng đoạn một cho mỗi trẻ trong một năm, nhiều tháng hay nhiều tuần học (các hạng tuổi đều được đề ý) và như vậy từ ngành này tới ngành khác.

Như vậy, mỗi trẻ làm với ông thầy hoặc bà thầy một khế-ước làm việc do đó trẻ con cam-kết thu-hoạch được một kết-quả gì đó trong một thời-gian nào đó. Khế-ước ấy được học-sinh tự-ý chấp-nhận sau khi đã có sự thảo-luận : « Như vậy khế-ước ấy đem vào đó trách-nhiệm của học-sinh ».

Ông thầy hoặc bà thầy cho điểm một cách đều-đặn công-việc đã làm xong. Những kết-quả đều được ghi vào

những bản thống-kê có gạch nhiều ô để cho học-sinh hoặc là ông thầy, bà thầy có thể nhận-thức được bất-cứ vào lúc nào sự thi-hành chương-trình đã đến điểm nào rồi.

Đồ-án Dalton có cái lợi là tìm cách dung-hòa những cần-thiết của chế-độ học-đường cổ-truyền (với những chương-trình và sách học) với những ý-kiến chính-yếu của lối giáo-dục mới.

Trẻ con tự thấy được tự-do, được có trách-nhiệm, được nắm trọn môn học mà trẻ phải tiêu-hóa : do đó mà có sự tự-tin vĩnh-cửu.

Những sách giáo-khoa đều được soạn kỹ-lưỡng lắm để có thể chia chương-trình ra làm nhiều đoạn với những bài áp-dụng, những câu hỏi viết ra, những bài ôn lại, v. v...

Về các tri-thức cần thu-thập thì các tri-thức này được liệt vào hai loại : loại thứ nhất gồm những tri-thức cần-thiết mà con người văn-minh, một công-dân và một nhà sản-xuất cần phải có ; loại thứ hai gồm những tri-thức có thể trang-trí mỹ-lệ đời sống cá-nhân tùy theo những xu-hướng và những thiên-tánh của mỗi người. — Chương-trình lập ra là cốt được áp-dụng cho loại tri-thức thứ nhất. — Đối với loại tri-thức thứ nhì thì cần khích-dộng những phản-ứng ngẫu-nhiên : trong một thời-gian người ta đã mở ra cho trẻ con những chân trời khác-biệt ; sinh-ngữ, tư-ngữ, văn-chương, hội-họa, nặn, kiến-tạo, âm-nhạc, cơ-giới, thủ-công.

Khi một khuynh-hướng (dù cho đó là tạm-thời) đã thị-hiện, người ta hướng trẻ con về phía ấy hoặc là với tư-cách hoạt-dộng ích-lợi (hướng-nghiep) hoặc là với tư-cách mỹ-thuật hoặc chuyên tâm bất-vụ-lợi.

Để luôn luôn giữ cho còn lợi-ích, các bài tập vui-thích được đề-nghị. Thí-dụ : Giải-quyết một bài toán về sự sửa

chứa nhà trường hay một đô-thị, viết một bài thơ về một vấn-đề đã gặp được trong khi đọc sách, v. v...

3. Các dị-luận

Nhiều dị-luận quan-trọng đã được nêu lên đối với đồ-án Dalton. Nhà sư-phạm Ferrière cho rằng sự thực-hành đồ-án Dalton là một mối nguy cho xã-hội bởi vì đồ-án này còn dùng sách giáo-khoa và còn giữ lại chương-trình học khóa.

Người ta còn trách đồ-án Dalton là không làm phát-triển ở trẻ con ý-nghĩa xã-hội một cách đầy-đủ. — Nhưng cô giáo Parkhurst luôn luôn đã nhấn mạnh vào sự-kiện sau đây là: nhà trường phải là một xã-hội thực-tại và diễn lại đời sống dưới mọi hình-thức, xã-hội cũng như cá-nhân. Giải-đáp của cô là như sau: một đẳng là học-sinh cùng chung làm việc về một ngành nào nghiêm-nhiên đã tạo thành một nhóm ngẫu-phát có thể làm phát-triển sự hợp-tác: một đẳng khác các nhóm đều được sắp-xếp có trật-tự giữa nhau để có sự kiểm-soát các khế-ước làm việc ».

Nếu không có sự làm việc cộng-đồng chung-chạ theo ý-nghĩa chính-thức của nó, ít ra cũng có sự tương-trợ triền-miền giữa các nhóm. Sau cùng những mối liên-lạc với ông thầy, bà thầy thì lại khác hẳn trong công-việc làm cá-nhân. Các mối liên-lạc ấy có thể thực-hiện được sự thảo-luận, sự cộng-tác và sự giúp-đỡ cá-nhân mà trong nền giáo-huấn mệnh-danh là cộng-đồng, ông thầy, bà thầy chỉ nói chung đại-chúng vô-danh của toàn lớp mà thôi. — Dù sao, theo nhà sư-phạm Piaget hành-động kiến-tạo của mỗi học-sinh biến mất gần hết và sự cố-gắng cá-nhân chỉ dành riêng cho sự thu-thập tri-thức và cho cảm-thụ-tính (réceptivité).

Lại nữa đời sống cộng-đồng luôn luôn bị đe-dọa bởi những chương-trình cá-nhân để đến nỗi không sao đóng

một vai tưởng mà nó phải có một cách hợp-lý trong sự đào-tạo tâm-hồn trẻ con.

C. ĐỒ-ÁN GARY

1. Nguồn-gốc

Đồ-án Gary mang cái tên của nhà kỹ-nghệ thành Chicago đã đề-xướng lên nó. Đồ-án này ông Gary đã đem áp-dụng cho những xưởng chế thép của ông.

2. Nguyên-tắc giáo-dục

Theo đồ-án này thì một địa-vị rất lớn được dành cho việc làm bằng tay, không phải (ở bậc Sơ-Tiểu) là sự chuẩn-bị nghề-nghiệp, mà là sự đào-tạo tổng-quát. Trong ý-nghĩa ấy người ta thêm việc làm bằng tay vào đời sống của gia-đình và của nhà trường như; làm vườn, làm công-việc nhà, chế-tạo các vật thường dùng, làm bếp, giữ-gìn các phòng, sửa-chữa bàn ghế nhà trường, đặt dây điện.

Trẻ con có cảm-tưởng rằng chúng đang làm những công-việc hữu-ích: chúng đem hết tâm-hồn vào đấy một cách hăng-hái. Trong sự giảng-day các môn về lý-trí chính-thức thì người ta đã đi từ chỗ cụ-thể và một khi đã đi mãi vòng rồi, người ta đưa tâm-hồn trẻ về các công việc áp-dụng, nhất là những công-việc có giá-trị xã-hội.

Như vậy người ta áp-dụng môn địa-lý cho những sự-kiện, những nhu-cầu loài người của một châu-thành, của một vùng, của một xứ. Người ta nối môn lịch-sử quốc-gia vào môn lịch-sử địa-phương, người ta áp-dụng môn tính-đố vào việc kế-toán của nhà trường (mà trẻ con từ 13 đến 15 tuổi đảm-nhiệm một vài phần); người ta bắt trẻ con

phân-phát các giấy bút hoặc các đồ-vị, các món ăn cần-thiết cho sự chuẩn-bị một tiệc trà, một bữa ăn trưa hầu làm phát-triển ở trẻ sự biết phân-biệt đồ-vật và trật-tự : người ta lại cùng với trẻ tạo lên một thư-viện nhà trường.

D. PHƯƠNG-PHÁP WINNETKA

1. Nguồn-gốc

Phương-pháp này có ý sửa-chữa những điều bất-tiện của đồ-ăn Dalton. Phương-pháp được ông Carleton Washburn đề-xướng lên tại ngoại-ô thành Chicago.

2. Nguyên-tắc giáo-dục

Phương-pháp này cố-gắng trước nhất thích-ứng việc làm của trẻ con vừa là với trình-độ tiến-triển và tinh-thần của chúng vừa là cho khả-năng cá-nhân chúng.

a) Mục-đích.— Mục-đích của phương-pháp này là giúp trẻ con lớn và sống điều-hòa với tư-cách một con người về phương-diện cơ-thể và tinh-thần.

b) Phần thực-hành.— Ở ấu-trĩ-viên trẻ nhỏ học nặng đồ bằng đất, học, vẽ, làm thủ-công không có dụng-cụ chính-thức, ngoại-trừ dụng-cụ cần-thiết cho hoạt-động tự-do. Kể đó, ngay ở lớp đầu bậc đệ-nhất cấp người ta dạy trẻ con tập đọc và toán học. Đến cấp-bậc thứ tư người ta dạy chúng khoa học (sử-ký, địa-lý, văn-hóa sử-cương hay là văn-minh sử, v.v...). Chương-trình chung ấy chỉ là phần tối-thiểu. Người ta đã kiểm-thể đề-án-định ra đầu là những tri-thức và những kỹ-thuật cần-thiết mà đời sống xã-hội đương đòi-hỏi. Người ta chia các tri-thức ấy ra thành từng ngành với một sự thí-nghiệm đúng nguyên-tắc ; người ta ấn-định tuổi tốt nhất cho sự thu-thập các tri-thức và kỹ-thuật cho tổng-số trẻ con bậc trung-bình,

Ngoài chương-trình tối-thiểu nói trên phương-pháp Winnetka tự đề-nghị nghiên-cứu và làm phát-triển nhân-vị trẻ con bằng cách tìm ra các khả-năng riêng-biệt, các sở-thích và các sở-đoan của trẻ (dùng trắc-nghiệm).

Washburne rất am-hiểu ý-kiến này là : học-đường cần làm nổi bật và giúp sự tiến-triển của những hoạt-động đặc-biệt và giúp cá-nhân tự phân-biệt với đa-số người khác bằng cách cho làm tập-thể những bài về văn-chương, những bài về khoa học xã-hội, những công-việc mỹ-thuật như : soạn bài, trang-trì và ấn-loát tờ báo của nhà trường, thể-thao, tổ-chức xã-hội tự-do (société libre), công-việc làm ở xưởng và ở phòng thí-nghiệm, v.v... Những hoạt-động ấy một mặt phải làm trẻ con có học-thức, có tinh-thần bình-tĩnh, tự-chủ, vững-vàng, đối với những kỹ-thuật mà chúng sẽ cần đến để làm tròn nhiệm-vụ trong xã-hội hiện-thời và giúp trẻ tự-tin ở mình, ở nhân-phẩm-mình. Một đặc-diểm khác của phương-pháp Winnetka là gồm những bài huấn-luyện tự-kỷ giáo-dục và những trắc-nghiệm kiểm-soát mệnh-danh là : kỹ-thuật Winnetka.

Các trắc-nghiệm được dùng riêng cho sự hướng-dẫn về môn tập được nghĩ ra như thế nào để trẻ con tự-nhận thấy chúng đã thành-công hay không trong những việc mà người ta đòi-hỏi chúng tự sửa các chỗ sai. Như vậy không có một bài nào có tính-cách thụ-huấn mà là một việc làm cá-nhân liên-tục, không để chỗ cho những sự quở-mắng, sai-khiến kế-tiếp của ông thầy, bà thầy, Thầy chỉ ở đó khuyên-bảo và giúp-đỡ trẻ mà thôi.

3. Phê-bình

Cũng như đồ-án Dalton, phương-pháp Winnetka công-nhận nguyên-tắc điều-hòa việc làm cá-nhân.

Cái mới-mẻ được thêm vào trong phương-pháp này là quyền tự-lập ra thời-khóa-biểu và tự ấn-định chương-

trình học-khóa cho những học-sinh giỏi, căn-cứ vào kết-quả tốt mà chúng đã thu-lượm được. Các học-sinh này tự viết đơn xin ứng cử vào số : *self reliant children* (số trẻ được sự tin-nhiệm của toàn lớp).

Sự ứng-cử của các học-sinh ấy được đem ra thảo-luận giữa các ông thầy hoặc bà thầy và, đặc-biệt hơn nữa, là giữa các *self reliant children*.

Đ. PHƯƠNG-PHÁP KẾ-HOẠCH

Đồ-án Dalton, đồ-án Gary và phương-pháp Winnetka không dựa vào lý-thuyết chủ-điểm mà Washburne cho là quá-ư giả-tạo.

I. Nguyên-tắc giáo-dục

Phương-pháp kế-hoạch thì lại khác hẳn. Nguyên-tắc của phương-pháp này là qui về trung-tâm-điểm những tri-thức cần thu-thập được chung-quanh những ý-tưởng chính có tính-cách chương-trình.

Nhờ sự áp-dụng phương-pháp này sự dạy học trở nên cụ-thể và khêu-gợi sâu rộng sự hoạt-động kiến-tạo của trẻ con.

Phương-pháp kế-hoạch nhằm hai mục-dích chính-yếu là :

a. *Cung-cấp cho sự giáo-dục một nội-dung (contenu) cụ-thể và sống động đối chọi lại nội-dung đồ-thư (contenu livresque).*

b. *Theo-dõi sự diễn-tiến tự-nhiên (processus naturel) của sự thu-thập tri-thức đối chọi lại phương-pháp giáo-huấn hay giáo-thụ.*

Thực ra, sự diễn-tiến được căn-cứ vào sự phát-triển những hoạt-động ngẫu-phát của trẻ con. Như thế là khiến

trẻ con lệ-thuộc tất-cả các cố-gắng của chúng vào sự thực-hành một mục-tiêu trong một thời-gian xa hay gần. Các nguyên-tắc này đã được áp-dụng trong học-đường thực-nghiệm phụ-thuộc vào Bộ Sư-phạm của Dewey mà ở nơi đây những kế-hoạch được đề-nghị đều thuộc về việc làm về kim-khí, gia-chánh, xưởng chế-tạo sợi.

Sự lựa-chọn rất là lạ-lùng khi mới xem qua : nhưng người ta nhận thấy rằng nhiều việc làm bằng tay của học-sinh, những buổi đi viếng các xưởng trại của các người lớn, những tái-tạo lịch-sử, v. v... có thể bao-quát dần-dần tất-cả chương-trình học. Lại nữa, rõ-ràng rằng : tất-cả những chuyển-hướng giữa các kế-hoạch sẽ dắt-dẫn trẻ lần đến sự tự giáo-dục lấy mình và những kế-hoạch cộng-đồng đưa đến việc làm từng nhóm ở các giai-đoạn xã-hội-hóa tâm-hồn trẻ con.

2. KẾT-LUẬN

Như vậy, những phương-pháp mà chúng ta đã miêu-tả ra trên đây, cho đến ngày hôm nay, đều có tính-cách chung là : dựa vào khoa tâm-lý thực-nghiệm, vào khoa tâm-lý khởi-nguyên (psychologie génétique), và vào khoa tâm-lý vi-phân (psychologie différentielle) mà qua lại giữa tự-kỷ giáo-dục căn-cứ vào một dụng-cụ và các bài huấn-luyện được tiêu-chuẩn-hóa (standardisés) và sự tự-do phổ-trương các hoạt-dộng dựa vào căn-bản Ich-lợi tinh-thần và, sau cùng, là cá-nhân-hóa nền giáo-huấn, nghĩa là, theo lời ông Claparède, sự kiến-tạo một nhà trường theo kiểu-mẫu, ni-tắc đã định. Trường này tìm thể thích-ứng với mỗi cá-tính học-sinh đã được coi như là một thực-tại chính-đáng.

Nhiều nước bên Âu-châu đều đã khởi sự canh-tân hệ-thống giáo-dục của mình dựa theo những phương-pháp mới như Ba-Lan và nước Áo. Nước Pháp thì tựa hồ như

bước chân vào con đường mới một cách rụt-rè, thận-trọng với các cuộc tổ-chức thử các lớp học mà niên-lận (học-trình) được kéo dài cho những trẻ từ 13 đến 14 tuổi và những sự toan làm để chỉnh-đốn những hoạt-động có chỉ-huy.

Trái lại, ở những nước mà nơi ấy truyền-thống giáo-dục rất là nghiêm-khắc, chặt-chẽ, thì những thí-nghiệm giáo-dục mới được tăng lên vô số như nước Mỹ chẳng hạn.

LOẠI THỨ HAI. *Những phương-pháp căn-cứ vào những cách cấu-tạo để thích-ứng với đời sống xã-hội.*

Các phương-pháp loại thứ nhì này chẳng những áp-dụng các cách cấu-tạo tư-tưởng cá-nhân mà lại còn áp-dụng khả-năng tự-nhiên của trẻ con về sự thích-ứng với đời sống xã-hội.

Loại phương-pháp này khác với loại phương-pháp trước ở chỗ loại sau này làm nổi bật sự tổ-chức việc làm từng nhóm hoặc từng đội. Như vậy loại phương-pháp này đã tìm cách thực-hiện sự thăng-bằng tuần-tự giữa sự cá-nhân-hóa cách học-hỏi về tinh-thần và sự xã-hội-hóa của sự học-hỏi ấy.

Lại nữa, không có sự phân-biệt triệt-đề giữa hai loại phương-pháp ấy.

Không phải phương-pháp Déroly, phương-pháp Winnetka, phương-pháp kế-hoạch, hoặc phương-pháp học đường ẩn-loạt đã bỏ rơi lợi-ích của việc làm cộng-đồng. Tuy vậy, người ta có thể nói rằng : đối với các phương-pháp thuộc loại thứ nhất ấy sự cá-nhân-hóa lối dạy vẫn luôn luôn là mục-dịch mà sự xã-hội-hóa chỉ là một trong những phương-tiện. Trong khi ấy, những phương-pháp thuộc loại hai thì lại quả-quyết nhắm vào sự xã-hội-hóa lối dạy.

1. Cần đề ý thêm rằng việc làm từng nhóm không thể

tổ-chức đồng đều ở các giai-đoạn tiến-triển tinh-thần trẻ con. Thực vậy, những lợi-ích xã-hội của trẻ con cần phải có một ổn-kiện vững-vàng (consistance) cần-thiết để cho giá-trị sản-xuất của đoàn-thể thị-hiện cho được, không phải là trước thời-kỳ 10 hay 11 tuổi mà phương-pháp mới có kết-quả.

Trong giai-đoạn thứ nhì của tuổi ấu-nhi và cho đến 7 tuổi trẻ con ở trong thời-kỳ trung-tâm tự-kỷ (égocentrique) thì làm sao có thể hợp-tác thực-sự với nhau được.

Từ 8 đến 10 tuổi, trẻ con có thể hợp-tác với nhau một cách rời-rạc. Chỉ khi nào chúng đã qua hạng tuổi ấy thì các hợp-tác trong cuộc chơi lại dèo thêm sự hợp-tác trong công-việc làm, việc học.

Thực ra, ở đây cần lợi-dụng theo chiều-hướng các cứu-cánh văn-hóa sự xu-hướng ngẫu-phát của trẻ về sự thành-lập những bọn nhỏ mà trong ấy các trẻ đều hoạt-động chung.

A. PHƯƠNG-PHÁP GIÁO-HUẤN HỖ-TƯƠNG

Ở đây, ngược lại trào-lưu, cần dành một chỗ cho những phương-pháp giáo-huấn hỗ-tương được trình-bày do nhà sư-phạm Pestalozzi (Thụy-sĩ) và được áp-dụng ở Anh vào năm 1789 do hai nhà sư-phạm Bell và Laucaster và đã được áp-dụng triệt-đề ở thành Fribourg (Đức) do tu-sĩ Grégoire Girad và ở Pháp trong thời-kỳ trung-hưng quân-quyền (Restauration) ; phương-pháp này đã nổi danh một thời.

Phương-pháp giáo-huấn hỗ-tương được áp-dụng là do sự thiếu thầy dạy học giỏi và do sự thay thế các ông thầy này bằng những học-sinh lớn tuổi hơn và giỏi hơn các bạn đồng-song của chúng.

Bằng cách tổ-chức nhiều toán nhỏ mỗi toán đặt dưới

sự hướng-dẫn của mỗi giảng-tập-viên (moniteur) người ta đã áp-dụng được sự chăm-nom săn-sóc của kẻ cả đối với đàn em út.

Ông Bell cho rằng : với phương-pháp này một ngôi trường toàn-diện có thể học-hồi với sự chăm-nom của một thầy dù cho trường ấy có mấy trăm học-sinh cũng mặc.

1. Những vị chủ-xương việc làm từng toán, từng nhóm

Việc làm, việc học từng nhóm, từng phiên mà lối giáo-dục mới quan-niệm không có gì giống với chế-độ hỗ-tương giáo-huấn.

Theo lối giáo-dục mới này thì việc làm, việc học từng nhóm ám-chỉ một sự công-tác tự-do của các học-sinh. Trái ngược lại, với những bài mà chúng làm chung với nhau mỗi trẻ đều phải lo riêng việc của mình dưới sự chỉ-huy của ông thầy, bà thầy.

Phương-pháp này đã được áp-dụng bên Anh do nhà Sư-phạm Sanderson, bên Thụy-sĩ do nhà sư-phạm Roger-Cousinet và bên Đức do nhà sư-phạm Peter-Petersen.

Ông Cousinet định-nghĩa hệ-thống giáo-dục của ông như sau : « Trẻ con hiệp với nhau lại thành những nhóm từ 5 đến 6 đứa và mỗi nhóm tự lựa-chọn một việc mà chúng muốn làm ».

« Công-việc làm ấy được thi-hành tập-thể : mỗi nhân-viên của nhóm đều đóng góp vào nhóm những tập-quần, những điều hiểu-biết của mình. Cái men của sự công-tác của chúng là sự vui-thích được trở nên một người thợ tốt nghĩa là đã để lại trong kết-quả chàng dấu-vết, ấn-tượng riêng của mình. Tuyệt-nhiên, trong nhóm không có tình ích-kỷ tự-cao, mỗi nhân-viên đều làm hết sức mình và

« việc của mỗi cá-nhân đều có hưởng nhờ cái uy-tín chung của công-trình đoàn-thể ».

« Cũng nhờ vậy mà những thợ chạm kim-thuộc (ci-seleurs) và những thợ làm đồ thủy-tinh (verriers) trong thời trung-cổ đã làm xong hoàn-toàn một thành-đường về các chi-tiết ».

« Người lãnh-đạo một nhóm, một phiên, chỉ được các thợ công-nhận là khi nào người ấy tôn-trọng sự cố-gắng của họ ».

« Lại nữa, mỗi người thợ chọn một cách không sai chạy việc làm phù-hợp khả-năng mình ».

Như vậy, ông Cousinet đề các nhóm tự thành-lập nghĩa là với tinh-thần độc-lập hoàn-toàn, tự chọn người lãnh-đạo và tự ấn-định chương-trình làm việc của mình.

Ở đây, sự tự-trị rất lớn và nhằm vào sự dung-hòa giữa tổ-chức của tập-đoàn và sự phát-triển nhân-phẩm.

Trước hết là phải làm cho trẻ tự cảm thấy rằng : trong đoàn-thể trẻ có thể trở nên giàu có biết bao trong công-việc làm chung nhờ sự thụ-hưởng tất-cả nguồn-lợi của đoàn-thể.

Trái lại, những ý-kiến chính về vấn-đề này của Petersen thì khác hẳn. Ông Petersen nghĩ ra một kế-hoạch, một đồ-án (plan) làm việc có hệ-thống chặt-chẽ. Theo kế-hoạch của ông thì những bài dạy, sự hoạt-động tập-thể có chỉ-huy và sự hoạt-động tự-do của các nhóm đều được hỗn-hợp lại (combinés). Sự dạy-đỗ được trình-bày dưới một hình-thức tổng-hợp (synthèse) chứ không dưới hình-thức các ngành riêng-biệt, tương-tự như thuyết chủ-diễn vậy.

Sự thành-lập các nhóm lại cũng biến-đổi luôn. Nhóm có thể được thành-lập một lần trong đầu niên-khoá hoặc ở

phút đầu của mỗi bài học hoặc là riêng cho sự nghiên-cứu một số vấn-đề gì. Ông thầy có thể bắt học-sinh phải nhận sự chia chúng ra từng nhóm hoặc khuyên-bảo chúng làm việc ấy.

Trong một ít trường-hợp, nhóm cam-kết làm xong một công-việc gì bằng một thứ khế-uớc việc làm tương-tự như đồ-án Dalton.

Chế-độ này được áp-dụng cho tất-cả các môn học nhất là cho các môn : khoa-học thiên-nhiên, sử-ký, địa-lý, mà cũng có thể cho các môn tác-văn và tính-đố.

Sau cùng có thể tổ-chức sự cộng-tác giữa các nhóm các phiên đã thực-hiện sự điều-hòa trong cách làm việc tổng-quát của nhà trường.

Đó là nguyên-tắc áp-dụng phương-pháp nói trên của nhà sư-phạm Petersen.

2. Giá-trị giáo-dục của sự làm việc tập-thể (từng nhóm)

Ông Piaget đã phân-tách các lý-do ấn-định giá-trị giáo-dục của sự làm việc tập-thể.

Những sư-phạm-gia tân-thành phương-pháp này đồng-ý tuyên-bố rằng : sự hỗn-hợp (la combinaison) cố-gắng cộng-đồng với cố-gắng lẻ-lai của cá-nhân rất cần-thiết ; không nên nói rằng : lúc nào trẻ con cũng cảm thấy luôn luôn bị tập-thể (nhóm) thu-hút mất và trong bất-cứ trường-hợp nào chỉ tin-tưởng ở tập-thể.

Phương-diện hay nhất là nhóm (tập-thể) : cần nên so-sánh và đề so lại những kết-quả riêng-biệt của mỗi nhân-viên của nhóm đã thu-thập được.

Sự công-tác ám-ohi nhân-phẩm : sự công-tác tạo thành nhân-phẩm bằng cách làm tiêu-tan *trung-tâm ich-kỹ* và bằng cách sắp-dặt những cá-nhân cho có trật-tự.

Chỉ có sự ép-buộc vì đã đem các cá-nhân lại một cấp-bậc làm. trở-ngại cho sự nẩy-nở các nhân-phẩm và, chung qui, tăng-cường cho *trung-tâm ich-kỹ* nguyên-thị.

Tập-đoàn và nhân-phẩm đi song-song nhau cũng như *trung-tâm ich-kỹ* và sự ức-chế (ép-buộc).

Tập-đoàn có thắng-lợi và thay-thế vào quyền-uy của tập-thể mà trong đó trẻ có tham-dự để đưa trẻ đến chỗ phục-tùng kỷ-luật tinh-thần của lễ phải.

Quyền của người lớn không đủ để giáo-dưỡng một cách thiết-thực tư-tưởng về các điểm quan-trọng ấy (là sự hợp-lý các liên-hệ và sự hợp-ý các giai-cấp) bởi vì sự phục-tùng theo đường-lối không phải là lễ phải và sự thảo-luận và sự công-tác thật-sự không thể có được nếu không có một sự bình-đẳng tối-thiểu và sự hỗ-tương giữa nhau.

Có lẽ người ta chỉ-trích rằng sự làm việc tập-thể có cái nguy và dễ trong tâm-hồn trẻ một số làm-lẫn trong số các chân-lý mà lời nói mù-mờ của thầy cũng không hơn gì. Rốt cuộc cái thắng-lợi tinh-thần do ở chỗ không phải trong số các tri-thức đã thu-thập được mà là những tập-quán lành-mạnh về tinh-thần trong khi làm việc như : tinh khách-quan trong công-việc phát-minh và sự hợp-lý trong suy-nghĩ. Và lại, sự công-tác vì lẽ nó là nguồn-gốc của sự kiểm-soát hỗ-tương và sự tương-quan tương-đối sẽ tiếp sức cho ý-nghĩa khách-quan, cho sự thỏa-thuận với thí-nghiệm (kinh-nghiệm) và kiện-toàn ý-nghĩa hợp-lý nếu thật ra sự hợp-lý là luận-lý, đạo đức của tư-tưởng chung.

Chỉ-trích thứ hai nhằm vào trường-hợp các trẻ biếng.

nhác hoặc những trẻ chậm-chạp. Những trẻ này theo ý người ta tưởng, có thể ở đằng sau và bị bỏ rơi.

Kinh-nghiệm hình như chứng-minh ngược lại rằng : các trẻ ấy chịu sự lôi kéo chung một cách dễ-dàng hơn là chịu ảnh-hưởng của lời khuyên-cáo.

B. PHƯƠNG-PHÁP HOẠT-ĐỘNG Ở CÁC CẤP-BẬC CAO HƠN CỦA NỀN GIÁO-DỤC

Một sự nhầm-lẫn thường được lan tràn ra là cho rằng phương-pháp hoạt-dộng có lẽ chỉ được áp-dụng chính-thức và toàn-diện ở cấp-bậc Sơ-tiểu. Nhưng, trái lại, bậc Trung-học và Đại-học, vì có những cứu-cánh khác-biệt không sao dung-hòa với các phương-sách giáo-huấn ấy. Người ta công-nhận rằng : lối giáo-huấn hoạt-dộng phù-hợp với tính-chất thiên-nhiên của trẻ con ; nhưng người ta cho rằng tuổi dậy-thì thay-đổi hẳn tính-chất thiên-nhiên ấy và các kỹ-thuật khác nhằm vào sự tri-thức-hóa rất cần-ích trong lúc đó.

Thường người ta tuân theo hậu-ý rằng nền giáo-huấn Sơ-Tiểu vì lẽ dành cho các trẻ để ngày sau chuyển sang các nghề lao-dộng, không thể có một tính-chất thực-tiễn quá sớm. Trong một thời-gian khá lâu, tư-tưởng ấy đã ngự-trị trên khắp nước Pháp cho đến đổi các lớp Sơ-Tiểu các trường Trung-học, tuy rằng đã được hưởng về văn-hóa tự-do, không thể thu-nhận một loại chương trình hoặc chấp-nhận một loại phương-pháp như ở các lớp tương-dương của Bình-dân giáo-dục. Thật không gì phi-lý bâng, vì không thể có hai tính-chất thiên-nhiên khác-biệt của trẻ con tùy theo giai-cấp xã-hội mà nó lệ-thuộc và lại không có gì tai-hại hơn là thuyết theo đó trẻ con sinh ra phải tùy theo nhà trường không tùy theo trẻ con.

Vậy chúng ta kết-luận rằng nếu phương-pháp hoạt-

động tự nó có một giá-trị thì nó phải được áp-dụng cho tất-cả trẻ con, mà đến đây tại sao phương-pháp ấy mất hết giá-trị đối với hạng thanh-niên (Adolescence) ? Tuổi này là tuổi rất thuận-tiện cho sự xã-hội-hóa và là tuổi đầy nhựa sống, là tuổi mà phương-pháp hoạt-động nhất là phương-pháp làm việc từng nhóm lẽ phải coi là một địa-hạt áp-dụng tốt nhất ?

Các nhà chủ-xương lên lối giáo-dục mới đều hiểu như vậy và từ-khước không chịu lập lên ranh-giới, cắt xén trong sự tiến-triển của hoạt-động giáo-dục. — Nhưng ít ra, người ta cũng xin lưu-ý rằng : tuổi xã-hội-hóa ấy lại cũng là tuổi cá-nhân-hóa và tuổi này gồm có những mối e-ngại, thẹn-thùng, những phút êm-lặng, những sự thu hình không thể làm phát-triển sự sử-dụng chung tất-cả các sáng-kiến tự-do.

Những nhà tâm-lý đồng trả lời trước rằng : lời chỉ-trích ấy tuy rằng chứng-miễn sự cá-nhân-hóa và sự xã-hội-hóa đi song-song nhau, rằng : cái này tiến-triển nhờ cái kia và, hơn nữa, việc làm từng nhóm được ý-thức chu-dáo không bôi-bỏ hẳn bằng bất-cứ cách nào mà trái lại ám-chỉ sự cố-gắng của mỗi người.

Sự nhầm-lẫn thứ nhì cần được giải-nghi là nghĩ rằng : sự hoạt-động trong sự tận-tụy ở nhà trường cần giữ nguyên các tính-chất xuyên qua sự phát-triển của cá-nhân hay, nói một cách khác, sự làm thủ-công phải được đặt ở nơi trung-tâm của sự cố-gắng, dù rằng đó là sự cố-gắng tinh-thần cũng như trong những giai-đoạn đầu của tuổi trẻ.

Nên thú-nhận rằng : nhiều nhà giáo-dục canh-tân lại dễ sa vào chỗ thái-quá ấy. Sự thực có khác. Một nền su-phạm hoạt-động hàm-ý rằng : bất-cứ một nền giáo-huấn nào đều khởi-sự bằng cách đánh thức và phò-trương hành-

động những lợi-ích ngẫu-phát của con người vào thời-kỳ tiến-triển thích-ứng. Để đáp lại những lợi-ích chủ-yếu của tuổi thanh-niên là những lợi-ích tri-thức trừu-tượng sự hoạt-động cần được tri-thức-hóa. Sự tiến-triển của trẻ con giữa hai tuổi : tuổi thơ-ấu và tuổi thanh-niên qui vào việc sau đây : lý-trí phục-vụ hành-động trong thời-kỳ thứ nhất, hành-động phục-vụ lý-trí trong giai-đoạn thứ nhì.

Phương-pháp hoạt-động như thế là cần-thiết cho tất-cả cấp-bậc giáo-dục.

Các cứu-cánh của văn-hóa càng trừu-tượng và phức-tạp chừng nào thì nó lại càng đòi-hỏi một số lớn những phương-tiện trung-gian, những khúc quanh-co và nó cũng lại đòi-hỏi những tập-đoàn có tổ-chức. Người ta thấy việc ấy trong những công-việc thực-tập ở các phòng thí-nghiệm khoa-học.

Tuy-nhiên, ở chỗ mà các công-việc thực-tập chỉ là một phần phụ-thuộc, một thứ phương-tiện kiểm-soát hiệu-lực các công-thức do ông thầy đã giảng-dạy ; thực ra nó phải là phần chính-yếu trong một nền giáo-dục được quan-niệm như một sự khai-mào, một sự điềm-dạo về lý-trí cũng như sự tìm-tòi khoa-học và các phương-sách của nó.

Sự thực là trong tất-cả các môn phương-pháp hoạt-động có một chỗ rõ-rệt ; môn văn-chương, mà nơi đây có sự giải-thích của các bài văn có thể học chung một sự tìm-kiếm khảo-chứng giải-thích cần có lợi là được phân-phối cho nhiều người, mà các tuồng hát cần được trình-diễn. Về môn sử-ký và địa-lý mà sự tìm kiếm riêng và chung là căn-bản cho sự rõ thông các biến-cổ. Trong sự học các sinh-ngữ mà cuộc đàm-thoại là phương-tiện chính-yếu của sự tiến-bộ ; trong môn toán mà người có thể cho thêm nhiều bài áp-dụng. v.v... Chúng ta không nói đến môn

triết-lý, dành riêng cho các trường Trung-học Pháp vì sự làm việc công-cộng về môn này chỉ có sự trình-bày công-cộng những suy-nghĩ cá-nhân.

Như vậy, chúng ta lập lại rằng: sự áp-dụng phương-pháp hoạt-động và việc làm từng nhóm không vì một lý-do gì mà bởi xóa sự cố-gắng tư-tưởng vừa cá-nhân và vừa lẻ-loi. Cần nhất là tất-cả đều hưởng nhờ việc làm của mỗi người chứ không phải là mỗi người trông-cậy vào đoàn-thể để vượt qua các nỗi khó-khẩn mà mình vấp phải. Ấy là một sự điều-hòa cần tạo nên, một sự thăng-bằng cần thực-hiện mà trong đó sự khéo-léo của ông thầy cần được đem ra thi-thố.

Sự canh-tân các phương-pháp không thể có được nếu nhà trường, ngoài ra, còn giữ một cách chặt-chẽ những chương-trình đã được ấn-định một cách tỉ-mỉ, những bài áp-dụng đã được soạn trước, hệ-thống các bài làm, bài hỏi, bài tác-văn, các cuộc thi định-kỳ và, trên hết, lại có các sách giáo-khoa tăng lên không ngừng để có lợi cho soạn-giả và nhà in và hình như đã được ấn-định để miễn cho ông thầy, bà thầy mọi cố-gắng sư-phạm. Ấy là làm một công-việc thí-nghiệm khả-ở nếu các phương-pháp mới chỉ được gá vào một hệ-thống không thích-ứng với nó. Bị làm sai bản chất (dénaturés) ngay trong nguyên-tắc căn-bản các phương-pháp ấy bây-giờ chỉ có thêm các mối tẽ vào các mối tẽ của hệ-thống đã có vì nó bị đem áp-dụng một cách vô-y-thức.

Về bậc Đại-học, chúng ta không còn nói gì riêng hơn là nếu chỉ vì theo định-nghĩa Đại-học là lễ mở lòng (l'initiation) là sự khai-tâm cho sự tìm-tòi nghiên-cứu chính-thức thì Đại-học đã tự mâu-thuẫn với mình ngay từ lúc đầu nếu nó chỉ gồm có các bài giảng có vẻ nghiêm-trang, đạo-mạo. Những phương-sách như thế có thể ích-lợi

về phương-diện chuyên-nghiệp và để đào-tạo những nhà chuyên-môn. — Nhưng nó chỉ có một giá-trị rất kém về mặt văn-hóa chân-thực. — Người ta thấy những cuộc thi lớn dựa vào cách áp-dụng đúng với các phương-sách ấy.

Như vậy không lấy chi làm lạ nếu các phương-sách ấy chỉ là những khí-cụ quá tầm-thường để tuyển-lựa nhân-tài.

NHỮNG LỜI BÌNH-LUẬN VỀ CÁC PHƯƠNG-PHÁP HOẠT-ĐỘNG

Thực ra sự phổ-biến các phương-pháp hoạt-dộng không phải là không làm khởi-dậy những khó-khăn trầm-trọng, thuộc về phương-diện xã-hội hơn là sư-phạm.

Nơi nào mà những phương-pháp ấy được áp-dụng có nhiều kết-quả nhất-thì các phương-pháp ấy đòi-hỏi một ngạch nhân-viên chọn-lọc rất đông người, một ngạch giáo-sư với con số và tính-hành đặc-biệt với những điều-kiện sinh-sống riêng-biệt. Trái lại, nền giáo-dục công-cộng được dành cho tất-cả trẻ con không có sự phân-biệt nào. Những giáo-chức các trường công-lập không cần phải có một khuynh-hướng hoặc những khả-năng phi-phàm. Những trẻ con theo học các trường này không cần ở trong những tình-trạng chỉ chịu riêng ảnh-hưởng của lối giáo-dục công cộng mà thôi.

Phương-pháp giáo-huấn hay giáo-dục có một sự quan-trọng trực-thuộc sĩ-số trong một lớp dưới sự chăm-nom của một ông giáo có giá-trị bậc thường thôi.

Một ông giáo điều-khiển một lớp học có bốn chục hoặc năm chục học-sinh tất phải bắt-buộc trình-bày những chọn-lý có tính-cách chung cho mọi người.

Các học-đường áp-dụng phương-pháp hoạt-dộng chỉ

là những thí-nghiệm thực-hiện trong một hoàn-cảnh nhất-định. Các trường ấy không nhận những trẻ con đặc-biệt (hay bất-thường, chậm-tiến, hoặc thần-đồng) hoặc trẻ con vô-thường, bất-định, mà trái lại chỉ nhận trẻ con các gia-đình thông-minh, biết nhận-thức tầm quan-trọng của cuộc thí-nghiệm này.

Đành rằng người ta có thể làm gián-dị phần nào những nỗi khó-khăn nói trên bằng cách tổ-chức những lớp học cho các trẻ đặc-biệt hoặc các trẻ thần-đồng hoặc bằng hệ-thống các lớp di-chuyển theo đồ-án Dalton.

Sự khó-khăn lớn nhất là trẻ con học theo lối Giáo-dục mới này phải chịu tất-cả mọi ảnh-hưởng : ảnh-hưởng xã-hội, (ảnh-hưởng gia-đình, ảnh-hưởng ngoài đường) làm tiêu-tan ảnh-hưởng của nhà trường, bởi trẻ con không bị kiểm-chế về một phương-diện nào.

Người ta có nghĩ đến vấn-đề nội-trú phổ-cập cho tất-cả loại trường nói trên và như vậy vấn-đề giáo-dục sẽ vượt ra ngoài rất xa phạm-vi của nhà trường và sẽ trở thành một vấn-đề vừa xã-hội vừa sư-phạm.

UỐN-NẪN VÀ GIÁO-DỤC

Công-dụng của phương-pháp uốn-nắn

(Trích trong Sư-phạm Khoa Giản-Yếu Phạm-Xuân-Độ)

I. UỐN-NẪN VÀ GIÁO-DỤC

Uốn-nắn là phương-pháp gây thành tập-quán khiến người ta dựa vào các ảnh-tượng thuộc về giác-quan và động-lực để sai-khiến một sinh-vật một cách máy-móc. Muốn áp-dụng cách này, người ta phải gọi ra những cảm-xúc mạnh-mẽ. Thí-dụ : dạy chó nhặt một dụng-cụ từ xa mang lại ; nếu nó cưỡng thì đánh đập ; nếu nó vâng theo thì ban cho nó thực-phẩm. Loài vật ấy không biết

suy-xét mà chỉ thấy rằng : không nghe thì bị đánh đau, thì hành là được ăn ngon. Đối với trẻ nhỏ cũng vậy ; ta không thể giải-thích hay lý-luận khi sai khiến chúng một việc gì ; chúng hư thì phạt, chúng ngoan thì khen.

Vậy uốn-nắn có những đặc-tính sau đây :

1. Tính-cách máy móc của cử-chỉ.
2. Đương-sự bị cưỡng-bách, không có chút tự-do hay sáng-kiến.
3. Sự uốn-nắn ngăn cản những thái-dộ hay hành-động tự-nhiên.

Trái lại, giáo-dục muốn cho trẻ :

1. Hiểu-biết lý-do của việc làm, như : tại sao phải siêng-năng, phải giữ vệ-sinh, hay, cao hơn nữa, thế nào là hợp-lý, là tự-trọng ?
2. Được suy-xét và tự-chủ, nhất là từ khi các phương-pháp hoạt-động hành-trưởng trong các học-đường.
3. Tự hướng-dẫn hay tự chế-ngự ý-tưởng, tính-tình hoặc hành-vi.

Lẽ tự-nhiên là giáo-dục mới thực là cách huấn-luyện rất xứng-dáng, rất quan-trọng, khiến trí-tuệ trẻ con thêm sáng-suốt và nhân-cách phát-triển một cách đầy-dủ, dồi-dào. Nó có tính-cách mềm-dẻo và chỉ kiểm-hãm những nghị-lực hạ-cấp để giúp-dỡ sự nảy-nở của các nghị-lực thanh-cao. Thí-dụ kiểm-trước trí-lực để áp-dụng nó vào những công việc hữu-ích cho gia-đình, xã-hội. Trái lại, uốn-nắn chỉ có một lợi-diểm, là gây thành những tập-quán lỗi.

II. CÔNG-DỤNG CỦA PHƯƠNG-PHÁP UỐN-NẮN

Tuy không có nhiều giá-trị trong đạo tu-tề, sự uốn-nắn cũng thường là một phương-pháp cần-thiết.

- 1) Thật vậy, khi trẻ chưa có đủ trí-khôn để suy-luận ta không thể giáo-huấn chúng như đối với các thanh thiếu-niên. Trong thời-kỳ đó, ta cần áp-dụng những phương-tiện cưỡng-bách. Vì đó, nhà sư-phạm Hợp-Chúng-Quốc Channing đã nói : « Sự vâng lời là nền luân-lý của trẻ nhỏ ».
- 2) Hơn nữa, hầu hết các môn học có những chi-tiết mà trẻ phải áp-dụng một cách máy móc cho khỏi mất công-sức và thì-giờ vô-ích. Trong khi viết và đọc, trừ những ấu-sinh vỡ lòng không kể, còn các trò khác cũng như người lớn, chỉ nhìn ra là đã biên chép hay nhận hiểu được ngay. Khoa-học hay số-học, có những công-thức hay hệ-thống cần thuộc lòng. Đến như văn-chương, ta còn thấy những luật-lệ về chính-tả hay ngữ-pháp mà học-sinh phải ghi nhớ, không sao lý-luận được.
- 3) Sau hết, khi trẻ tuân theo lễ-giáo hay phong-tục, khi chúng thực-hiện những phương-pháp cổ-diễn trong việc học-hỏi, những phương-pháp mà mọi người đều công-nhận, thời ít khi chúng hần-khoăn, suy-xét. Khi đó, chúng đã chịu đựng cách uốn-nắn mà chúng không biết.

NHỮNG PHƯƠNG-PHÁP ĐỨC-DỤC

Về phương-diện đức-dục, người ta áp-dụng một trong ba phương-pháp sau đây : phương-pháp giáo-huấn hay giáo-thụ (méthode didactique), phương-pháp trực-giác (méthode intuitive) và phương-pháp hoạt-động, hoặc cả ba phương-pháp dưới hình-thức tổng-hợp, mỗi phương-pháp được áp-dụng tùy lúc, tùy chỗ, nhiều hoặc ít.

SỰ HỖ-TƯƠNG GIỮA CÁC PHƯƠNG-PHÁP VỀ TRÍ-DỤC VÀ ĐỨC-DỤC

Mặc dù có lắm kẻ chống-dối chủ-tri-thuyết (intellectualisme), người ta đều nhìn nhận có một sự liên-hệ chặt-chẽ, một sự hỗ-tương thâm-nhập bất-diệt giữa hai khoa trí-dục và đức-dục. Tuy-nhiên phải dành cho chủ-tri-thuyết một ý-nghĩa đúng mức của nó là: Chủ-tri-thuyết (intellectualisme) không phải là sự chứa-chất, sự chõng-dống những tri-thức (connaissances) mà là sự cấu-tạo tư-tưởng có suy-nghĩ. Chắc-chắn là sự suy-nghĩ không phải là hoàn-toàn về đạo-đức (moralité) cũng như về nghị-lực của ý-chí. Nhưng có điều chắc-chắn là không có đạo-đức nếu không có sự suy-nghĩ và nghị-lực của ý-chí.

Điều ấy chứng tỏ rằng sự hỗ-tương thâm-nhập kia là do những cừu-cánh chung của Trí-dục và Đức-dục. Với trí-dục cần phải có sự hoạt-dộng của tư-tưởng và sự tự-chủ của phán-đoán; trái lại, với đức-dục thì lại phải có sự miễn-tiếp của phẩm-hành và tự-chủ của quyết-định.

Ở đây, trên bình-diện đạo-đức, ta tìm thấy ba loại phương-pháp giáo-dục đã được nêu lên trên bình-diện trí-dục là: phương-pháp giáo-huấn hoặc giáo-thụ; phương-pháp trực-giác; phương-pháp hoạt-dộng.

PHƯƠNG-PHÁP GIÁO-HUẤN HAY GIÁO-THỤ

Phương-pháp này căn-cứ vào ý-kiến sau đây:

Cần-thiết và có thể được di từ quyền-lực ở bên ngoài đưa vào cho cá-nhân (hétéronomie) đến sự tự-trị ý-chí.

Phương-pháp giáo-huấn hay giáo-thụ khởi-diễm ở chỗ sự hiện-tồn của đạo-đức được coi như một thực-tại (hệ-thống các sự-kiện đạo-đức hoặc hệ-thống các giá-trị

đạo-đức) ở ngoài lương-tâm con người phải thích-ứng với những phẩm-hạnh mà nó bị bắt-buộc phải có.

Như vậy : mục-dịch của phương-pháp giáo-huấn về phương-diện đức-dục là tạo nên ở con người một « tự-nhiên-tính » (nature) thứ nhì, tự-nhiên-tính về mặt tinh-thần theo những nhà thần-học (théologiens), tự-nhiên-tính về mặt xã-hội theo những nhà xã-hội-học, không giống với tự-nhiên-tính bản-sơ. Tự-nhiên-tính bản-sơ cần phải được đề-nén, hoặc ít nữa kiểm-chế trong những dục-vọng của nó.

Phương-pháp giáo-huấn về phương-diện đức-dục khởi đầu ở hạng tuổi còn nhỏ nhất bằng sự uốn-nắn — uốn-nắn trong gia-đình, uốn-nắn ở nhà trường và tiếp-tục bằng một quyền-lực bên ngoài được thừa-nhận căn-cứ vào quyền-lực của ông thầy tượng-trưng cho quyền-lực của xã-hội (và xưa kia quyền-lực thiêng-liêng). Tình-trạng này chấm dứt khi mà cá-nhân đã đến tuổi hiểu lẽ phải của những cử-động mà những bài đức-dục lý-thuyết và thực-hành bắt-buộc chúng phải làm để đi từ phẩm-hạnh do quyền-lực bên ngoài tạo cho đến phẩm-hạnh mà cá-nhân tự rèn tập theo một hệ-thống gồm những điều lành, điều phải, những bổn-phận mà trí thông-minh của cá-nhân có thể giúp cá-nhân hiểu được. Nhưng quan-niệm trên đây không được các học-thuyết tôn-giáo nhìn-nhận — và có nhiều bất-đồng ý-kiến về điểm này.

Các nhà xã-hội-học lại cho rằng trong tâm-lý của thiên-nhiên-tính con người (nhất là về sinh-vật giác-quan) có những xu-hướng thúc-giục con người tiếp-dón và ước-vọng đời sống xã-hội. Tình-ura mền xã-hội phổ-diễn ra ngoài xu-hướng ngẫu-nhiên về xã-hội-tính. Trẻ con không những tìm kiếm xã-hội trẻ con đồng lứa tuổi mà lại còn tìm xã-hội của anh chị (kể cả) và của em út nữa. Ý-thức bổn-phận của cá-nhân đáp lại với sự nhìn-nhận sức

tiêu-hèn của mình và sự cần được che-chỡ, dẫn dắt, nâng-dỡ.

Như vậy gác bỏ ra ngoài phương-pháp giáo-huấn bằng quyền-lực bên ngoài là điều không thể được.

Quyền-lực của người trưởng-thành rất cần-thiết trong buổi đầu đời sống đạo-dức của mỗi cá-nhân vì lẽ mỗi xã-hội có một lối sống riêng và luật-lệ phong-tục riêng cần phải truyền-thụ lại cho đoàn hậu-tấn. Chính quyền-lực ấy rất cần để giúp cho đoàn hậu-tấn tìm ra ý-niệm một tâm-hồn cao-thượng có thể làm gương-mẫu tạm-thời cho chúng.

Dù đến tuổi thanh-niên (adolescence) mỗi cá-nhân nhận thấy cần pha trộn với đời mình những gương-mẫu vượt hẳn mình. Vì thế mà quyền-lực của bậc trưởng-thành có ảnh-hưởng với đời sống cá-nhân thanh-niên là vậy.

Ông Fritz Jude nói rằng : « Cái chi đào-tạo thanh-niên không phải là cái mà chúng ta nói cho chúng mà chính là cái mà chúng ta hiện thân bây-giờ ».

NHỮNG KHUYẾT-ĐIỂM CỦA PHƯƠNG-PHÁP GIÁO-HUẤN VỀ PHƯƠNG-DIỆN ĐẠO-ĐỨC

α. Phương-pháp giáo-huấn tự mình không đủ sức để tạo nên thật-sự một lương-tâm đạo-dức. Nó chỉ có thể tạo nên một nền luân-lý căn-cứ vào quyền-lực bên ngoài và sự tuân theo những luật-lệ bên ngoài mà cá-nhân không hiểu chi cả.

Các luật-lệ tập-quán ấy đều mượn ở xã-hội hiện-tại. Như vậy nó không thể đưa lương-tâm cá-nhân lên cao hơn thuyết « Hợp-thời chủ-nghĩa » (le conformisme) quá gât-gao để vượt ra khỏi vòng tập-quán phong-tục phiền-phức.

b. Đặc-biệt hơn nữa là phương-pháp giáo-huấn không sao dung-hòa hai loại luân-lý : luân-lý căn-cứ vào quyền-lực bên ngoài (quyền-lực của thầy) và luân-lý căn-cứ vào tinh-thần tự-trị của các nhóm trẻ con đã được ngẫu-nhiên lập nên. Bởi thế, ông thầy ngó các nhóm ấy với con mắt không ưa-thích và thường nghi-ngờ luôn vì cho rằng các nhóm ấy được lập nên để đánh bại quyền-lực của mình. Như vậy, theo tinh-tinh phong-tục bấy giờ phương-pháp giáo-huấn nói trên chỉ đào-tạo sự làm loạn, sự phản-kháng hơn là sự áp-phục tuân-thành (sujetion conformiste).

Cái khuyết-diểm lớn của phương-pháp giáo-huấn là sự lạm-dụng các cách trừng-phạt như là : mắng trước mặt công-chúng và nhứt là sự đánh đập khiến cho trẻ con lúc nào cũng có tự-ti mặc-cảm. Trong hoàn-cảnh lui nhục ấy ý-thức nhân-phẩm không thể nào xuất-hiện được. Trái lại ý-chí tranh-đấu, phản-kháng đã ngấm-ngấm nảy-nở trong tâm-hồn trẻ với những phương-tiện thông-thường của nó là : sự giả-nhân giả-ngĩa (hypocrisie), sự nói dối, sự hung-tợn ngấm-ngấm, và sau nữa là sự bất-chấp mọi quyền-lực nói chung.

Nói tóm lại, phương-pháp giáo-huấn gắt-gao, độc-đoan chỉ tạo những tâm-hồn nô-lệ hoặc những tâm-hồn bất-trị, vô-trật-tự (anarchiques) mà thôi.

c. Phương-pháp giáo-huấn đạo-dức chỉ còn giữ được một địa-vị trong sự huấn-luyện đạo-dức thanh-niên, là khi phương-pháp ấy được hướng về sự biến-dổi quyền-lực bên ngoài thành quyền-lực tự-trị nghĩa là đưa dần thanh-niên đến chỗ tự-định, tự-chủ. Mục-đích của phương-pháp này là không nên kéo dài thời-gian uốn-nắn mà, trái lại, giúp-dỡ thanh-niên tự tạo nên qui-luật để tự thích-ứng với đời sống xã-hội tương-lai. Thay vì đánh đổ những

xu-hướng tự-trị, tự-lập, phương-pháp ấy phải cố-gắng giúp sự nầy-nở tinh-thần ấy bằng cách làm nầy-nở ở bên trong mỗi cá-nhân tinh-thần trách-nhiệm.

d. Trên thực-tế, các sư-phạm luân-lý-gia đã ý-thức được sự cần-thiết vừa nói để bổ-túc kỷ-luật quyền-uy (discipline autoritaire) bằng cách soạn ra những « bài luân-lý », hoặc những « bài công-dân giáo-dục » để kêu gọi sự suy-nghĩ cá-nhân, sự cố-gắng biến quy-luật do bên ngoài đưa vào thành quy-luật có tinh-cách tự-trị nghĩa là có sự giải-thích hợp-lý và có sự ưng-thuận của mỗi cá-nhân.

Ngoài các khuyết-diểm trên phương-pháp giáo-huấn đạo-đức còn có khuyết-diểm này nữa là bắt trẻ con suy-nghĩ về những bổn-phận, những trách-nhiệm không ăn nhập gì với đời sống thực-tại của chúng, với hạng tuổi của chúng. Làm như thế, người ta đã cho rằng : tính thiên-nhiên của trẻ con in hệt như của người lớn. Nói với trẻ con nào là : « nhiệm-vụ đạo-đức », nào là « tiếng nói của lương-tâm » là nói với chúng một thứ tiếng mà chúng không thể hiểu được !

e. Tuy nhiên, nói như thế không có nghĩa là : sự suy-nghĩ không có một phần nào trong môn đức-dục dù cho đối với trẻ con còn nhỏ tuổi nhất. Sự suy-nghĩ mà người ta muốn nói ở đây là lối suy-nghĩ phù-hợp với hạng tuổi, đời sống hằng ngày, những nhu-cầu của đời sống tập-thể của chúng.

f. Sở-dĩ phương-pháp giáo-huấn đạo-đức một mình đã đảm-nhiệm được môn đức-dục trải qua các thời-dại là vì nó biết lợi-dụng sự công-hiệu của gương-mẫu, sự truyền-nhiễm tinh-thần của các gương ấy.

Trong gia-đình thì có sự tổ-chức chặt-chẽ. Trong ấy

mọi người đều phải tuân theo gia-pháp rất nghiêm-minh. Tinh-thần gia-dinh cũng do đó mà phát ra.

Ngày mà các thanh-niên không còn nổi nghiệp của cha-ông và tự-do kết-hôn thì ngày ấy phương-pháp giáo-huấn đạo-đức cáo-chung vậy.

Tinh-thể đã thay-đổi đòi hỏi những phương-pháp mới.



PHƯƠNG-PHÁP TRỰC-GIÁC

Về phương-diện đức-dục, phương-pháp trực-giác đi ngược lại phương-pháp giáo-huấn.

Phương-pháp trực-giác chủ-trương sự tin-nhiệm tuyệt-đối ở thiên-nhiên-tính của trẻ con, để thiên-nhiên-tính ấy phát-triển tự-nhiên với sự tin chắc rằng, nếu không có một ảnh-hưởng nào của người lớn làm trở-ngại hoặc hướng đi đường khác thì thiên-nhiên-tính sẽ đi đến chỗ làm nảy-nở đầy-dủ đạo-đức (moralité).

Phương-pháp này cho rằng : trẻ con chỉ mở mắt xem thực-tại là hiểu thấu ngay ý-nghĩa của nó. Nhưng thực-tại về đạo-đức ở đây không phải thuộc về ngoại-giới mà thuộc về nội-giới, chủ-quan, thực-tại của lương-lâm tự hiên lấy mình. Bởi thế, phương-pháp đức-dục trực-giác chủ-trương dành cho trẻ con một sự độc-lập tinh-thần lớn-lao đủ nghiêm-nhiên trở nên tiêu-cực đặc-biệt (méthode négative).

Phương-pháp đức-dục trực-giác đã được áp-dụng năm 1859 ở Nga trong một ngôi trường do ông Tolstoi dựng lên. Nó được áp-dụng ở nhiều nước như ở Pháp, ở Đức, ở Thụy-Điển, ở Anh. Sự thực-hành phương-pháp

này đã được đề-xướng lên lần đầu-tiên do ông J. J. Rousseau. Sau ông thì có các bạn vừa là môn-đệ của ông đem ra thực-hành như ông Pestalozzi (Thụy-Sĩ).

Khoa sư phạm thuộc loại này được gọi là khoa sư phạm tự-do, phóng-túng (Pédagogie libertaire) đưa trẻ con đến chỗ vô-trật-tự, dựa theo lời nói sau đây của ông J. J. Rousseau : « Đề thiên-nhiên-tính tự hoạt-động một cách yên-tĩnh và chậm-chậm, canh chừng những điều-kiện bao-quanh, nâng đỡ việc làm của thiên-nhiên-tính ». Cần tránh mọi ép-nòng, câu-thúc, mọi áp-lực.

Những điều dị-luận về phương-pháp này. Những khuyết-diểm

Có hai loại dị-luận (objections).

a. Dị-luận thứ nhất thuộc về sự không thích-ứng của phương-pháp đối với hệ-thống xã-hội, như là đối với những điều-kiện về đời sống xã-hội:

Đời sống xã-hội ám-chỉ một sự tuân-lệnh tối-thiểu và không sao dung-hòa với một lối giáo-dục không đưa đến hoặc không thực-hiện được sự tuân-lệnh tối-thiểu ấy. Về khoản này, người ta trách khoa sư-phạm tự-do nói trên đã mở cửa rộng cho tất cả những lạm-dụng của cá-nhân chủ-nghĩa.

Những sư-phạm-gia về thuyết này tình chắc rằng : tinh-thần công-cộng sẽ xuất-hiện một cách ngẫu-nhiên với ý-niệm nhiệm-vụ đạo-dức. Nhưng kinh-nghiệm cho thấy rằng ý-thức xã-hội và đạo-dức không vượt qua phạm-vi những trò chơi công-cộng. Như thể giữa nhà trường và xã-hội sẽ có sự xung-dột không thể tránh được.

b. Dị-luận thứ hai là sự tưởng lầm rằng : thiên-nhiên-tính của trẻ con là đơn-giản và toàn-thiện, là nói cho đúng không có sự phân-biệt giữa những bản-năng (instincts)

những nhu-cầu của trẻ con đi dôi với cơ-cấu sinh-vật và tâm-lý của trẻ và những yêu-sách có thể có ở trẻ dưới hình-thức tiềm-tàng và chỉ phô-diễn ra khi nào nó được dung-dưỡng một các lành-mạnh, tự-nhiên.

Lại còn có sự sai-lầm này nữa là không muốn hưởng sự tiến-hóa đạo-đức của trẻ con về một cứu-cánh thiết-thực nào và sự hoạt-động giáo-dục đối với chúng về một cứu-cánh nào.

Muốn trẻ tự nó có một giá-trị đạo-đức tuyệt-đối, tự đeo đuổi theo một cứu-cánh của nó, là cô-lập-hóa hạng tuổi ấy đối với phần còn lại của đời sống loài người. Ấy là chia-xẻ tuổi trẻ ra làm nhiều giai-đoạn cách-biệt nhau và vô-tình làm tiêu-tan tính-cách thuần-nhất của sự tiến-triển con người.

Mỗi hạng tuổi có giá-trị đạo-đức của nó. Nhưng giá-trị đạo-đức ấy rất tương-đối và tùy thuộc ở hạng tuổi, hay nói đúng hơn, tùy thuộc ở giá-trị đạo-đức cuộc đời của toàn thể xã-hội.

Vấn-đề chính là ngăn cản những động-lực có tính-cách tạm-thời kéo dài thời-gian của nó quá mức ấn-định cho nó, căn-cứ vào định-luật tiến-triển của mỗi cá-nhân. Các phương-pháp uy-quyền (*méthodes autoritaires*) ức-chế (*refouler*) các động-lực ấy và đã vô-tình làm nó sống luôn-luôn trong tiềm-thức cá-nhân. Nhờ vậy nó sẽ kéo dài ra mãi chứng *phát-dục bất-toàn* (*infantilisme*) nghĩa là lớn tuổi mà còn giữ nhiều tính-chất trẻ con. Tính này được phụ-họa thêm bằng tự-kỷ trung-tâm-tính (*égocentrisme*).

Phương-pháp tự-do, vô-trật-tự vì sự cấm-đoán không cho nảy-nở sự tiến-hóa của mỗi hạng tuổi về những nghị-lực tự-nhiên của tuổi ấy sẽ đưa cá-nhân đến một kết-quả như sau là chứng *phát-dục bất-toàn* sẽ hiển-nhiên (*patent*) chứ không tiềm-tàng (*latent*) như trong trường-hợp trước,

c. Ông Schmid, một sư-phạm-gia Đức cho rằng: « Trẻ con không thể chịu được là lúc nào cũng bị coi là trung-tâm của tất cả, không thể chịu được khi thấy bài học, thời-khóa-biểu, cho đến ông thầy quây-quần chung-quanh những ích-lợi và những nhu-cầu tạm-thời của chúng. Tự-kỷ trung-tâm-tĩnh, chủ-quan-tĩnh của các học-sinh rất to lớn mà các nhà giáo-dục không dè ». Ông lại còn khuyến-bảo rằng: « Những ông thầy đã chọn cách tự mình đối-xử hoàn-toàn như người bạn của học-sinh chứng tỏ rằng chính trong bản-thân các ông ấy còn những dấu vết của chứng phát-dục bất-toàn » dù rằng các ông ấy đã quá tuổi trưởng-thành (40 tuổi hoặc hơn).

d. Sự thực, trẻ con chưa hề ngẫu-nhiên ý-thức được rằng sự làm việc của trí tưởng-tượng có thể bồi-dưỡng sự cố-gắng tạo một vật gì hoặc có ý-thức xã-hội.

Sự thực là tất cả các xu-hướng ấy chỉ phát-triển toàn-diện là khi nào trẻ con và nhóm trẻ con cũng một lúc đều có những gương-mẫu trong xã-hội của người lớn. Xã-hội này hoạt-dộng với những qui-luật nhất-định, với những phân-sự thường-xuyên và với những mục-tiêu khách-quan. Nhờ thế mà trẻ con khỏi sự kiếm cách bất-chước.

e. Nhiều luận-lý-gia còn thấy những trẻ con hoặc nhóm trẻ con nhìn nhận một cách dễ-dàng và còn đòi-hỏi một kỷ-luật được xác-định gồm cả những hình-phạt.

Ông Schmid có nói rằng: « Trẻ con chờ thầy của chúng tự làm quan trạng-sư cho cái « tôi » tột-đẹp của chúng, giúp chúng trong sự chống lại những xu-hướng tai-hại, nhất là giúp chúng sống thuận-hòa với trong-lâm chúng ».

Một ý-thức về tội-lỗi mà sự hình-phạt chưa tiêu-diệt

được có thể làm nảy sinh sự xô-lùi lại, sự dề-nén (refoulement) rất tai-hại cho sự phát-triển khác.

Người ta nhận thấy rằng : khi trẻ con được giao-phó cho sự ổn-định một hình-phạt cho một tội-lỗi thì hình-phạt ấy thường nặng hơn hình-phạt do người lớn ổn-định. Hơn nữa, có nhiều trẻ, khi nhận thấy thầy dạy không áp-dụng kỷ-luật trừng-phạt thì tự chúng tìm cách để sám-hối tội-lỗi mình bằng sự tự làm đau-đớn để giúp chúng thoát-ly sự cản-rứt của lương-tâm chúng.

KẾT-LUẬN

Nói tóm lại, thiên-nhiên-tính của trẻ con tự nó không thiện, không ác (không tốt, không xấu). Nó là nó với tất-cả bản-năng và xu-hướng của nó. Nhất là tính nó hay vô thường, bất-định (instable). Không vững-chắc, cứng-rắn, nó dễ cảm-xúc đối với những ấn-tượng thuộc về cảnh đời, dễ chịu tất cả mọi ảnh-hưởng và dễ uốn-nắn theo bất cứ chiều nào.

Nếu có cái tốt đẹp ở thiên-nhiên-tính của cá-nhân ấy là những yêu-sách thuộc về yếu-tố căn-bản của cá-nhân tinh-thần đã chỉ-huy sự tiến-triển của nó. Những yêu-sách ấy chỉ đến được sự viên-thục (maturité) thông-thường là khi nào thoát khỏi căn-bã sinh-vật tâm-ly của nó và được dần-dần đưa lên hàng quan-niệm rõ-rệt để biến thành những định-luật cho tư-tưởng và phép-tắc cho phẩm-hạnh.

Khoa sư-phạm tự-do đặt tin-nhiệm ở sự may-rủi để đưa trẻ con đến sự viên-thục. Trái lại, tất-cả vấn-đề giáo-dục là sự biến những mục-dịch tương-lai của chương-trình học-khoa thành những ích-lợi hiện-tại của trẻ con.



NHỮNG PHƯƠNG-PHÁP HOẠT-ĐỘNG VỀ ĐỨC-DỤC

Có sự khác-biệt giữa phương-pháp đức-dục trực-giác vừa nói và phương-pháp hoạt-động đức-dục ở chỗ phương-pháp trước để trẻ con bị giam-hãm trong thiên-nhiên-tính của chúng thì, trái lại, phương-pháp sau này lại nhằm mục-đích tạo cho trẻ sự tự-do thực sự.

Phương-pháp hoạt-động còn khác với phương-pháp giáo-huấn trước đây ở chỗ sự cố-gắng của trẻ phù-hợp với những ích-lợi về tâm-lý của nó. Trẻ không vượt qua những ích-lợi ấy ; trẻ không dựa vào những diềm tựa ở ngoài trẻ và trẻ lúc nào cũng đi trong đường lối có ý-nghĩa khát-vọng sâu-xa của trẻ. Trẻ chỉ cần sự can-thiệp của người lớn để được khuyến-nhủ, hướng-dẫn và nhận ở người lớn gương-mẫu tốt.

Khi mà dần-dần trẻ còn có đủ khả-năng hiểu-biết, tự ý-thức được cứu-cánh của đời người mà lại cũng là của nó thì ảnh-hưởng của người lớn nhẹ dần và sẽ mất đi.

Ông Kerschensteiner, người Đức, có nói : « Về vấn-đề giáo-dục, nguyên-tắc tự-do cần được áp-dụng theo chánh tỷ-lệ (Proportion directe) và nguyên-tắc uy-quyền, theo phản tỷ-lệ (Proportion inverse) song-song với sự viên-thực-đạo-đức của học-sinh ».

Thực ra, ảnh-hưởng nói trên của người lớn chỉ có tính-cách một uy-quyền do bên ngoài đưa vào là khi nào uy-quyền ấy dùng để chống lại và ngăn-chặn những dục-vọng vô-lý và những tự-ý bất-thường (caprices) của trẻ con, nghĩa là sau khi trẻ con đã ý-thức được nhân-cách (personnalité) và sự chớm-nở ý-chí của nó.

Trong thời-kỳ trẻ con còn bé ảnh-hưởng ấy không được trẻ hiểu-biết với đầy-dủ ý-nghĩa của nó. Trẻ cho đó là một phần quyền-lực bên ngoài của tạo-vật mà trẻ

con nhận-thức được sự chống-đối nếu người lớn không dùng những phương-tiện ép-bức, độc-tài và bạo-tợn. Chính với sự phát-triển của tự-kỷ trung-tâm-tính mà sự xung-đột bắt đầu xuất-hiện. Sự xung-đột ấy sẽ không có chi nếu người lớn không đòi hỏi điều chi ở trẻ con quá sức chúng về phương-diện vật-chất cũng như tinh-thần và không phù-hợp với một trong các xu-hướng của trẻ.

Nguyên-tắc ấy tự-nhiên đưa trẻ con dần-dần đến sự áp-dụng sự tự-trị, tự-chủ (self-government) một khi mà những ích-lợi về xã-hội của trẻ con trở nên vững-chắc, ổn-định.

Ông Piaget có nói rằng : « Cái hay nhất của sự tự-trị, tự-chủ, tự kiểm-chế lấy mình, đối với sự ép-buộc của người lớn và với các bài học thuộc lòng các loại là hướng-dẫn trẻ con đến chỗ tự thành-lập một lối-luân-lý, đến chỗ tự sống lấy trong những nỗi khó-khẩn của đời sống chung và tự vượt qua những cuộc xung-đột nhờ một kỷ-luật mà tự nó sẽ tuân-hành triệt-đề vì nó đã tham-dự vào sự soạn-thảo. Về phương-diện giáo-huấn đó là một thắng-lợi của hoạt-động (cử-động) đối với lời nói suông trong đời sống thực-tế đối với mọi lý-thuyết. »

Ở đây người ta không hề nghĩ đến cách làm cho trẻ con tự tìm ra những quan-niệm (notions) ẩn-tàng trong cơ cấu lương-tâm cá-nhân trẻ như người ta đã nghĩ với khoa tâm-lý ngày xưa.

Chính là do đời sống xã-hội mà được lập lên những quy-luật đạo-đức. Chính ở trong đời sống xã-hội mà các quy-luật ấy đã bắt nguồn và thành hình. Mà đời sống xã-hội ấy, theo từng giai-đoạn một, đã đáp lại đúng với những khả-năng của trẻ.

Ông Piaget có nói thêm rằng : « Sự tự giáo-hóa của một nhóm giúp trẻ con tìm ra những thực-tại đạo-đức mới của sự hợp lực : nhờ sự tự-trị (self-government)

« học-sinh làm phát-triển ngay ở trong lớp một sự đoàn-kết mới, một tinh-thần bình-đẳng và công-bình, và nhất là một quan-niệm trừng-phạt căn-cứ vào sự hỗ-tương chứ chẳng phải chỉ có sự trừng-phạt đền tội của một ông thầy nào hoặc do những bài dạy có thể tạo nên ».

Ở đây-phương-pháp hoạt-động về đạo-đức gặp nhau với phương-pháp hoạt-động về lý-trí trong sự tổ-chức từng nhóm để bổ-túc phương-pháp thứ nhì này.

Trong sự làm việc tập-thể (từng nhóm) trẻ con nhận thấy một cách trực-tiếp sự công-hiệu của sự làm việc cộng-đồng. Nhờ sự tự-trị (self-government) trẻ con nhận-thức được quyền-lực của cộng-đồng đối với trẻ và trong nội-giới trẻ vì trẻ tự-do gia-nhập vào cộng-đồng.

Cần phải nhấn mạnh về những biến-đổi mà thực-hành tự-trị làm cho tinh-thần trách-nhiệm cá-nhân phải chịu, nhất là tinh-thần công-lý (ý-niệm công-lý).

Đối với trẻ con đặt dưới chế-độ uy-quyền đạo-đức, tinh-thần trách-nhiệm trở thành một sự dè-bẹp tàn-nhẫn; bị vu là tội của trẻ những cử-động vượt qua sự hiểu-biết của chúng và tiếp theo đó là những hậu-quả vượt qua những kết-quả tự-nhiên. Trái lại, sự tự-trị (self-government) chỉ kích-thích ở trẻ hai hình-thức của trách-nhiệm tương-liên với nhau là : trách-nhiệm cá-nhân đối với nhóm về những cử-động do đó trẻ đã phạm qui-luật, phần thứ hai là sự chung chịu trách-nhiệm của nhóm. Dù bằng cách nào đi nữa, không có cái chi trong những tình-cảm (sentiments) của trẻ mà không ở trong phạm-vi những ích-lợi tinh-thần và lý-trí của trẻ. Như thế quan-niệm trách-nhiệm tiến-hóa dần một cách tự-nhiên đến ý-nghĩa của sự khuyến-giới tự-trị (moralisation autonome).

Quan-niệm công-lý cũng tiến theo chiều ấy. Phải chăng chế-độ tự-trị về phương-diện đạo-đức là một biểu-

hiệu (expression) của chế-độ dân-chủ ? Lời ấy có hơi thái-quá. Một nhóm (groupe) phải quây-quần chặt-chẽ theo người hướng-dạo, người lãnh-tự. Nó là một đơn-vị tổng-quát mà giá-trị cao hay thấp là do sự đồng-tâm nhứt-trí được cụ-thể hóa bằng ý-chí của người lãnh-dạo, với sự tín-nhiệm của toàn khối.

Sự thắng-lợi lớn của lối giáo-dục đạo-đức dưới hình-thức một nhóm tự-trị làm nổi bật lên những trang lãnh-dạo tự-nhiên (les chefs nés).

Nếu trong nhóm có nhiều cá-nhân ước-vọng được có quyền lãnh-dạo thì tự-nhiên trong nhóm xuất hiện tinh-thần dân-chủ. Lại nữa, tinh-thần dân-chủ và những gương-mẫu mà xã-hội, về mặt chính-trị, đã cung-cấp cho nhóm làm cho các trẻ trong nhóm bắt chước theo.

Nơi nào mà ý-niệm về xã-hội còn yếu-ớt, chưa vững, thì tối-thượng-quyền (hégémonie) của người lãnh-dạo (thường là người cao lớn, mạnh-mẽ hơn mọi người, khéo-léo, lanh-lợi hơn mọi người) được đặt một cách dễ-dàng và lâu hay mau là tùy những ý-niệm xã-hội bảo-vệ nó. Trong những nhóm trẻ con lớn tuổi, mà các nhân-cách đều khác-biệt nhau thì tinh-thần tranh-luận mỗi ngày mỗi tăng. Chế-độ dần dần lấy hình-thái dân-chủ.

SỞ-TRƯỜNG CỦA PHƯƠNG-PHÁP HOẠT-ĐỘNG ĐẠO-ĐỨC

Nói tóm lại, chế-độ tự-trị, tự-chủ (self-government) có hỗn-phận đào-tạo những công-dân của một nước dân-chủ tự-do hơn làm nổi bật những trang hướng-dạo để lãnh-dạo quần-chúng sau này.

Chế-độ này được trình-bày dưới ba hình-thức khác nhau tùy theo hoàn-cảnh và theo mục-phiếu nào của tư-tưởng người thủ-xướng.

BÀI ĐỌC THÊM

NHỮNG NGUYÊN-TẮC GIÁO-HUẤN SUY RA TỪ NHỮNG NGUYÊN-TẮC HỌC-TẬP

(do ông Nguyễn-tử-Quý soạn)

Những nhà tâm-lý nghiên-cứu về sự học đã gắng-công rất nhiều để hiểu sự học xảy ra như thế nào ngõ-hầu giúp con người học-tập một cách hữu-hiệu hơn và giúp nhà giáo những phương-pháp thích-hợp để công-việc giáo-dục đạt được kết-quả mong muốn. Cho đến nay các tâm-lý-gia đã biết được nhiều yếu-tố ảnh-hưởng sự học và tìm ra được mười một nguyên-tắc học-tập. Những nguyên-tắc ấy là : sự sẵn-sàng, sự khác biệt giữa các cá-nhân, kích-dộng, luật-quả, kết-quả đa-tập, an-ninh, hoạt-dộng và kinh-nghiệm, ý-nghĩa và sự hiểu-biết, dùng nhiều giác-quan trong việc học, cái học toàn-thể, và sự biến-dùng của sự học. Dưới đây, chúng ta lần-lượt xét qua những nguyên-tắc ấy đồng-thời rút ra những nguyên-tắc giáo-huấn.

1. Sự sẵn sàng

Học-viên phải đủ lớn và phải có đủ kinh-nghiệm cần-thiết để sẵn-sàng học những kinh-nghiệm mới. Một đứa trẻ đủ lớn là nó có đủ sức-khỏe, sức-chịu-dựng, bắp-thịt-cứng-cát, v. v... để có thể làm một cử-động hay làm một việc nào đó, kinh-nghiệm gồm cả kinh-nghiệm bản-

thần và kiến-thức thu-thập qua sách, báo, giao-thiệp... về mọi phương-diện.

Học-sinh phải sẵn sàng về phương-diện thể-chất để học những cử-dộng mới, những trò chơi mới. Đứa trẻ phải có bắp thịt rắn chắc và bộ xương cứng-cát để chơi cùng nhau. Nếu xương chúng chưa đủ cứng trò chơi này có thể làm cong xương của đứa trẻ.

Về phương-diện tri-thức nguyên-tắc này cũng giống như quan-niệm đi từ chỗ biết đến chỗ chưa biết vậy. Để học phép tính nhân, học-sinh cần thông-thạo phép tính cộng. Học-sinh phải hiểu và thực-hành được số học trước khi bước sang đại-số học. Những học-sinh không có căn-h bản ở lớp dưới thường thất-bại ở những lớp trên vì không đủ kinh-nghiệm để hiểu những điều mới khó hơn và phức-tạp hơn.

Sự giáo-luấn sẽ thêm hiệu-nghiệm khi nhà giáo biết được sự sẵn sàng của học-sinh về thể-chất cùng tinh-thần và dạy những bài học với sức của nó.

Giáo-chức cần biết về sự phát-triển của trẻ em để dạy những bài thể-dục và những trò chơi hợp với sức của chúng.

Trình-dộ hiểu-biết của học-sinh phải được nhà giáo biết rõ để soạn bài, giảng bài, và cho bài làm thích-hợp. Trình-dộ của học-sinh gồm ba phần chính là trí thông-minh, kiến-thức, và khả-năng ngôn-ngữ (khả-năng nói, đọc, viết, nghe). Khi cần-cứ vào điểm trung-bình của học-sinh để cho chúng lên lớp tức là chúng ta muốn chúng có một trình-dộ tối-thiểu để có thể học lớp trên. Khi chúng ta kiểm bài học-sinh là chúng ta muốn chúng học những điều đã dạy để có thể hiểu những bài mới. Nếu hai công-việc trên được thi-hành một cách chu-đáo, sự hữu-hiệu của việc học của học-sinh có thể được bảo-đảm,

2. Sự khác biệt giữa các cá-nhân

Những cá-nhân khác nhau học theo những tốc-độ khác nhau trong cùng một việc học. Tốc-độ học này tùy-thuộc vào mục-tiêu, mức-độ của trí thông-minh, và kinh-nghiệm của mỗi cá-nhân.

Ngoài những nét tổng-quát, chúng ta thấy ở mọi người, còn có nhiều nét khác-biệt giữa các cá-nhân về các phương-diện thể-chất, tình-cảm, xã-hội, trí-thức, đạo-đức. Nhận-xét kỹ hai đứa trẻ sinh đôi, ta thấy chúng cũng có nhiều nét khác nhau. Trong một lớp học 50 học-sinh, ta không thấy một em nào giống hẵn một em nào. Các vẻ mặt, ánh mắt, nụ cười đều khác nhau. Chúng cao, thấp, lớn, nhỏ... khác nhau. Trước một tin vui chung cho cả lớp chúng đều hoan-hỷ nhưng chúng diễn-tả niềm hân-hoan đó dưới nhiều hình-thức. Chúng có những lối cư-xử khác nhau với thầy hay với bạn. Khi học cùng một bài chúng có thể cùng hiểu, nhưng trình-độ hiểu sâu, rộng, cao, thấp, mau chậm khác nhau. Trước hiên có một học-sinh trong lớp ăn-cấp vật-dụng của bạn, chúng có những phản-ứng khác nhau đối với học-sinh đó.

Tốc-độ học tùy-thuộc vào mục-tiêu của mỗi trẻ em. Mục-tiêu của sự học nhiều khi do cha mẹ học-sinh, do xã-hội hay do chính học-sinh. Những học-sinh thuộc giai-cấp trung-lưu thường coi trọng sự học hơn là học-sinh thuộc giới hạ-lưu. Em X ham học hơn em Y. Một khi thấy việc học có lợi-ích và thích-thú, học-sinh thường học một cách chăm chỉ và có kết-quả tốt.

Tốc-độ học tùy-thuộc vào mức-độ của trí thông-minh của mỗi học-sinh. Trong một lớp học, ta thường thấy có một số em rất thông-minh, một số em thông-minh vừa và một số em khác kém thông-minh. Những em có thông-minh cao học bài và làm bài rất mau và đúng.

Tốc-độ học tùy-thuộc vào kinh-nghiệm của mỗi học-

sinh. Trẻ em nào có kiến-thức rộng và nhiều kinh-nghệm, khi nghe một bài giảng, hiểu bài ấy một cách dễ-dàng và thấu-đáo hơn những em có ít kinh-nghệm.

② Ba yếu-tố trên thường đi liền với nhau và ta thường thấy trong một lớp, có một số em thật xuất-sắc về mọi môn, cũng như có một số đông trung-bình và một số ít lại kém hơn.

Việc dạy học sẽ hữu-hiệu hơn lên khi nhà giáo cố gắng đáp lại những sự khác biệt giữa các học-viên và đồng-thời các học-viên phát-triển cá-tính của mỗi người.

Như chúng ta đã thấy, các học-sinh trong một lớp có những trình-độ khác nhau ; từ rất khá đến kém và học theo những tốc-độ khác nhau : từ rất mau đến chậm. Nếu các học-sinh trong một lớp có trình-độ tương-đối ngang nhau thì khi nhà giáo dạy hơn với trình-độ đó, chúng đã thu-thập được kết-quả tốt-đẹp. Nhưng nếu chúng có những trình-độ quá chênh-lệch với một số ít rất khá, một số ít rất kém và một số đông trung-bình, thì phương-pháp hay nhất của nhà giáo là giảng bài và ra bài vào bậc trung-bình nhưng vẫn gặp phải trở-ngại là những học-sinh kém có thể không thu-thập được và những học-sinh giỏi không học được điều gì mới. Nhóm học-sinh kém thấy bài khó quá sinh ra chán-nản mà nhóm giỏi thấy bài dễ quá cũng không thích học-hỏi nữa. Vậy nhà giáo phải đối-phó thế nào với tình-trạng này ?

Liệu chúng ta có thể cung-cấp cho 5 học-sinh một thầy giáo được không ? Ngay những nước thịnh-vượng như Hoa-kỳ, Anh, Đức... cũng không đủ sức làm như thế.

Tuy-nhiên, họ đã tìm ra được một giải-pháp, tương-đối hữu-hiệu. Đó là chia một lớp thành nhiều nhóm với trình-độ của các học-sinh trong mỗi nhóm tương-đối

ngang nhau và dạy từng nhóm một. Họ thường chia lớp học ra làm ba nhóm, một nhóm giỏi, một nhóm trung-bình và một nhóm kém, nhà giáo căn-cứ trên thương số Thông-minh (IQ) của mỗi trẻ, học-bạ những năm trẻ đã học qua, lời phê của thầy giáo cũ, lời đề-nghị của Hiệu-trưởng và đôi khi kết-quả các bài trắc-nghiệm học-sinh mới làm. Sự phân-chia này luôn luôn giữ tính-cách linh-động là học-sinh trong nhóm này có đôi sang nhóm kia khi nhà giáo thấy cần-thiết. Thí-dụ một học-sinh trong nhóm trung-bình tỏ ra xuất-sắc hẳn lên sau một thời-gian học-tập, học-sinh đó sẽ được cho lên học với nhóm giỏi.

Nhà giáo cũng không dạy mọi môn học riêng từng nhóm. Có nhiều môn, tất cả các học-sinh trong lớp có thể học chung. Thí-dụ môn Văn, Nhạc, Thủ-công... Họ thường dạy riêng từng nhóm những môn sau đây : toán-học, học đọc sách (1). Và trong khi nhóm này đang làm việc với thầy tại một khu trong phòng học thì các nhóm khác làm bài đọc sách, làm thủ-công, v. v... tại các khu khác hay tại chỗ của mình một cách êm nhệ.

Cũng nên biết rằng, họ chỉ bắt đầu chia thành các nhóm khi học-sinh năm thứ tư hay năm thứ năm ở trường Tiểu-học ; còn ở những lớp dưới, các học-sinh trong lớp học chung. Lý-do là khi các em còn quá ít tuổi, trình-độ học-vấn của chúng chưa khác nhau bao-nhiều và nếu có sự khác biệt chẳng nữa thì chúng ta cũng chưa có thể biết một cách chắc-chắn được.

Khi nhà giáo dạy riêng từng nhóm như vậy, bài dạy có thể luôn luôn đi sát với trình-độ học-sinh. Học-sinh kém không còn cảm thấy chán-nản và lo-lãng như trước

(1) Tại Hoa-Kỳ, các học-sinh học đọc sách chứ không học tập đọc. Mỗi tuần, các học-sinh học đọc tại lớp trung-bình 6 giờ.

nữa mà thấy bài dễ hiểu và thích-thú, bài làm có lợi-ích và mất dần tự-ti mặc-cảm dễ giờ tay phát-biểu ý-kiến hay hỏi những điều chưa thấu-đáo. Những học-sinh giỏi không còn phải nghe lại những điều đã biết, làm những bài quá dễ và cảm thấy lớp học buồn nản ; trái lại, chúng hăng-hái hơn với những điều mới lạ, những bài khó và thú-vị hơn với những thử-thách để chúng cố-gắng vượt qua (1). Nhóm học-sinh trung-bình thoát khỏi cái bóng « đe-dọa » của những bạn giỏi để có thể hăng-hái phát-biểu ý-kiến và nêu cao câu hỏi.

Cái lợi của sự chia nhóm trong lớp để giảng-day không phải hoàn-toàn mà đi đôi với cái hại. Nhưng cái lợi lớn hơn cái hại nên người ta dùng nó trong khi chờ đợi một giải-pháp hay hơn.

Tương cũng nên nói thêm rằng : giải-pháp trên có thể dùng với kết-quả tốt-đẹp tại những nước tiên-tiến là vì tại đây sĩ-số lớp học thường là 25 hay 30 ; thời-gian học hàng ngày trong trường là 5 giờ rưỡi hay 6 giờ ; phòng học của họ khá rộng với nhiều sách báo và dụng-cụ giáo-khoa, và bản ghế của trẻ con là loại bản ghế cá-nhân, có thể xê-dịch dễ-dàng.

Nhìn vào hiện-trạng giáo-dục nước nhà, chúng ta phải nhận rằng chúng ta không có đủ điều-kiện để áp-dụng giải-pháp trên một cách hữu-hiệu. Một số đông trường Tiểu-học tại Đô-thành Saigon và nhiều nơi khác đã biến-hóa giải-pháp trên để áp-dụng vào tình-trạng giáo-dục nước ta. Những trường đó không chia lớp thành nhiều nhóm mà chia các học-sinh cùng một cấp (thi-dụ tất-cả các học-

(1) Hơn nữa, chúng có thêm cơ-hội để phát-triển những tiềm-năng, có thêm kích-thích để cạnh-tranh để trở thành những học-sinh thật xuất-sắc. Sự cạnh-tranh trong trường-hợp này có lợi thì là sự cạnh-tranh giữa những người tương-dối đồng sức.

sinh lớp nhì trong trường) thành nhiều lớp nhì với trình độ tương-đối ngang nhau : lớp giỏi, lớp trung-bình, và lớp kém.

Điểm thứ hai trong nguyên-tắc này là giúp các học-sinh phát-triển cá-tính. Mỗi cá-nhân có những nét riêng. Những nét đặc-biệt đó cấu-thành cá-tính của mỗi người. Trong nền giáo-dục nhân-hản và khai-phóng chủ-trương con người là cứu-cánh ; sự phát-triển cá-tính của mỗi học-sinh không thể không được tôn-trọng. Nhà giáo phải có một thái độ phóng-khoảng, rộng-rãi để chấp-nhận những ý-tưởng độc-đáo, những hành-động khác thường của học-sinh, miễn là những ý-tưởng, những hành động đó không đi ngược lại với những giá-trị của xã-hội.

3. Khích-động

Sự học càng hữu-hiệu khi học-viên thấy rằng sự học ấy có giá-trị, thích-thú. Một sinh-viên nọ làm việc hàng-say trong thư-viện vì anh đã đặt cho công-việc tìm-tòi một giá-trị cao. Kết-quả anh thu-lượm chắc-chắn vượt hẳn công-việc của một sinh-viên khác nghiên-cứu sách báo chỉ để có đủ bài nộp cho giáo-sư. Một đứa trẻ gọt-giũa suốt trưa quên cả bữa cơm, để thực-hiện cho công-việc chế-tạo một chiếc xe-hơi đồ chơi vì nó ham-thích công-việc đó. Khi con người thấy một việc làm nào có giá-trị, có mục-dịch đẹp-dẽ hay đáp lại sở-thích, con người ấy làm việc với tất cả khả-năng. Công việc đó có một hiệu-năng rất cao, về lượng cũng như về phẩm, và đồng-thời đem lại cho người thi-hành nhiều kinh-nghiệm sâu-xa và sắc-bén, nhiều bài học quý giá.

Một học-sinh được khích-động càng mạnh để nghiên-cứu một đề-tài, học-sinh đó càng có nhiều nghị-lực để vượt qua những trở-ngại, càng suy-nghĩ nhiều để tìm những cách hay nhất để thực-hiện công việc càng chủ-

ý và kiên-nhẫn để đi đến kết-quả. Giá-trị của sự khích-dộng rất lớn và ngày nay các nhà giáo đều đồng-ý rằng phải khích-dộng học-sinh trước khi bước vào bài mới.

Việc dạy học sẽ hữu-hiệu hơn khi nhà giáo giúp học-sinh nhìn rõ những mục-đích của việc học và làm cho học-sinh thấy việc học thích-thú. Làm cho học-sinh ham-thích học, vạch ra cho chúng hay giúp chúng nhận ra những mục-đích của những bài học là khích-dộng chúng, làm cho chúng chú ý vào bài và học với sự nhiệt-tâm. Sở-thích của học-sinh rất nhiều và rất rộng. Chúng tò-mò về rất nhiều điều. Làm cho chúng tò-mò về điều mình sắp dạy là gây hứng-thú cho chúng trong việc học-tập, cũng hứng-thú tìm ra cái mới, biết cái lạ, biết những điều tân-ký.

Nhu-cầu hoạt-dộng của trẻ em rất mạnh và nhu-cầu đó rất cần được thỏa-mãn. Những bài học, những công-việc học hứa-hẹn sự thỏa-mãn nhu-cầu này sẽ gây nên trong người chúng một sự ham-thích.

Nhu-cầu tri-thức của con người cũng rất mạnh. Từ 2, 3 tuổi, đứa trẻ đã bắt đầu hỏi tên của một số đồ vật. Lớn lên con người thắc-mắc trước những điều, những vật chưa hiểu. Một trong những giá-trị cao-cả nhất của con người là học để biết, nghiên-cứu để biết, mạo-hiêm để biết. Học-sinh Tiểu-học rất ham-thích biết. Chúng muốn biết về mọi điều nhất là khi nhà giáo lại đề-cao giá-trị của tri-thức. Khích-dộng học-sinh là đưa chúng lại gần biên-giới của kiến-thức để nhu-cầu biết của chúng tăng mạnh. Khi đó việc học bài mới chẳng khác gì ăn một bữa cơm ngon lành.

Chương-trình giáo-dục Tiểu-học của chúng ta hiện nay được sửa-đổi thêm. Nhưng tương-đối, nó không quá

xa với tâm-lý thiếu-nhi và nó phản-ảnh những giá-trị mà xã-hội Việt-Nam muốn các các học-sinh tiểu-học đạt được.

Nhiệm-vụ của nhà giáo là vạch ra cho học-sinh thấy rõ và làm chúng muốn đạt những giá-trị ấy. Một khi chúng đã thấy khi học hay là làm một bài có lợi-ích, có giá-trị thì chúng sẽ hăng-hái làm việc.

Sau hết, muốn khích-dộng học-sinh mạnh, nhà giáo phải luôn luôn chứng tỏ rằng sự học nói chung và từng bài học nói riêng đưa lại cho học-sinh nhiều lợi-ích và nhiều giá-trị.

4. Luật quả (hậu quả) (The law of effect)

Trước một kích-thích mà học-viên phản-ứng và được thỏa-mãn thì khi nào kích-thích ấy tái-hiện, học-viên có khuynh-hướng phản-ứng như cũ. Thí-dụ thầy giáo kích-thích các học-sinh trong lớp bằng một bài toán-đố. Các học-sinh phản-ứng bằng cách làm bài toán ấy. Những học-sinh nào làm bài đúng, gọn và trình-bày sáng-sủa thường được điểm cao và được khen. Lần sau, khi thầy cho làm tính đố, những học-sinh được điểm cao thường phản-ứng như cũ, nghĩa là cố-gắng làm bài cho đúng và trình-bày gọn-gàng, sáng-sủa.

Con người có khuynh-hướng nhắc lại những phản-ứng nào đã thành-công, nhất là khi phản-ứng đó được người khác đề-cao hoặc chú-ý đặc-biệt. Một học-sinh chăm đọc sách để hiểu thêm và đã góp nhiều ý-tưởng tốt-nhị trong lớp. Thầy giáo khen hoặc thưởng cho em và đề-cao tập-quán đọc sách. Em này không những sẽ tiếp-tục đọc sách mà có thể đọc sách hay hơn.

Người ta dùng nguyên-tắc này để dạy-dỗ trẻ em có những tập-quán tốt, những cử-chỉ nên có, và những lời nói thông-dụng.

Đó là phần tích-cực của luật hậu-quả. Phần tiêu-cực là con người thường không nhắc lại những phản-ứng nào thất-bại mà không được người khác chấp-nhận. Trong một gia-đình nề-nếp, những lời nói thô-bỉ thường không được chấp-nhận và nhiều khi đưa lại sự trừng-phạt, chê-bai. Một đứa trẻ trong gia-đình mới học được vài tiếng không hay ở ngoài đường và nói ra ở trong nhà. Lập tức nó bị cấm-đoán. Nếu tiếp-tục, nó có thể bị phạt. Đứa trẻ đó sẽ không nói những tiếng không hay nữa. Người ta dùng sự chê-bai, trừng-phạt để ngăn-cản con người làm những việc hay nếu những lời mà người ta không chấp-nhận. Thầy giáo dùng sự chê-bai và trừng-phạt làm học-sinh lánh xa những hành-dộng xấu, những việc làm kém hữu-hiệu.

Lối giáo-dục này không có giá-trị cao lắm nhưng rất hữu-hiệu và cần-thiết đối với trẻ em, một số thanh-niên hay người lớn tuổi.

Khen, thưởng, chê, phạt, phải được dùng ngay khi hành-dộng đáng thưởng hay đáng phạt xảy ra, và dùng một cách thích-hợp cho từng cá-nhân. Sự khen thưởng thường có hậu-quả tương-đối tốt nhất, sự chê phạt có hậu-quả kém hơn, và sự làm lơ có hậu-quả kém nhất.

Thưởng hay phạt, phải đi liền với hành-dộng đáng thưởng hay đáng phạt để làm cho mối tương-giao giữa hành-dộng và hậu-quả chặt-chẽ. Mối tương-giao ấy càng chặt-chẽ bao-nhiêu thì công việc giáo-dục càng hữu-hiệu bấy nhiêu vì khi một người thấy một hành-dộng tương-tự thì nhớ ngay đến hậu-quả của hành-dộng cũ hay nhớ lại hậu-quả cũ thì liên-tưởng ngay đến hành-dộng có liên-quan. Phải thưởng hay phạt ngay những người có hành-dộng biết một cách rõ-ràng lý-do của sự thưởng hay phạt và đề nhà giáo vạch ra một cách minh-bạch với đầy-đủ chỉ-tiết lỗi-làm hay tru-diêm của hành-dộng. Thưởng

hay phạt ngay không phải là thưởng hay phạt một cách vội-vàng, hấp-tấp và nóng-nảy mà là một cách khôn-ngoaan để kẻ hành-dộng biết ngay là nên tiếp-tục hay nên chấm-dứt hành-dộng đang diễn ra.

Thưởng hay phạt làm sao cho thích-hợp với từng cá-nhân là tùy theo từng học-sinh mà thưởng hay phạt với mực-độ nặng hay nhẹ. Có đứa trẻ rất nhạy cảm, thầy chỉ dùng ánh mắt cũng đủ làm cho nó sợ. Có đứa phải dùng đe-dọa nó mới làm việc, có đứa thầy chỉ cần nói một lời cũng đủ làm cho nó vâng theo mãi mãi.

Con người rất thích được khen thưởng. Sự khen thưởng diễn-tả diễm tốt, chứng tỏ người trong cuộc có khả-năng và đã thành-công. Người được khen hay được thưởng thấy lòng khoan-khoái, thêm tự-tin và sẵn-sàng làm những việc mới. Nhưng không phải vì cái lợi to-lạt của sự khen thưởng mà chúng ta lạm-dụng nó. Ta không nên quá khen hoặc chê một cách bừa-bãi vì làm như vậy sẽ giảm dần ảnh-hưởng tốt của sự khen thưởng.

Sự chê và phạt có hiệu-quả kém hơn sự khen thưởng, nhưng không phải là không có. Khi một học-sinh có những lời khó nghe, những cử-chỉ không đẹp mắt, ta không thể khen được mà phải chê hoặc phạt để bảo cho nó biết rằng không nên hoặc không được phép làm thế. Nhưng sự chê và phạt chỉ có giá-trị tiêu-cực vì nó chỉ bảo người ta cái gì không nên làm chứ không phải bảo những gì nên làm.

Sự làm lơ hay lãnh-dạm có hậu-quả kém nhất. Làm lơ có thể là một hình-thức trừng-phạt, nhưng nếu làm lơ là hoàn-toàn không để ý tới thì ảnh-hưởng đối với đứa trẻ rất kém và nhiều khi còn gây hoang-mang cho nó. Đứa trẻ sẽ hành-dộng theo ý muốn và không biết nên làm thế nào vì nó không được khen hay được chê hoặc được

chấp-nhận, để biết hành-dộng nào là đúng, hành-dộng nào là sai.

Các cuộc nghiên-cứu về vấn-đề này cũng còn cho biết thêm rằng những trẻ con nhút-nhát hay học kém cần được khen nhiều hơn và những trẻ em xuất-sắc cần được phê-bình khách-quan để tiến-bộ trong việc học.

Khi thưởng hay phạt, nhà giáo-dục cần cho học-sinh biết lý-do. Nhất là khi phạt chúng, nhà giáo cần nêu rõ những lỗi-lầm nó đã gây ra và làm cho nó nhận những lỗi đó. Có như vậy sự phạt đối với nó mới công-bình và khi chính nó đã thú-nhận tội-lỗi nó sẽ hối-cải. Ông thầy đối với nó là người đáng kính-trọng.

Khi chê hay phạt học-sinh, nhà giáo luôn phải nhớ rằng mục-dịch của công việc ông làm là giúp học-sinh tiến-bộ; cho nên mọi khuyết-diểm trong hành-dộng của một số giáo-chức khi chê-bai hay phạt học-sinh là sự vội-vàng, và dễ tình-cảm chi-phối quá mạnh. Như vậy là phạm vào tự-trọng của học-sinh.

Nhà giáo thường khi chê hay phạt học-sinh. Khi một học-sinh phạm lỗi nhất là đối với chính nhà giáo, ông thường phản-ứng tức-khắc không kịp suy-nghĩ gì cả. Ông dùng quyền-lực, lời nói, cử-chỉ, và đôi khi roi vọt để dọa bẹp đứa trẻ trong khoảnh-khắc. Ông quên rằng đứa trẻ đang cần ông dạy-dỗ, rằng mọi việc ông làm kể cả việc phạt chỉ là để giúp học-sinh tiến tới. Ông quên rằng khi thấy ông phản-ứng như vậy, đứa trẻ chỉ sợ ông, chứ không vừa sợ vừa kính như trước nữa.

Nhà giáo thường dễ tình-cảm chi-phối quá nhiều khi chê hay phạt học-sinh. Ông thường nóng tính, nhiều khi giận dữ và không kiềm-hãm được mình. Lúc ấy, ông không phạt hay chê học-sinh mà chỉ là để thỏa-mẫu tính nóng và

con-giận của ông, và, trong lúc đó, ông không còn đủ bình-tĩnh để cân-nhắc lời nào đáng nói, cử-chỉ nào đáng làm. Sau khi cơn-giận đã nguôi thì công-việc đã xong và những lỗi-lầm cùng tai-hại ông đã gây ra rất khó sửa-chữa lại.

Đây cũng là một lý-luận hiện-hộ cho việc không dùng roi vọt trong lớp. Trong lúc nóng tính hay trọng cơn-giận, với cái roi hay cái thước, nhà giáo có thể gây thương-tích nặng nơi học-sinh, một việc mà pháp-luật không tha-thứ. Chẳng cần nói, chúng ta ai cũng đồng-ý rằng cơn-giận mà không được kiềm-hãm có thể gây ra nhiều hậu-quả không hay. Nói như thế không phải là phủ-nhận vai-trò của cái roi trong việc giáo-dục nhưng chỉ nhắc-nhở các nhà giáo rằng phải rất thận-trọng và bình-tĩnh khi dùng roi và chỉ dùng roi sau khi mọi biện-pháp khác đã tỏ ra bất-lực.

Cái khuyết-diểm thứ ba mà một số nhà giáo thường mắc phải khi chê hay phạt học-sinh là kết-quả của hai khuyết-diểm trên. Khi nhà giáo phạt một cách vội-vàng và dễ tình-cảm chi-phối quá mạnh, ông thường phạm vào lòng tự-trọng của học-sinh. Với lời nói, chữ dùng, nét mặt, hành-động, một nhà giáo không thận-trọng, không bình-tĩnh và không làm chủ được tình-cảm của mình thường hạ giá-trị của học-sinh có lỗi. Khi hạ giá-trị của một học-sinh trước mặt các học-sinh trong lớp, hành-động này đã đi ngược lại với nguyên-tắc căn-bản của giáo-dục, là coi con người là cứu-cánh và giáo-dục để học-sinh trở thành những con người tự-do. Đồng-thời không những việc ấy không sửa lỗi mà còn làm cho chúng thêm ngang-tàng và khó dạy-bảo. Con người tự-do không thể được đào-tạo trong một không-khí áp-bức. Con người sẽ không sửa lỗi khi nó không nhận là nó có lỗi, và nó không muốn sửa lỗi dù nó có lỗi. Con người có tự-ái và tự-trọng. Nó muốn bảo-vệ giá-trị của nó bằng mọi giá.

Khi nó không còn cách nào để xác-định rằng nó vẫn có giá-trị, nó sẽ chống-đối đến cùng.

Đạy học là một nghệ-thuật. Nghệ-thuật đó sẽ cao khi nhà giáo yêu nó, có ý-chí mạnh mẽ vượt mọi trở-lực và luôn-luôn cố-gắng loại bỏ các khuyết-diểm.

5. Kết-quả đa-tạp

Đồng-thời với những điểm chính thu-thập được trong một bài học, học-sinh còn học được nhiều điều khác nữa, những cá-nhân khác nhau học được nhiều điều khác nhau trong cùng một hoàn-cảnh.

Đi xem một cuốn phim có thể nói rằng là học một bài. Ngoài đề-tài cuốn phim với các chi-tiết mà khán-giả thu-thập được, họ còn học được nhiều điều khác như cách giao-thiệp, lời ăn, tiếng nói, cách phục-sức,... của các nhân-vật trong phim. Lý-do là khi học họ vận-dộng toàn-thể con người của họ: thể-xác, tình-cảm, tâm-trạng, sở-thích, khuynh-hướng xã-hội, lý-tưởng...

Các học-sinh trong lớp cùng học bài sử về Vua Quang-Trung. Ngoài những điểm chính mà nhà giáo muốn chúng thâu-nhận, nhiều học-sinh còn học được nhiều điều khác nhau. Có em chú-ý đến dáng-diệu, giọng nói của Vua, có em lại đề ý đến cách dùng người, em khác lại đề ý đến chiến-lược hay võ-khí Vua dùng... Mỗi cá-nhân có nhiều nét đặc-biệt về thể-chất cũng như về tinh-thần, có những quá-khứ khác nhau, và đang sống trong những hoàn-cảnh khác nhau. Có những trình-độ tri-thức khác nhau, những cái nhìn khác nhau. Vì thế trước cùng một hoàn-cảnh, có người chú cái này là quan-trọng, kẻ khác lại cho cái kia đáng chú-ý.

Muốn cho các học-sinh học nhiều điều trong một bài, nhà giáo phải hoạch-định trước,

Muốn cho các học-sinh thu-thập được nhiều điều trong một bài, giáo-chức phải soạn bài đầy-dủ, kỹ-càng và chuẩn-bị các học-cụ cũng như các hoạt-dộng.

8. An-ninh

Sự học có hiệu-quả nhất trong một không-khí an-ninh, an-ninh ngoại-giới và an-ninh nội-tâm.

Trong một không-khí ồn-ào, học-sinh không thể chú-ý vào việc học. Nhất là học-sinh tiểu-học với đời sống hưởng-ngoại còn rất mạnh, những cảnh xảy ra gần chúng và những tiếng động xung-quanh làm chúng lãng trí một cách dễ-dàng. Không có sự chú-ý vào bài học việc học không thể xảy ra.

Ảnh-hưởng của hoàn-cảnh xung-quanh đối với sự học của lứa trẻ quan-trọng như thế, tình-trạng nội-tâm còn có ảnh-hưởng mạnh hơn. Sự lo-lắng, sự sợ hãi, sự chán-nản không những làm cho học-sinh không chú-ý vào bài học mà còn khiến chúng nghĩ đến những điều khác, đến những lối-thoát khỏi tình-trạng lo-lắng sợ-hãi và chán-nản. Trong lớp học đôi khi chúng ta thấy có một vài em, thân-thể ở đó, mà tâm-trí thì dề ở đâu đó, về mặt ngõ-ngác và lo-lắng. Đôi khi chúng ta thấy một vài em, khi thầy gọi lên bảng vì sợ-hãi, không còn nhớ điều gì để trả lời. Vì sợ-hãi nhiều lứa trẻ không dám đến trường và nếu bị gia-dình đe-dọa, chúng thường tìm cách trốn học. Số học-sinh chán-nản khá đông. Chúng là những em « dôi số », « dôi số » từ đầu niên-học vì không thu-thập những bài dạy một cách đầy-dủ, lại tiếp-tục « dôi số » cho tới cuối năm học. Việc học không có ích-lợi, không thành-công thì làm sao chúng có thể theo đuổi. Càng ngày bài càng khó và chúng càng không hiểu, thầy giáo càng khó dạy và chúng càng chán-nản. Với đôi chút lo-lắng, sợ-hãi, chán-nản, người lớn tuổi có

thể giải-quyết dễ tiến tới; nhưng trẻ em, những sinh-vật non-nớt đang cần sự dịu-dắt, chúng chỉ có thể là nạn-nhân. Lo làm bồn-phận, kinh-thầy và hăng-hái hoạt-động là những thái-độ học-sinh cần có chứ không phải lo-lắng, sợ-hãi và chán-nản.

Việc dạy học sẽ hữu-hiệu hơn khi nhà giáo chia-sẻ với trẻ những khó-khăn, những sự lo-lắng, sự sợ-hãi, sự chán-nản, khi nhà giáo sẵn-sàng giúp-đỡ và gây một không-khí thông-minh trong lớp học.

Những sự lo-lắng sợ hãi và chán-nản nơi đứa trẻ có thể có nguyên-do nơi gia-đình (cha mẹ bất hòa), do trẻ em ngoài đường (các trẻ em khác đe-dọa hoặc bắt-nạt trên đường đưa trẻ đi học hay trở về) hoặc do nhà giáo (quá nghiêm-khắc). Một khi biết được những khó-khăn mà đứa trẻ có;thể gặp phải, nhà giáo có thể giúp đưa trẻ rất nhiều và như vậy có thể giúp chúng có sự an-ninh để học-tập.

Muốn gây một không khí an-ninh và thông-minh nơi lớp học, nhà giáo phải pha vào không-khí đó những yếu-tố sau đây: tự-do, thái-độ cởi-mở của nhà giáo đối với học-sinh, tôn-trọng và khai-thác những sở-thích của học-sinh, cho học-sinh gặp nhiều người giàu kinh-nghịem hoặc dùng nhiều sách báo, và cho học-sinh biết mục-đích của việc chúng làm.

7. Hoạt-động và kinh-nghịem

Sự học được hoàn-thành khi học-viên đặt mục-đích cho công-việc, thi-hành công-việc và chịu hậu-quả của công-việc đó.

Con người học bằng kinh-nghịem, kinh-nghịem bản-thân hay kinh-nghịem thu-nhận (vicarious experience), kinh-nghịem do người khác truyền lại.

Theo John Dewey, một người thực-sự thu-thập kinh-

nghiệm, khi người đó đặt mục-đích cho công-việc của mình, thi-hành công-việc và chịu hậu-quả của công-việc đó. Thí-dụ một đứa trẻ làm một máy bay đồ chơi. Sau khi nó thấy những đứa trẻ khác thả máy bay một cách thích-thú, nó muốn có một chiếc đồ chơi. Cha mẹ nó nghèo, nó có ý định tự làm lấy một chiếc. Nó quan-sát kỹ-lưỡng chiếc máy bay của những đứa trẻ khác và thấy rằng nó có thể dùng một số những vật-liệu trong nhà để chế-tạo. Sau khi đã có mục-đích, nó bắt đầu công-việc. Nó kiếm thanh tre làm thân, khúc gỗ nhỏ làm cánh quạt, dây cao-su làm động-cơ... Nó làm việc một cách hăng-say. Sản-phẩm đầu-tiên hoàn-thành và nó mang ra thử. Chiếc máy-bay của nó chưa cất cánh được. Nó dò xét, nó thấy rằng cái cánh quạt chưa quạt được nhiều gió và dây cao-su còn yếu. Nó sửa-chữa. Sau cùng, máy bay của nó cất cánh được và bay được một quãng dài. Nó thấy sung-sướng, nó cảm thấy hãnh-diện với khả-năng của nó. Chịu hậu-quả việc nó làm, nó dồn hết sức-lực vào việc chế-tạo chiếc máy bay trò chơi và sau cùng khi thử và thấy chưa thành-công, nó ra công sửa-chữa. Sau khi thành-công, kinh-nghiệm chế-tạo chiếc máy bay đã in sâu vào trí-óc nó một cách tỉ-mỉ và rõ-rệt. Với kinh-nghiệm ấy nó đã học được nhiều điều bổ-ích.

Không chịu hậu-quả của hành-động, học-viên không biết mình đã thành-công hay thất-bại. Biết là thành-công hay thất-bại đều giúp cho học-viên học được mối liên-quan giữa phương-tiện và mục-đích, như vậy trong công-việc sắp tới học-viên kia chắc-chắn sẽ chọn phương-tiện hữu-hiệu và loại bỏ phương-tiện vô hiệu-lực.

Những người giàu kinh-nghiệm chính là những người đã hành-động nhiều và đã chịu nhiều đắng-cay hay đã hưởng nhiều thành-công. Nhờ thế, họ thường hành-động một cách khôn-ngoan.

John Dewey cho kinh nghiệm bản-thân một giá-trị rất cao, nên ông đề-nghị một chương-trình giáo-dục thiên về hoạt-dộng. Tuy vậy, ông vẫn tôn-trọng kinh-nghiệm của người xưa, của những người phương xa sống đồng-thời.

Sự dạy học sẽ hữu-hiệu hơn khi học-sinh được nhà giáo giúp nó thấy rõ mục-đích của kết-quả việc học của nó và khi học-sinh có nhiều cơ-hội để hoạt-dộng.

Học-sinh cần biết những lợi-ích và những giá-trị của việc học-tập, như thế chúng mới học-tập hăng-hái và mới tìm hết cách để học.

Thầy giáo cần cho chúng biết kết-quả việc học của chúng để chúng biết đã thành-công hay thất-bại, nói cách khác, chúng chịu hậu-quả của việc chúng làm.

Khi trả bài, nhà giáo cần vạch rõ cho học-sinh biết tại sao bài của chúng nhiều điểm hay ít điểm để chúng biết rõ về việc làm chúng.

Nhà giáo nên cung-cấp nhiều hoạt-dộng trong lớp cũng như ngoài lớp để học-sinh thu-thập nhiều kinh-nghiệm bản-thân.

8. Ý-nghĩa và sự hiểu-biết

Sự học-tập hữu-hiệu chứa đựng ý-nghĩa và sự hiểu-biết.

Ý-nghĩa của bài học, bài làm... phải được học-viên hiểu vì như vậy học-viên mới được thỏa-mãn, thích-thú và có ý-chí để theo đuổi. Ý-nghĩa và sự hiểu-biết về một bài nơi học-sinh càng rộng khi kiến-thức và kinh-nghiệm của học-sinh càng nhiều. Cùng một bài học, một học-sinh biết nhiều bao-giờ cũng hiểu về bài đó một cách rộng-rãi và sâu-xa hơn một học-sinh ít kinh-nghiệm. Như vậy, các học-sinh cần có dịp quan-sát và du-lịch để thu-thập nhiều

kinh-nghiem bản-thân và đọc sách báo nhiều, nghe radio nhiều... để mở-mang kiến-thức.

Việc giáo-huấn sẽ hữu-hiệu hơn khi nhà giáo cung-cấp cho học-sinh kinh-nghiem hay cơ-hội thu-thập kinh-nghiem để chúng hiểu một cách đầy-đủ những gì nhà giáo dạy chúng.

Hai người chỉ có thể bàn-luận với nhau về một vấn-đề khi cả hai người cùng có kinh-nghiem hay kiến-thức về vấn-đề đó. Và cuộc thảo-luận càng sâu và càng rộng khi hai người càng biết nhiều về vấn-đề trên.

Học-sinh và thầy giáo cũng có thể ví như hai người trên, chỉ khác một điều là học-sinh ít kinh-nghiem hơn thầy. Muốn cho học-sinh hiểu điều thầy nói thì ít nhất chúng phải có một số kinh-nghiem căn-bản về điều ấy. Nếu chúng chưa có, thầy giáo phải cung-cấp cho chúng trước. Muốn cho học-sinh hiểu bài một cách sâu và rộng thì thầy giáo phải giúp học-sinh thu-thập nhiều kinh-nghiem. Báo chí, sách, ciné, diễn-thuyết, radio, du-lịch... là những phương-tiện phong-phú.

Để kiểm-soát sự hiểu-biết của học-sinh, việc trả bài thuộc lòng không phải là một phương-pháp hữu-hiệu. Nhà giáo nên hỏi để học-sinh trả lời bằng lối văn của nó và bắt nó áp-dụng những điều đã học với ý-tưởng riêng.

Tuy lối « học vẹt » ngày nay đã lỗi-thời, nó vẫn chưa được thanh-toán hoàn-toàn.

Đ. Dùng nhiều giác-quan trong việc học

Những kinh-nghiem học-vấn phải được bồi-túc bằng cách dùng nhiều giác-quan một cách khôn-nguon.

Lời nói dù hùng-bien đến đâu, vẫn-tự dù linh-dộng

đến mấy cũng không thể tả nhiệt-độ, mùi-vị, màu sắc, sự chuyển-động... đúng như khi ta cảm-giác. Lời nói và văn-tự có giới-hạn. Cảm-quan có tầm quan-trọng của nó. Cho đến nay, người ta chưa dùng được là bao vai-trò của giác-quan trong việc học.

Có nhiều tri-thức mà với giác-quan, con người không thể đạt được. Con người phải dùng những khả-năng khác để mở rộng chân trời tri-thức. Tuy-nhiên, từ xưa đến nay, người ta chưa biết dùng giác-quan một cách đúng-dắn, nhất là trong phạm-vi học-tập của trẻ, đời sống cảm-giác rất mạnh.

Đời sống của trẻ nhỏ rất nặng về phần cảm-giác, nhu cầu hoạt-động của chúng rất mạnh, cung-cấp cơ-hội và vật-liệu để chúng thu-thập kinh-nghiệm bằng giác-quan là một phương-pháp giáo-dục thích-hợp vậy.

Sự giáo-huấn sẽ hữu-hiệu hơn khi nhà giáo dùng nhiều học-cụ hay dụng-cụ giáo-khoa trong việc giảng-dạy.

Ngày nay rất nhiều nhà giáo đã nhận-định được vai-trò quan-trọng của giác-quan trong việc học-tập. Họ đã và đang dùng nhiều dụng-cụ giáo-khoa. Họ tổ-chức học-cụ-khố. Họ trao-đổi học-cụ để có nhiều vật cho học-sinh quan-sát. Họ đang cố-gắng biến phòng học thành một phòng thí-nghiệm theo chủ-trương của Déeroly. Phong-trào dùng học-cụ để giảng-dạy đang hành-trướng mạnh.

Tuy việc dùng giác-quan trong việc học có nhiều ưu-điểm, chúng ta không nên lạm-dùng nó hay dùng nó quá nhiều. Phải dùng học-cụ một cách khôn-ngoaan để bài học không biến-thành một tổng-cộng những chi-tiết tuy rõ nhưng vụn-vặt, rời-rạc và để công-việc phát-triển tri-thông-minh không bị công-việc khai-thác giác-quan che lấp.

10. Cái học toàn-thể

Sự học sẽ hữu-hiệu hơn khi học-viên nhận-thức được những mối liên-quan giữa những phần của một toàn-thể và giữa những phần với toàn-thể trong một bài học.

Một bài học cũng ví như một cái máy, có nhiều bộ-phận khác nhau nhưng liên-quan với nhau và những bộ-phận ấy phối-hợp với nhau theo một nguyên-tắc tổng-quát để tạo thành một cái máy. Chỉ có nguyên-tắc hay chỉ có những bộ-phận rời-rạc không thôi ta chưa có cái máy. Nhưng sau khi các bộ-phận đã được ráp lại theo nguyên-tắc để chúng phối-hợp với nhau để tạo ra một công-dụng chiếc máy mới thực-sự thành hình. Học-sinh trong một lớp học nọ học một bài, thí-dụ bài về cái máy trên. Nền chúng mới chỉ biết nguyên-tắc hay chỉ biết những bộ-phận rời-rạc của cái máy, chúng chưa biết thực-sự về cái máy đó. Nhưng sau khi chúng đã hiểu được những mối liên-quan giữa những bộ-phận và sự phối-hợp của những bộ-phận đó theo nguyên-tắc của cái máy, kiến-thức của chúng về cái máy trở nên chắc-chắn và đầy-dủ. Chỉ biết nguyên-tắc kiến-thức của học-sinh về cái máy còn quá tổng-quát sơ-sài. Chỉ biết những bộ-phận rời-rạc, kiến-thức đó là kiến-thức vụn-vặt, và ít ý-nghĩa.

Chỉ biết những điều tổng-quát, cái học chỉ có bề rộng mà thiếu bề sâu. Chỉ biết những điều nhỏ nhặt, chi-tiết, kiến-thức có vẻ nhiều mà không tạo được chiều cao vì thiếu những ý-trưởng tổng-quát là xi-măng gắn chúng lại. Kiến-thức rời-rạc dễ quên mất vì ít khi được đem dùng để giải-quyết vấn-đề rộng lớn. Kiến-thức muốn được rộng và sâu phải có hai mặt tổng-quát và chi-tiết và hai mặt đó phải liên-kết chặt-chẽ với nhau.

Sự dạy học sẽ hữu-hiệu hơn khi nhà giáo trình-bày cho học-sinh thấy những mối liên-quan giữa các phần của

một toàn-thể và giữa các phần đó với toàn-thể khác và khi nhà giáo hướng-dẫn để học-sinh tự tìm ra những mối liên-quan ấy.

Khi dạy một bài, nhà giáo thường nói cho học-sinh hiểu đại-ý bài, phân-tích bài ra những phần nhỏ, giảng-giải những phần ấy, rồi tóm-tắt toàn bài. Như vậy tức là nhà giáo muốn cho học-sinh thấy những mối liên-quan giữa đại-ý với các phần của bài và giữa những phần với nhau. Nhà giáo đã áp-dụng nguyên-tắc trên vậy.

Diễn quan-trọng ở đây là chúng ta nên áp-dụng thực-sự nguyên-tắc này. Muốn biết rõ, nhà giáo có thể kiểm-soát bằng cách hỏi sau khi giảng xem học-sinh có hiểu những mối tương-quan trên không ?

Cũng vì để đào-tạo những con người có cái nhìn tổng-hợp, cái nhìn toàn-thể có liên-quan với thành-phần của chúng ta dạy những bài học theo kiểu tổng-hợp, phân-tích tổng-hợp như đã trình bày ở trên, chúng ta đã cho học-sinh làm toán-dố, cho học-sinh tìm đại-ý của bài đọc và những phần trong bài ấy. Nhưng muốn đạt được mục-đích trên một cách chắc-chắn hơn, học-sinh phải có nhiều cơ-hội hơn nữa để chúng tự tìm ra những mối liên-quan toàn-thể, thành-phần toàn-thể.

11. Sự hiễn-dụng của sự học (the transfer of learning)

Sự học có thể được dùng trong những hoàn-cảnh mới một cách hữu-hiệu hơn khi những mục-đích của sự học được vạch rõ, khi những hoạt-động học-tập tương-tự những hoạt-động ngoài đời, và khi học-viên cố-gắng tổng-quát-hóa để tìm ra nhiều trường-hợp để áp-dụng.

Theo nguyên-tắc trên, sự học có thể được đem áp-dụng

vào đời sống một cách có hiệu-quả hơn với ba điều-kiện. Chúng ta sẽ lần-lượt xét từng điều-kiện.

Điều-kiện thứ nhất là mục-dịch của sự học được vạch rõ. Chương-trình học-tập là phương-tiện để đạt những mục-dịch giáo-dục. Những mục-dịch này do những nhà có thẩm-quyền và trách-nhiệm đặt ra để chuẩn-bị cho học-sinh sống thích-hợp với đời sống thực-tế. Và để sống thích-hợp với đời sống thực-tế những mục-dịch giáo-dục mà học-sinh phải đạt sau nhiều năm học-tập phải hợp với nhu-cầu và đối với hoàn-cảnh hiện-tại trong đó học-sinh sống. Như vậy, khi những mục-dịch của sự học được vạch rõ, học-sinh sẽ cố-gắng đạt tới; và sau khi đã đạt được những mục-dịch đó, chúng đã sẵn-sàng sống thích-hợp với đời sống thực-tế. Thí dụ những mục-dịch của môn Sử-ký là biết đời sống của tiền-nhân, thường ngắm những công-trình xây-dựng non sông của tổ-tiên, học kinh-nghiệm quá-khứ, nhận biết sự tiến-triển của đời sống con người, học suy-luận,... đã được vạch rõ, học-sinh phải đạt tới. Đạt được những mục-tiêu trên, học-sinh đã trang-bị cho mình số dụng-cụ lấy từ môn Sử-ký để sẵn-sàng tranh-dấu với đời.

Điều-kiện thứ hai là những hoạt-động học-tập tương-tự những hoạt-động ngoài đời. Khi đời sống và công-việc của học-sinh nơi nhà trường có nhiều điểm tương-đồng với lối sống thực-tế và công-việc ngoài đời vừa nói thì khi ra khỏi học-đường, học-sinh sẽ thấy quen thuộc và sẵn-sàng hòa mình vào. Thí dụ: Trong trường học-sinh có nhiều cơ-hội thực-hành cách giao-thiệp và cách nói chuyện với nhiều loại người thì khi bước vào đời sống thực-tế chúng sẽ có đủ khả-năng làm những công-việc ấy với kết-quả tốt. Nhưng nếu ở học-đường học-sinh học về những lối sống hay lối làm-việc khác-biệt với ngoài đời thì khi bước chân vào đời sống thực-sự, chúng sẽ bỡ-ngỡ, ngờ-ngạc trong một thời-

gian khá lâu trước khi thích-túng được với đời. Thí-dụ : trong trường Kỹ-thuật, học-sinh chỉ tập sử-dụng những máy-móc tối-tân nhất thì khi ra trường và nhận nhiệm-vụ tại những công-xưởng dùng máy-móc cũ, các tân chuyên-viên chắc-chắn sẽ bối-rối.

Điều-kiện thứ ba là học-viên cố-gắng tổng-quát-hóa (những điều đã học) để tìm ra nhiều trường-hợp có thể áp-dụng. Những bài học trong chương-trình đã được chọn làm những trường hợp điển-hình cho rất nhiều trường-hợp trong đời sống. Khi học-sinh học bài và cố-gắng tổng-quát-hóa những điều trong bài đó, chúng sẽ có một cái nhìn rộng và sẽ có thể áp-dụng những điều đã học trong nhiều trường-hợp khác ngoài đời. Hơn nữa, khi suy-luận kỹ-càng về những điều đã học, học-sinh có thể nối những điều đó với những điều khác để dùng trong những hoàn-cảnh mới.

Sự dạy học sẽ hữu-hiệu hơn khi nhà giáo vạch rõ những mục-đích của các bài học cho học-sinh và giúp chúng đạt được, khi nhà giáo lựa-chọn những kinh-nghiệm học-lập tương-tự với hoàn-cảnh ngoài đời và khi hướng-dẫn học-sinh áp-dụng những điều đã học vào những hoàn-cảnh mới.

Nhà giáo có nhiệm-vụ vạch rõ những mục-đích của việc học, và làm cho học-sinh ham-thích những mục-đích đó, đồng-thời giúp chúng đạt được những mục-đích trên. Nếu mục-đích không rõ-ràng thì chính nhà giáo cũng không biết ông làm gì trong lớp, và học-sinh không biết một cách minh-bạch học để làm gì ?

• Nếu nhà giáo muốn giúp học-sinh thành-công trong đời ông phải giúp học-sinh có những kinh-nghiệm ngoài đời hay tương-tự với đời. Bài học sẽ không xa thực-tế mà còn làm sáng tỏ thực-tế nữa. Những mẫu chuyện, những biến-cố ngoài đời có liên-quan đến bài học phải được như

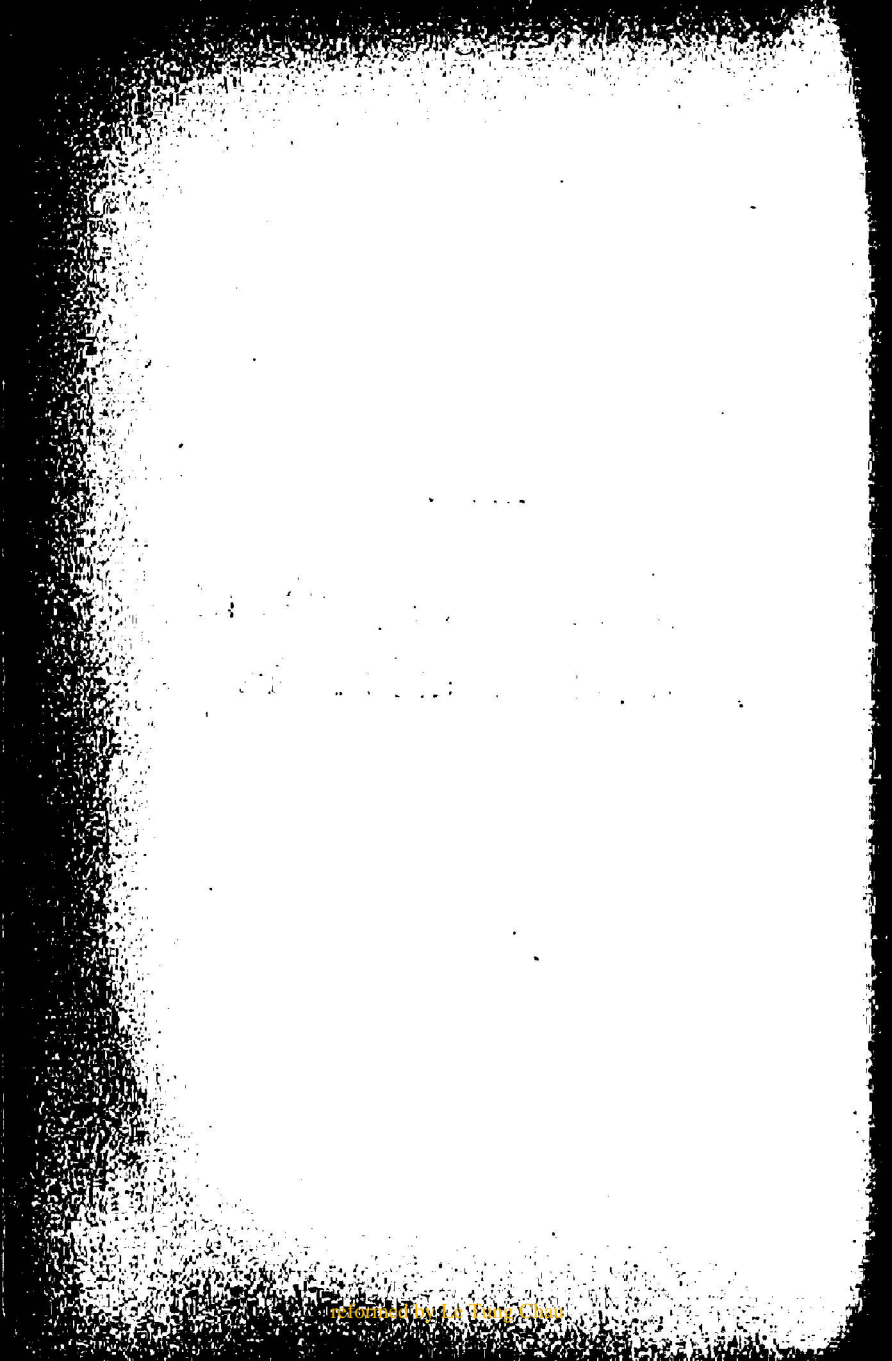
giáo mở-xê trong lớp. Học-sinh phải được khuyến-kích để mang những điều xảy ra trong trường-dời có liên-quan với bài học vào lớp để cùng nhau làm sáng tỏ lớp học giúp học-sinh hiểu rõ đời sống trong trường-hợp đó và nhiều trường-hợp khác nữa.

Để giúp học-sinh dùng những điều đã học một cách khôn-ngan vào đời sống, nhà giáo phải cung-cấp nhiều cơ-hội để học-sinh áp-dụng những điều đó và hướng-dẫn chúng suy-luận để áp-dụng vào nhiều hoàn-cảnh mới. Nhà giáo nên dùng những câu hỏi khám-phá hay hướng-dẫn. Những ý-kiến độc-dáo của học-sinh phải được tôn-trọng. Không-khí tự-do và thái-dộ cởi-mở trong lớp học là những yếu-tố cần-thiết cho những đề-nghị áp-dụng của học-sinh.



CHƯƠNG V

CÁC CÁCH-THỨC DẠY HỌC HAY LÀ CÁC THIỂ-THỨC GIÁO-HUẤN



CÁC CÁCH-THỨC DẠY HỌC HAY LÀ CÁC THỂ-THỨC GIÁO-HUẤN

I. ĐỊNH-NGHĨA

Cách-thức dạy học là cách-thức điều-khiển tổng-quát học-đường tùy số học-sinh cùng theo học chung một môn.

II. CÁC CÁCH-THỨC

Có bốn cách-thức dạy học như sau :

- Cách-thức cá-nhân hay là cách-thức đơn-độc (Mode individuel).
- Cách-thức nhất-tề giáo-dục (Mode simultané).
- Cách-thức hỗ-tương giáo-dục (Mode mutuel).
- Cách-thức hỗn-hợp giáo-dục (Mode mixte).

1. Cách-thức cá-nhân hay là đơn-độc giáo-dục.

Cách-thức này được áp-dụng cho một, hay hai ba học-sinh là cùng. Học-sinh này thường là con nhà giàu-cò, quý-phái, con vua cháu chúa ngày xưa. Để cho con cái của mình khỏi học-tập chung-chạ với trẻ con hạng bình-dân và tiếm-nhiệm những tính-nết không hay, cha mẹ mới chọn thầy và rước thầy về ăn ở tại nhà để dạy trẻ. Hiện giờ có nhiều nhà giàu cho xe đến rước thầy tận nhà mỗi ngày mấy tiếng đồng-hồ để đến dạy con cháu nhà. Có khi

cha mẹ thương-lượng riêng với thầy để thầy dành riêng cho con cháu mình một vài giờ dạy học tại nhà thầy.

Trong trường-hợp ấy :

a. Phần lợi. Vì số học-sinh quá ít, thầy luôn luôn hỏi bài, sửa bài cẩn-thận và biết học-sinh một cách rành-rẽ về học-lực cũng như về tính tình.

Tùy trình-độ của học-sinh, thầy có thể đi mau, hoặc dừng dừng lại để giảng một lần nữa một bài mà trẻ chưa hiểu kịp.

Nếu là học-sinh hiếu-học chúng sẽ tiến-bộ rất mau vì chúng được làm bài, trả bài luôn một cách kỹ-lưỡng và chúng được tự-do hỏi thầy những điểm mà chúng chưa hiểu.

Dưới hình-thức này, học-sinh chịu ảnh-hưởng của thầy một cách sâu xa về tri-dục cũng như về đức-dục và tổ-lòng kính-mến thầy một cách nồng-nàn, chân-thật.

b. Phần bất-lợi. Quanh năm chỉ biết có thầy mà thầy là bậc cao hơn chúng, cho nên chúng tự thấy lễ-loi, vì không bầu-bạn. Chúng sẽ dễ chán-nản và sẽ thiếu kinh-nghiệm về đời sống tập-thể, đời sống xã-hội. Trẻ không có tinh ganh đua trong sự học-tập.

Được giáo-dục trong trường-hợp đặc-biệt như thế, trẻ con sẽ thấy rõ uy-quyền của cha mẹ chúng căn-cứ vào tiền-tài và địa-vị trong xã-hội, nhất là đối với ông thầy. Như thế trẻ con, nếu là hạng thất-giáo, sẽ khinh-rẻ thầy, và sẽ trở nên kiêu-căng đối với những hạng người bậc dưới. Con vua, cháu chúa, các hàng vương-lôn, công-tử được huấn-luyện theo lối ấy ngày xưa đã có óc phong-kiến, quan-liên, tự-cao, tự-dại, xa dân-chúng là vì có đó.

Sau khi ra ở đời, chúng sẽ thất-vọng lớn nếu quyền-tước, giàu sang của cha ông không còn nữa và chúng sẽ

bị người đời đem chúng lại sự-thực. Chúng sẽ rất bỡ ngỡ ngay từ lúc đầu.

2. Cách-thức nhất-tề giáo-dục. Theo cách-thức này lớp học gồm có một số đồng học-sinh ít nhất là ba chục em cùng học chung một bài do một ông thầy dạy.

a. Phần lợi. Thầy chỉ giảng bài một lần chung cho toàn lớp và không thể lập đi lập lại nhiều lần cho mỗi học-sinh vì không đủ thì-giờ. Như vậy, trong một thời-gian ngắn thầy đã truyền-thụ cái biết của thầy cho trên mấy chục học-sinh. Công-hiệu của cách-thức này hơn cách-thức trên thập-bội. Ấy là cách-thức dạy học được coi là hợp-lý và được áp-dụng trong hầu hết các học-đường hiện nay.

Nhờ học-hỏi tập-thể, trẻ con biết so-sánh mình với chúng bạn và biết ganh đua để tiến-bộ.

Nhờ bắt-chước chúng bạn, và sẽ tự an-ủi lẫn nhau, trẻ con sẽ không khi nào chán-nản và sẽ có kinh-nghiệm về đời sống tập-thể.

Một vấn-đề được lập lại nhiều lần dưới nhiều hình-thức khác nhau và do nhiều trẻ sẽ làm cho bài học được trình-bày rõ-rệt dưới nhiều khía-cạnh và dễ nhớ.

Những trẻ nhút-nhát, hay sợ-sệt, e-lẹ, nhờ ở trong đám đông sẽ dần-dần học theo chúng bạn và trở nên dạn-dĩ.

b. Phần bất-lợi. Những trẻ con vắng mặt trong một vài buổi học hoặc trong nhiều ngày không thể yêu-cầu thầy giảng lại những bài đã dạy và phải đành chịu mất các bài ấy.

Vì sĩ-số cao nên giáo chức không sao chăm nom kỹ-lưỡng từng trẻ con được và như vậy không sao hiểu-biết chúng một cách tường-tận được, nhất là về tánh-tình và hoàn-cảnh riêng của chúng.

Nếu sĩ-số đông đến 60 hoặc 70 thì trật-tự trong lớp sẽ không sao hoàn-toàn được và sẽ không tránh khỏi những điều sơ-sốt về việc chấm bài và việc điều-khiển lớp học về phương-diện tinh-thần. Vì sự sơ-sốt của giáo-chức, trẻ con sẽ tự bắt-chước nhau những tính-xấu.

3. Cách-thức hỗ-tương. Tức là cách-thức theo đó giáo-chức giảng bài cho một thiểu-số học-sinh giỏi nhất lớp, các giảng-tập-viên, dễ rồi chúng sẽ giảng lại cho toàn lớp được chia ra làm nhiều to'ân, mỗi toán đặt dưới sự hướng-dẫn của mỗi giảng-tập-viên. Cách-thức này được áp-dụng vào thời buổi mà trong nước thiếu giáo-chức, thiếu trường. Một lớp học tổ-chức theo lối này xưa kia, có đến 120, 150 học-sinh.

a. Phần lợi. Cách-thức hỗ-tương đã giúp chính-phủ thời xưa tạm giải-quyết vấn-đề khan-trường, khan thầy và đồng-thời tiết-kiệm công-quỹ.

Cách-thức này cũng là cách-thức tổ-chức các trường dạy chữ Hán ở nước ta ngày xưa.

b. Phần bất-lợi. Trẻ con chỉ có trực-tiếp học-hỏi với giảng-tập-viên chứ không phải với thầy. Đó là điều mà trẻ con không thích, mà các bậc phụ-huynh học-sinh phản-dối nhứt vì lẽ : giảng-tập-viên tự-trung chỉ là bạn cùng lớp với trẻ và như thế sẽ không hơn chúng là bao về phương-diện học-lực, kinh-nghiem và đức-hạnh.

Giảng-tập-viên không đủ uy-tín để điều-khiển toán của mình cho có hiệu-lực được.

Cách-thức hỗ-tương là cách-thức giáo-dục tạm-bợ và đã không được áp-dụng từ lâu vì nó có tính-cách phản sư-phạm. Tuy-nhiên, người ta vẫn nhắc đến nó với tính-cách tài-liệu lịch-sử.

4. Cách-thức hỗn-hợp. Cách-thức này dung-hòa cả ba cách-thức trên như sau :

1. Trong một lớp học với một số-số là 30 học-sinh, khi giáo-chức giảng bài chung cho toàn lớp là giáo-chức áp-dụng cách-thức nhất-tề giáo-dục.

2. Khi giáo-chức cần vắng mặt ở lớp này để sang giảng bài ở lớp bên cạnh và giao cho một vài học-sinh giỏi nhất lớp lặp lại bài đã giảng cho toàn lớp và thay giáo-chức để trông-nom lớp học là giáo-chức đã áp-dụng cách-thức hỗ-trợ giáo-dục rồi vậy.

3. Khi giáo-chức gọi một học-sinh lên trả bài là giáo-chức đã áp-dụng cách-thức đơn-độc.

Cũng như cách-thức nhất-tề giáo-dục, cách-thức hỗn-hợp ngày hôm nay được coi là hợp-lý và vẫn được áp-dụng.

a. *Phần lợi.* Gồm các điều lợi của ba cách-thức trên.

b. *Phần bất-lợi.* Không có gì đáng kể.

5. Kết-luận Nói tóm lại, trải qua các thời-dại, trong ngành giáo-dục, các cách-thức dạy học đều lần-lượt được phát-minh và được đem ra áp-dụng. Có những cách-thức có tính-cách tạm-thời ; mà trái lại, cũng có cách-thức có tính-cách vĩnh-viễn. Các cách-thức sau này là những cách-thức hợp-lý phù-hợp với các nguyên-tắc sư-phạm.



CHƯƠNG VI

CÁC PHƯƠNG-SÁCH GIÁO-HUẤN

Bài số 1. NHỮNG PHƯƠNG-SÁCH NÀO HAY VÀ NHỮNG PHƯƠNG-SÁCH NÀO DỠ TRONG NỀN GIÁO-DỤC

I. ĐỊNH-NGHĨA

Những phương-sách được công-nhận là hay trong sự dạy-đỗ trẻ con là những phương-sách áp-dụng đúng theo những nguyên-tắc sư-p2m và khoa tâm-lý nhi-đồng. Di trái lại là những phương-sách dở, sai-lầm.

II. NHỮNG PHƯƠNG-SÁCH HAY CẦN NÊN THEO

Một ít thí-dụ được kể như sau :

1. Giúp trẻ con có quan-niệm về các con số bằng cách dạy chúng học đếm với các hòn bi (billes), các chiếc dĩa cùng một cỡ, v. v...

2. Cụ-thể-hóa bài học bằng nhiều tài-liệu như : tranh-ảnh, thảo-mộc, thú-cầm, v. v... và kích-thích óc quan-sát, trí suy-nghĩ của trẻ con.

3. Bắt trẻ con làm nhiều bài tính đồ dễ áp-dụng một công-thức.

III. CÁC PHƯƠNG-SÁCH GIÁO-HUẤN CHÍNH-YẾU

Người ta kể :

1. **Thuyết-trình.** Tức là ông thầy, bà thầy hoặc học-sinh (từ lớp ba trở lên) trình-bay một mình một đề-tài từ đầu chí cuối buổi học.

2. **Phổ-diễn** (démonstration) : Tức là cách cụ-thể-hóa bài dạy để cho học-sinh dễ hiểu, dễ nhớ.

3. **Vấn-đáp** : Tức là sự biến bài dạy thành một cuộc đàm-thoại : thầy hỏi học-sinh trả lời từ đầu tới cuối bài.

4. **Thực-hành** : Tức là sự áp-dụng những điều đã học-hỏi cho đời sống thực-tế. Thí-dụ : Lễ-phép đối với người già-cả.

5. **Thực-nghiệm** (expérimentation) : Tức là chứng-minh một nguyên-tắc, một định-luật khoa-học là đúng bằng một bài nhiều thí-nghiệm.

6. **Nghiên-cứu** : Tức là sự tìm ra sự thật trong một trường-hợp nào bằng cách tìm những sự-kiện chính-sắc có ghi trong các sách-vở.

7. **Dự-án** : Ấy là lối làm việc từng nhóm theo kiểu Đồ-án Dalton, Đồ-án Cary, v. v... bên Mỹ.

IV. NHỮNG PHƯƠNG SÁCH SAI-LẦM CẦN NÊN TRÁNH

Một ít thí-dụ như sau :

1. Đến giờ hội-họa bắt trẻ con gạch trang giấy ra thành nhiều ô và vẽ trên băng đen cũng băng lối gạch ô.

2. Đến giờ địa-lý bắt trẻ con lấy giấy bóng (trong suốt) ra để đồ một bức họa-đồ trong quyển địa-lý và sau đó đồ lại trong trang vở.

3. Bắt trẻ con, học thuộc lòng bài mà giáo-chức không giải-nghĩa trước.

4. Bắt trẻ con viết những chữ mà chúng chưa biết.

V. KẾT-LUẬN

Nói tóm lại ; đi từ chỗ biết đến chỗ chưa biết, từ

cụ-thể đến trừu-tượng và lúc nào cũng tìm thể kích-thích các năng-khiếu trẻ con để chúng tập quan-sát, suy-nghĩ và ghi nhớ những nguyên-tắc căn-bản, là một phương-sách hay, phải theo đúng. Trái lại, là phản sư-phạm vậy.

Bài số 2. PHƯƠNG-SÁCH CHẤT-VẤN HAY LÀ VẤN-ĐÁP

I. ĐỊNH-NGHĨA

Phương-sách (procédé) là cách hành-dộng phải theo để thực-hiện một phương-pháp (méthode). Phương-tiện (moyen d'action) là tùy theo phương-hướng và nhân việc tiện-lợi cho mình và cho người mà làm.

Phương-sách chất-vấn hay là phương-sách vấn-đáp là lối trình-bày một bài dạy dưới hình-thức : thầy hỏi rồi học-sinh trả lời.

II. ÍCH-LỢI CỦA PHƯƠNG-SÁCH CHẤT-VẤN

Phương-sách chất-vấn được áp-dụng cho sự giáo-dục trẻ con khi người ta giảng bài theo một trong hai phương-pháp : qui-nạp hay là suy-diễn.

1. Phương-sách chất-vấn làm cho lớp học trở nên linh-dộng : học-sinh có dịp suy-nghĩ và quan-sát, sờ-mò sự-vật để làm thỏa-mãn tính tò-mò của chúng.

2. Trí ký-ức của chúng sẽ trở nên mạnh-mẽ hơn nhờ sự lập đi lập lại một vấn-đề, một ý-kiến.

3. Học-sinh được tự-do phát-biểu ý-kiến và nhân đó tập phổ-diễn tư-tưởng, tập nói cho rõ-ràng, rành-mạch.

4. Nhờ phương-sách chất-vấn, thầy nhận-thức được sở-hiểu-biết của trẻ con và nhân đó biết được kết-quả cách dạy của mình hay hoặc kém để tự bổ-túc.

5. Giúp thầy nghĩ-ngợi đòi chút khi hỏi trẻ con và chờ chúng trả lời.

6. Nhờ được luôn luôn thầy gọi đến và được luôn luôn hoạt-dộng, trẻ-con khỏi phải đóng vai thụ-dộng và chán-nản.

III. HAI LOẠI CHẤT-VẤN

Có hai loại chất-vấn như sau :

A. CHẤT-VẤN ĐỂ GIÚP SỰ TÌM-TÒI MỘT Ý-KIỆN, SỰ PHÁT-MINH MỘT ĐIỀU GÌ

Mục-dịch của lối chất-vấn này là : giúp học-sinh tự tìm ra những điều mà thầy muốn dạy chúng.

Cách thực-hành : Giáo-chức khi giảng-giải một điều gì, một bài gì, phải đặt những câu hỏi khéo-léo để giúp học-sinh tìm ra những điều mà giáo-chức muốn dạy chúng.

Vậy, bài dạy phải được sửa-soạn kỹ-lưỡng, dàn-bài phải rõ-rệt, các câu hỏi phải được cân-nhắc và sắp-xếp trước theo một trật-tự nhất-dịnh. Chỉ nêu lên những câu hỏi cần-thiết mà thôi. Câu hỏi cuối-cùng phải đưa đến kết-quả hiển-nhiên của bài dạy.

Trong khi giáo-chức nêu lên những câu hỏi, cần khuyến học-sinh ngồi yên-lặng và chăm-chú nghe cho hết nghĩa câu hỏi vừa được nêu lên. Ấy là gián-tiếp tập trẻ con giữ phép lịch-sự khi cần hầu chuyện với một người nào.

B. CHẤT-VẤN ĐỂ KIỂM-SOÁT

Loại chất-vấn này được áp-dụng để kiểm-điểm lại bài học tuần rồi coi trẻ con có học và đã thật hiểu chưa ? Bài vừa mới giảng-giải xong trẻ con có hiểu được phần nào không ?

Nếu nhân thấy rằng chúng chưa hiểu rõ thì giáo-chức không ngần ngại chỉ mà không giảng lại bài ấy.

Vậy trước khi giảng một bài mới, giáo-chức phải chất-vấn trẻ con về bài đã học rồi.

Sau khi đã giảng bài mới, giáo-chức sẽ chất-vấn trẻ con để xem chúng có hiểu không ?

C. KỸ THUẬT CHẤT-VẤN

Chất-vấn không phải là việc dễ. Mọi người ai ai cũng chất-vấn. Nhưng ít có người chất-vấn đúng phép. Sự chất-vấn đòi-hỏi nhiều khéo-léo, nhiều thiệp-thế. Chất-vấn là một nghệ-thuật mà sự thực-hành đòi hỏi những điều kiện cần-thiết như sau :

1. Các câu hỏi phải rõ-ràng và chính-xác.
2. Các câu hỏi phải theo một trật-tự hợp-lý để tránh sự lăm hoang-mang tri-óc trẻ con.
3. Sự chất-vấn không nên quá mau hoặc quá chậm ; mau quá nó sẽ làm trẻ con bối-rối ; chậm quá nó làm cả lớp chán-nản.
4. Các câu hỏi phải dành chung cho toàn lớp chứ không riêng cho một trẻ con nào.

Thầy nêu lên câu hỏi chung cho cả lớp và để cho trẻ con vài phút suy-nghĩ. Kế đó, không theo một trật-tự nào cả bất-thình-lình thầy chỉ một trẻ con đứng lên trả lời. Nếu trẻ ấy trả lời không được, thầy sẽ kêu nhiều đứa khác cho đến khi chúng trả lời được mới thôi.

Nhiều học-sinh giỏi có thể trả lời được nhưng chúng e-lẹ, nhút-nhút. Thầy cần đặc-biệt để ý khuyến-khích chúng để chúng trở nên dạn-dĩ.

Thầy không nên chế-diệu, những trẻ nào trả lời không đúng những câu hỏi của thầy là vì làm như thế thầy

bắt chúng ngậm miệng luôn suốt niên-khóa. Cử-chỉ ấy tỏ ra thầy thiếu thiệp-thế, thiếu lòng nhân.

IV. NHỮNG ĐIỀU DỊ-LUẬN VỀ PHƯƠNG-SÁCH CHẤT-VẤN VÀ NHỮNG CÂU TRẢ LỜI

Sự áp-dụng phương-sách chất-vấn trong sự dạy-dỗ trẻ con đã làm sôi-nổi dư-luận trong giáo-giới một thời và nhiều điều dị-luận (objections) đã được nêu lên như sau :

1. Phương-sách chất-vấn làm mất quá nhiều thì-giờ của trẻ con. Như mọi người đều biết ở trường sơ-tiêu, trẻ con phải tranh-thủ thời-gian và phải học-tập mau lên vì mỗi năm mỗi trẻ phải lên một lớp. Vấn-đề tuổi không cho phép chúng ngồi hai, ba năm liền ở một lớp.

Trả lời : Đúng vậy. Phương-sách chất-vấn có làm mất thì-giờ của trẻ con thật. Nhưng xét ra nếu sự mất thì-giờ ấy là cần-thiết cho sự học-tập của trẻ thì còn ai phiên-trách gì ! Lại nữa, trong khi dạy học, nếu giáo-chức đi-mau quá thì trẻ con chỉ hấp-thụ một thứ học-thức nóng-cạn, có hại hơn là có lợi. Để tránh sự đi quá chậm, trong khi dạy giáo-chức sẽ xen lẫn hai hình-thức : thuyết-minh và vấn-đáp.

2. Theo phương-sách chất-vấn các ý-kiến của trẻ con đã được khêu-gợi ra không thể nào được sắp-xếp theo một thứ-tự nhất-định vào trong đầu-óc chúng những tri-thức thu-thập được sẽ không theo một trật-tự nào và sẽ làm chúng trở nên hoang-mang.

Trả lời : Lời chỉ-trích ấy đúng vậy. Nhưng để tránh sự trở-ngại, sau khi giảng bài xong, giáo-chức phải tóm-tắt những ý-kiến đã được nêu lên bằng một bài toát-yếu nói bằng miệng hoặc viết thành bài trên bảng đen.

3. Nếu, một đằng, phương-pháp dạy học dưới hình-thức thuyết-minh tuyệt-đối làm cho trẻ con trở nên thụ-

động thì, dẫu khác, phương-sách chất-vấn sẽ tập trẻ con ý-lại nơi thầy : mọi việc đều phải nhờ được kích-thích, thúc-giục thì trẻ con mới có ý-kiến. Nếu ngày kia chúng rời ghế nhà trường, động-cơ kích-thích, thúc-giục chúng suy-nghĩ và tìm-tòi các ý-kiến sẽ không còn nữa thì tri-óc chúng sẽ ra thế nào ?

Trả lời : Lời chỉ-trích ấy rất đúng vậy. Để trẻ con khỏi ý-lại nơi thầy, khỏi đóng vai người máy và lần-lần có một linh-thần tự-lập, tự-chủ thì phương-sách chất-vấn chỉ được áp-dụng thường ở các lớp nhỏ bậc sơ-tiêu (từ lớp Năm đến lớp Ba) mà thôi. Trái lại, ở các lớp lớn (lớp Nhì, lớp Nhất) phương-sách ấy sẽ dần-dần nhường bước lại cho sự học bài, sự làm bài một mình.



BÀI SỐ 3. PHƯƠNG-SÁCH LA MARTINIÈRE

I. ĐỊNH-NGHĨA

Phương-sách La Martinière là một hình-thức của phương-sách chất-vấn. Trong khi chất-vấn theo lối thông-thường, giáo-chức nêu lên một câu hỏi chung cho toàn lớp. Nếu phải lần-lượt tất-cả học-sinh đứng lên trả lời thì đó là một sự mất thì-giờ quá nhiều và việc ấy theo thực-lẽ không thể được. Phương-sách La Martinière giúp giáo-chức giải-quyết nỗi thắc-mắc ấy.

II. NGUỒN-GỐC PHƯƠNG-SÁCH LA MARTINIÈRE

Phương-sách này do giáo-sư Tabareau, người Pháp đã phát minh ra và áp-dụng tại học-đường La Martinière tại thành Lyon (Pháp). Phương-sách ấy được thực-hiện như sau :

— Giáo-chức nêu lên một câu hỏi cho toàn lớp. Sau

vài phút suy nghĩ, tất-cả học-sinh viết những câu trả lời của chúng vào những tấm bảng con. Giáo-chức ra hiệu-lệnh. Tất-cả học-sinh đồng-giơ bưng con của chúng lên.

III. PHÂN-LỢI

Cùng một lúc mà giáo-chức xem được tất-cả những câu trả lời của toàn lớp ; đề lời khen các câu trả lời đúng ; sửa-chữa các câu sai.

Phương-sách này làm cho lớp học trở nên linh-động.

Tất-cả học-sinh đều chăm-chú làm việc, không một trẻ nào lo ra.

Tinh ganh-đua được kích-thích đến cao-độ.

IV. PHÂN-BẤT-LỢI

Trẻ con có suy-nghĩ, có trả lời, có làm việc, nhưng không được phát-biểu ý-kiến bằng lời nói.

Cách dạy học như thế rất máy-móc quá và nếu giáo-chức áp-dụng phương-sách ấy cho tất-cả các môn thì vô-tình giáo-chức sẽ biến tất-cả học-sinh thành những « con người máy ». Như vậy, chúng sẽ không khi nào được học nói để phát-biểu ý-kiến và trở nên dạn-dĩ.

Phương-sách La Martinière chỉ được áp-dụng cho một ít môn cần những câu trả lời ngắn như : những con số, những chữ một trong bài Tính-học, Ngữ-vựng, Chính-tả, v.v...

V. ĐIỀU CẦN CHÚ-Ý

Phương-sách La Martinière chỉ được áp-dụng cho các lớp nhỏ như lớp Năm, lớp Tư, lớp Ba bậc sơ-tiểu mà thôi.

VI. KẾT-LUẬN

Nói tóm lại, phương-sách chất-vấn là một phương-

sách giáo-dục vừa là cần-thiết vừa thông-thường. Nó thông-thường cho đến đời từ xưa đến nay người ta cho nó là một phương-tiện trao-dôi tư-tưởng tự-nhiên giữa hai người hoặc nhiều người. Ngay ở thời tối-cổ các bậc giáo-chủ như Đức Thích-Ca, Lão-Tử, Đức Khổng-Tử, Đức Giê-Su, v.v... đều dùng lối chất-vấn để phô-bày tư-tưởng mình và đồng-thời giác-ngộ người đời.



BÀI SỐ 4. LỜI NÓI CỦA GIÁO-CHỨC, BÀI DẠY BẰNG MIỆNG (La Leçon orale)

I. ĐỊNH-NGHĨA

Bài dạy bằng miệng là lối học mà chính giáo-chức đứng-ra giảng-giải các khoản hằng lời nói. Lễ tất-nhiên, phương-sách áp-dụng là phương-sách thuyết-minh lẫn vấn-đáp.

II. SỰ CẦN-THIỆT CỦA BÀI DẠY BẰNG MIỆNG

Trước kia, có một thời, ở các học-đường người ta chỉ dạy bằng sách. Theo lối này, giáo-chức cứ việc chỉ cho học-sinh học bài nào, trang mấy, trong một quyển sách mà không có một lời giải-thích nào. Khi về nhà, trẻ con cứ việc học trong sách, hiểu hay không cũng mặc. Lại nữa, sách học thời ấy không được trình-bày đúng theo nguyên-tắc sư-phạm và khoa-học. Bởi thế, nên lối dạy như thế thật là tai-hại và sớm đã bị dả-kịch kịch-liệt. Để phản-ứng lại, người ta đã nêu câu : « Lời nói của ông Thầy là quyển-sách hay nhất ». Câu ấy muốn nói rằng : cuốn sách dù hay đến đâu cũng không hơn lời của ông Thầy. Tại sao thế ? Là tại lời của ông Thầy có một sinh-lực hấp-dẫn lạ thường mà câu văn dù hay đến đâu không sao có được.

Sức hấp-dẫn ấy được cụ-thể-hóa bằng âm-diệu trầm-bồng, khí hùng-hồn, khí ai-oán như than, như khóc, và nhất là bằng nét mặt vui-tươi, khi buồn-bã, khi tức-giận, khiến nên tâm-hồn trẻ con bị kích-thích cực-độ.

Chỉ khi nào có đủ các điều-kiện ấy thì : « lời nói của ông Thầy mới thật là quyền-sách hay như thế ».

III. NHỮNG ĐIỀU-KIỆN CẦN-THIỆT CHO BÀI DẠY BẰNG MIỆNG

1. Bài dạy phải linh-động. Câu ấy có nghĩa là : bài dạy phải làm cho trẻ vui-thích, hấp-dẫn chúng, khiến toàn lớp trở nên linh-động, không buồn-tẻ.

2. Bài dạy phải vừa sức học-sinh. Khó quá bài dạy sẽ làm chúng chán-nản. Dễ quá nó không giúp ích gì cho học-sinh.

3. Giáo-chức không nên nói một mình. Giáo-chức phải áp-dụng hình-thức thuyết-minh lẫn chất-vấn.

4. Bài dạy phải đơn-giản. Bài dạy cần gồm những đoạn cốt-yếu. Giáo-chức không cần nói tất-cả chi-tiết. Các chi-tiết ấy học-sinh sẽ tìm lại trong sách.

5. Bài dạy phải rõ-ràng. Bài dạy phải được trình-bày rõ-ràng và đúng sự-thật, không có vẽ mù-mờ, bấp-bênh. Dàn bài và mỗi chữ khó cần được nêu lên bằng đen. Nếu cần, giáo-chức sẽ cụ-thể-hóa bài dạy bằng những hình-ảnh, học-liệu các thứ.

6. Bài dạy phải được giảng bằng tiếng nói của trẻ con. Bài dạy phải được trình-bày bằng những tiếng thông-thường, dễ hiểu cho trẻ con, hoặc bằng những tiếng mà chúng quen dùng. Tuy-nhiên, giáo-chức không nên vì lẽ đó mà có giọng thô bỉ quê-mùa.

7. Bài dạy phải ngắn. Tùy theo tuổi và sức chú-ý

của trẻ con, thời-hạn dành cho một bài dạy bằng miệng là như sau :

- 15 phút ở lớp Mẫu-giáo và Dự-bị.
- 25 phút ở lớp Ba.
- 35 phút ở lớp Nhì.
- 45 phút ở lớp Nhất.
- 60 phút ở lớp Tiếp-liên.

8. Trước khi giảng bài mới, giáo-chức phải hỏi học-sinh lại bài cũ, bài đã được giảng tuần trước rồi.

9. Sau khi đã giảng bài mới rồi, cần viết toát-yếu tóm-tắt những ý-nghĩa đại-cương của bài lên bảng đen. Nếu bài toát-yếu của sách được soạn đúng thì nên dùng bài ấy.

IV. SỰ LIÊN-HỆ MẬT-THIỆT GIỮA BÀI DẠY BẰNG MIỆNG VÀ SÁCH

Một giáo-chức dù có khou ngón-ngữ đến đâu cũng có khi « đãng-tri » nghĩa là quên mất một chi-tiết gì của bài. Trong tình-trạng ấy, nếu không có sách giáo-khoa bên cạnh thì giáo-chức sẽ tự-nhận thấy lúng-túng vô cùng. Vậy sách giáo-khoa rất cần cho giáo-chức để bổ-túc những chỗ sơ-sốt, để giúp thêm tài-liệu cho giáo-chức, nhất là trong khi soạn bài.

V. KẾT-LUẬN

Nói tóm lại, lời nói của một giáo-chức lành nghề có giá-trị sư-phạm hơn một trang sách. Tuy-nhiên để tránh chỗ bất-cập, lời nói của giáo-chức phải được bổ-túc bằng sách học.

BÀI SỐ 5. SÁCH HỌC. PHƯƠNG-SÁCH DẠY HỌC BẰNG SÁCH CÓ KÈM THEO LỜI DẪN- GIẢI CỦA GIÁO-CHỨC

I. ĐỊNH-NGHĨA

Sách học là loại sách soạn đúng theo chương-trình học-khóa của Chánh-phủ. Sách học rất cần cho giáo-chức để soạn bài vừa cho học-sinh để học bài.

II. SỰ ÍCH-LỢI CỦA SÁCH HỌC

A. ĐỐI VỚI HỌC-SINH, SÁCH HỌC CÓ NHỮNG ÍCH-LỢI NHƯ SAU

1. Sách học giúp được rõ-rệt, hữu-hiệu, những bài dạy bằng miệng. Chiều lại, về nhà trẻ con sẽ tìm trong sách những điều mà thầy đã giảng ở tại lớp.

2. Sách học bổ-túc những khuyết-diểm của bài dạy bằng miệng. Trong khi giảng bài, giáo-chức quên vài chi-tiết, không theo một trật-tự nào khiến nên sự trình-bày không được rõ-ràng và bài giảng lồi nghĩa. Trong trường-hợp ấy, sách học bổ-túc những chỗ thiếu sót.

3. Sách học giúp học-sinh ôn lại bài cũ dễ-dàng. Bài dạy bằng miệng nhiều khi được chép vào vở dưới hình-thức một toát-yếu. Trong một vài tuần, những chi-tiết của bài đã được nêu lên bằng miệng sẽ không còn mây-may nào trong trí-óc trẻ con. Nếu ba tháng hoặc sáu tháng sau, giáo-chức bắt chúng học ôn lại các bài ấy, thì chúng sẽ không sao làm được nếu không có sách học bên cạnh chúng. Sách học giúp sự ôn lại dễ-dàng là vậy.

4. Sách học bắt-buộc học-sinh phải cố-gắng thêm lên để hiểu những bài ghi trong đó. Chiều lại, về nhà học-sinh chỉ có sách học bên cạnh chứ không có

thầy ngồi bên đề hỏi những điều khó. Lại nữa, nhiều chi-tiết ở tại lớp thầy không có nói đến nhưng có ở trong sách. Vậy học-sinh phải cố-gắng suy-nghĩ để hiểu rõ các chi-tiết ấy.

B. ĐỐI VỚI GIÁO-CHỨC

1. Giáo-chức nhiều khi phải dạy đến 30 giờ mỗi tuần và phải coi nhiều lớp. Sách học giúp thầy giữ-gìn sức-khỏe và luân-chuyên dạy từ lớp này sang lớp khác.

2. Nếu giáo-chức không có khoa ngôn-ngữ và ăn-nói lưu-loát, sách học sẽ hỗ-túc khuyết-diểm ấy.

3. Sách học giúp giáo-chức có nhiều tài-liệu để soạn bài khỏi mất thì-giờ tìm kiếm xa-xôi.

III. CÁCH DÙNG SÁCH HỌC

Cách dùng sách học có hiệu-quả bắt-buộc giáo-chức phải để ý mấy điểm sau đây :

1. Giáo-chức phải giảng bài bằng miệng đúng theo dàn bài của sách học để trẻ con khỏi hoang-mang.

2. Trong khi giảng bài mới, giáo-chức có thể bảo học-sinh lấy sách học ra đọc lên một vài đoạn khó của bài để giáo-chức giải-nghĩa.

IV. KẾT-LUẬN

Kinh-nghiệm cho thấy rằng : sự dạy học bằng sách có xen lẫn những lời giảng-giải của giáo-chức, tuy là có tình-cách giản-dị, đã đưa đến kết-quả chắc-chắn, nhiều khi quá sức tưởng-trọng. Tuy-nhiên, sự dạy học bằng sách không phải là một duyên-cớ để giáo-chức bỏ-bỏ phận-sự. Giáo-chức cần hiểu rõ thế nào là cách dạy bằng sách cho đúng ý-nghĩa của nó.

BÀI SỐ 6. NHỮNG BÀI LÀM HAY LÀ BÀI VIẾT

I. ĐỊNH-NGHĨA

Bài làm hay là bài viết là những bài viết làm hoặc tại lớp học hoặc tại nhà để bắt-buộc trẻ con áp-dụng những điều chúng đã học.

II. NHỮNG ÍCH-LỢI CỦA BÀI VIẾT

Bài viết có những ích-lợi như sau ;

1. Giúp giáo-chức biết rõ học-sinh đã hiểu bài dạy không và đồng-thời nhận-thức được học-lực khả-năng hiểu-biết của chúng.

2. Bài viết giúp học-sinh áp-dụng những điều chúng đã đọc.

3. Bài viết bắt-buộc chúng tự nỗ-lực, tự lấy sức chúng ra để chứng-minh sự hiểu-biết của chúng. Trong trường-hợp này giáo-chức sẽ không ở bên cạnh học-sinh để nhắc-nhở chúng.

4. Bài viết giúp giáo-chức nghỉ-ngơi đôi chút khỏi phải nói mãi. Sau khi ra đề bài, toàn-thể học-sinh đều làm dưới sự chăm-nom của giáo-chức. Giáo-chức không phải dạy bằng miệng nữa.

III. SỰ LỰA-CHỌN ĐỀ-TÀI BÀI VIẾT

Trong các sách giáo-khoa, các tập-san có những đề-tài đã được lựa sẵn nhưng thường không vừa sức học-sinh. Vậy giáo-chức phải lựa lại các đề-tài ấy đúng với các nguyên-tắc sau đây :

1. Bài viết phải vừa sức học-sinh.

2. Bài viết phải liên-hệ đến bài giảng kỳ rồi.

3. Bài viết phải có tính-cách thực-tiễn, có thể áp-dụng cho những nhu-cầu tương-lai của đời sống học-sinh.

4. Bài viết phải ngắn để tránh cho học sinh sự chán-nản và mệt mỏi.

IV. SỰ CHỮA BÀI VIẾT

Trong khi chữa bài viết, giáo-chức cần nhớ mấy điểm này :

1. Chữa một bài viết chẳng những đọc bài ấy và chữa mấy chỗ sai mà lại còn phải chỉ cho học-sinh biết để tránh các lỗi ấy ngày tới. Sự chữa bài kỹ-lưỡng đúng phép phải đánh giá sự tiến-bộ của học-sinh dù đó là một tiến-bộ nhỏ nhen.

2. Sự chữa bài viết phải chung cho toàn lớp. Giáo-chức chỉ cách chữa lỗi trên bảng đen rồi mỗi học-sinh tự chữa lấy bài của mình (về môn Âm-tả hoặc Chính-tả).

Về môn Tác-văn cách chữa bài phải như sau :

Giáo-chức đem tất-cả bài về nhà, đọc mỗi bài và nêu lên ngoài lề những chỗ sai. Đồng-thời giáo-chức cũng nên nêu lên những chỗ hay, đúng. Sau cùng, giáo-chức đề trên đầu mỗi bài lời phê bình tổng-quát về bài ấy và cho điểm.

Trong lớp, giáo-chức nêu lên những lỗi-lầm chung và chỉ cách chữa trên bảng đen. Giáo-chức gọi nhiều học-sinh đứng lên chữa các lỗi ấy rồi giáo-chức sẽ cho ý-kiến sau cùng.

V. NHỮNG BÀI LÀM TRONG LỚP

Theo nguyên-tắc, tất-cả các bài viết đều phải được làm tại lớp sau khi bài mới đã được giảng xong để xem coi học-sinh có hiểu bài không ? Lại nữa, dưới sự trông-nom của giáo-chức học-sinh sẽ tự cố-gắng làm lấy bài và không

nhờ sự giúp-dỡ của người nhà hoặc của bạn-bạn. Loại bài làm trong trường-hợp ấy biểu-lộ một phần nào chân giá-trị của mỗi học-sinh.

Về phần giáo-chức khi toàn lớp làm bài, giáo-chức có thể rảnh tay mà trông-nom lớp khác.

Tuy-nhiên, loại bài viết không được lạm-dụng là vì nếu đến giờ bất-cứ một môn nào giáo-chức cũng cho bài làm thì lớp học sẽ trở nên buồn-tẻ. Giáo-chức không sao dạy hết chương-trình và cũng không sao chấm hết tất-cả các bài.

Vì làm bài quá nhiều trẻ con sẽ chán-nản.

VI. NHỮNG BÀI LÀM Ở NHÀ

Tức là những bài mà mỗi học-sinh phải làm tại nhà, sau giờ học.

Phần lợi. Bài làm rất cần-thiết để giáo-chức nhận-thức học-lực và khả-năng hiểu biết của trẻ con. Nhưng tiếc vì ở lớp thì-giờ rất ít không luôn luôn dùng vào việc làm bài được. Vì vậy mà khuyết-diểm ấy cần được bổ-túc bằng sự cho bài làm tại nhà. Bài làm ở nhà cầm chân trẻ con trong gia-đình không cho chúng chạy rong ngoài đường. Ấy là ước-nguyện thiết-tha của các bậc phụ-huynh.

Phần hại. Nếu số bài làm tại nhà quá nhiều thì đó là một tai-hại cho học-sinh vì các lẽ sau đây :

1. Trẻ con vì số bài làm quá nhiều sẽ dễ chán-nản, hoặc làm một cách cần-thả.
2. Bất trẻ con làm bài quá nhiều như thế là phản-vệ-sinh vì lẽ trẻ con cần có giờ học-tập mà cũng có thì-giờ để chạy, giỡn, đi đây đi đó để lấy lại sức-khỏe.
3. Trẻ con cần có giờ để giúp cha mẹ chúng trong nhiều công-việc như giữ em, chăn bò, trâu, đi mua đồ trên

phổ, đem thơ từ cho các người quyến thuộc của gia đình, đi thăm bà-con, v.v...

4. Ở trong gia đình học-sinh thường không có đủ tiện nghi để học-tập, thí dụ : thiếu đèn điện, thiếu thơ phòng riêng-biệt : trẻ con trong nhà hoặc quanh xóm lân ôn-ào suốt ngày ; khách đến nhà và trò chuyện đến khuya ngay trong phòng học thường là phòng khách của chủ gia đình. Bởi thế, bài làm tại nhà không sao toàn-hảo được.

5. Bài làm tại nhà thường được cha mẹ, anh em, giúp sức, điều mà nhà trường rất kiêng-ky.

Nói tóm lại, bài làm ở nhà phải rất ít. Nếu phải cho bài làm tại nhà thì ngay tại lớp giáo-chức phải giúp học-sinh làm trước đến hai phần ba của bài. Sau khi về đến nhà, trẻ con chỉ để ra một thời-giờ rất ngắn làm nốt phần bài còn lại.

VII. BÀI THI TAM HOẶC LỤC CÁ-NGUYỆT

1. Mục-dịch. Bài thi tam hoặc lục cá-nguyệt có mục-dịch bắt-buộc học-sinh phải học ôn các bài cũ một cách kỹ-lưỡng và giúp giáo-chức sắp học-sinh theo thứ hạng đúng với học-lực của chúng.

2. Phần lợi

a. Thỉnh-thoảng các học-sinh lại cùng nhau học ôn các bài cũ một cách chín-chắn và sự hiểu-biết của chúng sẽ trở nên rõ-rệt, rành-rọt hơn.

b. Bài thi tam hoặc lục cá-nguyệt giúp giáo-chức có những tài-liệu chính-xác để phê-bình học-sinh một cách đúng mức.

c. Bài thi tam hoặc lục cá-nguyệt tập học-sinh tự trông-cậy lấy mình để làm bài. Ấy là cách tập chúng làm bài thi và cũng là cách tập chúng có tinh-thần tự-lập.

d. Các cuộc thi tam hoặc lục cá-nguyệt tạo nên trong lớp một không khí ganh-dua thúc-dẩy trẻ-con cố-gắng học-tập.

3. Phần hại

a. Nếu các bài thi có thưởng quá nó sẽ bắt buộc học-sinh, nhất là nữ-sinh, cố-gắng quá nhiều có hại cho sức khoẻ chúng.

b. Sự ganh-dua trong các cuộc thi dễ biến thành lòng ganh-tị, thù-hiềm và chia lớp ra thành nhiều bè-phái nghịch nhau.

c. Tập học-sinh sớm đi vào con đường hư danh ; học-tập để được tiếng khen ; và sau này, dễ được mảnh bằng chớ không phải học để biết, để trau-sửa thân-tâm, để tiến-bộ.

d. Các khuyến-diêm dù rằng có sự thận trọng của giáo-chức không thể nào đánh giá đúng mức học-lực của mỗi học-sinh. Sau này khi ra đời, sự sắp-xếp theo hạng thứ của nhà-trường sẽ bị lật ngược lại.

e. Sự sắp-xếp học-sinh theo hạng thứ căn-cứ vào số điểm sẽ làm cho hạng học-sinh kém dăm ra chán-nản, thù-hằn vì những học-sinh giỏi tự-dắc, kiêu-căng, khinh người. Hai trường-hợp ấy đều có hại cho niềm hòa-khí của các lớp học. Giáo-chức phải dân-xếp thế nào cho tình-trạng ấy không thể xảy ra.

f. Khuyến-diêm không sao đánh giá sự cố-gắng của mỗi học-sinh được. Có học-sinh làm bài trúng, hay, một cách dễ-dàng nghĩa là không có một sự cố-gắng quá lớn. Đó là nhờ thiên-tư của chúng. Trái lại, có những học-sinh làm bài kém nhưng cố-gắng rất nhiều. Giáo-chức làm sao đánh giá đúng sự cố-gắng ? Dù sao, đối với những học-sinh kém nhưng cố-gắng nhiều, giáo-chức cần cho một điểm an- ủi, và đề lời ban khen chúng.

4. Sự sắp hạng thứ được đề-nghị

Để tránh sự chạnh lòng tự-ái của mỗi học-sinh nhiều nhà sư-phạm có đề-nghị thay thế khuyên-diễm bằng những con số, bằng cách đề lời phê-bình cho biết sự hơn kém mà thôi. Thí-dụ : ưu, bình, bình-thứ, thứ, liệt, v.v...

Nhiều học-sinh cũng được một lời phê-bình như nhau đều được coi như là đồng hạng và có nhiều hạng trong lớp cho mỗi môn thi.

Nếu phải cho điểm thì cần làm thế nào : điểm của bài hay nhất không cách-biệt quá xa điểm của bài kém nhất. Giữa hai điểm ấy, có nhiều điểm chỉ cách-biệt nhau từ nửa điểm hoặc một phần tư điểm.

Cho khuyên-diễm bằng con số có phần tiện-lợi là : cách phê-bình học-sinh được cụ-thể-hóa một cách chính-xác ; sự cộng điểm cuối niên-khóa sẽ được dễ-dàng ; phúc-trình gởi lên thượng-cấp trong các kỳ thi sẽ được chính-xác, rõ-rệt. Nhưng cái hại cũng không nhỏ và đã được trình-bày ở các mục trên.

Cho khuyên-diễm bằng những lời phê-bình : khả, bình, bình-thứ, v.v... sẽ tránh được sự chạnh lòng tự-ái của học-sinh nhưng sẽ là một trở-ngại lớn cho sự lập sổ-sách, liên-bản, phúc-trình chung-niên.

VIII. KẾT-LUẬN

Nói tóm lại, trong sự giáo-dục trẻ con thì bài làm, bài viết rất cần-thiết cho sự học-tập và tiến-bộ của chúng. Tuy-nhiên, một giáo-chức lành nghề sẽ luôn-luôn tránh những sự thái-quá.



Bài số 7. CÁC SÁCH GIÁO KHOA PHÁT CHO HỌC-SINH. CÁC QUYỀN VỞ MÀ CHÚNG PHẢI LÀM BÀI TRONG ẤY

I. CÁC SÁCH GIÁO-KHOA PHÁT CHO HỌC-SINH

1. Công-dụng của sách giáo-khoa. Một khi bài đã được giảng tại các lớp học, chiều lại, về nhà, trẻ con sẽ tìm lại bài ấy trong sách giáo-khoa với những chi-tiết mà hoặc giáo-chức quên không nêu lên hoặc chúng không nhận-thức kịp. Vì các lẽ ấy mà sách giáo-khoa là một dụng-cụ tối-cần vừa cho học-sinh vừa cho cả giáo-chức.

2. Những điều-kiện tất-yếu của một sách giáo-khoa dùng-đắn

a. Sách giáo-khoa phải vừa trình-độ học-lực của một lớp.

b. Các bài vở trong sách giáo-khoa phải được sắp-xếp một một cách rõ-ràng, giản-dị ; không nên có quá nhiều chi-tiết, nhiều ý-từ phụ khiến trẻ con không nhận ra các ý-từ chính, nhưng không vì thế mà quyền sách trở nên khó-khian.

Mỗi bài ở sách phải làm cho học-sinh vui-thích và có kèm theo một toát-yếu ngắn, một ít đề-tài bài làm bằng miệng, hoặc bài viết, một ít câu hỏi, hoặc nếu có, một vài bài đọc bổ-túc.

c. Hình-thức, nhất là cách hành-văn, phải đơn-giản, rõ-ràng, vừa sức học-sinh. Câu văn không nên cầu-kỳ, tối-nghĩn.

d. Mỗi bài học phải được trang-trị bằng những hình-ảnh thích-nghĩ vừa làm đẹp mắt, vừa cụ-thể-hóa bài khiến cho bài học dễ biều, dễ nhớ và hấp-dẫn, giấy của mỗi trang sách phải màu vàng (màu rơm) và chữ in

phải cho rõ-ràng (không nên quá nhỏ hoặc quá to) để tránh sự làm hư mắt trẻ con.

3. Sách tập đọc — Sách giảng-văn. Một quyển sách tập đọc (quyển sách giảng-văn từ lớp Ba trở lên) cũng như bất-cứ quyển sách giáo-khoa nào cũng phải có đủ bốn điều kiện nói trên.

Sách tập đọc phải được lựa-chọn một cách cẩn-thận vì ảnh-hưởng của loại sách này đối với học-sinh rất là sâu-xa. Ấy là quyển sách được học-sinh yêu-quí nhất, được học-sinh nhắc-nhở luôn sau khi rời ghế nhà trường.

Sách tập đọc có thể kêu-gọi ở học-sinh nguồn cảm-hứng cần-thiết cho sự hành-văn hoặc một tác-động mai-lậu.

Ngoài những điều kiện cần-thiết nói trên, quyển tập-đọc phải có tính-cách như sau đây :

a. Sách tập đọc phải có hứng-vị (*être intéressant*) nghĩa là hấp-dẫn và làm cho đọc-giả hứng-thú.

b. Sách tập đọc phải vừa là bổ não, bổ trí vừa kêu-gọi ở trẻ con tính hiếu-ký chân-chính, vừa giúp trẻ con tư-thái nhiều cảm-tình hay, hơn là giúp chúng thư-thai nhiều trí-thức.

c. Mục-dịch chính của sách tập đọc là làm cho trẻ con thích đọc sách đề ngày kia có thể tự học một mình.

4. Các điều nên chú-ý. Sách giáo-khoa, bất-cứ thuộc về môn nào, cần phải được lựa-chọn một cách kỹ-lưỡng vì giáo-chức không có quyền năm nay lựa loại sách này, năm tới chọn loại sách khác. Vấn-đề ngân-sách của chính-phủ không cho phép giáo-chức làm như thế.

Giáo-chức chỉ được chọn một trong các mẫu sách giáo-khoa thuộc một môn do nhà Thanh-tra học-vụ gửi xuống.

Đúng lý ra, khi trẻ con rời ghế nhà-trường, chúng phải mang theo các sách giáo-khoa mà chúng đã sử-dụng trong niên-khóa. Nhưng vì công-quỹ không cho phép việc ấy nên các sách ấy chúng phải dành hoàn lại cho nhà-trường để rồi sang niên-khóa tới lại được phát cho thế-hệ học-sinh khác. Thật là một việc phân-vệ-sinh và rất đáng tiếc.

II. CÁC TẬP-VỎ CỦA HỌC-SINH

Sau khi giáo-chức giảng một bài học, học-sinh phải làm bài để áp-dụng những điều chúng đã học. Các bài ấy sẽ được làm trong các quyền vở như sau :

— Quyền vở bài làm hằng ngày, quyền vở bài làm hàng tháng, quyền vở luận-phiên và các quyền đặc-biệt.

1. Quyền vở bài làm hằng ngày

Tức là quyền vở duy-nhất được áp-dụng lúc sau này. Trong quyền vở này học-sinh sẽ ghi những bài viết thuộc các môn học.

Trước kia học-sinh phải sắm mỗi tập vở cho mỗi môn và ít nhất là hai mươi tập vở cho hai mươi môn học. Trong số các tập ấy, có tập được dùng thường và được thay-thế bằng tập mới. Trái lại, có tập ít được dùng và lâu ngày sẽ trở nên bảo-nhào, dơ-bẩn. Lại nữa, vì số tập-vở quá nhiều, mỗi ngày học-sinh phải mất thì-giờ để sắp-xếp hoặc tìm kiếm khi cần đến.

Trước kia, ngoài hai mươi tập nói trên lại có tập bản-nháp, tập bản-thảo. Trước khi chép bài vào tập bài làm hằng ngày, học-sinh phải làm bài ấy trong tập bản-nháp để tự-do bôi sửa những chỗ sai.

Phần lợi. Bài làm được chữa đi chữa lại cho hoàn-toàn, cho thật sạch-sẽ rồi mới được chép vào tập-vở bài

làm hàng ngày. Nhờ thế mà quyền vở này luôn-luôn được sạch-sẽ.

Phần hội. Cách làm bài như thế tập trẻ con quen tính: làm việc chỉ phải hai lần mới xong; lần đầu rất cầu-thả, lần sau mới thực-tâm chú-ý. Đó là một tập-quán lai-hội làm mất nhiều thì-giờ của trẻ con và tập chúng tính cầu-thả. Hiện nay, tập bản-nhập không được dùng nữa. Học-sinh phải viết ngay bài làm vào tập. Tuy-nhiên, một câu văn, một bài toán được làm trước trong một mảnh giấy con, để được chữa đi chữa lại cho đúng rồi mới ghi vào tập vở nói trên.

Lại nữa, một tập vở bài làm hàng ngày như thế không chứng-minh được lực học của học-sinh và cách làm việc tự-nhiên của chúng, vì lẽ khi chữa đi chữa lại bài làm trong bản-nhập học-sinh sẽ được giáo-chức giúp-dỡ. Dưới con mắt của nhà cầm-quyền, quyền vở như thế không có gì thành-thật cả.

Nói tóm lại, quyền vở bài làm hàng ngày, nếu các bài đều được làm ngay trong ấy, sẽ giúp giáo-chức và nhà cầm-quyền những điều sau đây :

a. Giúp giáo-chức, hoặc vị thanh-tra nhận-thức được học-lực, những nỗi khó-khăn cùng những sự dễ-dàng của mỗi trẻ con,

b. Giúp vị thanh-tra biết được cách dạy, cách khuyên-điều, cách chấm bài của giáo-chức. Đồng-thời, nó cho biết giáo-chức dạy có đúng chương-trình hay không.

2. Quyền vở bài làm hàng tháng

Quyền vở này thuộc quyền riêng của mỗi học-sinh. Mỗi tháng các bài thi đều được làm trong ấy, với những lời phê-bình và khuyên-điều của giáo-chức.

Phần lợi

a. Quyền vở bài làm hàng tháng giúp mỗi học-sinh nhận-thức sự tiến-bộ của mình trong tháng bằng cách tự mình so-sánh với mình. Ấy là phương-tiện hay nhất để kích-thích sự ganh-đua cá-nhân.

b. Nhờ các bài thi thuộc một môn đều được ghi vào đó, học-sinh sẽ nhận-thức được chẳng những sự tiến-bộ tổng-quát của chúng mà còn nhận-thức được sự tiến-bộ từng môn của chúng.

c. Xem qua các quyền vở ấy trong thời-gian học khóa của mỗi học-sinh người ta có ý-niệm về tiểu-sử học-tập của học-sinh trong thời-gian ấy.

3. Quyền vở luân-phiên

Tức là quyền vở các bài làm trong một ngày của mỗi học-sinh trong lớp. Thí-dụ : hôm nay là phiên học-sinh A làm tất-cả bài của em trong ấy. Ngày mai sẽ là phiên của em B, và v.v...

Phần lợi

a. Quyền vở luân-phiên giúp các học-sinh ganh-đua để làm bài hay hơn, đẹp hơn bài của các bạn cùng lớp.

b. Quyền ấy giúp vị thanh-tra có một ý-niệm rõ rệt về lớp học và cách dạy của giáo-chức lớp ấy.

Phần hại

Vì quyền vở luân-phiên không thuộc quyền riêng của mỗi học-sinh cho nên cứ lâu lâu mỗi học-sinh lại phải mất một số bài, khiến trong tập-vở bài làm hàng ngày của chúng có nhiều gián-đoạn phương-hại cho ý-niệm tiến-bộ liên-tục của chúng.

4. Các quyền vở đặc-biệt

Tức là những quyền vở dành riêng cho các môn như : Hội-họa, Tập-đồ, Thủ-công, Hát, Sử-ký, Địa-lý, Âm-đọc, Luân-lý, Công-dân, Nông-phổ, Quan-sát, v.v...

Phần lợi

a. Vì các môn kể trên có tính-cách chuyên-môn đặc-biệt, các bài dạy về các môn ấy không thể cùng chép chung trong một tập bài làm hàng ngày được nên cần có những tập vở đặc-biệt dành cho các môn ấy.

b. Các bài thuộc một môn được chép trong một tập sẽ giúp học-sinh có một ý-niệm về sự liên-tục các bài ấy.

III. KẾT-LUẬN

Nói tóm lại, lời nói của giáo-chức rất cần mà sách học cũng cần-thiết không kém. Điều cốt-yếu là các sách học ấy cần được chọn-lựa kỹ-lưỡng về phẩm cũng như về lượng.

Ngoài sách học ra, trẻ con còn cần rất nhiều tập vở để làm nhiều loại bài hoặc chép những bài dạy bằng miệng.

Các tập vở ấy có công-dụng riêng của nó và cần được áp-dụng cho đúng chỗ.

CHƯƠNG VII

**LÀM THẾ NÀO TẠO NÊN MỘT
HOÀN-CẢNH, MỘT KHÔNG-KHÍ
THUẬN-TIỆN CHO SỰ HỌC-TẬP
CỦA TRẺ CON ?**

LÀM THẾ NÀO TẠO NÊN MỘT HOÀN-CẢNH, MỘT KHÔNG-KHÍ THUẬN-TIỆN CHO SỰ HỌC-TẬP CỦA TRẺ CON ?

I. ĐỊNH-NGHĨA

« Tạo nên một hoàn-cảnh, một không-khí thuận-tiện cho sự học-tập của trẻ con » có nghĩa là : tạo cho trẻ con một khung-cảnh học-tập trong ấy về phương-diện thể-chất, trẻ con tự thấy mát-mẻ, khỏe-mạnh và về phương-diện tinh-thần chúng thấy có sự thích-thú ; giúp chúng tìm lại không-khí gia-dình ở trong sự thương-yêu săn-sóc chu đáo của giáo-chức và sự hòa-ái giúp-đỡ lẫn nhau giữa các bạn đồng song. Muốn được vậy, nhà trường cần được tổ-chức như sau, về hai phương-diện.

II. PHƯƠNG-DIỆN HỮU-HÌNH

1. Vị trí của nhà-trường : « Nhà trường cần được đặt trên một khung-cảnh thiên-nhiên đẹp-dẽ, khoáng-dãng » để trẻ con hằng ngày có thể mục-kích những hiện-tượng của tạo-hóa, hòa-nhập với cảnh thiên-nhiên để có những tư-tưởng trong-sạch, cao-thượng. Nếu không được vậy thì ít ra nhà trường cũng phải được đặt trên một khoảng đất rộng, xa chợ-búa, xa rạp hát, xa nhà vệ-sinh công-cộng, xa giếng nước. Nhà trường phải có cái

sân lớn có trồng cây để có bóng mát và có một khu vườn để trẻ con thực-hành vấn-đề nông-phố.

2. Lớp học. Lớp học phải rộng-rãi, có nhiều cửa sổ. Trung-bình mỗi học-sinh trong lớp phải có 5 thước khối khi trời để thở. Lớp học phải sáng-sủa. Ánh-sáng mặt trời phải giới vào phía tay trái của học-sinh hoặc cả hai bên cùng, chớ không phải phía trước mặt. Các bàn ghế, bảng đen, các tủ-kệ đều được giữ sạch-sẽ, và được sắp-xếp có ngăn-nấp, mỹ-thuật. Lớp học cần được sơn màu xám hoặc xanh-lam, hoặc là màu vàng rơm làm khỏe con mắt. Học-cụ-khổ và các bức dư-đồ đều được cất trong phòng riêng, khi cần mới đem ra. Cần tránh không nên treo trong lớp những học-cụ, những bức dư-đồ, những bức tranh cũ, rách nát, đầy bụi-bậm. Ở các lớp nhỏ như lớp Mẫu-giáo, lớp Năm, lớp Tư cần có những kệ để đồ chơi của trẻ con; những ngăn tủ riêng cho mỗi trẻ để chúng để học-cụ của chúng. Lớp học phải được giữ sạch-sẽ luôn và được trang-trí một cách mỹ-thuật. Về khoản này, giáo-chức hướng-dẫn trẻ con trong cách treo hình-ảnh, (tranh phong-cảnh đẹp, hình-ảnh một vài bức cực đẹp, các tác-phẩm về hội-họa của trẻ con). Mỗi buổi sáng, một ít đóa hoa tươi do học-sinh từ nhà mang đến cắm vào lọ làm cho lớp học trở nên vui-tươi và cho trẻ con có cảm-tưởng là chúng ở trong gia-đình chúng.

3. Bàn rửa mặt hoặc giá-chậu rửa mặt. Mỗi buổi sáng, trẻ con đi đến trường, áo, quần, mặt, mũi, tai, mắt, sạch-sẽ. Nhưng sau vài tiếng đồng-hồ học-tập và đùa-bỡn thì tay chân chúng cần được rửa-ráy trước khi vào học hoặc về nhà. Bởi thế, nhà-trường phải có nhiều bàn rửa mặt hoặc giá-chậu rửa mặt: nếu không thì ít ra cũng có một hệ nước trong hoặc nhiều vôi nước.

4. Thùng hoặc khay nước trà. Xứ ta là xứ nông-

nước. Bởi thế, sau khi học-tập và chạy giỡn, trẻ con thường khát nước. Nếu không có khạp nước trà nóng nấu sẵn, thì chúng sẽ ra uống nước trong bể hoặc ở các vôi nước và sẽ bị bệnh sốt-rét, cũng nhiều chứng bệnh khác. Thật là một tai-hại. Vậy nhà-trường phải có nhiều khạp hoặc nhiều thùng nước trà nấu sẵn mỗi buổi sáng và chiều để chúng tự-nhiên giải-khát với những ly, cốc riêng của chúng.

5. Quán cơm trưa. Nhiều trẻ con ở xa nhà-trường, mỗi ngày bốn bận chúng phải đi mất đến 20 cây số ngàn. Nhiều khi chúng bị mưa gió giữa đường, ngày hôm sau là phải ốm đau, phải nghỉ học nhiều ngày. Thật là tai-hại. Để tránh cho trẻ con những tai-hại ấy, nhà-trường cần có quán cơm trưa. Trẻ con thuộc gia-đình nghèo thì được ăn không mất tiền. Kinh-nghiệm đã cho thấy rằng: những nhà-trường có quán cơm trưa, trẻ con được ăn uống đầy-dủ có khi nhiều hơn ở nhà chúng và chúng có sức-khỏe dồi-dào, khỏi đau vặt.

6. Nhà vệ-sinh công-cộng. Ấy là điều mà chính-quyền phải lo trước nhất sau khi dựng xong một ngôi học-đường.

Nhà vệ-sinh cần phải to rộng tùy theo sĩ-số của nhà-trường và luôn-luôn được giữ sạch-sẽ. Thiếu sự sạch-sẽ nhà vệ-sinh là nơi sinh-sản rất nhiều ruồi-nhặng, sâu-bọ và phóng ra những uế-khi rất có hại cho sức-khỏe của toàn-thể học-sinh.

7. Tủ thuốc của nhà-trường. Để phòng-ngừa những tai-nạn bất-ngờ có thể xảy ra cho toàn-thể học-sinh như sự té ngã có thương-tích, các chứng bệnh bất-ngờ, v.v..., nhà-trường phải có một phòng riêng trong ấy có một tủ thuốc có những món thuốc thông-thường cần-thiết, những vật-liệu để băng-bó và vài chiếc giường để bệnh-nhân tạm nghỉ trong khi chờ-đợi bác-sĩ. Chính trong phòng này, mỗi tháng một kỳ, bác-sĩ địa-phương đến khám sức-khỏe trẻ

con và luôn dịp quan-sát luôn quán cơm trưa và thực-đơn áp-dụng mỗi ngày coi có đúng phép vệ-sinh không ?

III. PHƯƠNG-DIỆN TINH-THẦN

Về phương-diện này, nhà-trường phải được tổ-chức cách nào để có một không-khí đầm-ấm, vui-tươi, quyến-rũ khiến cho trẻ con coi lớp học là ngôi nhà, là gia-đình thứ hai của chúng và khi vắng mặt không đến trường thì chúng lại nhớ-nhung luyện-tiết. Muốn được vậy các điều-kiện sau đây cần được áp-dụng.

1. Về phần giáo-chức. Giáo-chức phải thực lòng yêu-mến trẻ con mới có thể hy-sinh vì chúng, sẵn-sàng giúp đỡ chúng, an-ủi, khuyên-nhủ chúng với một giọng từ-ái, với một lòng khoan-dung, rộng-rãi. Giáo-chức lúc nào cũng có nét mặt vui-tươi, tinh-tinh ôn-hòa, trầm-tĩnh không nên khi thì quá-ư dễ-dãi, khi thì quá-ư nghiêm-khắc, gắt-gao. Có như thế thì trẻ con mới tin-nhiệm thầy, sẽ thổ-lộ chân-tình với thầy và không nhận thấy bơ-vơ, cô-dộc nữa. Nhiều khi giáo-chức phải đi sát với trẻ con, tỏ vẻ thân-mật với chúng để hiểu rõ chúng hầu hướng-dẫn chúng đúng mức.

2. Về phần học-sinh. Giữa học-sinh với nhau cần có sự chân-thành giúp-đỡ, sự yêu-mến, sự quên mình vì bạn, sự chia vui, sốt nhọc, kẻ mạnh giúp kẻ yếu, sự chia sẻ thức ăn, thức uống và các đồ chơi, v.v... Các cử-chỉ ấy làm cho trẻ con hết sức cảm-động và yêu-mến chúng bạn hơn là anh chị em ruột trong nhà. Tinh-thần đời sống tập-thể nhờ đó mà nảy-nở ra, Không-khí vừa nói thực ra đều do giáo-chức là chủ-động cả.

3. Về phần các bậc phụ-huynh học-sinh. Để cho công-việc nói trên của nhà-trường có công-hiệu, các bậc phụ-huynh phải tiếp tay với nhà-trường bằng cách liên-lạc chặt-chẽ, với giáo-chức. Nhờ sự giao-tiếp chặt-chẽ ấy mà

các phụ-huynh mới rõ đường-lối giáo-dục của nhà-trường và, thay vì di nghịch lại với đường-lối ấy, sẽ giúp giáo-chức hiểu thêm trẻ con và trông-nom trẻ trong gia-đình để chúng làm theo huấn-thị của nhà-trường.

4. Về vấn-đề chương-trình. Chương-trình áp-dụng trong lớp phải thích-hợp với trình-độ học-hỏi của học-sinh. Rườm-rà và cao quá, chương-trình ấy sẽ làm chúng quá-ư mệt-nhọc về tinh-thần để rồi dăm ra chán-nản và bỏ học. Dễ và thấp quá, chương-trình sẽ làm mất thì-giờ chúng vì chúng cũng không học thêm được gì. Rốt-cực, chúng lại cũng chán.

IV. KẾT-LUẬN

Trong một lớp học mà giáo-chức biết tạo nên một hoàn-cảnh thuận-tiện thì sự giáo-dục trẻ con sẽ đem lại một kết-quả chắc-chắn. Hoàn-cảnh thuận-tiện là một khoảnh đất tốt, được sửa-soạn kỹ-lưỡng, hễ hột giống tốt đặt xuống là lên ngay.



BÀI ĐỌC THÊM

KHUNG CẢNH CỦA NHÀ-TRƯỜNG THEO LỐI GIÁO-DỤC MỚI

Trước nhất khung-cảnh của nhà-trường, nhờ cách xếp-dặt, cách bố-trí, cách trang-trí, phải thích ứng với những ích-lợi ngẫu-nhiên của trẻ con.

Một ngôi trường theo phương-pháp hoạt-dộng cần gần giống như một gia-cư vậy, nghĩa là nó cần phải có một hay nhiều phòng với một khu vườn để cho nơi ấy trẻ được tự-do chơi-giỡn và tham-dự vào công-việc làm vườn. Dọc theo các bức tường của lớp học phải có những tủ kệ dài mà thấp để cho trẻ con có thể đặt lên đấy những lọ hoa, những loại trang-trí, những hình-tượng con-con. Phòng học phải được trang-trí bằng những bức tranh mẫu bằng gỗ có một giá-trị mỹ-thuật chắc-chắn và miêu-tả những cảnh thuộc về đời sống trẻ con, hoặc đời sống gia-đình, những thắng-cảnh, những hoa, những trái mà các đề-tài đều mượn ở lịch-sử nước nhà, và, nếu cần ở lịch-sử thần-tiên. Những cây cảnh (Plantes ornementales) và những hoa đẹp đều có chỗ để nhất định trong phòng.

Lại nữa, một trường kiểu-mẫu theo loại này cần có bên cạnh một sân thể-thao, một sân chơi rộng trên có

lợp mái để tránh mưa gió, một vườn thảo-mộc, một vườn cây ăn trái, những phòng thí-nghiệm con-con về vật-lý, hóa-học và vạn-vật, phòng triển-lãm qui-tụ tất-cả tài-liệu các môn học, một thư-viện, một phòng nhóm họp, một phòng trò chơi, một phòng hội-họa, một phòng âm-nhạc.

a. *Bàn ghế*. Bàn ghế phải vừa sức trẻ con nghĩa là nhỏ và thấp phù-hợp với hình-vóc trẻ và được nghiên-cứu như thế nào để khỏi phải làm cho trẻ mệt-nhọc hoặc mang tật vì ngồi trên những bàn ghế ấy.

b. *Sách-vở*. Sách-vở giúp trẻ con tùy nghi suy-nghĩ về cách dạy của nhà-trường. Nhưng sự thật số-sách quá nhiều, thêm vào đấy sự phức-tạp các môn dạy đã thay thế vào uy-tín bài dạy của thầy, uy-tín của những bài đã in sẵn, và còn hại hơn nữa là thay-thế vào sự thực hiện-nhiên sống-động một thứ tiếng nói bất-di bất-dịch không linh-động, phi nhân-cách, nghĩa là chết. Quyền sách là yếu-tố chịu trách-nhiệm lớn-lao của tinh-cách tru-thệ của sự giáo-hóa tinh-thần bằng những phương-sách kỹ-ức và tác-dụng.

c. *Tài-liệu tham-khảo*. Tài-liệu này cần được dồi-dào do chính trẻ con thu-nhập như các tranh-ảnh về sử-ký, về địa-lý, về mỹ-thuật, các kim-loại, đá sạn, các thảo-mộc, thú-cầm những khí-cụ về nghề bằng tay, những học cụ, những đĩa hát, v.v... Trẻ con phải là những tay sáng-tạo và bảo-vệ cái kho bảo-tàng ti-hon của chúng.

Kho bảo-tàng này được luôn-luôn bổ-sung, luôn-luôn đổi mới. Nó là hình-ảnh sự hoạt-động của toàn lớp.

d. *Sự xạ-ảnh* (la projection). *Chiếu bóng hoạt-động* (Cinéma), *đĩa hát*, *vô-tuyến-điện*. Những phát-minh khoa-học tối-tân này phải được dùng với một sự phân-biệt hết sức cần-thận.

Ở đây chỉ là vấn-đề quan-sát, phát-minh, sáng-kiến, thí-nghiệm của ông thầy. Không nên có sự thủ-cựu trong sự áp-dụng những lối cũ mà cũng không nên có sự hấp-tấp (emballement) trong khi áp-dụng các lối mới. Cần nên coi lời nói sau đây của ông Descartes như một châm-ngôn : « Về vấn-đề sự-phạm cũng như về mọi vấn-đề khác, cần tránh mọi thành-kiến và mọi sự vội-vàng gấp rút trong sự phán-đoán.



CHƯƠNG VIII

DỤNG-CỤ GIÁO-KHOA

DỤNG-CỤ GIÁO-KHOA

I. ĐỊNH-NGHĨA

Dụng-cụ giáo-khoa là những dụng-cụ đặc-biệt có mục-dịch làm tăng thêm kết-quả của một bài dạy. Nói một cách khác, dụng-cụ giáo-khoa giúp giáo-chức cụ-thể-hóa bài dạy khiến trẻ con dễ hiểu, dễ nhớ và kết-quả sự học-tập của chúng rất là tốt-đẹp. « Dụng-cụ giáo-khoa » cũng được gọi là « học-cụ » hoặc « dụng-cụ về thính-thị ». Nó là hình-thức cụ-thể của phương-sách giáo-huấn.

II. CÁCH SỬ-DỤNG DỤNG-CỤ GIÁO-KHOA

Muốn có kết-quả tốt-đẹp trong sự sử-dụng các dụng-cụ thì sự trình-bày phải được sắp-đặt trước một cách chu-đáo ; các dụng-cụ ấy phải cho đầy-dủ, không thừa, không thiếu. Sự sử-dụng các dụng-cụ trước khi có sự trình-bày giữa lớp học phải được xác-định cẩn-thận. Nói một cách khác, nếu một dụng-cụ cần được sửa-soạn trong nửa ngày mới đem ra dùng mà giáo-chức chỉ đề vào có một tiếng đồng-hồ thì sự sử-dụng dụng-cụ ấy làm sao đem lại kết-quả tốt-đẹp được. Như thế dụng-cụ sẽ mất hết giá-trị của nó.

Dụng-cụ nào cần-thiết mới đem ra sử-dụng. Khi chưa dùng đến nó giáo-chức phải cất nó ở một chỗ kín-đáo, để trẻ con hằng ngày không trông thấy nó và nó sẽ giữ được nguyên-vẹn giá-trị của nó khi nó được đem ra dùng.

Không nên dùng các dụng-cụ giáo-khoa để trang-trì lớp học, vì như thế nó sẽ không kích-thích trí tò-mò trẻ con nữa khi giáo-chức cần đến.

Có nhiều loại dụng-cụ giáo-khoa : có những thứ dùng chung vừa cho các lớp bậc sơ-tiểu, vừa cho các lớp bậc trung-học. Trái lại, cũng có nhiều loại chỉ dùng riêng cho các lớp hoặc sơ-tiểu hoặc trung-học mà thôi.

III. CÁC DỤNG-CỤ GIÁO-KHOA THÍCH-HỢP VỪA CHO CÁC LỚP BẬC SƠ-TIỂU VỪA CHO CÁC LỚP BẬC TRUNG-HỌC

1. Bảng đen. Có 2 thứ : bảng đen nhỏ và bảng đen lớn.

Bảng đen nhỏ dùng tiện hơn bảng đen lớn ở chỗ người ta có thể mang nó đi được từ chỗ này sang chỗ khác trong lớp học. Trái lại, bảng đen to thì chỉ được đóng ở tường và chỉ ở một chỗ thôi.

Ở trong một lớp học, bảng đen phải được trình-bày trước mặt tất-cả học-sinh. Nếu có hai bảng nhỏ thì giáo-chức sẽ cho để hai bảng ấy trong hai góc lớp học trước mặt học-sinh, bên tả và bên hữu bàn viết của giáo-chức. Hai bảng ấy cần được để trên hai « chân bảng » hay là hai cái « giá bảng ». Mặt bảng phải nghiêng-nghiêng chứ không được thẳng như bảng gắn vào tường.

Bảng phải được sơn màu xanh-lam có vẻ vui-tươi làm khôe con mắt.

a. Những ích-lợi của bảng đen. Bảng đen giúp giáo-chức cụ-thể-hóa những lời dẫn-giải bằng những chữ viết bằng phấn trắng.

Bảng đen qui sự chú-ý của toàn lớp vào một điểm. Bảng đen là dụng-cụ cần-thiết cho sự dạy-dỗ của giáo-chức

cũng như trong sự học-tập của trẻ con nhưt là sự học-tập công-cộng.

Bảng đen rất cần cho sự giảng-giải các môn trong chương-trình nhất là môn Tính, môn Hình-học, môn Tập-đồ, môn Vẽ, môn Ngữ-vựng, môn Quan-sát, môn Tác-văn, v.v...

Người ta thường nói rằng : « Lớp học làm việc nhiều nhất chính là lớp học tiêu-thụ phấn trắng nhiều nhất trên bảng đen ».

Bảng đen rất cần-thiết cho sự làm bài của mỗi trẻ con trước mặt giáo-chức và các bạn học của chúng. Lúc đầu chúng ngại-ngùng sợ-sệt, nhưng sau rồi chúng sẽ quen và trở nên dạn-dĩ.

b. Cách sử-dụng bảng đen. Nếu lớp học chỉ có một bảng đen to thì nó được chia ra làm ba khoảng :

— *Khoảng giữa dùng để viết bài hàng ngày :* các chữ khó, các hình-ảnh sơ-lược, các bài toán, nghĩa là những tài-liệu dùng nhưt-thời và sau bài học thì được xóa đi.

— *Khoảng bên phải của khoảng giữa dùng để ghi ngày tháng, những lời báo cáo cần-thiết cho toàn lớp và cần được đề lâu ngày để mọi trẻ con cùng xem, cùng biết.*

— *Khoảng bên trái của khoảng giữa dùng để nêu lên những bài tập, những lược-đồ về môn Quan-sát, những công-thức của Toán-học và Hình-học, những phương-ngôn ngắn-ngữ, những chữ mới cần đề lâu ngày trên ấy, v.v...*

Nếu lớp học chỉ có hai bảng nhỏ thì phải phân-phối làm sao hai bảng ấy được sử-dụng cho ba công-việc nói trên.

Hiện nay hầu hết ở các lớp học, số bảng đen không đủ dùng. Có lớp chỉ có một bảng đen, nhưng to quá và gắn vào tường. Có lớp có hai bảng đen nhưng nhỏ quá.

Người ta thấy ở trong một ít lớp học tổ-chức theo lối xưa, bốn vách tường đều có bốn bảng đen to-tướng. Như thế là thái-quá và lớp học có vẻ âm-u, đen-lối, buồn-thảm.

2. **Bảng dẫn cáo-thị** (tableau d'information). Tức là loại bảng gỗ không sơn màu, trên ấy người ta dán những giấy-tờ, hình-ảnh cần cho học-sinh biết và cần được đề-lưu-ngày. Loại bảng này cũng được dùng cho công-việc như sau :

Công-việc thứ nhất : Trình-bày một ý-kiến dưới hình-thức một cáo-thị hoặc một họa-dồ.

Công-việc thứ hai : Trình-bày một ý-kiến dưới hình-ảnh cắt trong báo, các nguyệt-san, hoặc những bích-báo của nhà-trường.

Công-việc thứ ba : Trưng-bày những bài viết của trẻ con (Toán, Tác-văn), những bài Vẽ của chúng trong các kỳ thi lục cá-nguyệt.

Về điểm này cần nên chú-ý : Ở nhiều nước tân-tiến như bên Mỹ, tất-cả bài làm của học-sinh đều lần-lượt được trưng-bày, bài hay cũng như bài dở. Các bài ấy được sửa-chữa cẩn-thận nhưng không cho điểm và đề lời phê-bình, để tránh sự chạm lòng tự-ái của trẻ con. Một số bài (mười bài chẳng hạn) được trưng-bày trong một tuần nhật ; tuần sau thì lại tới phiên một số bài khác và như vậy cho đến hết tổng-số bài mới thôi.

Các bài viết thì được xếp thành xấp, mỗi xấp năm bài rồi niêm-yết lên bảng hổ-cáo. Trái lại, các bài vẽ thì lại được niêm-yết từng bài một, trải hẳn ra và mỗi lần là 5 hoặc 10 bài thôi.

Cách niêm-yết bài như thế có tinh-cách « tu-chỉnh » hơn là kích-thích sự ganh-tị của trẻ con và cả tinh-cách phò-trương giá-trị của mỗi bài, Chúng sẽ xem bài của mình

mà tự-nhận thấy mấy chỗ sai. Chúng sẽ đọc bài của các bạn mà tự-ngầm biết chỗ hơn kém đối với bài của chúng.

3. Bảng nỉ. Tức là một thứ bảng gỗ trên mặt có phủ một lớp nỉ. Trên bảng nỉ này, người ta gắn những tranh-ảnh vẽ trên giấy cứng. Những chữ cái dán trên giấy cứng đều được nêu lên. Muốn cho các hình-ảnh, các chữ cái, các con số dính trên bảng nỉ thì bề trái giấy cứng của các tranh-ảnh, các chữ cái, các con số ấy phải có dán một lớp giấy nhám.

a. Những công-dụng của bảng nỉ. Bảng nỉ được dùng trong các việc sau đây : trình-bày các mẫu chuyện bằng những tranh-ảnh ; trình-bày những khái-niệm về toán-học ; dạy tập-đọc các chữ cái của một sinh-ngữ ; các ngữ-vựng của sinh-ngữ ấy có kèm theo hình-ảnh ; trưng-bày các tranh-ảnh mỹ-thuật, các lược-dồ, các hình-ảnh thuộc môn Quan-sát, Hình-học, Địa-lý, Sử-ký, Ngữ-vựng, v. v., hình-ảnh trong các cuộc chơi (đổ hình).

Nói tóm lại, bảng nỉ được dùng để đơn-giản-hóa một vấn-đề, một mẫu chuyện, một bài học. Nó làm cho lớp học trở nên linh-dộng. Trẻ con sẽ đặc-biệt chú-ý đến các tranh-ảnh nêu lên trên ấy.

b. Những thí-dụ cụ-thể. Về Toán-học : Khi dạy đến những con số, để trẻ con có những ý-niệm về các con số, giáo-chức bảo chúng dán lên bảng nỉ những hình vẽ hoa-quả, hình vuông, hình tròn tượng-trưng các con số ấy. Giáo-chức sẽ dạy chúng dùng những hình-ảnh ấy mà làm những bài tính : cộng, trừ, nhân, chia và làm ngay các bài tính trên bảng nỉ. Các phân-số cũng được dạy bằng hình-ảnh.

Về sự kể chuyện : Giáo-chức cụ thể-hóa câu chuyện bằng những hình-ảnh thú-vật, hoặc người đóng vai tuồng trong mẫu chuyện và di-dộng các hình-ảnh ấy để mẫu chuyện trở nên linh-dộng và thích-thú.

Về môn quan-sát (Khoa-học thường-thức) : Các con thú nhỏ, các thứ cỏ, các lá cây, các hoa được ép, phơi khô và trình-bày lên bảng nil để chỉ rõ các thành-phần của một cái hoa, một cái lá, v.v...

Một hình con vật bằng giấy cứng được cắt ra nhiều mảnh để trẻ con tự ráp lại trên bảng nil.

Về môn ngôn-ngữ : Trẻ con sẽ ghép mấy chữ cái lại thành những vần, và nhiều vần thành những tiếng của sinh-ngữ ấy, hay là những chữ một có kèm theo hình-ảnh mà mấy chữ ấy là « tên ».

Từ lớp Ba trở lên, bảng nil không cần-thiết lắm. Nhưng khi cần, giáo-chức ở các lớp ấy cũng nên tạo sẵn một bảng nil cất ở trong phòng riêng.

4. Đồ-thị, bản-kê, họa-đồ, đồ-hình. Các học-cụ này đều làm bằng giấy cứng và phải cho lớn rộng để cho đứng xa cũng có thể trông rõ các chi-tiết ghi trên ấy. Sự sửa-soạn các học-cụ này rất bổ-ích cho học-sinh. Nếu được, giáo-chức có thể cho chúng tham-gia vào các công-việc chế-tạo ấy. So-sánh với những học-cụ thịnh-thị khác, các học-cụ này trình-bày những ý-kiến, những kết-quả một cách trùu-tượng. Vậy giáo-chức cần phải giải-nghĩa chủ-đạo cách sử-dụng các học-cụ này.

a. Họa-đồ. Tức là bức đồ vẽ (carte) tượng-trưng một vùng, một làng, một tổng, một tỉnh, một xứ về phương-diện địa-lý ; một đơn-vị (unité) về toán-học. *Thí-dụ* : So-sánh hình-ảnh các đơn-vị với hình-ảnh tổng-kê các đơn-vị về phép cộng.

Ở các bậc Sơ-Tiêu, các họa-đồ phải được trình-bày một cách đơn-giản. Họa-đồ có thể là bức-đồ vẽ sơ-lược một vật gì.

b. Đồ-thị. Tức là bản vẽ đồ cho người ta xem mà hiểu ngay kết-quả của một công-việc gì hoặc tách-điều-

hiển một cơ-quan gì. *Thí-dụ* : Đồ-thị cách tổ-chức một học-đường, một công-sở nào.

c. *Bản-kê hay là bản thống-kê, thống-kê-biểu* (statistiques) : Tức là loại bảng vẽ trình-bày thế nào mà khi xem đến người ta biết được sự tiến-thoái, thịnh-suy của một hãng, một xưởng, một cơ-quan thương-mại hay một xí-nghiệp từng năm một. Thống-kê-biểu giúp ta so-sánh kết-quả thu-thập trong năm này với những kết-quả thu-thập về các năm trước. Những kết-quả từng năm một ấy được tượng-trưng bằng những cột, hình chữ-nhật, cao hay thấp tùy kết-quả mỗi năm.

d. *Đồ-hình* : Tức là loại thống-kê-biểu lấy hình-ảnh của người, hoặc vật-dụng làm tượng-trưng. Hình-ảnh ấy lớn cao hay nhỏ bé là tùy số sinh-sản, sản-xuất cao hay thấp.

Thí-dụ : Về dân-số các nước lớn trên hoàn-cầu, người ta vẽ một hình người bề cao, bề lớn bao-nhiều tượng-trưng cho một đơn-vị dân-số là mấy triệu người.

Xem các hình ấy người ta có quan-niệm đại-khái dân-số các cường-quốc.

Về vấn-đề quân-sĩ cũng thế, cứ xem người quân-sĩ tượng-trưng quân-đội một nước thì người ta có ý-niệm ngay quân-số của nước ấy, nhiều hay ít.

Về Hải-quân, Không-quân cũng thế. Người ta tượng-trưng lực-lượng Hải-quân, Không-quân bằng những chiếc chiến-hạm và những chiếc phi-cơ oanh-tạc lớn hay nhỏ tùy quân-số hay số chiến-hạm của nước ấy nhiều hay ít.

e. *Đồ-biểu*. Tức bảng vẽ có những đường ngay lên hay xuống để chứng-minh sự tăng hay giảm nhiệt-độ của một bệnh-nhân hoặc nhiệt-độ của một vùng, một xứ nào sau một thời-gian, 24 tiếng đồng-hồ, hay nhiều hơn.

f. *Mô-hình* (maquettes). *Địa-đồ đắp nổi* (carte en relief). Các mẫu thu nhỏ (modèles réduits). Các học-cụ này giúp trẻ con nhận-xét thực-tế những núi-non, địa-thế hay những sự-vật thu nhỏ lại bằng những mẫu nhỏ giống y thực-tế.

5. *Máy in phụ-bản, máy in stencil*. Tức là một thứ máy in bằng tay để in ra nhiều bản những bài học để phát cho học-sinh trong nhiều lớp, hoặc in những thông-cáo chung cho nhà-trường, hoặc những học-liệu khác.

Thường giáo-chức, giáo-sư có in các loại bài nói trên cho các học-sinh lớn trong lớp dưới sự kiểm-soát của giáo-chức.

6. *Kệ đề họa-đồ, dư-đồ*. Tức là thứ kệ riêng trong ấy người ta treo hoặc xếp cất các họa-đồ vào mọi nơi để tránh sự hư-nát, dơ-bẩn vì bụi-bặm. Thay vì có một thứ kệ như trên, giáo-chức có thể đóng móc vào tường hoặc vào bìa biên phía trên của bảng đen để treo các họa-đồ lên. Nhưng đó chỉ là việc bất-đắc-dĩ mà thôi. Cần không cho học-sinh thấy luôn-luôn trước mắt các họa-đồ ấy và nhất-thiết không nên dùng các học-cụ ấy để trang-trí lớp học.

7. *Bài học viết trên tấm giấy bìa*. Những chữ cái của một sinh-ngữ, những con số đều được viết trên những ô con bằng giấy bìa cứng, hình chữ nhật. Tổng-số các ô con ấy hợp thành một bộ bài để cầm trong tay và rất tiện trong sự sử-dụng. Các ô con này cần để trong một cái hộp giấy để được dùng lâu.

8. *Các dụng-cụ khoa-học*. Các dụng-cụ này phải phù-hợp với chương-trình khoa-học của lớp học. Nếu là dụng-cụ đơn-giản, rẻ tiền thì học-sinh có thể mang từ nhà đến. Nếu là dụng-cụ đắt tiền thì nhà-trường phải tự xuất tiền để mua lấy. Nếu là dụng-cụ rẻ tiền nhưng học-sinh không thể tự-tạo ở nhà thì nhà-trường phải tự xuất tiền mua

lấy và cho thật nhiều để mỗi trẻ đều có thể sử-dụng được khi đến giờ thí-nghiệm.

Đ. Bản-dồ và quả Địa-cầu bằng giấy. Ngay ở lớp Năm bậc sơ-tiêu, trẻ con đã thật-sự học bản-dồ. Nhưng thực ra, môn này mới chính-thức được dạy ở lớp Nhì.

Khi giáo-chức cho vẽ kiểu mẫu trường-học hay một đường phố lân-cận, như vậy giáo-chức đã cho học-sinh bắt đầu học bản-dồ. Trong phạm-vi nhỏ hẹp này giáo-chức bắt đầu nói đến tỷ-lệ. Trẻ con sẽ nhận thấy rằng : một vật nhỏ vẽ trên giấy có thể tượng-trưng cho một vật lớn gấp trăm, ngàn lần trên thực-tế được. Đó là căn-bản của sự hiểu-biết bản-dồ. Từ khả-năng đọc, hiểu và dùng được bản-dồ, trẻ con sẽ tiến tới sự tăng-cường trí-óc nhận-xét để phân-biệt các bản-dồ và sự-vật trên thực-tế.

Sự sử-dụng bản-dồ trong sự dạy-dỗ trẻ con có nhiều mục-dích như sau :

a. Giúp trẻ con nhận-thức những hiện-tượng trong mối liên-quan giữa cá-nhân chúng với xã-hội.

b. Bản-dồ giúp sự thu hẹp theo tỷ-lệ những diện-tích các vùng, các xứ trên địa-cầu, và nhứt là những khoảng-cách (intervalles). Như vậy, những nơi « bất-khả-lượng » (không thể đo-đạt được) cũng thực-hiện được. Bản-dồ đã giúp sự cụ-thể-hóa những quan-niệm trừu-tượng về những diện-tích to rộng, những vùng xa-xăm, những phương-hướng.

Bản-dồ đặc-biệt tượng-trưng những vị-trí, những thành-thị, những diện tích, những khoảng rộng, khoảng-cách, những sự liên-quan của tạo-hóa và nhân-loại, những độ cao, độ dốc của mặt đất.

Trước khi hiểu-biết những điều nói trên, trẻ con phải biết xem bản-dồ. Công-việc nghiên-cứu về điểm này cho thấy rằng : khi được dạy cẩn-thận về cách đọc bản-dồ,

trẻ con sẽ hiểu cách đọc và cách sử-dụng bản-đồ một cách dễ-dàng và có ý-nghĩa.

10. Học-cụ-khố (Musée scolaire). Tức là một cái tủ lớn hoặc là một cái kệ to ngoài có bao-phủ một lớp gỗ dày che bụi-bặm, trong ấy giáo-chức sẽ để các loại tài-liệu như tranh-ảnh, hình nặn bằng đất sét, các thứ hoa quả ép và phơi khô, các loài côn-trùng hoặc các loài thú nhỏ ngâm rượu trong các lọ con, các nông-cụ, các khí-cụ thuộc các nghề-nghiệp thu lại làm những kiểu-mẫu nhỏ, v. v...

Học-cụ-khố phải được để trong một gian phòng riêng-biệt không cho trẻ con trông thấy. Chúng không được vào trong ấy bất-cứ lúc nào.

Về những khí-cụ cần-thiết cho phép đo-lường thì có một học-cụ-khố riêng, thường là một cái tủ con, để trong góc hoặc gắn lên tường lớp học (compendium métrique).

11. Máy rọi hình không trông-suốt — hay máy chiếu phim đứng (Épiscopie). (Đoạn này rút trong Phương-tiện thính-thị của Ông HỒ-VĂN-HUYỀN). « Tức là máy dùng để rọi lớn lên trên màn-ảnh, với tất-cả chi-tiết và màu-sắc, những hình vẽ, hình in, hình chụp, chữ in, chữ viết trên giấy hay trên một vật-liệu gì ngăn ánh-sáng không thấu-quang ».

Máy này được áp-dụng cho sự giảng bài mới để trình-bày những hình-ảnh thuộc về bài học nhưng không có trong sách và rất nhỏ, không thể trao tay cho tất-cả học-sinh xem được. Hình-ảnh ấy là loại thường, bản ở các tiệm hình, tiệm sách hoặc cắt ở báo-chi hoặc tập-san ra.

12. Máy chiếu phim, phim đứng (Films fixes) — cũng gọi là máy chiếu phim trông-suốt (diascope). — (Trích trong Phương-tiện thính-thị của Ông HỒ-VĂN-HUYỀN). Một giáo-chức nên biết chụp hình « nhiếp-ảnh có thể dùng máy ảnh chụp những tài-liệu gì thấy cần cho việc

giảng-dạy của mình trên phim cỡ 35m/m để rồi rửa phim trái (film négatif) ra phim mặt (film positif) và dùng máy chiếu phim đứng, chiếu cho học-sinh xem ».

Nhờ những phương-tiện này mà giáo-chức với máy nhiếp-ảnh của mình có thể tự-tạo ra những tài-liệu cần-thiết cho nhiều môn học trong chương-trình như: Vạn-vật-học, Địa-lý, Sử-ký, Ngữ-vựng, Tác-văn, v. v... Với phương-tiện này, giáo-chức tùy ý nêu lên màn học lâu hay mau để giảng-giải tường-tận một bài học và chỉ thay thế hình-ảnh ấy sau khi đã giảng xong.

13. Máy chiếu phim câm (Appareils de projection de films muets). Ấy là lỗi chiếu bóng xưa kia. Khán-giả thấy các hình-ảnh múa men cử-dộng trên màn bạc nhưng không có một lời nói, một tiếng động nào. Sự thích-thú chỉ mới được phân nửa mà thôi. Dù sao phương-tiện này đã giúp-ích rất nhiều trong sự giảng-dạy các môn như Vạn-vật, (các loại thú-cầm, các loại thảo-mộc trên hoàn-cầu), Địa-lý (các vùng xa-xăm đầy băng-tuyết, các sắc dân, v.v...

14. Máy chiếu phim nói (Cinéma parlant). Ngày hôm nay, máy chiếu phim câm đã bị coi là lỗi-thời và đã nhường bước cho máy chiếu phim nói trên màn-bạc. Với loại máy chiếu phim này khán-giả rất thích-thú vì đã thấy các đào-kép cử-dộng và lại được nghe tiếng nói giọng hát du-dương của các nghệ-sĩ ấy. Dem áp-dụng cho sự dạy học, phim nói làm cho trẻ con rất thích-thú.

Sự ích-lợi của phim câm cũng như phim nói thật là vĩ-dại.

Nó giúp trẻ con nghèo không đủ phương-tiện đi ra nước ngoài, ở tại quê nhà mà biết được nhân-vật trong năm châu, không du-lich mà biết được những thắng-cảnh những kỳ-quan cũng như những vùng hẻo-lãnh của thế-giới.

Cũng như phim câm, phim nói có những điều bất-tiện như sau :

Cuốn phim quay mau quá, giáo-chức không thể nào ngừng nó lại để giải-thích những điểm quan-trọng. Các phim được đem ra chiếu thường không « ăn-khớp » với chương-trình và như thế sẽ làm mất thì-giờ quá nhiều của trẻ con mỗi tuần.

Lại nữa, sự ưa-thích xem phim chiếu bóng lâu ngày đã trở thành một thứ bệnh, bệnh ghiền cinéma — và, nếu nó không đem lại những ích-lợi trực-tiếp thì lối tiêu-khiển ấy sẽ là một xa-xỉ-phẩm rất có hại cho tinh-thần và phẩm-hạnh.

15. Máy và đĩa hát (Phonographe). Máy hát là loại máy xưa nay dùng để phát-âm lại một bài hát, một bài ca, một câu chuyện, thuật lại một cuộc vấn-đáp hay đàm-thoại, một buổi đọc sách, ngâm thi, một buổi đọc và nói ngoại-ngữ do những đĩa mà trong đó trước kia người ta đã ghi-âm các bài thuộc các loại nói trên.

a. Phần lợi của máy và đĩa hát. Nếu giáo-chức không có khả-năng về âm-nhạc thì máy và đĩa hát sẽ thay thế giáo-chức khi đến giờ dạy hát hoặc âm-nhạc, hoặc dạy ngâm thi, nhất là dạy đọc và nói một giọng ngoại-ngữ nào. Trẻ con sẽ tập hát và nói đúng giọng như đó.

a. Phần bất-tiện. Điều bất-tiện là trẻ con nghe giáo-sư âm-nhạc hát rất hay, đọc và nói ngoại-ngữ rất đúng giọng nhưng chúng không được thấy ông thầy ra thế nào và khi chúng thắc-mắc về vài chi-tiết thì không biết hỏi ai. Ấy là phần nửa thích-thú đã phải kém đi.

16. Máy ghi-âm (Magnétophone) (Phương-tiện thính-thị, tác-giả Ông HỒ-VĂN-HUYỀN). « Tức là một thứ máy có thể ghi âm-thanh vào một cuốn băng từ-khí (film ou bande magnétique) để tìm lại âm-thanh ấy rất đúng, không sai một mảy-may nào ».

Loại máy này dùng để ghi-âm một bài diễn-thuyết; một bài dạy học, một bài hát, v.v... cần lập lại nhiều lần ở những địa-diểm khác nhau và trước một số đông thính-giả.

17. Loa phóng-thanh (Mégaphone). (Phương-tiện thính-thị của Ô. HỒ-VĂN-HUYỀN, trang 23). « Loa phóng-thanh là một thứ loa có gắn một máy truyền-thanh phóng-dại, chạy bằng điện của một hộp bin khô (pile sèche) dùng để phóng-dại tiếng nói, giọng hát, v.v... »

Máy này được áp-dụng khi có người đứng ra diễn-thuyết trước một đám đông thính-giả nhưng giọng nói nhỏ quá.

18. Máy vi-âm (Microphone hay là micro). (Phương-tiện thính-thị của Ô. HỒ-VĂN-HUYỀN trang 23). « Máy vi-âm (Microphone) cũng gọi tắt là micro là một thứ máy biến âm-chấn (vibrations sonores) ra điện-dộng (oscillations électriques) để phóng-dại những tiếng nhỏ ».

Loại này có công-dụng giống như loa phóng-thanh. Nó được sử-dụng trong những buổi dạy học, diễn-thuyết ở học đường hoặc ở những nơi hội-hợp công-cộng, ở những hi-trường, ở các buổi lễ công-cộng, v.v...

19. Máy thu-âm (Récepteur de radio-diffusion). hay là máy radio (Phương-tiện thính-thị của Ô. HỒ-VĂN-HUYỀN trang 24). « Máy thu-âm (récepteur de radio-diffusion) thường được gọi tắt là máy radio, là một máy thu-âm do một đài phát-thanh truyền ra ». Đặc-biệt của loại máy này là không cần dây dẫn-điện như trong các loại máy đã kể trên. Đài phát-thanh có thể cách xa nơi gắn máy thu-âm có đến mấy chục ngàn cây-số. Ấy thế mà khi mở ra, máy thu-âm nói trên truyền đi khắp hoàn-cầu. Nhờ thế mà ở tại Sài-gòn, ta nghe được tin-tức của năm châu thế-giới, nghe được những điệu hát của hầu hết các dân-tộc trên thế-giới. Loại máy

này thật là một phát-minh kỳ-diệu của thế-kỷ hai mươi.

Máy thâu-thanh hay là máy vô tuyến truyền-thanh ngày nay rất được dùng cho các nơi hội-hợp công-cộng như nhà trường, hí-viện và các tư-gia, các công-sở, v.v.,

20. Máy vô-tuyến truyền-hình (Appareil de télévision). (Phương-tiện thính-thị của Ô. HỒ-VĂN-HUYỀN trang 28). Tức là máy truyền-hình cử-động và truyền-thanh bằng vô-tuyến điện từ một nơi xa đến những máy thâu-hình và thâu-thanh (récepteur de télévision) trên một màn-ảnh *đặc-biệt*.

Thí-dụ : Chiều nay đúng 17 giờ, thủ-lãnh một-nước tấn-tiến trong khối tự-do sẽ đọc lời tuyên-bố quan-trọng.

Đúng giờ nói trên khắp các nơi trong nước ấy và ở nhiều nơi ở ngoài nước ấy, người ta sẽ mở những máy thâu-hình và thâu-thanh, và ở mỗi nơi nói trên đúng giờ đã định, sẽ hiện trên màn-bạc hình của vị thủ-lãnh ấy. Người ta thấy vị thủ-lãnh ấy cử-động và nghe nói tự-nhiên như vị ấy đứng trước mặt mỗi thính-giả vậy. Thực là một phát-minh cực-kỳ tối-tân.

Máy vô-tuyến truyền-hình này khác hẳn với *phim nói* (cinéma parlant) ở chỗ nó truyền-hình và truyền-âm của những vi-nhân có thực và truyền đi khắp hoàn-cầu những tin-tức về thời-sự rất đúng sự thật giữa lúc mà các sự kiện lịch-sử ấy xảy ra chứ không như phim nói truyền đi các nơi những tin-tức thời-sự thuộc về dĩ-vãng hoặc những câu chuyện, những tưởng do trí tưởng-tượng của người tạo ra.

IV. CÁC DỤNG-CỤ GIÁO-KHOA VỚI PHƯƠNG-TIỆN THÍNH-THỊ

α. Định-nghĩa. Phương-tiện thính-thị là phương-tiện chủ-trương áp-dụng thị-giác và thính-giác trong sự dạy-dỗ trẻ con.

b. **Lý-do.** Phương tiện thính-thị bắt nguồn ở nguyên-tắc căn-bản sau đây. Ấn-tượng của một chữ, một lời nói chỉ được in sâu vào tâm-hồn trẻ con dưới hình-thức hỗn loại ký-ức sau đây :

- thị-giác ký-ức (souvenir visuel)
- thính-giác ký-ức (souvenir auditif)
- phát-âm ký-ức (souvenir phonétique)
- đồ-tả ký-ức (souvenir graphique)

Trong bốn loại ký-ức ấy chỉ có thị-giác ký-ức và thính-giác ký-ức là được áp-dụng luôn. Vì thế mà có từ-ngữ « thính-thị ». Thực ra, trong sự học-tập một sinh-ngữ người ta áp-dụng chẳng những thị-giác ký-ức, thính-giác ký-ức mà còn phát âm ký-ức và có đồ-tả ký-ức nữa.

Ở nhà-trường sự học-tập một môn nào trong chương-trình đòi hỏi ít nhất là 2 loại ký-ức : thị-giác ký-ức và thính-giác ký-ức và có khi cả 4 loại nữa.

c. **Sự sắp-đặt dụng-cụ giáo-khoa theo từng loại ký-ức nói trên,** (Phương-tiện thính-thị của Ông HỒ-VĂN-HUYỀN)

1. Dụng-cụ giáo-khoa bổ-sung cho thị-giác ký-ức

Người ta kể :

- a. Bảng đen.
- b. Bảng cáo-thị.
- c. Bảng nỉ.
- d. Đồ-thị, bản kẻ, họa-đồ, đồ-biểu, đồ-hình.
- e. Kệ để họa-đồ.
- f. Máy in stencil.
- g. Bài học viết trên tấm giấy bìa.
- h. Mô-hình, Địa-đồ dập nổi ; các mẫu thêu nhỏ.
- i. Các dụng-cụ khoa-học.
- j. Bản-đồ và quả địa-cầu bằng giấy.
- k. Máy rọi-hình trong-suốt.

1. Máy rọi hình không trong suốt. Phim đứng.

2. Dụng-cụ giáo-khoa bổ-sung cho thính-giác kỹ-ức

a. Máy và đĩa hát (phonographe).

b. Máy ghi-âm (magnétophone).

c. Loa phóng-thanh (mégaphone).

d. Máy vi-âm (microphone).

e. Máy thu-thanh (rcepteur de radio-diffusion ou radio).

3. Dụng-cụ giáo-khoa chính-thức của phương-tiện thính-thị (thính-giác, thị-giác hỗn-hợp).

a. Máy chiếu phim hời.

b. Máy vô-tuyến truyền-hình.

V. CÁCH HỌC ANH-NGŨ THEO PHƯƠNG-TIỆN THÍNH-THỊ

Mỗi học-viên vào trong một buồng riêng-biệt trong ấy có một máy ghi-âm.

« Dưới sự hướng-dẫn của giáo-sư chuyên-môn mỗi học-viên Anh-ngữ, trên hai tai có gắn ống nghe, cứ vặn máy ghi-âm để nghe qua một lần bài học đã ghi sẵn ; tiếp đến lần thứ hai, vừa nghe vừa cố-gắng nói theo cho thật đúng tiếng đã nghe ; một lần, rồi hai lần, rồi ba lần, nếu cần. Trong khi ấy, máy đã ghi cách phát-âm của học-viên liền sau cách phát-âm đúng của giáo-sư đã được ghi sẵn-trước. Học-viên chỉ còn vặn trở lại để nghe hai cách nói hay đọc của giáo-sư và của mình hầu so-sánh và tự sửa-chữa. Nhờ vậy mà có nhiều học-viên của Trung-tâm thính-thị Anh-ngữ lúc đầu biết sinh-ngữ này rất ít ; học trong vòng 6 tháng, một năm đã nói tiếng Anh được trôi chảy và đúng giọng ». Phương tiện thính thị của Ô. HỒ-VĂN-HUYỀN trang 22).

VI. KẾT-LUẬN

Từ xưa đến nay, dụng-cụ giáo-khoa đã được các nhà giáo lãnh nghề áp-dụng. Nhưng ít người đặc-biệt đề ý đến nó vì cho nó là vấn đề phụ thuộc.

Ngày hôm nay, phương-pháp giáo-dục mới đã làm nổi-bật tính cách quan-trọng của các học-cụ ấy và cho rằng : sự dạy-dỗ trẻ con có kết-quả tốt-đẹp hay không là cũng do sự biết sử dụng hay không những học-cụ thiết-yếu ấy.



CHƯƠNG IX

**SỰ TỔ-CHỨC NHÀ TRƯỜNG
THEO NGUYÊN-TẮC SỰ-PHẠM**

SỰ TỔ-CHỨC NHÀ-TRƯỜNG THEO NGUYÊN-TẮC SƯ-PHẠM

Kết-quả tốt-đẹp của sự dạy-dỗ trẻ con phần lớn đều do sự tổ-chức nhà trường đúng theo nguyên-tắc sư-phạm. Sự tổ-chức ấy gồm các việc như sau :

Sự sắp-xếp hay sự thâu-nhận học-sinh.

Sự sửa-soạn và phân-chia chương-trình các môn học.

Sự ấn-định thời-không-hiền.

Sự chuẩn-bị các buổi học (sự soạn bài dạy).

Sự tuyển-chọn các sách giáo-khoa.

Kỷ-luật nhà trường.

Sự hợp-tác của các gia-đình vào công việc nhà trường.

I. SỰ SẮP-XẾP HAY SỰ THAU-NHẬN HỌC-SINH

a. Ở trường mẫu-giáo: Ở trường mẫu-giáo, hạn tuổi học-sinh được thâu-nhận từ 2 đến 6 tuổi. Tuy rằng hai hạng cách nhau chỉ có 4 tuổi, nhưng trong khoảng 4 tuổi ấy có sự cách-biệt khá lớn về trình-độ của trẻ con.

Đứa trẻ 2 tuổi còn là hài-nhi mới rời mình người mẹ và luôn-luôn cần được chăm-nom, cần được có sự âu-yếm của giáo-chức thay thế người mẹ.

Trái lại, đứa trẻ 6 tuổi là trẻ đã có một ít kinh-nghiệm rồi và đứng vào hạng kỳ-cựu của nhà trường. Chúng được chuyển sang lớp Năm trường sơ-tiểu.

Ở trường mẫu-giáo, trẻ con được liệt vào hai hạng :

Hạng hai-đồng : từ 2 đến 5 tuổi.

Hạng đồng-ấu (kỳ-cựu) : từ 5 đến 6 tuổi.

b. Ở trường sơ-tiểu : Ở trường sơ-tiểu sự xếp học-sinh căn-cứ vào tuổi-tác hoặc học-lực của chúng.

1. Sự xếp học-sinh theo hạng tuổi

Lớp Năm : 6 tuổi kể từ đầu niên-học.

Lớp Tư : 7 tuổi kể từ đầu niên-học.

Lớp Ba : 8 tuổi kể từ đầu niên-học.

Lớp Nhì : 9 tuổi kể từ đầu niên-học.

Lớp Nhất : 10 tuổi kể từ đầu niên-học.

Đó là trường-hợp nhà trường có lớp mẫu-giáo.

Hiện nay, ở Việt-Nam dù nhà trường không có lớp mẫu-giáo đi nữa, những hạng tuổi đã được ấn-định như trên được kể như bất-di bất-dịch và phải được áp-dụng triệt-dề.

2. Sự sắp-xếp học-sinh theo học-lực của chúng

Trước kia nhà trường có thể thu-nhận học-sinh và sắp-xếp chúng tùy theo học-lực. Nói một cách rõ-rệt hơn, một học-sinh 9 tuổi đáng lẽ phải được ngồi lớp Nhì lại phải ngồi lớp Ba vì trẻ ấy chỉ có học-lực một học-sinh lớp Ba mà thôi.

Trái lại, một học-sinh 8 tuổi đáng lẽ chỉ được ngồi lớp Ba lại được ngồi lớp Nhì vì trẻ có học-lực một học-sinh lớp Nhì.

Nhưng cách-thức sắp-xếp này không được áp-dụng ngày hôm nay một cách tuyệt-đối vì hai lẽ sau đây :

— Một học-sinh 9 tuổi đáng lẽ phải ngồi lớp Nhì nhưng cũng không được ngồi lớp Ba dù trẻ có học-lực một học-sinh lớp Ba vì rằng trường thiếu chỗ. Nếu nhà trường nhận các học-sinh này thì những học-sinh khác có đủ điều-kiện tuổi và học-lực để ngồi lớp Ba lại bị loại ra. Vì cơ ấy nhà trường viện lẽ trẻ quá tuổi mà không nhận. Nguyên-nhân chính là: sự thiếu trường trong toàn quốc đối với sĩ-số mỗi năm một tăng. Như vậy, một số trẻ em quá tuổi sẽ bị các trường công-lập bỏ rơi !

Nếu không đành thấy chúng bị nạn thất-học thì cha anh chúng phải cố-gắng đóng học-phí để cho chúng theo học trong một tư-thục vậy.

Nhiều khi vì quá nghèo các bậc phụ-huynh không thể cố gắng được đầy đủ và số trẻ con ấy đành phải chịu thất-học. Thật là một điều rất đau đớn cho các trẻ và cho các phụ-huynh mà cũng là một tai-hại không nhỏ cho xã-hội mai sau này.

Một học-sinh mới có 9 tuổi, đáng lẽ được ngồi lớp Ba, có thể được phép lên ngồi lớp Nhì vì trẻ thông-minh có học-lực đầy đủ một học-sinh lớp Nhì. Trường-học ấy có thể được nhà trường chấp-thuận và phụ-huynh chỉ có làm một lá đơn xin miễn tuổi là xong.

Lời dặn cần-thiết

a. Sự sắp-xếp học-sinh một khi đã được nghiên-cứu kỹ-lưỡng và đã được quyết-dịnh xong thì giáo-chức không vì sự yêu-cầu của phụ-huynh học-sinh mà thay đổi ý-kiến. Thoảng như có phụ-huynh học-sinh đến yêu-cầu giáo-chức cho một đứa trẻ được vào ngồi lớp Nhì mà giáo-chức không biết rõ học-lực của trẻ thì hãy để trẻ ngồi lớp Ba đã. Trong một vài tuần lễ đầu, nếu trẻ ấy tỏ ra có học-lực trội hơn các trẻ lớp Ba và đáng lên lớp Nhì thì chừng ấy giáo-chức sẽ đem nó lên ngồi lớp Nhì. Trái lại, giáo-chức không nên nhận nó ngồi lớp Nhì ngay lúc đầu để

rồi vài ba tháng sau, vì học-lực kém, mà bắt buộc trẻ phải xuống học ở lớp Ba. Làm như thế, giáo-chức sẽ chạm lòng tự-ái quá nặng của trẻ và nhứt là của phụ-huynh chúng. Trẻ ấy sẽ chán-nản, xấu-hổ mà bỏ học và cha mẹ trẻ sẽ có dịp khiếu-nại với thượng-cấp ở nhiều nơi.

Nói tóm lại, trong việc sắp-xếp học-sinh, giáo-chức không nên nề các bậc phụ-huynh để có những việc đáng tiếc về sau và nếu có sự sửa chữa cần-thiết là phải sau kỳ thi lục-cá-nguyệt và chung cho toàn lớp.

b. Trong một học-đường, ban Giám-đốc cần cấm ngặt một trẻ con theo học môn này với giáo-chức này và học môn khác với giáo-chức khác cùng dạy hai lớp tương đương.

Thí-dụ : Học Việt-văn với giáo-chức lớp Nhì A, học Toán và Hình-học với giáo-chức lớp Nhì B chẳng hạn.

c. Bài vở ra cho học-sinh cùng một lớp phải nhắm vào học-lực của hạng trung-bình tuy rằng trong bất-cứ lớp học nào; tuy học-lực, học-sinh thường được chia ra ba nhóm: nhóm khá, nhóm trung-bình và nhóm kém. Nhóm trung-bình là đa số. Bài ra căn-cứ vào học-lực nhóm ấy thì nhóm khá dư sức làm, học ôn lại để chờ chừng bạn cũng không hại gì và nhóm kém cố gắng lên một chút sẽ làm được ngay. Làm như thế giáo-chức chỉ ra một loại bài và chỉ chấm một loại bài mà thôi. Lại nữa, lớp học khối phải bị chia ra nhiều nhóm ganh-tị nhau, coi nhau như người xa lạ và tính-thần cùng hòa-khí lớp học khối bị tổn-thương. Từ 9 tuổi trở xuống, học-sinh được chia thành hai nhóm là cùng. Sự chia ra từng nhóm bị cấm ngặt ở lớp Nhì và lớp Nhất.

Trái lại, theo lối giáo-dục mới, nếu cần, trước khi dạy một môn nào, giáo-chức có thể chia học-sinh lớp ấy ra làm ba nhóm tùy học-lực của chúng đối với môn ấy như sau: nhóm khá, nhóm trung-bình, nhóm kém. Học-sinh cùng một nhóm làm việc chung với nhau và có những

đề-tài học-tập riêng (Thí-dụ : Toán-học ,Tập-đọc, Âm-tả, Thể-thao v.v...). Lý-do sự chia học-sinh ra từng nhóm là như sau : nếu trong một lớp học rõ-rệt có ba hạng học-sinh và nếu giáo-chức chỉ ra một loại bài căn-cứ vào nhóm trung-bình thì nhóm khá sẽ mất thì giờ vì bài vở dưới học-lực của chúng và nhóm kém sẽ chán-nản vì chúng không làm được gì. Theo lối giáo-dục mới, mỗi nhóm phải có bài học vừa sức của chúng và phải tiến theo trình-độ của chúng chứ không phải đứng chững lại đó để chờ bạn hoặc để buồn chán rồi bỏ học. Giáo-chức sẽ luân-phiên ở với nhóm này 15 phút, để giảng bài, trong khi hai nhóm khác làm bài, rồi lại chuyển sang nhóm kế cho đủ ba nhóm thì thôi. Giáo-chức không cần nói to cho toàn lớp nghe mà chỉ nói khẽ cho mỗi nhóm nghe thôi.

Tuy vậy, sự chia học-sinh ra làm ba nhóm tùy theo học-lực của chúng đối với môn học không có gì là vĩnh-viễn. Nói một cách khác, em A, đến giờ Toán-học thì ở nhóm giỏi mà đến giờ Tập-đọc thì ở nhóm trung-bình và đến giờ Âm-đọc thì ở nhóm kém, và trái lại. Sự phân chia ấy phải có tính-cách đột-ngột và khéo-léo để tránh sự chàm lòng tự-ái của trẻ con và tránh sự hiềm-thù, ganh-ghét một khi chúng biết được chúng bị liệt vào hạng kém trong lớp.

Nếu giáo-chức nhận thấy rằng, đối với một môn học nào (thí dụ : Luân-lý, Công-dân giáo-dục, Vệ-sinh v.v...) sự chia học-sinh không cần thiết thì không cần áp-dụng cách ấy nữa.

Sự chia học-sinh ra từng nhóm khi chúng học một môn nào làm cho giáo-chức phải thêm nhiều công-việc : cùng một vấn-đề chọn ba đề-tài riêng biệt ; sửa ba loại bài khác nhau ; giảng-giải bài ba cách khác nhau, giáo-chức phải luân-chuyển khắp ba nhóm để tuần-tự hướng-dẫn chúng. Nếu giáo-chức không đủ uy-tín thì trật-lự

trong lớp sẽ không sao giữ được và lớp học sẽ, hoặc ồn-áo hoặc buồn-tẻ.

3. Sự sắp xếp học-sinh theo số giáo-viên và số phòng học trong mỗi trường

a. Nếu nhà trường có ba phòng học và ba lớp học (lớp Ba, lớp Nhì, và lớp Nhất) mà chỉ có hai giáo-chức đảm-nhiệm thì một giáo-chức đảm-nhiệm lớp Nhì và lớp Nhất trong hai phòng riêng-biệt và một giáo-chức nữa đảm-nhiệm lớp Ba có kèm theo một nhóm học-sinh dưới 7 tuổi trong một phòng riêng biệt.

b. Nếu nhà trường có ba phòng học, ba lớp học (cours) lớp Ba, lớp Nhì, lớp Nhất và ba giáo-chức thì mỗi giáo-chức đảm-nhiệm mỗi lớp trong mỗi phòng riêng biệt.

c. Nếu nhà trường có ba lớp học và bốn phòng học thì lớp Ba chiếm một mình hai phòng, lớp Nhì chiếm một phòng, lớp Nhất, chiếm một phòng.

d. Nếu nhà trường có năm phòng và ba lớp học thì lớp Ba chiếm hai phòng, lớp Nhì hai phòng và lớp Nhất chỉ chiếm một phòng mà thôi.

e. Nếu nhà trường có sáu phòng và ba lớp học thì mỗi lớp học chiếm hai phòng, ngoại trừ trường hợp lớp Nhất có một số học-sinh không thể chia ra làm hai nhóm được vì lớp này là lớp sắp thi ra trường.

Nói tóm lại, nếu có sự chia học-sinh ra từng phòng và tùy theo số giáo-chức thì những tiện-nghĩ đều phải dành cho các lớp nhỏ vì chúng cần được giáo-chức trông nom săn-sóc nhiều hơn.

4. Kết-luận

Ở trường mẫu-giáo và ở trường sơ-tiểu sự sắp xếp học-sinh theo hạng tuổi hoặc theo học-lực là điều-kiện

tối cần. Nó được thi-hành ngay đầu niên-khóa. Thực hành một cách chu đáo, sự ấy giúp giáo-chức có một lớp học đồng nhất, hoặc có sự chênh-lệch về học-lực thì nó sẽ không quá lớn. Nó là một trong các điều-kiện căn-bản của sự thành-công ở nhà trường.



CHƯƠNG-TRÌNH HỌC KHÓA

I.— CHƯƠNG-TRÌNH MẪU-GIÁO

Ở trường mẫu-giáo trẻ con được chia làm hai hạng như sau : hạng hải-dồng (từ 2 đến 5 tuổi) hạng đồng-ấu từ (5 đến 6 tuổi).

Chương-trình học-khóa gồm có các môn sau đây cho hai hạng :

1. **Thể-thao** : Các sự luyện-tập và hô-hấp ; các cuộc chơi, các cuộc cử động (tập thể-thao) tuần tự từ dễ đến khó và theo đó có hát.
2. Những sự luyện-tập ngũ-giác-quan, những sự luyện tập thủ-công, những sự tập-vẽ.
3. Những sự tập nói, tập học bài thuộc lòng, các bài kể-chuyện và các truyện hoang đường.
4. Những sự luyện-tập quan-sát các đồ-vật, các con vật quen thân với trẻ con.
5. Những sự luyện-tập có mục-tiêu huấn-luyện những thói quen, những tập-quần đầu tiên về đạo-dức luân-lý.
6. Đối với trẻ con hạng đồng-ấu (từ 5 đến 6 tuổi) khởi đầu có những bài học khái-thị các môn học như Tập-đọc, Tập-viết, Toán-dố.

Chương trình này, trừ phần chót, được áp-dụng cho hai hạng trẻ con ở trường mẫu-giáo. Tuy nhiên đối với trẻ con hạng hải-dồng (từ 2 đến 5 tuổi) chương-trình được áp-dụng tùy trình-độ tuổi và sự phát-triển trí-không

của các trẻ ấy. Trong chương trình này, những danh-từ, động-từ chỉ một môn giáo huấn nào đều bị loại bỏ. Các trẻ ấy vẫn tiếp-tục học hỏi nhưng tập-luyện các giác-quan của chúng hơn là học trong sách và hơn là chỉ nghe giảng các bài-học.

A. Các điều nên chú-ý :

1. Các chương-trình mẫu-giáo chỉ nhằm ba hình-thức của khoa giáo-dục là : thể-dục, trí-dục và đức-dục. Chương-trình thiên về sự khai-mở các năng-khiếu của trẻ con.

2. Những cuộc chơi, những bài-tập thể-thao được nêu lên trước hết trong bản kê-khai các môn dạy.

3. Tập viết, tập đọc và làm toán chỉ choán 1/6 của chương-trình và phần chót hết. Nó chỉ dành riêng cho trẻ con từ 5 đến 6 tuổi. Ấy là những chỉ dẫn cần-thiết mà các nữ giáo-viên trường mẫu-giáo cần biết. Trường mẫu-giáo không chỉ khai-mở, tập-luyện một số năng-khiếu này mà bỏ rơi một số năng-khiếu khác. Trái lại, trường mẫu-giáo chú-trọng đến sự phát-triển đều đều các năng-khiếu của trẻ con. Trước hết, thể-dục là môn căn-bản của nền giáo-dục này. Vậy chương-trình phải khởi sự bằng những sự tập-luyện thể-thao. Trẻ con trước nhất, luyện-tập chân tay, tiếng nói và các giác-quan của chúng trong những cuộc chơi, những cuộc vận-động tuần-tự có kèm theo những bài hát. Kế đó, trẻ-con phải dự lớp học-tập bài học thuộc-lòng (âm-độc) nghe những chuyện thuật lại, những chuyện hoang-đường hay thần-thoại.

Sau rồi chúng mới được khai-thị về các tập-quán có tinh-cách luân-lý đạo-đức. Khi chơi giỡn với chúng-bạn và làm việc tập-thể, trẻ con tập sống trong xã-lội. Lương-tâm trẻ con sẽ phát hiện dần dần và những nguyên-tắc đầu tiên của luân-lý đạo-đức sẽ được chúng tự tìm ra. Như vậy, không cần nghe giảng một bài luân-lý lần nào

mà trẻ con sẽ dần dần tự biết rằng : không nên đánh lấy cho mình bất cứ vật gì ; không nên bạo tợn, ích kỷ, lừa dối ; phải thương cha mẹ, thầy học và nghe lời các bậc ấy. Sau đó mới đến môn tri-dục theo một chương-trình rất nhẹ, gồm ít nhiều đại cương thôi và hết sức giản-đi. Ở trường mẫu-giáo mà muốn dạy nhiều là một tai-hại. Cách dạy như thế làm cho trẻ con mệt trí mà không nhớ được gì vì quá sức của chúng và sẽ làm cho chúng chán-nản sự học.

Cần phải nhớ rằng đứa trẻ rất thông minh hồi 5 tuổi sẽ trở nên dần-độn, u-âm khi nó được 10 tuổi. « Nở sớm thì tàn sớm » là lẽ dĩ nhiên vậy.

B. Mục đích trường mẫu-giáo

Trường mẫu-giáo không phải là một trường theo ý-nghĩa thông thường của nó. Nó là giai đoạn trung-gian giữa gia-đình và nhà trường. Trường mẫu-giáo vừa phải giữ đặc-sắc hiền-hậu, ái-yêu, khoan-thứ của gia-đình và hướng trẻ con dần vào sự học tập đều-đặn của nhà trường. Trường mẫu-giáo lập ra cốt để giúp trẻ con có nơi dùm-đặn vui-vẻ, để tránh mối nguy-hiểm ngoài đường và những mối nguy-hiểm của sự sống lẻ-loi trong một ngôi nhà thiếu vệ-sinh. Nhà trường nên khuyến-kích sự tự-tập hàng ngày ở nơi này những trẻ con đi chơi rong ngoài đường và nhận lãnh những trẻ con mà người mẹ mắc đi làm trong xưởng, trong hãng v.v...

Nhà trường, trong những giờ chơi, sẽ là nơi dùm-đặn của những trẻ con các nhà lân-cận cùng một tuổi với các học-sinh của trường. Vì lẽ ấy mà người ta gọi : « Trường mẫu-giáo là ấu-tri-viện, là Thiên-đường của trẻ con ».

Những môn dạy ở trường mẫu-giáo, kể cả giờ chơi phải được áp-dụng theo nguyên-tắc tổng quát này : Các môn ấy phải giúp sự phát-triển các năng-khiếu của trẻ con mà không làm chúng mệt, không bắt buộc chúng

phải làm, phải ràng thái quá. Phương-pháp áp-dụng ở trường mẫu-giáo là phương-pháp của các người mẹ khôn ngoan và tận-tâm dạy dỗ trẻ con. Tức là phương-pháp tự-nhiên, thân-mật, luôn luôn cởi mở để đón tiếp những sự tiến-bộ mới, luôn luôn sẵn sàng để tự bỏ-lức và tự canh-tân. Trường mẫu-giáo phải là nơi khả-ái, tinh-khiết đối với trẻ con do những cô giáo tận-tâm, luôn luôn rất tốt và vui-vẻ. Nơi ấy trẻ con ưa đến và tự thấy có hạnh-phúc.

II. CHƯƠNG-TRÌNH TRƯỜNG SƠ-TIỂU

A. Sự cấu-tạo : Chương-trình tổng-quát trường sơ-tiểu gồm các môn sau đây : Ngữ-vựng, Tập-đọc, Học thuộc lòng (ám-độc), Chính-tả và Văn-phạm, Tập viết Tác-văn, Đức-dục và Công-dân giáo-dục, Sử-ký, Địa-lý, Thường-thức và Vệ-sinh, Toán, Vẽ, Thủ-công, và Hoạt-dộng thanh-niên.

Về ban hướng-nghiệp thì có thêm mấy môn sau đây :

1. Cho nữ học-sinh : Gia-chánh, Nữ-công, Dưỡng-nhi.
2. Cho nam học-sinh : Thường-thức thực-hành.

Căn chú-ý.— Chương-trình học khóa lập ra là tùy trình-độ và nhu-cầu của học-sinh chứ không phải học-sinh phải tùy chương-trình.

B. Sự thích-ứng và khởi-thảo các chương-trình

Đối với giáo-chức, cần có sự cần thiết thích-ứng chương-trình cho trường mình nghĩa là cần thiết cho sự áp-dụng vừa vặn chương-trình. Vậy giáo-chức phải xem xét chương-trình ấy từng điểm một. Cần chú-trọng những điểm chính và bỏ bớt những chi tiết rườm-rà. Dạy học là chọn lựa cái chi cần nên dạy cho trẻ con và bỏ bớt cái chi không bổ-ích.

Những yếu tố cần được chú ý để thích ứng chương-trình là như sau :

1. Thời-hạn niên-khoá và sự đi học đều đặn của trẻ con.

Không thể nào dạy trong 6, 7 tháng cho hết một chương-trình đã được lập lên cho 10 tháng học.

2. Trình-độ tri-thức của học sinh cần được đặc-biệt chú-ý.

Trẻ con ở thôn-quê có một trình-độ tri-thức kém hẳn trình-độ trẻ con ở đô-thị. Ở thôn-quê, trẻ con không được cha mẹ nhắc nhở, giúp đỡ trong công việc học-hành, không được thấy những phát-minh tối-tân của khoa-học (xe hơi, máy bay v.v...) các điều lạ và các cuộc lễ lớn như trẻ con ở châu-thành.

C. Bản-chất của nhà-trường và những nhu-cầu địa-phương

1. Trường nữ học-sinh phải khác với trường nam học-sinh về cách dạy dỗ (một ít môn riêng biệt cho trường nữ). Ở trường nữ học-sinh cần dành cho môn gia-chánh một địa-vị xứng-dáng.

Chương-trình của trường nữ học-sinh nhằm mục-dịch đào-tạo những nội-trợ tương-lai. Ở trường này, môn Thường-thức (Cách-tri hay là Quan-sát) không cần phải được áp-dụng đầy đủ như ở trường nam học-sinh.

2. Ở các trường thôn-quê cần phải nhấn mạnh về môn Nông-phổ. Trái lại, ở trường châu-thành thì phải nhấn mạnh về văn-đề kỹ-nghệ và thương-mại.

3. Ở các trường vùng bình-nguyên, chương-trình phải khác hơn chương-trình các vùng cao-nguyên.

4. Ở các trường miền duyên-hải cần phải nhấn mạnh về nghề làm muối, đánh cá, kho mắm, nghề hàng-hải v.v..

5. Tuy nhiên, ở các loại trường nói trên, các điểm đại-cương của chương-trình đều giống nhau, ngoại trừ một vài điểm có tính cách chuyên-môn cốt làm thỏa-mãn

những nhu-cầu địa-phương thời. Nếu không vậy thì nền giáo-dục ở nước ta sẽ không được nhất-trĩ và sẽ có hại cho sự đào-tạo thanh-niên nước nhà.

Nói tóm lại, thích-ứng một chương-trình cho một nhà trường có nghĩa là ấn-dịnh kế-hoạch học hỏi phù-hợp với loại trường ấy. Nhưng đây chỉ mới đề-cập tới chương trình tổng-quát của nhà trường mà thôi, chứ chưa bàn đến chương-trình riêng cho mỗi lớp. Về khoản sau này cần chú-trọng đến nguyên-tắc sau đây:

Tất cả các môn trong chương-trình đều được dạy ở mỗi lớp đúng theo nguyên-tắc «do-thiên nhập-thâm» nghĩa là cùng dạy một môn đó, ở các lớp dưới thì chỉ nhấn mạnh về các yếu-tố tổng-quát. Trái lại, ở các lớp trên, ở các lớp lớn, thì lại phải giảng rộng bài ra với nhiều chi-tiết.

Phải xen lẫn các môn dạy với nhau để các học-sinh khỏi mệt tri và khỏi chán. Sự xen lẫn ấy phải được sắp xếp thế nào mà giờ đầu buổi sáng ngày thứ hai của tuần nhật thì dành cho các môn bắt buộc học-sinh suy-nghĩ nhiều như: môn Luận-lý, môn Toán-pháp, Tác-văn v.v... và giờ chót dành cho môn giúp học-sinh nghỉ đôi chút: như môn Hát, môn vẽ, môn Tập đạo v.v...

III. SỰ PHÂN-CHIA CHƯƠNG-TRÌNH

A. Mục-đích.—Chương-trình chung-niên, một khi đã được ấn-dịnh xong, sẽ được chia ra từng tháng một. Nếu không thế thì giáo-chức hoặc sẽ đi quá chậm và cuối năm sẽ không dạy hết chương-trình, hoặc sẽ đi quá mau và chỉ dạy phớt các bài.

B. Cách phân-chia chương-trình.—Chương-trình học-khoa có thể được chia từng-lam-cá-nguyệt một, từng nhị-cá-nguyệt một, từng tháng một, từng tuần một v.v...

Sự phân chia chương-trình ra từng tam cá-nguyệt một có tính cách quá ư co-giãn và sợ rằng khoảng chương-trình thuộc tam-cá-nguyệt chót sẽ bị bỏ rơi vì lẽ trong hai tam cá-nguyệt đầu giáo-chức đi quá chậm.

Trái lại, sự chia chương-trình học-khóa ra từng tuần-nhật một thì lại cùn-thúc, bó-buộc giáo-chức quá vì lẽ có nhiều vấn-đề không thể nào giảng xong trong một tuần-nhật được. Rốt cuộc chỉ có cách chia chương-trình ra từng tháng một mà thôi.

C. Làm thế nào chia chương-trình học-khóa ra từng tháng một.— Muốn được vậy giáo-chức phải tính cho đúng số tháng học-tập thiết-thực của học-sinh trong niên-khóa ; sau khi đã đề ra các ngày nghỉ lễ thường và bất thường rồi, chia chương-trình học-khóa cho số tháng ấy. Thí-dụ ; Số tháng học-tập thiết-thực trong niên-khóa là 9 thì giáo-chức chia chương-trình ra làm 9 khoản.

Nhiều khi số tháng học-tập ấy thay đổi tùy lớp học và tùy vùng.

Dù sao, một khi đã được chia ra từng tháng rồi chương-trình vẫn được xét lại để có sự sửa-chữa, nhất là trong việc phân-chia các môn dạy và nhất là trong tuần-chót của mỗi niên-khóa.

Có người cho rằng : «Đầu niên-khóa đã có chương-trình ấn-định sẵn và đã được phân-chia rành-rẽ : hà tất giáo-chức phải làm lại việc ấy ? »

Dành rằng đầu niên-khóa Ty giáo-huấn đã có thông-tri một bản trong ấy đã có ấn-định sự phân-chia chương-trình ra từng tháng một cho từng lớp một và tùy cấp-bậc. Nhưng thực-tế đã cho thấy rằng : sự phân-chia ấy có tính cách tổng-quát. Nhiều khi nó không phù-hợp với nhu-cầu địa-phương. Vậy, sự xem xét lại chương-trình để có sự sửa-chữa rất cần.

IV. KẾT-LUẬN

Nói tóm lại, dù ở trường mẫu-giáo hay ở trường sơ-tiểu, vấn-đề chương-trình là vấn-đề căn-bản vì lẽ chương-trình giáo-khoa là kim chỉ-nam trong sự dạy dỗ trẻ con. Thiếu sự phân chia chương-trình hoặc sự áp-dụng một chương-trình lơ-mờ, không rõ-rệt, sẽ đưa đến tai-hại là làm mất thì giờ trẻ con và làm chúng hoang-mang.

✱

THỜI - KHÓA - BIỂU

I. SỰ CẦN-THIỆT CỦA THỜI-KHÓA-BIỂU

Thời-khóa-biểu có những tác-dụng sau đây :

1. Thời-khóa-biểu chỉ rõ sự nối tiếp các bài học, và nhờ thế, trong lớp sự học tập có trật-tự.
2. Thời-khóa-biểu cho phép dành cho mỗi môn học một thời-gian và một chỗ thích-ứng trong mỗi ngày hoặc trong mỗi tuần. Nhờ thế không một môn nào bị bỏ rơi.
3. Thời-khóa-biểu bắt buộc giáo-chức phải xếp mình vào một trật-tự cần-thiết. Giáo-chức không được phép kéo dài thời-gian để giảng-giải một môn nào và làm hại cho môn học kế.
4. Thời-khóa-biểu bảo-dảm sự làm việc nhất-tề của nhiều học-sinh mà học-lực tuổi tác không đồng.
- Ở các lớp học khác do một giáo-chức trông nom, tất cả học sinh đều có bài học, bài làm, không hở khoảng để nói chuyện hoặc nò-đùa.
5. Thời-khóa-biểu đem vào lớp học sự thay đổi các môn học và sự sinh-hoạt, điều-kiện cần thiết để tránh sự làm trẻ con chán-nản.

II. NHỮNG QUY-TẮC CẦN PHẢI THEO TRONG SỰ THÀNH-LẬP THỜI-KHÓA-BIỂU

Trong sự thành-lập thời-khóa-biểu cần theo các quy-tắc sau đây :

a. Sắp-xếp các bài làm, bài học thế nào cho tất cả học-sinh đều có việc làm một cách hữu-ích. Ấy là nguyên-tắc chính, Sự áp-dụng nguyên-tắc này sẽ được dễ-dàng nếu mỗi lớp đều có một giáo-chức trông nom. Trái lại, sự áp-dụng này sẽ khó khăn nếu một trường học có nhiều lớp học mà chỉ có một giáo-chức trông coi. Trong trường-hợp này giáo-chức sẽ áp-dụng một trong các phương-sách sau đây :

b. Sắp-xếp các môn trong chương-trình thế nào mà thầy cho bài làm ở lớp này lại có thể qua lớp bên kia để dọn và giảng bài.

c. Trong trường-hợp không thể áp-dụng phương-sách trên cho tất cả các môn trong chương-trình thì giáo-chức sẽ áp-dụng phương-sách hỗ-tương bằng cách dùng giảng-tập viên thay thế giáo-chức. Phương-tiện này chỉ tạm-thời vì kết-quả của nó không tốt đẹp chi. Nhưng có giảng-tập viên còn hơn không, để tránh sự phí mất thì giờ của trẻ con.

III. CẦN TỔ-CHỨC NHỮNG LỚP HỌC CÔNG-CỘNG CHO CÁC MÔN NHƯ :

Luân-lý, Vệ-sinh, Cách-trí, Công-dân.

Thí-dụ : Đến giờ dạy môn Vệ-sinh, giáo-chức quy-tụ các học-sinh lớp Ba, lớp Nhì, lớp Nhất lại rồi giảng một bài trong ấy, đoạn dễ nhất dành cho lớp Ba, đoạn khó vừa-vừa dành cho lớp Nhì, đoạn chót rất khó dành cho lớp Nhất. Lớp Ba học đoạn đầu, lớp Nhì học đoạn đầu và đoạn kế. Lớp Nhất học tất cả ba đoạn.

IV. CẦN DÀNH CHỖ MỘT MÔN HỌC TRONG MỘT TUẦN, MỘT SỐ GIỜ PHÙ-HỢP VỚI TÍNH-CÁCH QUAN-TRỌNG CỦA MÔN ẤY

Theo quy-tắc này một môn học có thể chiếm 1,2 hoặc 3 giờ trong tuần tùy theo sự quan-trọng của môn ấy.

V. CẦN ẮN-ĐỊNH SỰ NỐI TIẾP CÁC MÔN DẠY CHO HỢP-LÝ VÀ HỢP VỆ-SINH

Nguyên-tắc này có nghĩa là những bài khó cần phải suy-nghĩ nhiều thì cần chiếm giờ đầu của buổi sáng hoặc buổi chiều trong một ngày.

Thí-dụ : Bài toán-lý phải chiếm giờ đầu của buổi sớm mai ngày thứ hai. Bài toán phải chiếm giờ đầu buổi sáng thứ ba v.v.... Những giờ kế của mỗi buổi thì dành cho các môn ít làm mệt trí trẻ con. Những giờ chót của buổi sáng và buổi chiều giúp trẻ con nghỉ ngơi đôi chút như : Vẽ, Tập-viết, Tập-đọc, Thủ-công, Hát v.v...

IV. KẾT-LUẬN

Sau vấn-đề chương-trình vấn-đề thời khóa-biểu được coi là cần-thiết. Nếu thời-khóa-biểu không được ấn-định rõ-rệt và công-bố cho toàn lớp được biết thì đó là một cảnh hỗn-loạn khôn tả : hỗn loạn đối với giáo-chức ở chỗ giáo-chức trước khi vào lớp không biết sẽ dạy bài gì và không sao sửa soạn bài trước ; hỗn loạn đối với học-sinh ở chỗ chúng không thể đoán trước giáo-chức sẽ dạy bài gì để mang sách vở cần-thiết vào lớp và học bài đúng ý-định của giáo-chức.

✱

VIỆC SOẠN BÀI

I. ĐỊNH-NGHĨA

Soạn bài có nghĩa là sửa soạn bài vở, tìm đủ tài-liệu, như tranh ảnh, hình vẽ, đồ-vật, đề giảng-giải bài một

cách rành-rọt chu-đáo ; những chữ khó phải được tra-cứu, bài toát-yếu phải được viết lên bảng đen trước giờ học, các đề-lai các bài tính-đồ đều được chọn trước. Tức là làm những việc cần-thiết để chuẩn bị lớp học.

II. CÔNG-DỤNG CỦA SỰ SOẠN BÀI HAY LÀ SỰ CHUẨN-BỊ LỚP HỌC

1. Theo chương-trình giáo khoa hiện nay, số các môn học lên đến 20, nhiều hơn thời xưa. Vì thế giáo-chức phải có một học-lực rộng rãi gồm các môn ấy. Vì không thể dùng sách một cách tuyệt-đối để dạy, giáo-chức trước giờ học, phải soạn bài một cách cẩn-thận, chu-đáo. Nhờ sự chuẩn-bị trước, giáo-chức sẽ giảng-giải bài học một cách rõ-ràng, rành-mạch.

2. Giáo-chức không nên cho rằng học-lực của mình cao hơn trình-độ lớp học quá nhiều nên không cần soạn bài trước là vì, dù giỏi đến đâu, giáo-chức cũng có chỗ quên, chỗ nhớ, chỗ lẫm lẫm, sơ sót. Soạn bài giúp giáo chức tránh các khuyết-diểm ấy và đồng thời chứng-minh lương-tâm nghề-nghiệp của giáo-chức.

3. Bài dạy có sửa soạn trước làm cho học-sinh vui thích và lớp học trở nên linh-động. Số học sinh đến học mỗi ngày một đông. Đó là phần thưởng xứng đáng của giáo-chức. Uy-tín của giáo-chức mỗi ngày mỗi tăng.

4. Bài được sửa soạn trước tự-nhiên bảo-vệ được trật-tự của lớp học vì lẽ học-sinh chăm-chú vào bài giảng sẽ không lo ra và không đùa bỡn.

III. PHẢI SOẠN BÀI CÁCH NÀO ?

Soạn bài trước giờ học có nghĩa là : trước khi học-sinh vào lớp, giáo-chức phải viết lên bảng đen những đề bài Toán, đề bài Tác-văn, những hình vẽ thuộc về các môn Hình-học, Địa-lý, Sử-ký, Thường-thức v.v... và những bài toát-yếu, các bài dạy bằng miệng.

Trước giờ nói trên tại tư-gia, chiều hôm trước, trong tập soạn bài, giáo-chức ghi vào đó đề tài bài Tác-văn, đề tài các bài Tính-đố rút trong sách Tính-đố, dàn-bài các bài dạy bằng miệng với số trang các sách giáo-khoa cần thiết có kèm theo bài toát-yếu và nhiều câu hỏi thuộc mỗi bài.

Giáo-chức có thể dùng dấu-hiệu riêng hoặc lối viết tắt để ghi chép các toát-yếu trên đây.

Nếu bài dạy cần được chứng-minh bằng tranh ảnh, hình vẽ, địa-đồ và vật-liệu thì các học-cụ ấy cần được trưng bày trước, vẽ lên bảng đen hoặc thí-nghiệm trước giờ học.

Nếu là bài học thuộc lòng, hoặc bài Giảng-văn thì 5 phút trước giờ học, giáo-chức cần đọc các bài ấy trong sách giáo-khoa đã phát cho học-sinh để tránh sự bỡ ngỡ trong khi dạy.

Thường giáo-chức có loại sách giáo-khoa riêng, trong đó có vừa các đề-tài vừa các bài kiểu-mẫu của nhiều loại bài để sự soạn bài được dễ dàng.

Điều nên chú-ý là giáo-chức cần giảng-giải các bài một cách giản-dị, minh-bạch không đi quá sâu vào các chi-tiết. Các chi-tiết ấy trẻ con sẽ tìm thấy trong sách học của chúng.

IV. SỰ KHÁC-BIỆT GIỮA TẬP SOẠN BÀI VÀ QUYỀN DẪU BÀI DẠY

1. Tập soạn bài. Tức là tập mà trong ấy giáo-chức ghi những ý-kiến, những tài-liệu, những điều cần-thiết thuộc những bài sắp đem ra giảng. Tập soạn bài là tập dành riêng cho giáo-chức. Bởi thế giáo-chức có thể dùng những dấu hiệu riêng, hoặc lối viết tắt. Nếu khi xét lớp, vị thanh-tra học-vụ cần xem tập ấy là để biết giáo-chức có soạn bài hay không và soạn như thế nào ! Viết chữ tốt, vẽ hình đẹp không thành vấn-đề trong trường-hợp này.

2. Quyền đầu bài. Tức là tập mà trong ấy giáo-chức ghi các đầu-đề bài dạy mỗi ngày theo một khuôn-khổ nhất-định. Lối ghi ấy rất vắn-tắt. Nó chỉ cho biết sự liên-tục các bài dạy thuộc mỗi môn trong chương-trình. Nó giúp ông hiệu-trưởng hoặc ông Thanh-tra học-vụ biết rõ giáo-chức có dạy đúng chương-trình không, như là vào tháng nào phải dạy khoản nào của chương-trình. Sự áp-dụng quyền nhật-ký rất máy-móc. nó không chứng-minh một cách đầy đủ về chi-tiết cách soạn-bài của giáo-chức.

V. CÁC HÌNH-THỨC TẬP SOẠN-BÀI

1. Tập soạn-bài dưới hình-thức một tập dành chung cho các môn

a. **Phân lợi:** Giáo-chức không cần có nhiều tập, mỗi tập dành riêng cho mỗi môn. Một tập như thế sẽ mau hết và sẽ được thay thế bằng những tập mới. Như thế tập soạn-bài sẽ không khi nào dơ-bẩn và rách-nát.

b. **Phân hại:** Các bài được ghi vào đó chỉ tùy theo thời-khóa-biểu của mỗi ngày và sẽ rất lộn-xộn. Các bài thuộc một môn sẽ bị cách khoảng và sẽ làm trở-ngại sự tìm-kiếm của giáo-chức. Sang năm sau, nếu giáo-chức muốn sửa-chữa đôi chút các bài lại thì sẽ rất bất tiện.

2. Tập soạn-bài dưới hình-thức mỗi tập dành cho mỗi môn

a. **Phân lợi:** Các bài thuộc một môn được ghi vào một tập riêng. Khi cần giáo-chức chỉ giở tập ấy ra thì thấy ngay sự liên-tục ấy.

b. **Phân hại:** Dưới hình-thức này, giáo-chức phải có đến 20 tập. Cuối năm có tập được sử-dụng hết, và có tập chỉ mới được sử-dụng một phần ít mà thôi và sang niên-khóa sau lại bị bỏ. Như thế sự phung-phí giấy sẽ quá

nhiều và sẽ rất tốn-kém. Qua niên-khóa nếu cần sau sửa-dổi đôi chút sẽ không thể được.

Lại nữa, mỗi ngày giáo-chức phải mang theo mình nhiều tập; như thế thật là bất-tiện.

3. Tập soạn bài dưới hình-thức nhiều tờ rời

a. Phần lợi: Dưới hình-thức này, tập soạn bài rất tiện ở chỗ sang niên-khóa kế, giáo-chức có thể sửa-dổi bài soạn của mình một đôi chỗ bằng cách rút trang cũ ra và thay trang mới vào. Một điều lợi nữa là: nếu học-sinh chép bài không hết mà đã quá giờ rồi thì giáo-chức có thể cho chúng mượn trang ấy trong năm, ba ngày mà không có sự bất-tiện nào trong công-việc soạn bài tới.

b. Phần hại: Các tờ rời ấy dễ thất-lạc lắm và như thế rất có hại cho sự soạn bài chẳng những cho niên-khóa hiện tại mà còn cho các niên-khóa sau.

VI. KẾT-LUẬN

Nói tóm lại, sự soạn bài rất cần-thiết trước khi dạy. Nó chứng-minh lương-tâm nghề nghiệp của giáo-chức và đồng-thời giúp sự giảng bài được rành-rọt và có trật-tự khiến lớp học được linh-dộng và có kết-quả chắc-chắn.



CHỦ-ĐIỂM

I. ĐỊNH-NGHĨA

Chủ-diểm là một vấn-đề được lấy làm nền-cốt cho các bài học khác trong tuần.

Thí-dụ: Hôm nay là mùa gặt lúa thì trong một học-đường vùng thôn-quê, hầu hết các môn dạy đều đề-cập đến vấn-đề lúa. Bài thường-thức cho biết hình-thể và các cấu-bộ của hạt lúa, bài tính-đố thì sẽ nói về sự mua

bán lúa, bài vẽ sẽ vẽ một cây lúa trổ bông hoặc một gié lúa v.v...

II. PHẦN-LỢI :

1. Sự áp-dụng thuyết chủ-điểm giúp giáo-chức cho học-sinh nhận-thức được mối liên-quan giữa các bài học và giúp chúng hiểu rõ một vấn-đề dưới nhiều khía-cạnh.

2. Lại nữa, một vấn-đề được trình-bày nhiều lần dưới nhiều hình-thức sẽ được ghi sâu vào trí-óc trẻ con vì chúng sẽ rất quen với một đề-tài mà chúng đã biết dưới nhiều hình-thức khác.

III. PHẦN BẤT-LỢI :

1. Chủ-điểm thường được lựa một cách bất-ngờ, không hợp-lý và bắt-buộc giáo chức trở lui lại sau hoặc đi trước quá xa về một môn dạy nào để áp-dụng thuyết chủ-điểm cho môn ấy. Chương-trình học vì thế mà bị chia ra manh-mún.

2. Sự áp-dụng không khéo thuyết chủ-điểm sẽ làm học-sinh chán-nản vì chúng bị buộc nghe «cung đàn một điệu» nhiều lần trong tuần.

IV. ĐIỀU CẦN CHÚ Ý

Sự áp-dụng thuyết chủ-điểm được nêu lên với vài ý kiến đáng chú-ý như sau :

1. Sự tương-hợp giữa nhà trường và trường-dời :

Một vài đề-tài căn-bản có thể được áp-dụng cho nhà-trường. *Thí dụ* : Hiện giờ nước Việt-Nam được độc-lập. Lòng ái-quốc và sự phục-vụ tổ-quốc cần được nhấn-mạnh với tư-cách là chủ-điểm trong khi dạy các môn Luân-lý và Công-dân giáo-dục, Sử-ký, Địa-lý Chính-tả, Tác-văn v.v...

2. Sự tương-tiếp và bổ-túc lẫn nhau giữa các môn-học *Thi-dự*. Giảng-văn chuẩn-bị bài Âm-dộc. Bài Âm-dộc giúp tài-liệu và gương-tốt cho bài Luận-lý và Công-dân, Bài Giảng-văn và Chính-tả chuẩn-bị bài Tác-văn tả cảnh, tả người, tả vật hay tự-thuật v.v...

V. KẾT - LUẬN

Thuyết chủ-điểm có một công dụng thực-tế. Nhưng nó chỉ được áp-dụng cho các lớp học từ lớp Ba trở xuống của bậc sơ-tiểu mà thôi. Ở các lớp này chương-trình học khóa của các môn không rộng nên có nhiều điểm dễ gặp nhau.

Trái lại, ở các lớp lớn từ lớp Nhì trở lên, chương-trình học khóa các môn đã đi sâu vào chi-tiết khiến cho sự áp-dụng thuyết chủ-điểm rất khó khăn. Tuy-nhiên, nếu có dịp thì giáo-chức sẽ áp-dụng thuyết ấy ít nhất là cho vài ba môn.

KỶ-LUẬT NHÀ TRƯỜNG

Kỷ-luật xưa (*Theo lối giáo-dục Pháp-lan-tây*)

I. ĐỊNH-NGHĨA

Kỷ-luật là toàn thể các luật-lệ, các quy-tắc, nội-lệ, quản-trị một cơ-quan công hoặc tư như quân-đội, học đường, giáo-hội v.v...

II. MỤC-ĐÍCH CỦA KỶ LUẬT

Kỷ-luật nhà trường có mục-dịch bảo-vệ trật-tự và sự học-hành của toàn lớp. Riêng về mỗi trẻ con, kỷ-luật có mục-dịch cải-thiện đời sống tinh-thần của chúng ngay một thêm hay bằng cách dạy chúng tự kèm-chế lấy chúng.

III. TÍNH-CÁCH TỔNG QUÁT CỦA KỶ-LUẬT

1. Kỷ-luật nhà trường thời buổi hiện-tại là một kỷ luật rộng-rãi, khoan-hồng, tìm cách cải-thiện trẻ con hơn là câu-thúc chúng, bắt chúng phải phục-tùng một sức mạnh, một quyền thế. Kỷ-luật ấy cần đi ngay vào phần căn-bản là lương-tâm và đạt được trật-tự ở bên trong nghĩa là sự ưng-thuận theo một nguyên-tắc hơn là sự yên-tĩnh tạm thời bên ngoài. Kỷ-luật dạy trẻ con phải tự kiểm-chế lấy mình. Muốn được vậy, kỷ-luật nhận sự tín-nhiệm ở trẻ con một phần nào, kêu gọi thiện-chí của trẻ con hơn là làm cho chúng sợ các hình phạt; kỷ-luật nên khuyên nhủ, báo trước để trẻ con đề-phòng các tội-lỗi, khiển-trách chúng hơn là hình-phạt chúng. Phương-tiện hành-động của kỷ-luật là lòng tốt, không phải thứ lòng tốt mù-quáng và hèn-nhát để trẻ con muốn làm chi thì làm vì không thể ngăn chúng, mà là thứ lòng tốt thấy xa và can-đảm, có đủ nghị-lực vừa để hình-phạt cũng như vừa để ngừa trước.

Kỷ-luật khoan-hồng có tính cách vừa là khuyến-phục vừa là ngăn-ngừa, vừa là răn dạy, khác hẳn với kỷ-luật ngày xưa căn-cứ vào sự trừng-phạt. Kỷ-luật ngày xưa hiện nay đã bị bãi-bỏ.

Kỷ-luật khoan-hồng hiện nay phù-hợp với học-đường một nước dân-chủ. Nó chỉ-huy ý-chí trẻ con nhưng không làm cho ý-chí chúng bạc-nhuộc. Nó kêu gọi đến lẽ phải và lương tâm học-sinh. Nó đào-tạo những công-dân biết ý thức thể-thống và trách-nhiệm của mình.

Kỷ-luật ngày xưa chú-trọng về sự chế-ngự trẻ con bằng những hình-phạt nhiều khi làm hạ nhơn-phẩm hơn là bồi-dưỡng tinh-thần chúng. Kỷ-luật ấy đánh gậy ý-chí trẻ con, làm nhục chúng, làm nảy ra tinh oán-diêm, che-đậy các tội-lỗi và chung qui biến chúng trở nên những người có óc nô-lệ, hèn-hạ, rất nguy-hại cho xã-hội.

2. **Kỷ-luật nhà trường phải mềm dẻo.** Câu ấy có nghĩa là : kỷ-luật nhà trường không thể áp-dụng một cách nhất-thể cho bất cứ hạng trẻ nào. Nó cần được gia-giảm tùy theo tánh hạnh của chúng và tùy nghi làm phát-triển nhân cách chúng.

3. **Kỷ-luật nhà trường hiện nay rất công-bằng.** Câu ấy có nghĩa là : kỷ-luật nhà trường chẳng những tán-thưởng sự thành công mà còn ủy-lạo, khen thưởng sự cố-gắng nữa. Nó sắp bên cạnh những đức tính hay về tri-thức, những đức tính tốt về luân-lý đạo-đức như sự làm việc đúng giờ, đúng kỳ hẹn, sự vâng lời dạy bảo, sự bền chí v.v...

4. **Kỷ-luật hiện tại rất khoan-dung nhưng không phải là không cương-quyết, thích thưởng hơn là phạt.** Một khi trẻ con được thưởng, chúng sẽ tự thấy sung-sướng, học hành hăng-hái thêm lên và trở nên ngoan-ngõm. Vậy giáo-chức cố tìm dịp để an-ủi chúng, ban cho chúng một vài lời khen. Ấy là cách giữ chúng trong đường ngay nẻo thẳng. Cái chí-mỹ là không khi nào có dịp để phạt mà chỉ có dịp để thưởng.

Tuy nhiên, đối với những trẻ con lười-biếng, hư-nết giáo-chức cương quyết sẽ không chiều chúng mà tỏ ra cứng-rắn để sửa-chữa chúng, và đôi khi, nếu cần, sẽ dùng đến hình phạt.

IV. NHỮNG HÌNH-PHẠT

1. **Mục đích :** Hình-phạt có mục-đích cải-thiện trẻ con bằng cách đánh trúng lòng tự ái của chúng, bắt chúng phải suy nghĩ, tự xét-xử lấy mình và gián-tiếp thúc đẩy chúng có những quyết-định tốt đối với tương-lai của chúng. Một hình-phạt phải là một thang thuốc trị bệnh và phải có công-hiệu.

2. **Những hình phạt cần được áp dụng :** Thưởng sự cảnh-cáo hoặc sự hăm-dọa cũng khiến trẻ con sửa-doi

tính tình. Nếu một trong hai điều ấy vô hiệu thì mới dùng đến hình-phạt. Tất cả các hình-phạt ở nhà trường đều có nêu lên trong nội-lệ. Các hình-phạt ấy như sau :

a. Ở các trường Mẫu-giáo. Trong một thời-gian ngắn, cấm trẻ con học-hành hoặc các cuộc chơi công-cộng, rút giấy ban khen lại.

b. Ở các trường Sơ-Tiểu. Các hình-phạt : Khuyến-diêm xấu, sự khiển-trách (la-mắng). Giáo-chức cố-gắng làm cho các hình-phạt này có công-hiệu, nhất là sự khiển-trách. Sau một sự khiển-trách, học-sinh phải có ý-chi tự-hối, tự-cải. Khi khiển-trách, một cá-nhân hoặc một lớp học giáo-chức phải tùy-cơ ứng-biến, cần phân lời nói tùy theo tính-tình học-sinh. Các hình-phạt phải được mềm dẻo và tùy trường-hợp.

Khi hình-phạt tinh-thần vô-hiệu thì mới dùng đến hình-phạt hữu hình.

Luật nhà trường hiện nay cấm các hình-phạt hữu hình như : sự chép bài phạt, đứng dựa vách, quỳ gối, ăn cơm lạt v.v... vì các hình-phạt ấy có tính-cách làm nhục trẻ con và hạ phẩm-giá con người của chúng. Dù có lời yêu cầu của các bậc phụ-huynh, các hình-phạt ấy không được áp-dụng để tránh những điều phiền-phức về sau.

3. Tính-chất các hình-phạt

a. Các hình-phạt không nên thường làm để tránh sự lớn-dễ, không kiêng sợ của học-sinh. Nên phạt rất ít và phạt cái đáng phạt như sự không có thiện-chi để tuân mệnh-lệnh. Nhưng không nên phạt sự vô-ý, vô-tình hoặc lơ-dễnh.

b. Các hình-phạt phải được áp-dụng với một tâm-hồn bình-tĩnh để tránh sự thái-quá trong cơn giận (phạt quá nặng một lỗi mọn), để tránh sự học-sinh cho rằng : hình-phạt là kết-quả mối thù-hằn của giáo-chức. Khi học-

sinh phạm một lỗi nặng, dù bất-bình đến đâu giáo-chức không nên phạt chúng ngay lúc ấy để tránh sự thái quá và phải để vài ngày suy-nghĩ để sự trừng-phạt được cân xứng với tội-tình.

c. Hình-phạt phải phù-hợp với tính-chất của tội-lỗi.

Thí-dụ: một học-sinh không thuộc bài sẽ bị bắt ở lại trong lớp sau giờ học để học thuộc bài ấy mới được về. Như thế hình-phạt mới là cùng một tính-chất của tội lỗi và có tính-cách sửa-chữa tội-lỗi.

d. Hình-phạt phải vừa với cảm-xúc, với sự biết ơn, xấu-hổ của học sinh. Đối với những học-sinh «nhạy cảm», một lời cảnh-cáo, một cái ngó của giáo-chức cũng đủ răn-hè chúng.

Trong trường-hợp ấy giáo-chức không nên áp-dụng những hình-phạt nặng-nề.

Trái lại, đối với học-sinh «lười» «nặng đôn», một lời cảnh-cáo, la-mắng không thấm vào đâu và cần phải một phương-tiện mạnh hơn. Tuy nhiên, luôn luôn giáo-chức phải giữ sự bình-tĩnh và công-bằng đối với chúng.

V. NHỮNG LẠO-TƯỞNG HAY TẶNG-THƯỞNG

1. Mục-dịch. Cũng như các hình-phạt, những lao-tưởng hay tặng-thưởng giúp trẻ con sửa-chữa tính-tình và cách làm việc mỗi ngày được trở nên hay. Ảnh-hưởng của lao-tưởng, ban khen, là sự hã dạ, hài-lòng của trẻ con. Nó giữ trẻ con luôn luôn ở trong đường chính và luôn luôn cố-gắng để xứng đáng sự ban-thưởng ấy.

2. Những tặng-thưởng đại-khải. Các tặng-thưởng được áp-dụng ở nhà trường không có kẻ khai trong nội-lệ. Giáo-chức được tự-tiện ấn-định việc ấy tùy trường-hợp.

Các tặng-thưởng thường được áp-dụng là sự tán-thành, sự ngợi khen, lời phê-bình tốt trong học-bạ

khuyến-diễm tốt, giấy ban khen, hình ảnh đẹp, sự sắp-xếp chỗ ngồi theo thứ-tự các bài thi lục-cá-nguyệt, sự yết tên vào bảng danh-dự, các sách thưởng cuối niên-khóa, sự ban cho sổ tiết-kiệm mà nhà trường đã đóng trước một số tiền để khai-trương quyền sổ.

Các tặng-thưởng nói trên được liệt vào hai loại như sau :

a. *Tặng-thưởng tinh-thần.* Loại tặng-thưởng này có giá-trị hơn loại tặng thưởng hữu-hình.

Loại ban-thưởng tinh-thần gồm có : sự tán-thành và lời ngợi-khen.

Loại tặng-thưởng này được áp-dụng cho đương-sự hoặc trong trường-hợp kín-đáo, hoặc trong trường-hợp công-cộng. Nó có điều lợi này : Một giáo-chức có kinh-nghiệm và nhĩa-nhận lúc nào cũng biết áp-dụng các tặng-thưởng ấy đúng chỗ, không thái-quá, không bất-cập. Loại tặng-thưởng này dành cho các lớp lớn.

b. *Tặng-thưởng hữu-hình.* Loại tặng-thưởng này được áp-dụng cho các lớp Mẫu-giáo, các lớp Đồng-ấu, các lớp Dự-bị và lớp Sơ-dãng trường Sơ-tiểu. Ở các lớp này trẻ con cần có sự tặng-thưởng cụ-thể để về trình với cha mẹ. Đối với học-sinh lớp Nhì và lớp Nhất sơ-tiểu những giấy mầu, giấy khuyến-diễm tốt, những hình ảnh không còn công-hiệu nữa và cần được thay thế bằng những khuyến-diễm, những lời phê-bình thuộc mỗi môn trong chương-trình được ghi ngay trên bài làm hoặc học-bạ. Những học sinh được lãnh giấy ban khen tùy theo thứ-tự khuyến-diễm của các bài làm và cuối niên-khóa được lãnh phần-thưởng bằng sách-vở.

c. *Tinh-cách các tặng-thưởng hay tạo-tưởng.* Ban-thưởng, khen-tặng là một việc rất khó. Giáo-chức cần có nhiều đức-tính như : công-bình, độ-lượng, nhĩa-nhận,

suy-nghĩ cần-thận, ăn nói mực-thước, dè-dặt. Các tặng-thưởng cần có những tích-cách sau đây :

— *Rất hiếm có.* Các tặng-thưởng hiếm có mới giữ được giá-trị của nó. Thường quá, các tặng-thưởng sẽ bị trẻ con coi rẻ.

— *Phải đánh giá đúng mức kết quả của việc làm.*— Một tặng-thưởng là sự đền bù xứng-đáng công-cực-nhọc của một việc làm. Nó cần được ban ra với tất cả sự công-bình của giáo-chức. Sự cố-gắng cũng được ban-thưởng như sự thành-công. Có như vậy trẻ con mới tin-tưởng ở sự ban thưởng của giáo-chức.

— *Phải thích-ứng với tinh-chất của việc làm.* *Thí-dụ :* Một việc làm có tinh-cách đạo-đức tinh-thần thì sự tặng-thưởng cũng phải tinh-cách như thế. Học-sinh làm bài hay thì được điểm tốt, làm việc phải thì được lời khen.

— *Phải kích-thích ở trẻ ý-chí cố-gắng.* Sau khi nhận lãnh một tặng-thưởng trẻ con cần cố-gắng làm hay hơn nữa. Sự ban thưởng làm nẩy-nở ở chúng tinh-thần ganh-đua rất cần-thiết cho sự tiến-bộ của lớp-học.

VI. SỰ GANH-ĐUA

1. *Định-nghĩa :* Sự ganh-đua là một tâm-trạng, một tình-cảm thúc-giục trẻ con cố-gắng làm hay hơn lên để mỗi ngày mỗi tiến, tiến mãi không ngừng.

2. *Hình-thức của sự ganh-đua :* Sự ganh-đua có hai hình-thức như sau :

a. *Ganh-đua cá-nhân :* Cá-nhân tự so-sánh cái hơn của mình hôm nay với cái kém của mình hôm qua rồi do đó mà cố-gắng mãi cho đến chỗ tận-thiện, tận-mỹ. Tình ganh-đua này rất cần-thiết cho sự tiến hóa của mỗi cá-nhân. Nó đòi hỏi ở mỗi cá-nhân một tinh-thần cao-siêu.

Ngày xưa, các nhà hiền-triết như ông Trĩn-h-Tĩr bên Trung-hoa và ông Franklin bên Mỹ-Châu đều áp-dụng phương-pháp này để tự xét mình, tự phê-bình để tiến.

b. Ganh-đua công-cộng : Cá-nhân so-sánh bản-thân mình với chúng bạn để nhận thấy cái hơn cái kém rồi do đó mà tự trau-sửa thân-tâm mỗi ngày một hay.

Phần-lợi : Sự ganh-đua công-cộng là động-cơ thúc-giục trẻ con cố-gắng học tập trong một lớp. Lớp học sẽ trở nên linh-dộng và tiến mau.

Phần hại : Nhưng đồng-thời tình ganh-đua có thể biến thành tật ganh-tị, thù-hằn, trong trường-hợp mà kẻ giỏi trong lớp trở nên hiều-hiêu tự-đắc, mực-hạ vô-nhân, khinh-rẻ chúng bạn. Tình trạng đó thật là đáng tiếc nếu nó xảy ra. Giáo-chức cần đặc-biệt đề ý điểm ấy để nghĩ ngay phương pháp phòng ngừa.

VII. SỰ PHÁT PHẦN-THƯỞNG CUỐI NIÊN-KHÓA

Nhiều học-đường cao cấp, cuối niên-khóa, thường tổ-chức lễ phát phần-thưởng. Ấy là cuộc lễ quan trọng nhất của học-đường trong năm. Tuy nhiên một việc làm trọng-hệ như thế, ngoài ưu điểm ra, không sao tránh khỏi khuyết-diểm.

1. Ưu-diểm. Ngày phát phần-thưởng là ngày vui nhất đối với học-sinh đã suốt năm cần-cù học tập; mà nó cũng lại là ngày buồn nhất cho những học-sinh nào, trong thời gian ấy, lười biếng, học tập cầu-thả!

Ngày ấy, học-sinh siêng-năng, ngoan-ngoãn, sẽ hãnh-diện mà nghe xưng-danh mình giữa tràng pháo tay và được ra mắt khán-giả trong đó có cha mẹ, anh chị và người quen kẻ thuộc của mình. Thật là một phút vinh-diệu vừa cho học-sinh vừa cho các bậc phụ-huynh. Sau khi đã được lãnh thưởng, những học-sinh may-mắn ấy sẽ

cố-gắng học-tập hay hơn nữa, hầu kỳ lễ phát-thưởng niên khóa tới sẽ chiếm giải nhất trong cuộc lễ vinh-diệu này. Vì các lễ nói trên mà lễ phát phần-thưởng cho đến ngày nay vẫn còn tồn-tại.

2. Khuyết-điểm. Trong bất cứ cuộc lễ phát-thưởng nào, hễ người vui thì, trái lại, cũng có kẻ buồn. Nếu kẻ buồn ấy là các học-sinh lười-biếng, tính-tình cầu-thả thì đó là điều rất hay vì chúng đã bị hình-phạt về tinh-thần một cách xứng-đáng (chúng rất xấu-hỗ khi không nghe gọi đến tên để lãnh một phần-thưởng nào, dù là nhỏ mọn). Nhưng khốn nỗi, trong hạng học-sinh buồn ấy lại có những học-sinh khá về đức lẫn tài, nhưng chiếu theo khuyết-điểm thì được liệt vào hạng trung-bình thôi. Hạng học-sinh này chiếm đa-số trong lớp. Chúng rất buồn tủi khi thấy thiếu-số các bạn cùng lớp lãnh những phần-thưởng ưu-hạng, tỏ ra kiêu-hãnh, khinh-bĩ chúng. Tình-trạng ấy sẽ làm cho lớp học chia năm, chia bảy, thù hằn, nghịch lẫn nhau rất tai-hại cho tinh-thần chung của lớp học.

3. Giải-pháp dung hòa.— Các ưu, khuyết-điểm nói trên của lễ phát phần-thưởng đều được công-nhận là đúng sự thật. Nhưng muốn để cho kẻ được ban-thưởng khỏi có tính tự-kiêu thì trong khi khuyết-điểm, giáo-chức cần cho nhiều đồng-điểm. Và lại, những phần-thưởng ưu-hạng trong một lớp đều được phân-phát cho nhiều học-sinh và ở các lớp khác cũng thế. Như vậy, các bậc phụ-huynh không dựa vào đâu mà hãnh-diện thái-quá. Vì có nhiều bạn khác cũng được hưởng như mình thì kẻ được hưởng cũng bớt kiêu-khi đi. Dù sao, giáo-chức cần đặc-biệt chú-ý đến tình-trạng đáng tiếc đã nêu lên trong hai khoảng trên để đánh tan tinh-thần ganh-tị bè phái vừa nói.

VIII. NHỮNG HÌNH - PHẠT VÀ NHỮNG TẶNG-THƯỜNG CÔNG-CỘNG

A. HÌNH-PHẠT CÔNG-CỘNG

1. Nguyên-nhân : Hình-phạt công-cộng được nêu lên là khi có một lỗi lầm lớn lao xảy ra trong lớp mà giáo-chức không tìm ra thủ-phạm.

1. Các hình-thức : Những hình-phạt công-cộng chỉ là những hình-phạt áp-dụng cho cá-nhân nay đem ra áp-dụng cho toàn lớp. Nó nhấn-mạnh vào sự liên-đới và sự quan-hệ giữa các học-sinh cùng một lớp trong một việc làm.

3. Phần-lợi : Bị tội-lây vạ-tràn, mỗi học-sinh trong lớp sẽ thân-oán, phiên-trách kẻ nào gây tai-hại mà toàn-lớp phải chịu một cách oan-uổng. Thủ-phạm, trước tình-trạng ấy, sẽ rất ăn-năn hối-hận và sẽ không dám tái-phạm nữa. Vì bị phạt một cách oan-uổng, tất cả học-sinh sẽ tự coi chừng nhau và cản-ngăn những kẻ nào manh-tâm «ném đá giấu tay».

4. Phần bất-lợi : Kẻ thủ-phạm, nếu không bị ai tố-cáo, sẽ làm bộ như người bị hàm-oan và sẽ ăn-năn rất ít nếu là một kẻ li-lợm, vô lương-tâm. Nhiều học-sinh sẽ trách giáo-chức không sáng-suốt, không công-bình. Các bậc phụ-huynh sẽ nhao-nhao lên và khiếu-nại với bề trên về hành-động ấy của giáo-chức.

Vì bị phạt rất oan, các học-sinh sẽ tìm biết được thủ-phạm, sẽ đi tố-cáo với giáo-chức và vô tình chúng sẽ tập tành ưa tố-cáo bất cứ việc gì. Tình ấy không phải là tình hay. Nó sẽ có tai-hại cho chúng khi chúng ra ở đời.

5. Kết-luận : Nói tóm lại, hình-phạt công-cộng là sự bất-đắc-dĩ. Nó chỉ được áp-dụng trong vài trường-hợp đặc-biệt mà thôi và không nên thường làm.

B. TẶNG-THƯỞNG CÔNG-CỘNG

1. **Lý-do** : Một lớp học đã làm được một điều phải, giáo-chức tặng-thưởng toàn lớp. Kỳ trung, việc làm phải ấy chỉ được một hay vài ba học-sinh làm nhưng không chịu đứng ra lãnh-thưởng. Sự tặng-thưởng công-cộng có mục đích nhấn mạnh vào sự liên-đời quan-hệ giữa các học-sinh cùng một lớp trong việc làm phải.

2. **Phân-lợi** : Tặng-thưởng công-cộng khuyến-khích toàn lớp nên noi gương tốt của một vài bạn đồng-song.

Nó cụ-thể-hóa câu «vong-kỷ vị-tha» (quên mình vì kẻ khác) của học-sinh làm được điều phải và sẵn-sàng qui cái hay, sự ban thưởng về cho toàn lớp. Tính-cách này vẫn được khuyến-khích. Nó là một hình-thức của tinh-thần đồng-đội và sau này sẽ biến thành tinh-thần ái-quốc chân-chính.

3. **Phân-hại** : Đối với học-sinh bất tài, nó làm nảy-nở ở chúng tính ý-lại, tính trông cậy ở người khác.

Nếu kẻ thi-ân cho toàn lớp không có tinh-thần cao-cả thì chúng sẽ trở nên tự-đắc, lúc nào cũng phò lên rằng : «mình là ân-nhân của lớp» và coi rẻ chúng bạn.

4. **Kết-luận** : Sự tặng-thưởng công-cộng, nếu có dịp thuận-liện, cần được áp-dụng thường. Nhưng ít ra học-sinh đóng vai tuồng chính trong công việc này phải được huấn-luyện kỹ càng và có một tinh-thần cao cả mới được.

IX. TỔNG LUẬN

Kỷ-luật xưa căn-cứ vào nguyên-tắc căn-bản bảo-vệ trật-tự ngoài xã-hội là : «Hữu công tắc thưởng, hữu tội tắc trừng» (Có công thì thưởng, có tội thì phạt). Học-đường là một xã-hội thu hẹp. Lễ tất nhiên trật-tự và sự tiến-bộ của học-đường cần được bảo-vệ bằng những sự

thường và phạt, hai thành phần trọng yếu của kỷ-luật. Tuy-nhiên, kỷ luật của học-đường ngày nay, dù tỉ-mỉ đến đâu, cũng không sao đoán trước được những trường-hợp bất-ngờ có thể xảy ra là vì vấn đề trẻ con rất là phức tạp. Chỉ có lương-tri (bon sens) mới giúp giáo-chức giải-quyết được những trường hợp gay-cấn, bất thường mà thôi. Kỷ-luật nhà trường không phải là pho hình-luật. Nó rất uyển-chuyển, mềm-dẻo và thích-ứng với mọi cảnh-ngộ. Nó dành cho giáo-chức lãnh nghề, lệ trí, thiệp thế, quyền «tùy cơ ứng-liến».

Kỷ-luật tự-do ngày nay không phải là môn tập rèn, uốn-nắn thú vật để diễn trò. Trái lại nó tìm hiểu để khuyến-khích những khả-năng của người và điều-dắt trẻ con sớm có một tinh-thần tự-chủ, xứng đáng một công-dân nước độc-lập dân-chủ.



KỶ-LUẬT MỚI

I. ĐỊNH-NGHĨA

Kỷ-luật theo lối mới không phải là toàn-thể các luật-lệ, các qui-tắc quản-trị một cơ-quan công hoặc tư mà chính là «sự giáo-dục tinh-tinh, là sự phát-triển các gương mẫu, sự tập luyện cách cư-xử tốt». «Kỷ-luật không phải là một vấn-đề thêm vào công việc giáo-dục của nhà trường mà là một đặc-tính quan-trọng nhất của cả một chương-trình giáo-dục của nhà trường.» Nó chỉ-phối ba phần-sự chính ở nhà trường là : sự dạy dỗ và sự học tập, công việc giám-thị và công việc quản-trị. Nói một cách khác, nó phải được áp-dụng cho tất cả giáo-chức, cho tất cả giám-thị, cho tất cả nhân-viên ban quản-trị và nhất là cho tất cả học-sinh trong cách đối-xử chung.

II. LÝ-DO

Trong khi trẻ con đang lớn lên, chúng tập dần dần «tĩnh thành» của chúng nhờ sự hiểu biết một cách chu đáo kết-quả những quyết-định của chúng. Chúng luôn luôn cố-gắng hành-động cho thích-hợp với sự hiểu biết của chúng. Trong giai-đoạn này nhà trường có rất nhiều cơ-hội để trẻ con rèn-luyện tĩnh-tĩnh. Theo lối giáo-dục mới kỷ-luật là nền tảng của sự dạy dỗ trẻ con. Nó chính là phần đức-dục vậy.

III. KỶ-LUẬT DỐI VỚI GIÁO-CHỨC

Kỷ-luật không những liên-hệ đến sự dạy bảo trẻ con mà nó lại còn là cách giáo-huấn hay như thế. Một giáo-chức không thể là một ông thầy giỏi mà lại kém về kỷ-luật hoặc giáo-chức không thể được coi là lãnh nghề nếu giáo-chức ấy không tập-luyện được trẻ con tự kèm-chế lấy chúng.

IV. BẢN-CHẤT KỶ-LUẬT MỚI

Bản-chất của kỷ-luật mới là : trẻ con dưới sự hướng dẫn sáng-suốt của giáo-chức sẽ tập chế-ngự lấy chúng. Sự tập chế-ngự ấy phải tùy trình-độ và sự nỗ-lực của trẻ con. Mỗi cá-nhân trẻ con cần được sự giúp đỡ của giáo-chức để nâng-cao sự hiểu biết của chúng hầu chúng thực-hành có hiệu-quả sự chế-ngự nói trên. Đối với trẻ con cũng như đối với người lớn, phương-pháp áp-dụng phải tùy cá-nhân mà thay đổi.

Căn-bản nguyên-thủy duy nhất của kỷ-luật mới, là sự duy-trì chương-trình có những kinh-nghiệm lãnh-mạnh và bổ-ích để thử tài những cố-gắng cao-độ của mỗi học-sinh. Không khi nào một đứa trẻ khỏe mạnh, vui tươi, sốt sắng lại phạm kỷ-luật bao giờ! Chính sự đau-ốm, buồn-phiền là những nguyên-nhân gây ra sự vô trật-tự và những tình-hành xấu.

V. CÁCH ÁP-DỤNG KỶ-LUẬT MỚI

1. Vấn-đề hình-phạt. Hình-phạt cá-nhân hay công-cộng, hữu-bình hay tinh-thần đều không được đề-cập đến trong kỷ-luật mới bởi các lý-do sau đây :

a. Ở nhà trường không có chỗ cho sự trừng-phạt mặc dù là đối với trẻ con. Những trẻ nhỏ không có phạm tội lỗi chi cả. Mặc dù chúng có phạm tội đi nữa nhà trường không phải là nhà trừng-giới đối với chúng.

Nói một cách khác, việc làm của trẻ con mà người lớn cho là tội chẳng qua là những cử-động vô ý-thức do sự thiếu kinh-nghiệm hoặc ảnh-hưởng bên ngoài mà ra. Thực ra trẻ con không có tội-tình gì. Nếu chúng bị trừng-phạt thì thật là oan-uổng! Trong trường-hợp ấy, giáo-chức cố tìm ra nguyên-nhân ? Do giáo-chức chẳng ? Do nhà trường chẳng ? Do gia-đình chẳng ? Một khi nguyên-nhân đã tìm ra được rồi, với tất cả sự thiệp-thế, sự nhả-nhận, giáo-chức cố sức sửa-chữa trẻ con và hướng-dẫn chúng theo đường ngay, nẻo thẳng. Giáo-chức cần tránh những sự la-mắng, nhạo-báng, sỉ-nhục chúng, vì những lời lẽ đáng tiếc ấy cản-trở hiệu-lực của phương-pháp giáo-dục tốt. Đồng thời nó bộc-lộ một tinh thần thấp kém với ý-nghĩa thành-thật của một linh-hồn cao cả.

b. Theo kỷ-luật mới, hậu quả tự-nhiên của một điều lỗi mới thực là sự hình phạt tự-nhiên giúp ích cho sự giáo-dục trẻ con. Thí dụ : trong một cuộc chơi thể-thao, một cuộc đá bóng tròn chẳng hạn, một cầu-thủ tỏ ra thiếu tinh-thần thể-thao. Ngay lúc đó cầu thủ nói trên bị tất cả khán-giả la-ó, phê-bình một cách nghiêm-khắc.

Cầu thủ ấy sẽ mất hết tiếng tăm và địa-vị trong giới thể-thao. Đó là sự trừng-phạt tự nhiên của tội-lỗi đã phạm.

c. Kẻ nào dùng cường-lực để gây sự tra-phục đối với trẻ con cũng như kẻ nào chỉ biết dùng sức mạnh để chế-ngự-kẻ dưới là những kẻ đó sợ hành-động của các tầng-lớp dưới.

d. Chế-ngự một đứa trẻ bằng sức mạnh là gián-tiếp nhìn nhận sự thất-bại của các phương-pháp khác.

e. Chế-ngự với sự công-nhận và, nếu cần, với sự phủ-nhận của xã-hội, có một tính cách rất quan-trọng ngay khi trẻ con còn ở nhà trường và sau này khi trẻ con ra ở đời.

2. Vấn-đề ban thưởng. Cũng như vấn-đề hình-phạt, vấn-đề ban-thưởng cá-nhân hay công-cộng, hữu-hình hay tinh-thần một cách giả-tạo, đều không được nêu lên trong kỷ-luật mới, bởi những lý-do sau đây :

a. Khi một cá-nhân hoàn-thành một công-việc gì có ý-nghĩa riêng cho mình thì chính cá-nhân ấy đã tự thấy mãn-nguyện rồi, hà tất phải cần đến những giải-thưởng nhân-tạo của người ngoại cuộc ? Trong một lớp học kiểu-mẫu sự thực hành những mục-đích cao quý đủ là phần thưởng riêng của mỗi học-sinh rồi.

Lại nữa, một hành-động đầy thiện-chí và suy xét thì lẽ cố-nhiên bao giờ cũng có kèm theo sự tán-thành và khuyến-khích của thầy và các bạn đồng-song rồi. Có giải-thưởng nhân-tạo nào quý báu bằng ? Giải-thưởng nhân-tạo ở đây ám-chỉ những giải-thưởng hữu-hình.

b. Sự năng-dùng các giải-thưởng nhân-tạo chứng tỏ sự nghi-ngờ rằng : sự vui thích của kẻ thành-công không đủ mang lại cho cá-nhân ấy những thỏa-mãn riêng.

3. Vấn-đề tự-do hành-động trong kỷ-luật mới. Kỷ-luật mới căn cứ vào khoa tâm-lý nhi-đồng và tinh-thần dân-chủ đề cao hai chữ «tự-do», tự-do trong hành-động : tự-do để tránh tình ý-lại : tự-do để tránh sự hành-động

như «người máy», tự-do để có tinh-thần tự-chủ, tự-lập. Nhưng «tự-do» ở đây không có nghĩa là : cầu-thả, vô trật-tự tuyệt-đối, mà là tự-do có suy-nghĩ ; khi tự mình biết kiểm-chế lấy mình bằng lý-trí (lẽ phải) mới tự-do. Ta chỉ sau-h trường-tự-do khi nào ta có thể thay thế sự kiểm-chế của bên ngoài bằng sự tự-chế-ngự do lý-trí sáng suốt của ta.

«Một giáo-chức bấi bỏ sự kiểm-chế trẻ con mà không cùng thời-gian ấy giúp chúng phát-triển lý-trí bên trong và đặt chúng lần lần vào tình trạng phải tự-nhận lấy những trách-nhiệm về cách xử-sự của chúng, giáo-chức ấy không những chẳng dạy gì ích lợi cho trẻ con mà lại còn làm chúng hư-hỏng nữa là khác» (Lời của nữ giáo-sư Lippincott).

Nói cách khác, trong khi trẻ con chưa biết tự kiểm-chế lấy chúng và lý-trí của chúng chưa được phát-triển để phân-biệt phải-quấy, thực-hư, thì giáo-chức phải hướng-dẫn chúng chớ không nên để chúng tự-do muốn làm-chi thì làm. Khi nào chúng biết tự-chế-ngự, tự-biết-biện phân-phải-quấy, hay dở, thì giáo-chức mới lần lần để chúng hoạt-dộng một mình và chỉ can-thiệp trong công việc làm của chúng khi nào chúng cần đến.

Nên lên hai chữ «tự-do», nhiều người hiểu lầm quyền-hạn, công-dụng của hai chữ ấy và thường hiểu là : «tự-do tuyệt-đối». Trong xã-hội làm gì có tự-do tuyệt-đối ? Tự-do của người này thì lại bị tự-do của người khác hạn-chế. Ở nhà trường khi nói đến tự-do hoạt-dộng của trẻ con, người ta ám chỉ «tự-do tương-đối». *Thí-dụ* : đến giờ hội-họa giáo-chức giảng-dạy các điểm đại-cương cần-thiết cho sự học-tập môn ấy. Xong rồi giáo-chức để trẻ con tự-do vẽ vật kiêu-mẫu theo sự-nhận-xét của chúng. Giáo-chức đứng ngoài trông coi chúng làm-việc và chỉ can-thiệp khi có lời yêu-cầu của chúng. Để trẻ con có sự an-ninh

tinh-thần, giáo-chức không nên thúc giục chúng và không nên can thiệp luôn hoặc thay thế chúng mà vẽ. Khi có một trẻ con vẽ sai thì giáo-chức giúp chúng nhận-thức chỗ sai ấy rồi để chúng tự sửa chữa lại ; giáo-chức không nên vẽ kiểu trên bảng đen rồi bắt trẻ con phải coi theo đó mà vẽ.

Về vấn-đề tự-do hoạt-động nữ giáo-sư Lippincott có nói thêm rằng : «Gạt bỏ sự kiểm-tòà của bên ngoài chưa phải là đủ. Cách ăn ở của con người cần phải có sự kiểm soát sáng suốt và sự kiểm-chế dù là do ở bên ngoài hay là do tự bên trong của mỗi cá-nhân. Hành-động tự-do có nghĩa là hành-động với một sự minh-mẫn hoàn-toàn đầy đủ. Sống và nảy-nở trong tự-do có nghĩa là hành-động với một lý-trí minh-mẫn hơn, với một khả-năng thích-ứng để hiểu và nhận lấy những hậu-quả mà mình sẽ gặp phải do những quyết-định của mình đưa ra.

«Sự sanh-trưởng như vậy thật không thể thành-tự được, nếu ta không có cơ-hội nào để đưa ra quyết-đoán trong những trường-hợp mà ta có thể tiên-đoán được hậu-quả, ít nhất một phần nào. Trẻ con phải luôn luôn thực-hành huấn-luyện để lần lần tiến tới mức cao hơn, đảm nhận nhiều trách-nhiệm hơn trong những sự quyết-đoán cũng như trong những cư-xử của chúng. Nếu không được như vậy, chúng sẽ luôn luôn sống ỷ lại và non dại ; như vậy có nghĩa là thiếu tự-do. Mặc dù nếu chúng ta có thể làm, chúng ta cũng không nên gạt bỏ những cơ-hội của chúng. Có thể là trong những cơ-hội đó, chúng sẽ nhầm lẫn hay may mắn trong những định-đoạt mà hậu-quả sẽ giúp chúng cư-xử khôn ngoan hơn để thành-công hơn trong những trường-hợp tương-tự về sau. Dù sao đi nữa, còn một vấn-đề quan trọng là ta không nên để trẻ con phải chịu sự thử thách, một thất-vọng nào quá ư lớn lao hay sự thất bại nào ở trong những trường-hợp cốt yếu vì những lời quyết-đoán còn ngây thơ của chúng.

«Những hậu quả của sự thất bại đó sẽ có hại hơn là sự dạy cho chúng hiểu biết và sẽ làm chúng trở nên sợ-sệt, nhút, nhút, thiếu can đảm và không còn tự tin ở chúng. Những hậu-quả của những thử-thách sẽ dồn-dập xô đẩy sự tự-do vào cuộc đời chúng mặc dầu chúng chưa sẵn sàng tiếp nhận. Gạt bỏ sự chỉ huy bên ngoài quá nhanh trong khi sự tự kiểm chế bên trong chưa được xây đắp vững-chắc là hành-dộng không đúng cách. Một giáo-viên khôn ngoan biết rằng khi nào ông ta phải dành quyền định đoạt và trách-nhiệm nào cho những trẻ con học-viên của ông, để làm sao chúng có thể phát-triển tính tự-chế-ngự của chúng, và ông còn biết tới khi nào phải đặt sự kiểm-chế để tránh sự thiếu suy nghĩ và thất bại ở chúng.

Mỗi học-viên cần phải học để chấp nhận những hậu quả của những quyết-định của mình cũng là của hành động mình. Đó là nghĩa chính của kỷ-luật và là căn-bản duy nhất đưa đến tự-do. Mỗi khi học-viên không thể tiên đoán được hậu quả hành động của mình, ta không nên để cho học-viên đó có quyền tự do lựa chọn».

«Phẩm hạnh xấu có nghĩa là năng-lực tốt bị đưa vào những con đường xấu. Thuốc chữa tức là sự dẫn trở lại con đường tốt, chứ không phải là sự gạt bỏ, việc sử-dụng cho xứng đáng chứ không phải sự trừng-phạt. Một đứa nhỏ cầm đầu một đám trẻ tinh nghịch chỉ cần để ý quan tâm đến những việc gì xứng đáng có giá trị đem ra để thử thách nó, và nó cũng có thể trở thành người cầm đầu trong những công việc lành mạnh».

VI. KẾT-LUẬN

Tất cả sự phát-triển về kỷ-luật mới bắt đầu khi trẻ con lần lần đảm nhiệm lấy trách-nhiệm, mỗi lúc một nhiều hơn, trong việc cư xử về phẩm-hạnh của chúng. Sự cung cấp những điều-kiện cho sự này nhờ về kỷ-luật mới đòi hỏi

ở giáo-chức sự khôn khéo và sự chu đáo, sự biết cách tránh hai phương-pháp quá khích là phải giáo-dục do sự kiểm-soát quá ư chặt-chẽ hay là do sự hoàn-toàn không có kiểm-soát».

(Nữ giáo-sư Lippincott)

*

SỰ HỢP-TÁC GIỮA NHÀ TRƯỜNG VÀ GIA - ĐÌNH HỌC - SINH

I. TÍNH-CÁCH CẦN-THIỆT của sự hợp-tác giữa gia-đình và học-đường.

A. NHỮNG LÝ-DO CHÍNH

1. Học-sinh chịu ảnh-hưởng của gia-đình nhiều hơn của nhà trường. Mỗi ngày 24 tiếng đồng-hồ, học-sinh chỉ đến trường trong khoảng từ 6 đến 8 tiếng đồng hồ là nhiều. Trong khoảng 18 tiếng đồng hồ còn lại của mỗi ngày, chúng sống trong gia-đình và chịu ảnh-hưởng của gia-đình về mọi mặt. Bởi thế nếu không có sự hợp-tác giữa gia đình và nhà trường thì giáo-chức chỉ làm việc «đạ-tràng xe cát» mà thôi. Công phu dạy dỗ của giáo-chức sẽ bị gia-đình phá hủy sạch.

2. Hiểu rõ tính tình, sức khỏe và học lực của trẻ con không ai hơn các bậc phụ-huynh. Các bậc phụ-huynh phải cho giáo-chức biết các chi tiết ấy, nhất là cách làm việc ở nhà của mỗi trẻ con để tìm phương hướng-dẫn chúng một cách hữu-hiệu và giúp ý-kiến cho gia-đình về cách chăm nom sức-khỏe và sự học hành của chúng.

3. Một lớp học có nhiều học-sinh quá (hiện thời có lớp sơ-tiêu có đến 60 học-sinh hoặc nhiều hơn), giáo-chức không sao rõ biết tính tình, những khả-năng của mỗi trẻ được, và cần có sự giúp đỡ của các phụ-huynh.

4. Với tư-cách vừa là đại-diện của chính-phủ vừa là đại-diện của gia-đình, giáo-chức có quyền đòi hỏi sự giúp-đỡ của gia-đình. Gia-đình không nên đổ hết trách-nhiệm ấy cho giáo-chức mỗi khi đã đưa con con đến nhà trường.

5. Nhà trường phải lãnh-đạo sự dạy-dỗ trẻ con nghĩa là nhà trường phải cho ý-kiến cho gia-đình để tiếp-xúc với mình theo con đường vạch sẵn. Nhà trường không nên tự đặt dưới quyền chỉ-huy của gia-đình hoặc để gia-đình thay thế mình trong sự hướng-dẫn và giáo-hóa trẻ con.

B. NHỮNG NỖI KHÓ-KHĂN CỦA SỰ HỢP-TÁC ẤY

Các nỗi khó-khăn ấy đều do chỗ bất đồng ý-kiến về phương-pháp dạy-dỗ giữa nhà trường và gia-đình mà ra vì lẽ thường-thường gia-đình không có một quan-niệm như nhà trường.

1. Khó-khăn về phương-diện giáo-dục hình-thổ. Nhà trường khuyên trẻ con ăn-mặc sạch-sẽ. Gia-đình làm trái lại. Nhà trường nói những mối hại của từ-dở-tướng, gia-đình làm ngược lại.

2. Khó-khăn về sự dạy-dỗ trẻ con về phương-diện tri-thức. Về phương-diện này, giữa gia-đình và nhà trường thường có sự bất-đồng ý-kiến. Gia-đình vì ít học lại không rõ khoa sư-phạm, thường cho rằng: phải bắt trẻ con làm bài nhiều, học bài nhiều, không phút nào chúng được nghỉ-ngơi. Có như thế mới gọi là học và khỏi phải phí mất thì giờ. Nhà trường áp-dụng khoa sư-phạm không làm như thế và cho rằng trẻ con cần có lúc học-lép, có lúc chơi-giỡn để giải-trí. Sự chơi-giỡn rất cần ở các lớp nhỏ. Về phương-diện này, nhà trường không thể chiều gia-đình để bắt trẻ con làm việc quá sức chúng. Theo nguyên-tắc «do thiên nhạp thám» nhà trường không cho trẻ con học và làm những bài vở khó, quá sức chúng.

Nếu làm như thế, trẻ sẽ cố-gắng, sẽ thông-minh một thời rồi sau sẽ mệt-mỏi và sẽ trở nên dần-dộn.

Gia-đình dạy con em hay quở-mắng thậm-lệ, nhiều khi lại đánh-dập chúng. Các hành-động ấy sai với nguyên-tắc sư-phạm vì nếu mỗi ngày cha hoặc mẹ luôn-luôn nói với con: «mày ngu, mày ngu...» thì lâu dần trẻ con ấy sẽ tưởng nó ngu thật.

3. Khó-khăn về phương-diện giáo-dục đạo-đức luân-lý. Về phương-diện này có nhiều gia-đình bất đồng-y với nhà trường ở nhiều khoản, thí dụ:

a. Sự trốn xâu lậu thuế không phải là tội ăn cắp đối với chính-phủ.

b. Sự tự quên những lời người khác mắng nhiếc mình là một cử-chỉ đê-liện, hèn-nhát.

Nhiều khi gia-đình bênh con, nói hành giáo-chức, tỏ vẻ bực-tức đối với giáo-chức trước trẻ con khiến giáo-chức không còn uy-tín đối với chúng.

Gia-đình lại còn nêu nhiều gương xấu như đánh lộn, chửi lộn, uống rượu say-sưa, cờ-bạc, nói láo trước mặt trẻ con.

II. CÁC CÁCH-THỨC HỢP-TÁC GIỮA HỌC-ĐƯỜNG VÀ GIA-ĐÌNH

Các cách-thức hợp-tác nói trên rất nhiều và để giáo-chức được tùy-nghị sử-dụng. Đây là một ít thí-dụ:

1. Những buổi nói chuyện hoặc diễn-thuyết dành cho các gia-đình. Các buổi nói chuyện này cần được tổ-chức ngay đầu niên-học. Nhân cơ-hội này, nhà trường nhấn-mạnh về đường lối dạy-dỗ trẻ con trong niên-khoá và yêu-cầu sự cộng-tác của các gia-đình.

Các buổi nói chuyện này sẽ đưa các gia-dinh đến sự thành-lập: Hội phụ-huynh học-sinh, Hội huấn-luyện gia-dinh học-sinh v.v..

2. Các thẻ cá-nhân (Fiche individuelle). Ngày nhập học, nhân sự có mặt của các phụ-huynh học-sinh, giáo-chức sẽ hỏi những chi-tiết cần-thiết về sức khỏe và về tinh-tinh của mỗi học-sinh trên một tấm thẻ cá-nhân. Tấm thẻ này sẽ có giá-trị luôn cho đến ngày trẻ con rời ghế nhà trường. Thỉnh-thoảng giáo-chức sẽ thêm vào tấm thẻ ấy một ít chi-tiết mới hoặc bỏ bớt một vài khoản để cho tấm thẻ ấy lúc nào cũng đúng với sự thực. Ngoài ra lại còn có thẻ sức khỏe của mỗi trẻ con do lương-y của nhà-trường coi giữ. Thẻ sức khỏe, thỉnh-thoảng lại được gửi về cho gia-dinh xem và thi-hành những lời khuyên-cáo trong ấy; nhất là về khả-năng học-tập và sự hướng-nghiệp của con trẻ.

8. Những thẻ vấn-đáp. Ngày nhập học, các thẻ cá-nhân khó thẻ lập được vì giáo-chức bận lắm việc. Để thay vào đó, giáo-chức sẽ gửi đến các bậc phụ-huynh học-sinh những tấm thẻ trong có ghi sẵn những câu hỏi, đại loại như sau:

a. *Sức khỏe*: Trẻ con có mạnh-khỏe luôn luôn không? Có bệnh gì không? Những kết-quả tai-hại của các chứng bệnh ấy?

b. *Trí năng*: Trẻ con có chậm-chỉ không? lêu-lồng không? lãng-trí, thông-minh hay bạc-nhược? Trẻ con có năng-khiếu nào đặc-biệt hơn các năng-khiếu hiện giờ của chúng không?

c. *Tinh-tinh*: Trẻ con có tin người chăng? Nhút-nhát chăng? Ít nói chăng? Trẻ con có bụng tốt hay ích-kỷ? Kê những xu-hướng đặc-biệt của trẻ con? Những ưa thích riêng của chúng? Trẻ con ưa sạch sẽ, ưa trật-tự, ưa chân-lý, ưa sự công-bằng chăng? Trẻ con có ý-chí không?

Trẻ con đã nhiễm một vài tính xấu nào chưa? Chúng có thể sửa-chữa tính xấu ấy chẳng? Phụ-huynh trẻ con (Ông hay Bà) có những nguyện-vọng gì cần nêu lên về sự giáo-dục đạo-đức ở trẻ con chẳng?

Nên chú-ý : Các mục của thẻ vấn-đáp này có thể sửa-đổi tùy ý giáo-chức.

4. Tập học-bạ. Tập này hiện nay rất được áp-dụng. Nhờ học-bạ mà nhà trường cho gia-đình biết tính-hạnh cuối mỗi hai hay ba tháng hoặc lâu hơn. Trong tập học-bạ ấy có khoản đề cho gia-đình cho ý-kiến, viết lời yêu-cầu, ký tên rồi hoàn tập ấy lại nhà trường. Nhờ tập học-bạ này mà phụ-huynh cho nhà trường biết tính-hạnh của trẻ con và cách làm việc của chúng tại nhà.

Về khoản này, trong mỗi học-bạ mấy câu hỏi sau đây, cần được nêu lên :

- a. Con ông (hay bà) đi học về có đúng giờ không?
- b. Con ông có dễ sai khiến, có lễ-phép ở nhà không?
- c. Con ông có ưa đọc sách chẳng?
- d. Con ông có một vài tật xấu mới nảy sanh ra chẳng?
- e. Ông (hoặc bà) có những nguyện-vọng gì cần nói không?

5. Sự gởi đến cho gia-đình những tập bài làm của trẻ con. Trong nhiều trường-hợp, tập vở bài-làm hàng ngày và bài thi hàng tháng được gởi đến cho cha mẹ. Tập vở bài làm hàng ngày và tập vở bài làm hàng tháng, một khi đã dùng hết, thì vào khoảng cuối tháng hoặc cuối tam-cá-nguyệt nhà trường sẽ gởi cho gia-đình. Các phụ-huynh sẽ xem và ký tên vào đó để biết được sự tiến-bộ của con em mình.

Tuy vậy, chữ ký của phụ-huynh không cũng chưa đủ. Cần có những câu hỏi để cha mẹ trả lời những điều mà thầy muốn biết về mỗi trẻ con. Các câu hỏi ấy được lập lên trên một tờ giấy rời kèm theo các tập-vở ấy.

Phương-pháp gửi các tập-vở này cho các gia-đình được áp-dụng là vì những thông-tin-bạ không cho biết một cách đầy đủ về cách chấm bài của giáo-chức và sự tiến-triển trong sự học-hành tại lớp của mỗi trẻ.

Nhưng sự gửi các tập vở nói trên cho các gia-đình gặp phải trở-ngại sau đây : hầu hết các tập vở ấy đều được giao cho các học-sinh mang về cho gia-đình chúng. Có thể vì sợ cha mẹ quở phạt, vì các bài làm không được xuất-sắc, học sinh có thể giấu các tập-vở ấy đi mà không trình cho cha mẹ chúng, hoặc tạo ra tập-vở khác trong ấy có những bài làm tuyệt hay với khuyên-điểm tốt rồi trình tập ấy cho cha mẹ chúng, để rồi giả-mạo chữ ký của cha mẹ vào tập vở chính thức để trình lại với thầy.

6. Sự gửi cho các gia-đình những chương-trình học khóa và thời-khoá-biểu. Phương-pháp này giúp các bậc phụ-huynh có những tài-liệu cần-thiết về cách dạy trẻ của nhà trường và đồng-thời khuyến-khích các gia-đình tham-gia vào công việc của nhà trường. Các huấn thị cần thiết của chính-phủ cũng cần được gửi cho các gia-đình để có ý-niệm về chế - độ giáo dục toàn-quốc.

7. Sự đi thăm các gia-đình. Có nhiều việc không thể nói hết trong thông-tin-bạ hoặc trong các tập-vở nói trên. Giáo-chức cần gặp các bậc phụ-huynh mới được. Vậy, trong nhiều trường-hợp, sự đi thăm các gia-đình rất cần.

Những cuộc gặp gỡ giữa giáo-chức và các bậc phụ-huynh tại nhà các học-sinh, nhất là trong các khu-phố đông-dân, sẽ cho giáo-chức nhận-thấy sự khốn-cùng, sự cơ-cần của các gia-đình cần lao và hiểu rõ tại sao trẻ con thuộc các gia-đình ấy chán-nản, biếng-học và làm bài một cách cầu-thả, dơ bẩn. Chứng ấy, giáo-chức sẽ hiểu rõ hơn tình-trạng của trẻ con nói trên và rộng lòng tha-thứ cùng thương-hại chúng.

Ngoài những cuộc gặp-gỡ tại nhà, còn có những cuộc gặp-gỡ bất ngờ các bậc phụ-huynh, khi giáo-chức đi viếng nhà-làng, chợ-búa, ấp-xóm. Trong những trường-hợp ấy giáo-chức phải khéo-léo, nhã-nhận, không nên trình-bày sự-thật trắng-trợn về môi trẻ con để tránh sự chạm lòng tự ái của các bậc ấy. Trước hết, giáo-chức phải tìm cái hay của mỗi trẻ mà khen đã, nhiên-hậu mới nói đến cái dở của chúng. Giáo-chức cần phải biết dùng chữ «NHUNG» một cách khéo-léo, ngoại-giao, khiến cho các phụ-huynh không phát-ý mà lại giúp giáo-chức biết nhiều chi-tiết nữa.

Những cuộc gặp-gỡ ấy không nên làm cho các bậc phụ-huynh chán-nản. Trái lại, nó phải sửa-soạn nhiều cuộc gặp-gỡ khác. Làm thế nào, khi kiểu từ, các phụ-huynh còn ước mong gặp lại giáo-chức lần nữa.

8. Sự hiệp-tác giữa gia-đình và nhà trường còn cần thiết hơn nữa sau khi học-sinh đã rời ghế nhà trường. Các thanh-niên mới lớn lên, sau khi đã thôi học, cần được hướng-dẫn một cách sáng-suốt. Từ 13 đến 20 tuổi là khúc quanh của đời niên-thiếu. Trong thời-gian ấy các thanh-niên, nam lẫn nữ, dễ bị lôi cuốn vào con đường truy-lạc dễ rồi là một cuộc đời tàn-tật suốt mấy mươi năm sau rất có hại cho xã-hội và gia-đình. Như vậy, nhà trường có bổn-phận theo-dõi các thanh-niên ấy để hướng-dẫn chúng theo đường ngay, nẻo thẳng. Nhà trường sẽ mở cho cựu học sinh nam-nữ của nhà trường những buổi nói chuyện, những cuộc diễn-thuyết để chúng học hỏi thêm và rút kinh-nghiem về cách cư-xử ở đời. Thành thoảng giáo-chức, nam lẫn nữ, sẽ đến viếng gia-đình các cựu học-sinh của mình để giữ mối giao-hảo xưa và đồng thời để những lời khuyên cần-thiết cho các thanh-niên nói trên. Trong nhiều trường-hợp, giáo-chức được coi là vị cố-vấn cần-thiết của gia-đình và các cựu học-sinh. Có như thế công-trình của nhà trường mới được bền-bỉ, lâu dài.

III. KẾT LUẬN

Nói tóm lại, sự cộng-tác thân mật và chặt-chẽ giữa gia-đình và nhà trường trong khi trẻ con còn đi học cũng như khi chúng đã rời khỏi ghế nhà trường rất cần. Sự cộng-tác ấy không phải là triệu-chứng sự bất-lực của nhà trường. Trái lại, nó chứng tỏ rằng nhà trường rất hiểu rõ trách-nhiệm của mình và có cảm tưởng rằng nhà trường sẽ đạt mục-dịch nếu có sự giúp đỡ chân-thành của các gia-đình.

Trong một nước dân-chủ, nhà-trường là nhà chung của nhân-dân trong một làng. Các thế-hệ thanh-niên quí báu, tương-lai của thôn-xã, đều được đào-tạo nơi ấy. Nhà trường là mục-tiêu mà tất cả con mắt trong làng đều hướng về với tất cả sự yêu-dương, kính-mến. Nó tượng trưng sự tin-cậy và sự mong-mỏi của các gia-đình và xã-hội.

Hiểu rõ trách-nhiệm lớn-lao, thiêng-liêng ấy của mình, nhà trường, không ngần-ngại chi mà không lên tiếng kêu gọi sự giúp-dỡ của các nhà hảo-tâm trong làng.

Nhà trường chỉ mong được coi như là một ngôi nhà làm bằng kính (kiến, thủy-tinh) mà bất cứ ai ở ngoài đều thấy rõ những hành-động bên trong, không một điều gì u-uẩn, khuất-lấp cả.

Nhà trường muốn truyền-bá những nguyên-tắc căn-bản của mình. Nhà trường tìm cách đề-chối-rạng khắp vùng thôn-quê, để làm ấm-áp và giác-ngộ các gia-đình hầu nhận ở các gia-đình một sự giúp-dỡ nồng-nhiệt, dãi-dào.



CHƯƠNG X

HƯỚNG NGHIỆP

HƯỚNG - NGHIỆP

I. MỤC-ĐÍCH

Hướng-nghiệp có mục-đích khuyến trẻ con có một hoạt-động vừa phù-hợp với sở-thích và quyền-lợi của chúng, vừa thích-ứng với những tri-thức mà chúng đã thu-thập được sau khi rời ghế nhà trường và nhứt là với những khả-năng về cơ-thể và trí-tuệ của chúng. Lẽ dĩ nhiên sự hướng-nghiệp này phải vừa theo tình-trạng gia-đình của trẻ con và tình-trạng thương-trường của mọi ngành lao-động.

II. SỰ CẦN-THIỆT CỦA SỰ HƯỚNG-NGIỆP

1. Trong đời người, sự lựa chọn nghề-nghiệp rất quan-hệ vì lẽ do sự lựa chọn này nếu là hợp-lý, cá-nhân sẽ an vui hạnh-phúc, làm ăn phát-đạt và sẽ vui-thích mà làm việc.

2. Xã-hội sẽ được nhiều điều lợi mà nhận sự phục-vụ của những người lao-động lành nghề, khéo-léo, có một khả-năng sản-xuất cao và nhận thấy có một sự quân-bình giữa các nghề điều-hòa với những nhu-cầu của xã-hội và những tài-nguyên trong xứ cũng như sự phân-phối các loại hoạt-động trong nước và trên hoàn cầu.

Những mối quan-hệ của ngành kỹ-nghệ, cũng như những mối quan-hệ của xã-hội nói chung sẽ được cải-thiện rất nhiều và sẽ được dễ dàng vì lẽ nhân-công thiện nghệ về mọi ngành sẽ đem lại một số lớn những kết-quả mỹ-mãn.

Vì các lẽ ấy mà nhà đương-cuộc trong bất cứ một quốc-gia nào, cần can-thiệp vào để điều-chỉnh những sáng-kiến hay và nêu lên trên hết quyền-lợi chung, sẽ hướng giới thanh-niên về những nghề-nghiệp rất cần-thiết cho xã-hội về lìa mặt : Kinh-tế, Xã-hội và Văn-hóa.

III. NHỮNG BẢNG CỬ (des données) VÀ NHỮNG PHƯƠNG-SÁCH CỦA SỰ HƯỚNG-NGHIỆP

Vấn-đề hướng-nghiệp gồm hai bảng-cử tất-yếu như sau : Cá-nhân và nghề-nghiệp.

1. Sự hiểu biết cá-nhân. Sự hiểu biết cá-nhân gồm nhiều yếu-tố liên-hệ với nhau. Những yếu-tố ấy là :

- a. Khả năng và vô khả-năng về cơ-thể.
- b. Khả-năng và vô khả-năng về tâm-lý và ngũ-giác-quan.
- c. Khả-năng và vô khả-năng về trí-tuệ.
- d. Những quyền-lợi bất đồng mà cá-nhân đã nêu lên và sự tổng-hợp lại thành khuyến-hướng của cá-nhân.
- e. Tính dễ dạy của cá-nhân (éducabilité).
- f. Sức chịu-đựng về phương-diện tinh-thần, thể-chất, lâu hay mau ?
- g. Khả-năng thẩm-mỹ của cá-nhân.
- h. Thiên-tư về tình-cảm (prédispositions sentimentales) : các tính tốt và xấu.
- i. Tính-chất đạo-đức : Các tính hạnh : kín miệng, ngay thật, tinh-thần kỷ-luật.
- k. Những xu-hướng xã-hội : Sự ưa-thích sống tập-thể hay là sống lẻ-loi, riêng-biệt, tình-yêu xã-hội, tái-điều-khiển kẻ khác và quyền rũ kẻ khác ưng-thuận.

Muốn biết rõ một cá nhân, cần-phải nghiên-cứu 10 điểm nói trên một cách tỉ-mỉ bằng những cuộc thí-nghiệm

khoa-học với những dụng-cụ đặc-biệt và những trắc-nghiệm (tests).

2. Sự hiểu biết nghề-nghiệp. Cũng như sự hiểu biết cá-nhân, sự hiểu biết nghề-nghiệp rất tế-nhĩ, khó-khăn. Dù sao người ta cũng cố-gắng đi sâu vào vấn-đề bằng cách lập thành những đặc-chủng nghiên-cứu (monographies) mô-tả rõ-rệt các nghề nhằm mục đích nêu lên những khả-năng cần-thiết cho sự thi-hành các nghề ấy cùng là những cấm-ky tình trạng (contre-indications). Nhờ thế mà người ta có thể tạo-thành một trắc-diện (profil) tâm lý thông thường cho mỗi nghề-nghiệp. Sự so-sánh trắc-diện ấy với trắc-diện tâm-lý thực sự của mỗi cá-nhân sẽ cho biết cá-nhân có khả-năng cũng không để làm một nghề gì.

Lại nữa tất cả các nghề đều được sắp-xếp theo loại căn-cứ vào những trắc-diện tâm lý thông-thường của các nghề theo một qui-tắc nhất-dịnh. Như vậy sự hướng-nghe sẽ được dễ-dàng.

Sự hiểu biết nghề-nghiệp cần được bổ-túc bằng sự hiểu biết hoàn-cảnh nghề-nghiệp (cách sinh-sống, thành phần của nhân-công, tổ-chức kỹ-thuật công việc làm, tập-quán cổ-truyền của nghề-nghiệp, những yếu-tố xã-hội chi phối việc làm v.v...) và sau cùng bằng sự hiểu-biết thời-cơ kinh-tế (tình-hình thị-trường lao-dộng, luật cung-cầu, các tiền công, các biến chuyển lên xuống của các tiền công ấy, những dự- đoán về tương-lai).

Nói tóm lại những hàng cứ của việc hướng-nghe và những phương-pháp áp-dụng thật là phức-tạp, khó-khăn và sự dung-hòa giữa con người và nghề-nghiệp thật là một việc rất khó-khăn, tế-nhĩ.

IV. SỰ ĐỊNH-HƯỚNG CỦA NHÀ TRƯỞNG VÀ SỰ HƯỚNG-NGHIỆP

Giai đoạn thứ nhất của việc hướng-nghe là

sự định-hướng của nhà trường. Vấn-đề định-hướng của nhà trường được nêu lên sau khi trẻ con đã học xong chương trình lớp Nhì. Hoặc là trẻ con cứ tiếp-tục học theo chương-trình phổ-thông của trường sơ-tiểu đến hết lớp Nhứt là lớp ra trường để rồi vào lớp Đệ-Thất các trường trung-học theo những chương-trình tổng-quát hoặc theo chương-trình thực-nghiệp, hoặc theo học các lớp Bồ-túc và tự hướng dẫn vào các ngành-học khác để rồi đi dần đến một số nghề-nghiệp chuyên-môn. Số ấy sẽ thu hẹp dần khi mà trình-độ các môn học lên cao.

Cần thêm rằng : những năng-lực được kích-thích và phát-triển ở nhà trường nhờ các môn học tổng-quát nếu có một tinh-cách căn-bản và tượng-trưng những điểm cốt-yếu của tinh-tinh và tri-tuệ sẽ không khác biệt với những năng-lực nghề-nghiệp và trẻ con sẽ mang tất cả theo trong những trạng-huống của cuộc đời. Giáo-chức nếu đã biết rõ, đã đánh thức và đã làm phát-triển các năng-lực ấy, hoặc là ngược lại, đã kìm hãm, đã dập tắt các năng-lực ấy, sẽ có một ảnh-hưởng rất lớn đối với cha mẹ học-sinh trong sự quyết-định của các vị này.

V. SỰ TỒ-CHỨC CÔNG VIỆC HƯỚNG-NGHIỆP

Dù cho trẻ con có đỗ cấp-bằng sơ-tiểu hay không, cuối năm chúng mới lên 14 tuổi thì chúng phải ra trường sơ-tiểu và như vậy, vấn-đề hướng-ngiệp được nêu lên. Hoặc là trẻ con sẽ vào học trong một trung-tâm huấn-luyện nghề-nghiệp, hoặc là chúng sẽ theo học lớp dạy khoa canh-nông (lớp dạy canh-nông hậu giáo dục, lớp dạy canh-nông gia-chánh hoặc một trường canh-nông thực- hành).

Tất cả những trẻ con, sau khi đã học xong chương-trình sơ-tiểu, đều phải chịu một cuộc khảo-hạch hướng-ngiệp do Trung-tâm hướng-ngiệp tồ-chức-

Những Hiệu-trưởng các trường sơ-tiểu có bổn-phận phải lập xong những thẻ giáo-dục (fiche scolaire) cho tất

cả học-sinh lớp Nhứt. Các thẻ ấy trước ngày nói trên đã được Trung-tâm hướng-nghiệp chuyển sang để các vị Hiệu-trưởng ghi vào những tài-liệu, tin-tức cần-thiết về mỗi học-sinh nhứt là về năng-lực, trí-tuệ và cách đối-xử của chúng ở nhà trường.

Các bác-sĩ phụ-tá ở Trung-tâm hướng-nghiệp nói trên sẽ khám-nghiệm các học-sinh về cơ-thể để ấn-định những năng-lực về hình-thể và đoán trước những điều cấm-kỵ tình-trạng, ngăn-cản sự thi-hành một ít nghề-nghiệp này. Các bác-sĩ sẽ lập nên những thẻ (phiếu) Y-tế.

Trung-tâm hướng nghiệp sẽ nhận hai loại thẻ (phiếu) ấy. Để cho sự dò-xét được đầy đủ Trung-tâm hướng-nghiệp có thể hỏi các bậc phụ-huynh (phiếu gia-đình) và hạ-lệnh mở một cuộc điều-tra về hoàn-cảnh gia-đình do một nữ cán-bộ phụ-trách (phiếu xã-hội). Sau đó Trung-tâm hướng-nghiệp sẽ khởi sự một cuộc khám-nghiệm về tâm-lý kỹ-thuật của học-sinh bằng cách sử-dụng những trắc-nghiệm và những thí-nghiệm riêng biệt cốt để tìm ra những năng-lực và những điều cấm-kỵ tình-trạng về nghề-nghiệp ở mỗi học-sinh.

Tổng-số những tài-liệu ấy của nhà trường, của cơ-quan Y-tế, của gia-đình, của xã-hội và của khoa tâm-lý làm thành hồ-sơ hướng-nghiệp của mỗi học-sinh.

Hồ-sơ ấy giúp sự lập nên tờ chứng-minh hướng-nghiệp. Tờ chứng-minh ấy sẽ được viên Thư-ký Trung-tâm hướng-nghiệp gửi cho các nhà cầm-quyền hữu-trách về vấn-đề này trước ngày nhập-học trong niên-khoá tới.

Trong tờ chứng-minh ấy, ngoài sự kê-khai các nghề nguy-hiêm cho sức-khỏe của đương-sự ra, lại có nêu lên những chi-tiết về những thiên-tư của trí-tuệ hoặc của cơ-thể, những năng-lực để học những nghề có tư-cách, có giá-trị thích-hợp với tình-trạng của đương-sự. Trong tờ chứng-minh ấy lại còn nêu lên những nghề-nghiệp có những

chỗ trống dành cho dương-sự. Các bậc phụ-huynh, căn-cứ vào tờ chứng-minh ấy, được quyền tự-do chọn-lựa.

Sau cùng, nếu có trẻ con, trong-thời-gian học-khóa, không thu-thập được một kết-quả nào ở trong lớp, hoặc có tính khó-khắn, không thuận-thảo với chúng bạn quanh mình thì ông Hiệu-trưởng trường sở-tại có thể gọi trẻ con ấy đến Trung-tâm hướng-nghiệp sẽ có những idều chỉ-bảo qui-báu về cách chữa chạy bệnh-tinh của trẻ.

VI. KẾT-LUẬN

Nói tóm lại, sự hướng-nghiệp rất cần và Trung-tâm hướng-nghiệp thật là một cơ-quan tối-ư quan-trọng đối với nhà trường, đối với vô-số thể-hệ thanh-thiếu-niên và sau cùng đối với quốc-gia xã hội. Nhưng tiếc thay hiện giờ ở nước ta công-dụng của nó ít được ai chú-ý và, ở nhiều nơi, cơ-quan ấy chưa được tổ chức.

Trung-tâm hướng-nghiệp càng ra đời trễ chừng nào thì ở trong gia-dình và tại học-đường sẽ còn không biết bao nhiêu sự đáng tiếc xảy ra vì các thể-hệ thanh-niên không được hướng-nghiệp đúng-lý.

CHƯƠNG XI

CÔNG-CUỘC BỒ-TÚC NHÀ TRƯỜNG

CÔNG-CUỘC BỒ-TÚC NHÀ-TRƯỜNG

I. NHỮNG ÍCH-LỢI

Công-cuộc bồ-túc nhà trường, là những công-cuộc kiện-toàn sự-nghiệp nhà trường, làm cho trường-cửu ảnh-hưởng tốt và công-cuộc phước-thiện của nhà trường.

Trẻ con khi được 14 tuổi sẽ rời ghế nhà trường và bước chân vào trường-đời. Từ 15 đến 20 tuổi là giai-đoạn khó khăn đầy nguy-hiểm của đời người. Bởi vậy, trẻ con trước ngày ấy cần được huấn-luyện một cách giả-giận tại nhà trường. Tuy nhiên sự huấn-luyện ấy luôn luôn được bồ-túc thêm sau khi chúng rời ghế nhà trường. Lẽ dễ hiểu là dù cho trẻ con đã thôi học chúng còn cần được nhủ-khuyến, hướng-dẫn trong một thời-gian nữa để tự mình rút kinh-nghiệm trong trường-đời. Bởi thế, trong đoàn-thể giáo-giới, ai ai cũng đều cho rằng nếu công-nghiệp của nhà trường chấm-dứt đối với trẻ con ngày mà chúng rời ghế nhà trường thì công-nghiệp ấy chỉ là con số không vậy ! Những công-cuộc bồ-túc nhà trường được liệt vào ba loại như sau :

— Các công-cuộc giúp-ích trẻ con trong thời-kỳ học-khoá của chúng.

— Các công-cuộc giúp-ích trẻ con sau khi chúng thôi học.

— Các công-cuộc có tính-cách xã-hội và gián-tiếp giúp-ích các cựu học-sinh của nhà trường.

II. NHỮNG CÔNG-CUỘC GIÚP-ÍCH TRẺ-CON KHI CHÚNG CÒN ĐI HỌC

Các công-cuộc ấy là : Tủ thuốc nhà trường, ngộ-phạm-diểm, trại nghỉ hè, hội thể-thao và hoạt-dộng thanh-niên, thư-viện nhà trường, học-xưởng, học-đường-viên, học-đường hợp-tác-xã, hội phụ-huynh học-sinh, hội bảo-trợ học-sinh.

A. TỦ THUỐC NHÀ TRƯỜNG

Mỗi học-hiệu, với một sĩ-số khá cao, cần có một tủ thuốc có những món thuốc cần-thiết cho những chứng-bệnh thông-thường như nhức đầu, nóng lạnh, đau bụng, cảm gió, cảm-nắng, v.v., và những dụng-cụ cần-thiết cho sự băng bó các vết-thương, các bệnh ghê-lở xoàng.

Tại tủ thuốc ấy cũng có phòng coi mạch của bác-sĩ nhà trường và một vài chiếc giường bệnh. ~~Trong~~ phòng khi có những tình-trạng bất ngờ. Nơi đây, mỗi tháng bác-sĩ, nha-y-sĩ đến khám sức khỏe và răng của trẻ con một lần và ghi những lời khuyến-cáo trong mỗi thẻ sức-khỏe cá-nhân. Các thẻ sức-khỏe ấy sẽ được giao lại cho văn-phòng ban giám-đốc nhà trường để cáo-trị cho các phụ-huynh học-sinh. Đầu niên-học phải có một cuộc khám sức khỏe như thế để theo dõi sự biến-chuyển cơ-thể của trẻ, để ấn định rõ-rệt giá-trị sức-khỏe của chúng sau một thời-l hạn là một tháng hoặc ba tháng. Nhờ sự khám sức-khỏe này mà nhà trường có bằng chứng để cho trẻ con nghỉ học vì kém sức-khỏe, gởi chúng về gia-đình chữa hoặc vào dưỡng-đường công-lập, và chia chúng ra làm nhiều hạng : hạng đau tim, hạng đau phổi, hạng đau bao tử, đau lá lách và căn-cứ theo đó mà ấn-định cách tập luyện riêng biệt cho mỗi loại bệnh. Có như thế nhà trường mới tránh được những tai-nạn bất-ngờ trong những giờ thể-thao.

B. NGỌ-PHẠM-ĐIỂM (Quán cơm trưa)

Ở thôn-quê, nhiều khi một nhà trường được lập lên cho một số thôn-xã trong vùng. Vì lẽ ấy mà các trẻ con ở các thôn-xã xa-xôi, mỗi ngày phải đi bộ từ nhà đến trường và mỗi lần phải đi đến bốn, năm cây số ngàn. Như vậy, mỗi ngày chúng phải đi bộ đến 20 cây số ngàn. Thật là một sự cố gắng quá ư mệt-nhọc có hại cho sức-khỏe chúng. Ấy là nói về mùa nắng, đường xá khô-ráo. Trái lại, đến mùa mưa thì sự khổ-cực của chúng không thể tả được. Nhiều khi chúng đến trường sách-vở ướt mềm, quần áo loi-ngoi, lớp-ngóp. Chúng phải để vấy mà học cho tan buổi. Về nhà chúng bị cảm nặng. Ngày sau và vài hôm nữa chúng phải nghỉ, bài vở đành phải chịu bỏ vậy.

Nếu ngo-phạm-điểm được lập lên ngay tại trường thì trẻ con sẽ đỡ biết bao nỗi khổ cực!

Nhờ ngo-phạm-điểm, trẻ con chỉ buổi sáng mới đi bộ đến trường. Trưa lại chúng ăn nghỉ tại trường. Chiều tối chúng mới về nhà. Như thế, mỗi ngày chúng chỉ có mất công đi về và tránh biết bao nỗi khổ cực do thời-tiết gây nên. Lại nữa, tan học xong chúng có bát cơm ngon, canh nóng, và được ăn uống ngon lành. Nhiều khi chính ở nhà chúng, chúng không được ăn uống đầy-đủ, ngon lành như vậy. Kinh-nghiệm cho thấy rằng : chế-độ ngo-phạm-điểm đã giúp trẻ con, nhất là trẻ con nghèo có một sức-khỏe dồi-dào, sắc mặt tươi-nhuần.

Sự tổ chức ngo-phạm-điểm là như sau : đầu niên-học nhà trường triệu-tập đại-hội các bậc phụ-huynh học-sinh để nói rõ những điều lợi của một ngo-phạm-điểm. Đại-hội sẽ bầu một ban trị-sự trông coi việc ấy, Hiệu-trưởng trường sở-tại chỉ giữ chức cố-vấn mà thôi. Quỹ của ngo-phạm-điểm gồm có ba phần như sau : tiền trợ-cấp của thôn-xã sở-tại hoặc của quận sở-tại ; tiền trợ-cấp của các nhân-sĩ, các nhà tài trợ ;

vòng sau những buổi hát, diễn-kịch, đá bóng tròn v.v., tiền hộ-trợ của các bậc phụ-huynh học-sinh, tiền đóng sau mỗi bữa ăn trưa của những học-sinh các gia-đình giàu có (số tiền ấy rất hạ).

Các trẻ em quá nghèo thì được ban trị-sự cho phép ăn cơm khỏi trả tiền.

Thực-đơn của mỗi bữa ăn phải được bác-sĩ nhà trường chấp-thuận sau khi đã có sự sửa-chữa nhiều ít.

C. TRẠI NGHỈ HÈ

Ở nhiều đô-thị lớn, trẻ con vì gia-đình chúng nghèo đành phải ở những căn nhà chật-hẹp, thiếu hẳn vệ-sinh. Bởi thế, khi chúng đến trường thì chúng có sắc mặt xanh-xao, hình vóc tiêu-tuy, tinh-thần bạc-nhược. Ít hoặc nhiều, chúng đã bị nhiễm bệnh lao. Vậy các trại nghỉ hè rất cần để giúp chúng hồi-dưỡng lại sức khoẻ. Ở đây sự can-thiệp của bác-sĩ nhà trường rất cần. Bác-sĩ sẽ cho biết: những trẻ yếu-đuối cần được gửi đi nghỉ hè ở các miền đồng bằng, hoặc ở các bãi hồ; các trẻ nóng-nảy vì thần-kinh bị quá ư kích-thích cần được gửi lên các vùng núi non cao từ 700 thước đến 1,000 thước.

Các trẻ con ấy tụ tập lại thành đoàn ở một địa-diểm đã được lựa chọn dưới sự hướng-dẫn sáng suốt của một nam hay nữ giáo-viên và sống trong một bầu không-khí đại gia-đình. Ở các trại nghỉ hè này, trẻ con tha-hỗ bơi lội, tắm biển, phơi nắng, trèo non, quan-sát các cảnh vật, các thú cầm, các thảo-mộc, các loại sò ốc, cá tôm v.v... để mở rộng tâm hiên biết của chúng. Có khi chúng lại họp thành từng nhóm năm ba đứa đến ngụ trong một gia-đình ở địa-diểm đã được chọn lựa. Nhưng lối nghỉ hè này không có kết-quả bằng lối nghỉ hè tập-thể nói trên: người chủ gia-đình vừa kể không thể trông nom kỹ-lưỡng các trẻ được. Lại nữa, xa gia-đình và lại được tự-do hoạt-dộng chúng sẽ vấp phải những việc đáng tiếc! Nhiều khi chúng

lại tự thấy lẻ-lỗi buồn tẻ vì mỗi cá-nhân tự tìm lý-thú riêng rẽ của mình.

Các khoản chi-phí của trại nghỉ hè sẽ do gia-đình của mỗi trẻ đài-thọ, nhưng với một giá hết sức hạ. Ấy là hình-thức thông-thường nhất để chứng tỏ rằng : đây không phải là cuộc bố-thí và, như vậy, phẩm giá của gia-đình trẻ con khỏi bị tổn-thương mà quỹ của cơ-quan tổ-chức khỏi bị kiệt-quệ.

Có khi các khoản chi-phí ấy được quỹ các nhà trường có sự trợ giúp của nhà cầm-quyền đài-thọ.

Kết-quả các trại nghỉ hè dưới hình-thức tập-thể rất là mỹ-mãn : khi về nhà, trẻ con sẽ được da thịt hồng-hào, mặt mũi no tròn, màu da sạm nắng nhưng khỏe mạnh, ăn uống rất khỏe và đủ sức chịu đựng một năm học.

D. HỘI THỂ-THAO VÀ HOẠT-ĐỘNG THANH-NIÊN

1. Hội thể-thao. Ở mỗi trường, mỗi buổi sáng hoặc mỗi buổi chiều, tùy theo thời-tiết, đều có một buổi tập thể-thao từ 15 đến 20 phút tùy theo lớp nhỏ hay lớn. Ngoài các buổi học-tập bắt-buộc ấy, học-sinh các lớp Nhì, Nhứt và Tiếp-liên có thể tham gia vào các hội thể-thao do nhà trường tổ-chức như : hội bóng tròn, bóng-bàn bóng rổ v. v... nếu chúng thích các môn ấy. Hội thể-thao có mục-đích giúp trẻ con lối tập thể-thao của chúng để một ngày kia có thể trở thành một nghệ-sĩ về môn ấy. Đó là các lối tiêu-khiển thanh-cao rất có ích cho sức khỏe của chúng.

2. Hoạt-động thanh-niên

a. Mục-đích của hoạt-động thanh-niên. Môn hoạt-động thanh-niên là một môn giáo-khoa dạy cho các học-sinh cách sống tập-thể có tổ chức. Lối sống ấy sẽ giúp học-sinh sống đời sống của một thanh-niên sáng-suốt, có sức

dảm-dương những công việc hằng ngày và luôn dịp trau dồi những đức-tính cần-thiết. Đời sống tập thể ấy sẽ giúp trẻ con có óc sáng-kiến, óc tổ-chức. Nó phát-huy ở mỗi trẻ tinh-thần tương thân, tương trợ và nhất là tinh-thần phục-vụ quyền lợi chung của đoàn-thể.

Môn hoạt-động thanh-niên sẽ giúp trẻ con có một cơ thể lành mạnh, một sức khỏe dồi dào bằng cách tổ-chức các cuộc du-ng ngoạn ở các bãi biển, ở các danh lam thắng cảnh.

Về phương diện sư-phạm, nó là một phương-sách giáo-dục hoàn hảo ở chỗ trong lớp mọi công việc đều do toàn thể học-sinh phân ra thành nhiều đội đảm-nhiệm dưới sự hướng-dẫn trông nom của giáo-chức. Phương sách này giúp sức một cách đặc-lực lối giáo-dục hoạt-động (lối giáo-dục mới).

Vì các lý-do trên mà ngày hôm nay môn hoạt-động thanh-niên được đem vào chương-trình các trường sơ-tiểu.

b. Cách tổ-chức môn hoạt-động thanh-niên

Tổ-chức. Môn hoạt-động thanh-niên cũng gọi là «Công-tác Hiệu-đoàn». Về phương-diện tổ-chức, trước nhất phải có sự tổ-chức đại cương ở các lớp học. Công việc đầu tiên của tổ-chức là sự chia tỷ số của một lớp học ra làm nhiều đội, mỗi đội không quá 10 học sinh có lớn, có nhỏ. Làm đầu mỗi đội là *đội trưởng*, và *đội phó*. Làm đầu toàn lớp có *liên đội trưởng* là giáo viên trông coi lớp ấy và một *liên đội phó* là một học sinh của lớp học ấy. Làm đầu toàn trường thì có *Ban chấp-hành toàn trường* trong ấy có một *hiệu-đoàn-trưởng*, là một giáo viên trẻ tuổi hoặc là *Hiệu-trưởng*, một hiệu đoàn phó và các ban như : xã-hội, học-tập, tài-chánh, văn-ngệ, du-lịch v. v.,

Bầu cử. Sự lựa chọn các nhân-viên phụ-trách các phần sự nói trên đều căn-cứ vào sự bỏ thăm kín sau một buổi đại-hội.

Sự kết-nạp đoàn-viên. Lễ tuyên-thệ. Sau việc bầu cử là lễ kết nạp đoàn viên để quan-trọng-hóa công-tác của hiệu-đoàn. Trong buổi lễ này các đoàn-viên mỗi lớp và toàn thể các cấp đội sẽ cùng tuyên-thệ nguyện giữ danh-giá của Hiệu-đoàn, phục-vụ Hiệu-đoàn, tận-tâm và nêu cao danh-giá cùng tinh-thần gương mẫu của đoàn viên.

Hai lần trong mỗi năm, nhằm ngày nghỉ lễ Phục-sinh và nghỉ hè, sẽ có lễ-chức đại lễ tuyên-dương công trạng các đoàn viên và kích thích sự cố-gắng của mọi người.

Tên đội, tên liên-đội, tên hiệu-đoàn, Cấp-hiệu và phù-hiệu. Một đội, liên đội, hiệu đoàn đều có tên riêng. Đội-trưởng, đội-phó, liên đội-trưởng, ban chấp-hành hiệu đoàn đều đeo cấp-hiệu riêng trong những ngày đại lễ, ngày đại-hội hiệu-đoàn, các cuộc cắm-trại và du-ngoạn. Ngoài ra tất cả học-sinh trong trường đều nên mang phù-hiệu riêng.

Mỗi đội, liên-đội và hiệu-đoàn đều phải có cờ riêng mang tên mỗi đội, liên-đội và hiệu-đoàn.

Tinh-thần cần-thiết để thi-hành công-tác hiệu-đoàn. Mục-dịch của hiệu-đoàn, như trên đã nói, là tập trẻ con có tinh-thần tháo-vát, đảm đương công việc từ nhỏ đến lớn. Đức tính ấy sẽ giúp trẻ con không bỡ ngỡ khi bước chân vào trường đời. Vậy giáo-chức chỉ hướng dẫn một cách kín đáo trong mọi việc, nghĩa là để chúng làm tất cả mọi việc dưới sự chăm nom của giáo-chức. Nếu chúng thất-bại trong một công việc gì, giáo-chức phải tìm ra nguyên-nhân sự thất-bại ấy, chứ không nên thay thế chúng mà làm lại. Sự tận tâm hướng dẫn của giáo-chức sẽ giúp

chúng rèn-luyện cho cứng-rắn đức-tính lành-đạo sáng-suốt và khoa-học đề sau này đi đến một cao-vọng khác.

c. Công việc hoạt-động thanh-niên.

(Xem sách Hoạt-động thanh-niên đã được Bộ Quốc-gia Giáo-dục duyệt.y).

— *Chương trình hoạt-động thanh-niên* gồm có : hát và nhảy múa, thắt nút dây, trò chơi, đấu lối đi, kịch ngắn, làm bếp, cấp-cứu, truyền-tin, tìm phương-hướng, âm-nhạc, cắm-trại, cuộc du-ngoạn (Xem chương-trình tiểu-học hiện hành).

— *Thời-gian và cách dạy môn hoạt-động thanh-niên* : mỗi tuần nên có sự hội-hợp của mỗi đội hoặc liên-đội vào giờ hoạt-động thanh-niên. Trong các buổi họp ấy các em học chuyên-môn được chơi, hát với nhau. Trong những buổi họp này cần cho các đội làm việc theo lối thi-dua để thêm phần hăng-hái của các đội. Theo thời-khoá-nhiều hàng tuần về môn Hoạt-động-thanh-niên, giáo-chức có thể dạy âm-nhạc hoặc ca-hát và phần chuyên-môn xen lẫn nhau. Mỗi tháng phải có buổi hội-hợp đầy đủ theo chương-trình kiểu-mẫu dưới đây :

Hát chính thức (bài hát riêng do liên-đội chọn-lựa).

Liên-đội trưởng nói về một vấn-đề nâng cao tinh-thần đoàn-viên hay giảng một điều luật.

Hát hoặc làm tiếng reo.

Học chuyên môn (nút dây, cứu thương, làm bếp).

Trò chơi.

Học hát hoặc kể chuyện.

Liên-đội-trưởng dẫn-dò các công-việc.

Cuộc du-ngoạn và cắm-trại.

Các cuộc du-ngoạn giúp trẻ con có dịp quan-sát những cảnh đẹp, núi sông, cây lá, chim-muông, gió mây,

những công-tình nhân-tạo (đường sá, cầu cống, nhà cửa, chợ phố v.v...)

Trước khi khởi-hành, trẻ con được dạy dỗ kỹ-lưỡng về sự quan-sát các địa-diểm, các cảnh-vật v.v... để cho cuộc du-ngoạn có tính-cách bổ-ích đối với chúng.

Trong những ngày nghỉ, giáo-chức đưa trẻ con đến cắm trại gần một núi cao, trên bờ biển hoặc giữa cánh đồng để tầm con mắt chúng được mở rộng, trí tuệ chúng được kích-thích. Trong các buổi cắm-trại này, trẻ con sẽ tiếp xúc với cảnh thiên-nhiên, sẽ tập yêu tạo-vật và luôn đẩy, tập làm mọi việc một cách nhanh-nhẹn, khôn-ngoa. Nhân cơ-hội này, giáo-chức sẽ sống gần trẻ con và sẽ hiểu chúng nhiều hơn.

Khi sắp đi cắm trại, giáo-chức phải chuẩn-bị các việc sau đây :

Chuẩn-bị : Xin phép ông Thanh-tra, ông Hiệu-trưởng, nhà Hành-chánh địa-phương ; sắp-đặt đầy-đủ hộp cứu-thương, các thức-ăn cần-thiết, đề ý đến sức-khỏe của học-sinh, lựa chỗ cắm trại cho hợp vệ-sinh (có đủ nước uống được, có chỗ trú mưa to) đề-phòng tai-nạn bằng cách kiểm-soát sự đi đứng của các đội-viên một cách chặt-chẽ.

Lúc cắm trại : Có lều thì cắm chỗ khuất gió và khô ráo. Tránh cắm trại trên đỉnh núi vì có nhiều gió và tránh chân núi vì bị ẩm-thấp. Cho trẻ con ăn no, ngủ ngon, chơi nhiều. Cần phải tạo một hồ vệ-sinh. Nếu cắm trại gần xóm làng thì tránh sự làm phiền lòng dân chúng vì trẻ con hay khuấy-phá vườn-tược, cây trái của họ. Về khoản này cần có sự dặn-dò kỹ-lưỡng trước ngày đi.

Lúc về : Kiểm-diểm sự hiện-diện tất cả trẻ con. Thanh-toán một cách ổn-thỏa với dân chúng địa-phương nếu có xích-mịch giữa trẻ con và đồng bào ấy. Lấp các hố vệ-sinh và quét dọn sạch-sẽ nơi cắm trại trước khi ra về,

d. Sự áp-dụng cách tổ-chức thanh-niên vào các môn học khác. Trong các công việc làm tại lớp, giáo-chức cần chia chương-trình hoạt-động về mỗi môn ra mấy công-tác sau đây : trật-tự, vệ-sinh, kỷ-luật, lễ-phép, rồi giao mỗi công-tác cho mỗi đội.

Liên-đội phó có trách-nhiệm đơn-độc và nhắc-nhở các công-việc cho các đội-trưởng. Đội phó hướng-dẫn các đội-viên của đội mình trong sự thi-hành công-tác của đội.

• Đến giờ dạy toán-học, giáo-chức áp-dụng phương-sách La Martininère. Giáo-chức ra lệnh cho các đội trong lớp tự kiểm-soát lấy đội mình sau khi đã nêu lên kiểu-mẫu câu trả lời đúng. Giáo-chức chỉ cần đợi các đội-trưởng báo-cáo tên các đội-viên làm sai, viết sai là đủ.

Về vấn-đề học-tập (làm bài, học bài thuộc một môn nào hoặc diềm-danh mỗi buổi sáng và chiều) thì giáo-chức cũng áp-dụng lối làm việc tập-thể ấy và đặt tín-nhiệm ở các đội-trưởng và đội-phó.

e. KẾT-luận. Nói tóm lại, môn Hoạt-động thanh-niên ngày hôm nay được coi là quan-trọng ; nó là sự tổng-hợp về ba phương-diện : trí-dục, đức-dục và thể-dục. Nó còn là một phương-pháp rèn-luyện ý-chí của người thanh-niên : quả-cảm, sáng-suốt, đầy-dủ tinh-thần hy-sinh và ái-quốc.

E. THƠ-VIỆN NHÀ TRƯỜNG

Nhà trường cần có hai loại thơ-viện như sau : Thơ-viện giáo-sư và thơ-viện học-sinh.

1. Thơ-viện giáo-sư. Thơ-viện này gồm có các sách giúp sự tham-khảo các tài-liệu cần-thiết cho giáo-sư về các môn dạy. Loại sách này chính nhà trường phải xuất quỹ

của nhà trường dễ mua. Loại sách này cần được đầy-dủ để giúp sự soạn bài của các giáo-sư.

Thư-viện giáo-sư được đặt dưới sự chăm-nom của nhóm nhân-viên Văn-phòng nhà trường.

2. Thư-viện học-sinh. Thư-viện gồm tất cả các loại sách giáo-khoa, các loại sách đọc lành-mạnh giúp học-sinh tự bổ-túc sự hiểu biết của mình. Các loại sách này, một phần được nhà trường xuất tiền ra mua, một phần được các bậc phụ-huynh, các giáo-sư và các nhà tài măt biếu, hoặc do các cơ-quan chánh-quyền gửi tặng.

Thư-viện này cũng được đặt dưới sự chăm-nom của Văn-phòng nhà trường. Ở nhiều nơi, học-sinh các lớp lớn của nhà trường được cắt phiên nhau trông coi sự cho mượn các loại sách ấy trong những giờ chơi, giờ nghỉ.

F. HỌC XƯỞNG

Tức là xưởng-trại, dựng lên trong chu-vi nhà trường. Đến giờ thủ-công, trẻ con sẽ được giáo-chức dắt xuống đó tập làm những công việc bằng tay như : làm những vật-dụng nhỏ bằng gỗ, bằng kim-khí, đan các vật-dụng bằng tre, bằng mây, nặn các hình tượng nhỏ, các vật-dụng nhỏ bằng đất sét v. v. .

Mỗi trẻ con phải có một bàn, một chỗ làm việc riêng biệt để chúng tập làm riêng các công việc ấy cho quen tay.

Về nữ học-sinh thì có một phòng riêng trong đó có đủ bàn may máy, và các dụng-cụ về nữ-công. Ngoài ra lại có một phòng trú lớn, rộng để cho nữ sinh tập nấu ăn : một phòng để chúng học giặt-ủi quần-áo v. v. .

G. HỌC-ĐƯỜNG VIÊN

Tức là khu vườn riêng của nhà trường trong ấy có phần dành riêng cho nam học-sinh và phần dành riêng cho nữ học-sinh.

1. Phần dành riêng cho nam học-sinh. Trong khoảng đất này, nam học-sinh áp-dụng những điều học-hỏi thiết-thực về cách phân-chất đất, cách bón phân, xới cây, cách trồng rau, trồng cây ăn trái, trồng lúa, khoai, ngô v.v... Chúng cũng học cách chăn nuôi cá, bò, trâu ngựa v.v...

2. Phần dành riêng cho nữ học-sinh. Trong khoảng đất này, nữ học-sinh học trồng các thứ hoa, cách nuôi các thú-vật nhà thuộc loại nhỏ như gà, vịt, thỏ.

Hiện nay ở nhiều tỉnh của Việt-Nam Cộng-Hòa, chính-quyền đã mở những trường cộng-đồng dẫn-đạo và đã mở hai khóa huấn-luyện giáo-viên canh-nông. Những học-đường viên này sẽ do giáo-chức chuyên-môn ấy phụ-trách.

H. HỌC-ĐƯỜNG HỢP-TÁC-XÃ

1. Mục-đích. Học-đường hợp-tác-xã có mục-đích qui-tụ các cá-nhân có thiện-chí chung-quanh nhà trường để làm những việc mà chính-phủ và thôn-xã không thể chăm nom được một cách thường-xuyên và cấp-tốc hữu-liệu là : sự giữ-gìn và tu-lô trường-đức, sự mua sắm và tu-bồ các học-cụ ngày một trở nên cần-thiết cho sự giáo-dục hoạt động theo lối mới. Sự tổ-chức học-đường hợp-tác-xã căn-cứ vào sự tin-nhiệm ở tính-chất báo-thiện của trẻ con, ở sự tin-tưởng ở hiệu-năng của sự tự-do, ở sự kêu gọi đến sáng-kiến của mọi người.

2. Những hội-viên của Học-đường hợp-tác-xã. Đầu hết là các học-sinh các lớp sơ-tiêu, hội-viên hoạt-động. Thứ đến các bậc phụ-huynh, các nhà tài trợ địa-phương. Hội-viên tán-trợ. Nếu là hợp-tác-xã dành riêng cho một lớp thì giáo-chức trông coi lớp có thể là hội-trưởng hoặc là hội-viên tán-trợ. Nếu là hợp-tác-xã chung

cho toàn trường thì vị Hiệu-trưởng có thể là hội-trưởng hoặc là hội-viên tân-trợ. Nếu giáo-chức hoặc Hiệu-trưởng không đảm-nhận các phận-sự trên thì ít ra hai công-chức ấy phải mặc-nhiên có quyền dự các buổi hội họp của hai loại hợp-tác-xã ấy.

3. Điều-lệ và nguyệt-liễm. Điều lệ của Học-đường hợp-tác-xã lẽ dĩ-nhiên phải được giáo-chức hoặc Hiệu-trưởng trường sở-tại thảo ra. Các học-sinh gia-nhập vào hợp-tác-xã nói trên phải được xem bản điều-lệ ấy và chấp-thuận. Chính chúng đã tự ấn-dịnh số tiền nguyệt-liễm mà mỗi hội-viên phải nộp mỗi tháng.

4. Những khoản thu của học-đường hợp-tác-xã.
Các khoản-thu của học-đường hợp-tác-xã là :

- a. Tiền nguyệt-liễm do các hội-viên hoạt-dộng nộp.
- b. Tiền thu trong các cuộc hát, các cuộc đá bóng-tròn, các buổi chiếu bóng, các cuộc xổ-số.
- c. Tiền trợ-giúp của các nhà hảo-tâm.
- d. Tiền bán gà, vịt, lợn, thỏ v.v... do hợp-tác-xã nuôi.
- e. Tiền bán các loại giấy-khát, các tập giấy, bút chì bút mực, giấy rời trong cửa hàng con của hợp-tác-xã lập tại nhà trường.

5. Những khoản chi của học-đường hợp-tác-xã.
Các khoản ấy là :

- a. Mua thêm sách vở, báo chí, tập-sau cho thư-viện học-sinh.
- b. Mua sắm thêm những học-cụ cần-thiết cho học-cụ khổ của nhà trường (tranh-ảnh, dư-dồ, dụng-cụ vẽ đo-lường, máy hát nói, máy chiếu bóng đứng, máy phát thanh, máy chiếu bóng), các thứ hạt giống phân bón và

các nông-cụ cho học-viện, tu-bồ bàn-ghế, tủ-kệ của nhà trường, sơn-phết trường-ốc, xây-cất và sơn-phết nhà vệ-sinh, trợ-cấp tủ-thuộc nhà trường, ngộ-phạm điểm, mua một phần các phần-thường cho lễ tất-niên, đãi-thọ khoản chi-phí các buổi lễ, các cuộc du-ngoạn, các cuộc nghỉ hè.

6. Phạm-sự của một hội-viện. Mỗi hội-viện chẳng những có bổn-phận phải đóng nguyệt-liễm một cách đầy-dủ mà còn phải tham-gia vào các công việc như sau : tu-bồ và trang-trì các phòng học, giữ sổ-sách của hợp-tác-xã và của thư-viện, giữ-gìn đồ-túc học-cụ khổ và học-đường-viên, chuẩn-bị các cuộc thí-nghiệm của môn Khoa-học thường-thức (mua các vật cần-thiết cho bài dạy), trông nòm, săn-sóc những cuộc thí-nghiệm trường-kỳ (gieo hạt trong lọ đất), nuôi nông-nọc (cá nhái), nuôi sâu bọ, nuôi tằm v.v..., tổ-chức các cuộc lễ, các cuộc du-ngoạn.

7. Kết-luận. Nói tóm lại, nhờ sự hoạt-dộng của Học-đường hợp-tác-xã mà trường-ốc luôn luôn được gìn-giữ sạch-sẽ, đẹp-đẽ, đầy đủ dụng-cụ về mọi mặt. Những hoạt-dộng của hợp-tác-xã giúp trẻ con trực-tiếp tham-dự vào công-cuộc giáo-huấn của nhà trường và làm cho chúng rất thích-thú. Chúng sẽ hãnh-diện mà nói rằng : nhà trường là của chúng.

Lại nữa, nhờ hoạt-dộng về nhiều mặt mà trẻ con được chuẩn-bị về đời sống thực-tế. Học-đường hợp-tác-xã là một dân-chủ cộng-hòa thu-hình trong ấy trẻ con tập sống đời sống công-dân và đời sống xã-hội.

I. HỘI PHỤ-HUYNH HỌC SINH

1. Mục-đích. Hội phụ-huynh học-sinh được lập ra với các mục-đích sau đây :

a. Giúp nhà trường làm tròn sứ-mạng giáo-hóa các thế-hệ thanh-thiếu-niên bằng cách thông-cảm đường lối giáo-dục của nhà trường và giúp nhà trường thực-hành chương-trình học-khóa một cách hữu-hiệu.

b. Làm cho nhà trường biết rõ tình-trạng của toàn-thể học-sinh về phương-diện sức-khỏe, tri-tuệ và tinh-tinh.

c. Cho ý-kiến về chương-trình học-khóa và thời-dụng biên-riêng cho mỗi lớp.

b. Tham-gia các công-cuộc bồ-túc nhà trường có ích-lợi cho các trẻ con học-sinh.

2. Sự cần-thiết của Hội Phụ-huynh học-sinh.
Hội phụ-huynh học-sinh là một hậu-thuần cần-thiết của nhà trường về phương-diện vật-chất cũng như tinh-thần,

3. Kết-luận. Không có Hội phụ-huynh học-sinh, nhà trường sẽ làm công-việc «dã-tràng xe cát» vì lẽ nhà trường xướng mà không ai họa lại. Như vậy nhà trường sẽ gặp không biết bao trở-ngại bởi sự không hiểu nhau giữa nhà trường và các gia-đình.

II. HỘI BẢO-TRỢ HỌC-SINH

1. Mục-dích. Hội bảo-trợ học-sinh có mục-dích nâng-dỡ các trẻ con học-sinh ngoài những giờ học trong khi cha mẹ chúng mắc tay ở các xưởng, các hãng. Trong thời-gian ấy, Hội tự đảm-nhận săn-sóc trẻ con về sự học-hành, về sự tổ-chức các cuộc chơi hữu-ích khiến trẻ con không thể đi lang-thang ngoài đường và tránh được những ảnh-hưởng xấu-xa và những tai-nạn xe-cộ.

2. Thành-phần của Hội bảo-trợ học-sinh.
Thành phần của Hội bảo-trợ học-sinh gồm những nhà từ-thiện, những thân-hào của các khu-phố thật tình thàn.

yêu trẻ con. Họ là những người bạn quý của nhà trường.

Hội này được tổ-chức do ý-kiến của nhà trường đưa ra.

8. Kết-luận. Hội bảo-trợ học-sinh có một công-dụng xã-hội rất lớn. Đối với nhà trường nó tiếp tay với nhà trường trong sự chăm nom trẻ con ngoài giờ học để cho sự làm bài, học bài được chu-đáo, sự chơi giỡn của trẻ được hợp-lý và không nguy-hiêm. Đối với cha mẹ học-sinh phần nhiều thuộc giới lao-dộng đó là một sự giúp-đỡ hết sức lớn-lao. Cha mẹ học-sinh sẽ an-tâm mà làm việc ở các xưởng, các hãng khỏi phải nơm-nớp lo sợ con mình ở nhà không ai trông nom.

Nha-Thác-nhi (Garderie d'enfants) hiện nay có một hình-thức tương-trợ như Hội bảo-trợ học-sinh. Nhưng nó chỉ áp-dụng cho những hài-nhi chưa đến tuổi đi học mà thôi.

III. NHỮNG CÔNG-CUỘC GIÚP-ÍCH TRẺ CON SAU KHI CHÚNG THỜI HỌC

Công-cuộc ấy là : Hội cựu học-sinh.

Hội cựu học-sinh.

1. Mục-đích. Mục-đích của Hội cựu học-sinh là :

a. Làm sống lại mối tình đồng-song xưa giữa những người cùng một thế-hệ.

b. Tương-trợ lẫn nhau về phương-diện tinh-thần lẫn vật-chất.

c. Tạo một bầu-thuần hùng-bậu để bảo-vệ danh-nghĩa của nhà trường và giúp nhà trường ngày một phát-đạt hầu làm sống mãi danh-dự chung.

● 2. Thành phần của Hội cựu học-sinh. Thành phần

Hội cựu học-sinh gồm những thể-hệ học-sinh đã thụ-giáo tại nhà trường từ khi nhà trường mới được dựng lên cho đến ngày nay. Những thể-hệ ấy gồm đủ hạng người và đủ hạng tuổi, chiếm những địa-vị từ thấp lên cao trong xã-hội.

3. Điều-lệ và cách tổ-chức.

a. *Điều-lệ* : Dự-án điều-lệ đã được một ít cựu học-sinh có tuổi-tác và có kinh-nghiệm đứng ra soạn-thảo và trình lên đại-hội-dồng duyệt-y. Sau đó điều-lệ ấy phải trình lên chánh phủ chấp-thuận.

b. *Tổ chức* : Sau khi điều lệ của Hội được chính-phủ công-nhận rồi thì ban trị-sự lâm-thời sẽ triệu-tập đại-hội lần thứ nhì để công-cử ban trị-sự thiết-thọ đúng theo sự tổ-chức đã được ấn-định trong điều-lệ theo lối bỏ phiếu-kín.

Ngoài nhân-viên ban trị-sự ra, tất cả đều là hội-viên. Có ba loại hội-viên : hội-viên tán-trợ, hội-viên sáng-lập và hoạt-dộng hội-viên.

c. *Quỹ của hội* : Quỹ của hội gồm có hai khoản, thu và chi.

Khoản thu gồm có : Tiền nguyệt-liễm, tiền ủng-hộ của các nhà từ-thiện, các nhà tai-mất trong vùng, tiền vô cửa trong các buổi hát, buổi chiếu bóng, các buổi đá bóng-tròn.

Khoản chi gồm có : Tiền chi-phí về văn-phòng của hội, chi-phí về các đại-hội, tiền trợ-giúp các hội-viên bị tai-nạn, cấp học-bổng cho các học-sinh nghèo hiếu-học của trường.

4. Sự hữu-ích của Hội cựu học-sinh. Hội cựu học-sinh của nhà trường là một điểm-tựa cần-thiết cho các thể-hệ học-sinh đã chung-sống dưới mái nhà trường

về phương diện tinh-thần lẫn vật-chất. Không có Hội cựu học-sinh ấy, các thế-hệ thanh-niên, sau khi rời ghế nhà trường sẽ tự nhận thấy bơ-vơ, không nơi nương tựa, mặc tình cho sóng gió của trường-dời đưa đẩy !

5. Kết-luận. Nói tóm lại Hội cựu học-sinh đối với nhà trường cũng như toàn thể lá cây của một cỏ thụ. Nếu không có nhựa sống để giữ các lá cây ấy lại trên cành thì cỏ-thụ kia sẽ bị trơ-trọi, khô-héo dần rồi đổ ngã mất. Trái lại nếu Hội cựu học-sinh được thành-lập thì nhà trường sẽ được ủng-hộ một cách đường-hoàng và sẽ sung-túc mãi như cỏ-thụ kia trên các cành đều đầy hoa lá.

IV. CÁC CÔNG CUỘC CÓ TÍNH-CÁCH XÃ-HỘI VÀ GIẢN-TIỆP GIÚP ÍCH CÁC CỰU HỌC-SINH.

Các tổ-chức ấy là như sau : Lớp học tối, những buổi diễn-thuyết công-cộng, những buổi đọc sách bình-dân, thơ-viện lưu-dộng.

A. LỚP HỌC TỐI

1. Định-nghĩa. Tức là lớp học dành cho những người lớn tuổi, phần nhiều thuộc hạng lao-dộng. Các lớp này được mở vào buổi tối, từ 8 đến 10 giờ, cho những người mắc làm-lụng không hở tay ở các sở, các xưởng.

2. Mục-đích. Lớp học tối giúp hạng người nói trên học hỏi thêm để cải-thiện nghề-nghiệp mình. Vậy các lớp học tối không phải có một chương-trình tổng-quát của các lớp sơ-liên. Nó chỉ gồm những môn có ích một cách thiết-thực cho hạng người nói trên. Hạng người này không đủ thì giờ để học hết các môn, và đi sâu vào chi-tiết.

3. Sự hữu-ích của lớp học tối. Hạng lao-động, vì tình-cảnh gia-đình, đã bị thất-học ngay từ buổi thiếu-thời. Lớn lên họ phải vào xưởng, vào trại, để tìm kế sinh-nhai và không có thì giờ để tự học nữa. Lớp học tối sẽ giúp họ, trong vài tiếng đồng hồ, thu-thái những tri-thức cần-thiết cho sự hành-nghề của họ.

4. Kết-luận. Nói tóm lại, lớp học tối rất có ích cho giới lao-động. Nhưng cần đề ý đến điều này : sau khi đã làm việc cực-nhọc suốt ngày và tối lại có can-đảm đến học lớp học tối thì thật là một cố-gắng quá lớn. Vậy giáo-chức lớp học này không nên làm họ chán-nản mà trái lại làm họ thích-thú bằng cách soạn bài thiết-thực, có ích-lợi rõ-rệt cho nghề-nghiệp của họ.

B. NHỮNG BUỔI DIỄN-THUYẾT CÔNG-CỘNG

1. Mục-dịch. Những buổi diễn-thuyết công-cộng có mục-dịch giúp thính-giả phần nhiều thuộc giới lao-động, các cựu học-sinh và nhân-dân trong vùng học hỏi thêm những điều cần-thiết, hữu-ích, những ý-kiến hay, đúng luân-lý, và phát-triển tinh-thần dân-chủ ở mọi người.

Giảng-viên thường là giáo-chức của trường sở tại. Các cuộc diễn-thuyết ấy được tổ-chức ngay trong giảng-đường của nhà trường, hay trong một công-thự nào to rộng của địa-phương, mỗi tháng hai hay ba lần để thay thế các buổi học-hỏi.

2. Đề-tài các cuộc diễn-thuyết. Đề-tài các cuộc diễn-thuyết ấy thuộc về loại văn-chương bình-dân, về môn Sử-địa hay về Khoa-học thực-hành. Các đề-tài không cần theo một thứ-tự nào.

Các đề-tài khác thuộc về các khoa như : Y-tế, Bảo-chế, Canh-nông, Kỹ-nghệ, Thương-mại, Bưu-điện, v.v...có thể

được đem ra trình-bày do các nhân-viên các ngành chuyên-môn ấy.

3. Công-hiệu của các cuộc diễn-thuyết công-cộng. Nếu các đề-tài được chọn-lựa khéo thì các buổi diễn-thuyết ấy sẽ hấp-dẫn được một số đông thính-giả và dần-dần tập cho họ thích nghe, thích học-hỏi đề sau khi đó họ đến học lớp tối cho nhiều.

4. Kết-luận. Nói tóm lại, những buổi diễn-thuyết công-cộng là lối giáo-dục quần-chúng thông-dụng nhất từ xưa đến nay. Nó giúp một số lớn người dân thất-học có dịp bổ-túc những chỗ thiếu sót của mình về tri-thức. Các cuộc diễn-thuyết ấy cần được khuyến-khích luôn.

C. NHỮNG BUỔI ĐỌC SÁCH BÌNH-DÂN

1. Mục-đích. Các buổi đọc sách bình-dân có một mục-đích tương-tự như mục-đích các buổi diễn-thuyết : giáo-dục đại-chúng, giúp đại-chúng biết thưởng-thức một bài thơ hay, một trang văn-chương tuyệt-tác, một vở tuồng tuyệt-mỹ.

2. Cách tổ-chức một buổi đọc sách bình-dân. Buổi đọc sách này sẽ được tổ-chức trong một nơi công-cộng rộng lớn. Bài thơ, bài văn, vở tuồng được đọc lên với một giọng trầm, bổng, mau, chậm, thích-ứng. Nếu là một bài văn với hình-thức vấn-đáp thì giáo-chức sẽ cậy nhiều cụ học-sinh lên sân khấu, đóng các vai trong bài phụ-lực với vai chính là giáo-chức. Sân-khấu rất đơn-giản và chỉ gồm những chiếc sập (bệ) kê khít lại và trên ấy có để một cái bàn. Không cần gì phải màn, trướng, tranh, ảnh. Tri-tưởng-tượng của thính-giả toàn là người lớn sẽ có biện-phận bổ-túc những chỗ thiếu sót ấy.

3. Các đề-tài. Đề-tài các buổi đọc sách công-cộng này đều rút trong những tác-phẩm của các thi-bá, các đại văn-hào của nước nhà. Các đề-tài ấy phải lựa-chọn cách nào để cảm-xúc một cách lành-mạnh, cao-khiết, tâm-hồn thính-giã.

4. Sự ích-lợi của các buổi đọc-sách bình-dân. Các buổi đọc-sách bình-dân là những lối tiêu-khiển lành-mạnh, thanh-cao nhất và được đại-chúng thưởng-thức nhất. Nó có phần dễ tổ-chức hơn là các cuộc diễn-thuyết công-cộng vì không đòi hỏi một sự sửa-soạn quá ư tỉ-mỉ, công-phu.

5. Kết-luận. Buổi đọc-sách bình-dân là một trong các lối giáo-dục đại-chúng rất có công-hiệu, và cần được khuyến-kích. Các văn-sĩ, nghệ-sĩ, luật-sư có thể cùng tham-dự và giúp sức với giáo-chức để đứng ra thay-thế nhà trường tổ-chức các cuộc ấy.

D. THƯ-VIỆN LƯU-ĐỘNG

1. Mục-đích. Thư-viện lưu-động được lập lên để giúp dân-chúng ở nhiều khu trong châu-thành, nhiều làng trong thôn-quê trong số ấy có các cụ học-sinh của nhà trường, thích xem sách, thích học-hỏi thêm bằng cách đọc ngầm. Thư-viện sở dĩ phải lưu-động là để cho dân-chúng đọc-giã luôn luôn có sách mới để đọc, và công-quỹ của nhà trường khỏi phải xuất ra nhiều, để mua các sách mới, một khi các sách hiện có đã được công-chúng đọc hết.

2. Cách tổ-chức. Thư-viện lưu-động của nhà trường. (A) sau khi dừng bước lại ở một làng xã nào trong một thời-hạn mấy tuần-nhật thì lại được di-chuyển qua làng kế-cận. Tiếp theo đó là thư-viện của nhà trường (B) đến với một lô sách của nhà trường (B) và v.v.,

Người ta có thể chia các quyển sách của nhà trường (A) ra làm nhiều lô : A.B.C.D v.v... rồi phát các lô ấy đi các khu, các làng lân-cận, và sau một thời gian lâu hay mau các lô sách ấy sẽ tuần-tự được thay thế trong các khu, các làng vừa kể.

3. **Kết-luận.** Thư-viện lưu-động là hậu-quả của các cuộc diễn-thuyết công-cộng và đọc sách bình-dân. Nó sẽ được đại-chúng qui-trọng một khi mà mọi người thích đọc sách, thích học một mình.



CHƯƠNG XII

NHÀ GIÁO - DỤC

NHÀ GIÁO-DỤC

I. GIÁO-CHỨC

A. NHỮNG ĐIỀU-KIỆN CẦN-THIỆT CHO "QUYỀN-LỰC (AUTORITÉ) HAY LÀ UY-QUYỀN CỦA GIÁO-CHỨC

Nghề giáo-dục là nghề rất quan-trọng vừa đối với quốc-gia vừa đối với thế-hệ thanh-thiếu-niên và toàn-thể quốc dân đồng-hào. Bởi thế, giáo-chức phải đủ uy-quyền để hướng-dẫn trẻ con một cách hữu-hiệu.

Uy-quyền ấy phải căn-cứ vào những điều-kiện cần-thiết sau đây :

1. Công-văn chứng-nhận sự ủy-thác của quốc-gia cho giáo-chức quyền giáo-huấn trẻ con ở một nơi nào. Công-văn ấy là sự-vụ-lệnh của chánh-phủ tuyên-bổ giáo-chức.

2. Cấp-bằng chứng-minh khả-năng sư-phạm của giáo-chức để đảm-nhiệm công việc nói trên.

3. Các đứơc-tính cần-thiết cho nghề giáo-dục : Các đứơc-tính ấy có thể được liệt vào hai loại :

a. Về phương-diện hữu-hình : Nếu giáo-chức có một hình-dáng đều-dặn, cao-lớn, nét mặt vui-tươi, giọng nói

thanh-tao và rõ-ràng, một tâm con mắt sâu-xa, am-hiếu, những cử-dộng khoan-thai, dịu-dàng thì uy-quyền của giáo-chức được gia-tăng một cách dễ-dàng.

Tuy-nhiên đó không phải là những điều-kiện tối-cần là vì có những giáo-chức không đủ tất cả các điều-kiện ấy thể mà rất có uy-quyền đối với học-sinh.

b. Về phương-diện tinh-thần. Đây mới là những điều kiện tối-cần — Nó gồm các đức-tính sau đây :

— *Lòng thương-yêu trẻ con.* Có thương-yêu trẻ con giáo-chức mới tận-tâm dạy-dỗ chúng, chịu cực-khổ để hướng-dẫn chúng, hy-sinh sức-khỏe, hạnh-phúc cá-nhân vì chúng. Đối lại, học-sinh sẽ cảm-dộng và nhìn thấy sự hy-sinh vì chúng của giáo-chức, sẽ thương-mến giáo-chức và sẵn-lòng tuân mệnh-lệnh của giáo-chức. Uy-quyền của giáo-chức nhờ thế mà tăng lên.

— *Tinh cương-quyết.* Thương-yêu trẻ con là một việc, mà cương-quyết lại là một việc khác. Đối với những trẻ có xu-hướng làm quấy, giáo-chức phải cương-quyết chặn đứng chúng lại để chúng khỏi sa-ngã. Phần đông trẻ con hiếu-học, thích làm việc trong trật-tự. Sự cương quyết của giáo-chức rất cần để bảo-vệ trật-tự trong lớp và được hạng trẻ này hoan-nginh.

Giáo-chức cương-quyết rất ít nói, nhưng lễ nói phạt hay thưởng thì sẽ thi-hành đúng theo lời hứa.

— *Tinh ôn-hòa, trầm-tĩnh, nhã-nhận, thiệp-thế.* Giáo-chức phải ôn-hòa, trầm-tĩnh trong những công việc thưởng phạt để tránh những điều thái-quá hoặc bất-cập.

Giáo-chức phải nhã-nhận, thiệp-thế để tránh sự chạm lòng tự-ái của trẻ con và gia-đình chúng một cách vô-lịch.

— *Tinh công-bình.* Trong những việc thưởng hay phạt, giáo-chức phải tỏ ra rất công-bình, không tư-vị ai. Điều

mà học-sinh khó chịu nhất là sự bất-công, tính thiên-vị của giáo-chức. Tính công-bình làm tăng uy-quyền của giáo-chức.

Lương-tâm chức-nghiệp, hay là lương-tâm nhà-ngề :
Tức là tính cần-mẫn công việc. Lúc nào giáo-chức cũng nghĩ đến sự làm tròn nhiệm-vụ, dù bề trên có dõm-ngó đến công việc của mình hay là không cũng thế. Ấy cũng là tính chân-thành, không tự dối mình và dối người. Lương-tâm chức-nghiệp bắt-buộc giáo-chức phải đi đúng giờ, soạn bài, sửa bài kỹ-lưỡng và cuối năm phải dạy hết chương-trình.

Sống một đời sống trong-sạch. Đời sống hàng ngày của giáo-chức phải trong-sạch nghĩa là không có chỗ gì chê-trách được. Có như thế thì học-sinh và cha mẹ chúng mới kính-nể giáo-chức và uy-tin của giáo-chức mới toàn vẹn.

Giáo-chức phải là gương-mẫu thường-trực của học-sinh. Từ cách đi, cách đứng, cách nói, cách ngồi và cách trang-phục, giáo-chức phải tỏ ra là người đường-hoàng để trẻ con bắt-chước, vì ngày ngày chúng vẫn tiếp-xúc với giáo-chức và ảnh-hưởng của giáo-chức đối với chúng, rất là sâu-xa. Tại trường, nơi tư-thất, ngoài đường hoặc bất-cứ ở một nơi nào, giáo-chức đều bị muôn ngàn con mắt dò-mò dõm-ngó ; trong số đó hẳn có con mắt của các học-sinh giáo-chức.

B. GIÁO-CHỨC CẦN PHẢI HỌC-HỎI THÊM KHÔNG ?

Xin trả-lời rằng : có. Sự tự học-hỏi thêm rất cần cho giáo-chức, vì các lẽ sau đây :

1. Giáo-chức cần học-hỏi thêm để cải-thiện nghề mình bởi vì khoa-học ngày một tiến-bộ thì các phương-sách giáo-dục cũng do đó mà thay đổi. Nếu không có sự tùy-thời canh-tân ấy thì lối dạy của giáo-chức sẽ bị coi là lỗi-thời và sẽ có hại cho sự giáo-hóa trẻ con.

2. Giáo-chức cần học-hỏi thêm để phát-triển đúng mức môn học sở-trường của mình, hẳn chiếm một địa-vị xứng đáng trong xã-hội. Lối học của giáo-chức ở trường Sư-phạm là lối học tổng-quát, cần thiết cho sự hành-nghề của giáo-chức. Ngoài ra giáo-chức còn có khả-năng đặc-biệt về một vài môn nào trong chương-trình. Môn ấy cần được học-hỏi thêm một cách rộng-rãi chu đáo và sẽ là môn sở trường của giáo-chức. Nó sẽ ấn-định giá-trị của giáo-chức trong giáo-giới và trong xã hội.

3. Giáo-chức cần học-hỏi thêm để có một kiến-thức rộng hẳn giải-quyết dễ-dàng những bài toán bất-ngờ đưa đến cho giáo-chức trong khi dạy học (thí dụ : những câu hỏi khó do học-sinh nêu lên).

4. Giáo-chức cần học-hỏi thêm để giúp-ích đồng-bào vùng quanh nhà trường là vì giáo-chức lâu ngày sẽ được dân-chúng coi là vị cố-vấn của hương-thôn và khi hữu-sự đồng-bào thường đến hỏi ý-kiến giáo-chức. Ấy là những việc làm tăng uy-tin của giáo-chức đối với mọi người.

C. SỰ TIẾP XÚC VỚI ĐỜI

Khi được bỏ đến dạy học ở một nơi nào, giáo-chức dần-dần phải tiếp-xúc với dân-chúng vùng ấy. Trong sự tiếp-xúc, giáo-chức phải tỏ ra lịch-thiệp, nhã-nhận để được dân-chúng trong vùng ủng-hộ, giúp-đỡ. Tuy nhiên, trong sự giao-thiệp ấy giáo-chức lúc nào cũng biết tự-trọng giữ phẩm-giá mình. Nói một cách khác, giáo-chức phải biết chọn người đức-hành, lớn, uy-tin nhiều trong vùng mà giao-thiệp. Được như vậy thì sự giao-hảo mới có ích. Bằng không nó chỉ làm hại danh-giá của giáo-chức mà thôi. Giáo-chức cần tham-dự các cuộc tế-lễ cộng-động, các cuộc quan, hôn, tang, tế của các gia-đình học-sinh để khỏi mang tiếng là : người lập-dị, khinh người.

D. KẾT-LUẬN

Nói tóm lại, để làm tròn sứ-mạng cao-cả của mình giáo-chức phải có nhiều đức-tính tốt, sống một đời sống trong-sạch có một học-thức rộng và ngày ngày vẫn học thêm để tự tiến. Có như thế giáo-chức mới có một ảnh-hưởng lâu dài đối với cái thế-hệ thanh-niên và gia-đình chúng trong một địa-phương. Có như thế giáo-chức mới xứng-đáng là nhà mô-phạm, được dân-chúng mến yêu.

II. HIỆU-TRƯỞNG VÀ NHÂN-VIÊN

A. HIỆU-TRƯỞNG

Sau nhiều năm kinh-nghiệm trong nghề giáo-dục, một giáo-chức được chính-phủ nhắc lên một địa-vị cao hơn, quan-trọng hơn : địa-vị Hiệu-trưởng một ngôi trường.

Nhiệm-vụ của Hiệu-trưởng trong một ngôi trường thật là nhiều và được liệt vào ba loại như sau :

1. Nhiệm-vụ hành chánh : Với tư-cách là một nhân-viên hành-chánh đại-diện chính-phủ để quản-trị nhà trường, vị Hiệu-trưởng phải đảm-đương những công-vụ sau này :

a. Nhận các huấn-lệnh, các chỉ-thị để thi-hành trong phạm-vi nhà-trường. Điều-khiển công việc văn-phòng.

b. Làm phúc-trình lên cấp trên để báo-cáo tình-hình của nhà trường về mọi mặt, nhất là về những việc bất-thường có thể xảy ra trong phạm-vi nhà trường, làm đề-nghị xin sửa-chữa trường-đo, bàn ghế, học-cụ v.v... xin thăng thưởng và xin thêm các nhân-viên.

c. Tiếp các phụ-huynh học-sinh.

d. Đại-diện nhà trường để dự các cuộc đại-hội, các công-tác xã-hội v.v...

2. Nhiệm-vụ chuyên-môn : Với tư-cách nhà giáo-dục có kinh-nghiem, vị Hiệu-trưởng phải đảm nhiệm các việc như sau :

a. Phân-phối các giáo-chức dạy các các lớp tùy năng-lực của mỗi vị.

b. Phân-phối học-sinh ở các lớp đầu niên khóa.

c. Áp-dụng nội-luật của nhà trường để thực-hiện trật-tự và kỷ-luật trong các lớp và các cơ-sở của nhà-trường.

d. Trông-nom sự phân-phối chương-trình các môn và thời-khóa-biểu các lớp.

e. Triệu-tập hội-đồng giáo-chức, hội-đồng giáo.khoa.

f. Tổ-chức hiệu-đoàn.

g. Tổ-chức các cuộc học-tập.

h. Tổ-chức cuộc thi trong phạm-vi nhà trường theo chỉ-thị của thượng-cấp.

3. Phần bảo-vệ trường-ốc về phương-diện vật-chất : Về phần này, vị Hiệu-trưởng có nhiệm-vụ trông-nom các nhân-viên tùy-thuộc, các lao-công thực-hành các công-việc sau đây :

a. Trang-trí trường-ốc cho được mỹ-lệ.

b. Cho quét dọn các sân, các cơ-sở của nhà trường được sạch-sẽ, trang-nghiêm.

c. Giữ-gìn các bàn ghế, kệ-tủ, học-cụ-khố và học-cụ được sạch-sẽ toàn-hảo.

4. Những điều căn-bản trong nhiệm-vụ Hiệu-trưởng : Để cho công việc tiến đều và nhà trường ngày thêm phát-dại, vị Hiệu-trưởng cần đặc-biệt để ý những điểm sau-đây :

a. Tất cả nhân-viên của nhà trường phải nhứt-trí trong sự làm việc. Câu ấy có nghĩa là trong nội-bộ nhà

trường không nên có sự chia bè, lập phái và cạnh đảng tiếc «trống đánh xuôi, kèn thổi ngược».

b. Đối với chính-phủ, Hiệu-trưởng phải hoàn-toàn chịu trách-nhiệm về bước tiến-thoái của nhà trường. Bởi thế, từ việc lớn đến việc nhỏ, vị Hiệu-trưởng phải để mắt vào, nhất là cách dạy-đỗ của mỗi giáo-chức.

c. Các lớp-học của nhà trường không phải là những tiền-học,hiệu riêng biệt nhau, để có sự tương-trợ, sự bổ-túc lẫn nhau.

Bởi các lẽ nói trên, vị Hiệu-trưởng phải có những đức-tính sau đây :

a. Trông xa thấy rộng để chịu đựng những việc đáng tiếc có thể xảy ra. Hoặc thúc-dẩy guồng máy nhà trường hoạt-dộng theo đường lối đem lại sự ích lợi chung.

b. Giao-thiệp khéo và rộng để có sự giúp-dỡ mau chóng của các cơ-quan chánh-quyền khác đối với nhà trường.

c. Rất tử-tế nhã-nhận đối với các nhân-viên dưới quyền mình, và trái lại, rất cương-quyết đối với những hành-động quá ư lệch-lạc.

d. Vị Hiệu-trưởng sẽ rất khéo-léo, có thiệp-thế, khi đến viếng một lớp học nào, để tránh sự chạm lòng tự-ái của giáo-chức lớp ấy ; tình kín-đào, lời khuyên nhẹ-nhàng của vị Hiệu-trưởng sẽ làm cho giáo-chức lớp nói trên cảm-phục và vui lòng nghe theo các lời khuyên.

e. Vị Hiệu-trưởng phải biết, trong sự mưu-đồ hạnh-phúc và tiến-bộ chung, phối-hợp những cố-gắng của toàn-thể nhân-viên.

f. Nhiều khi vị Hiệu-trưởng, cần biết bỏ qua một ít lỗi lầm nhỏ để kẻ phạm lỗi nhận thấy mà tự sửa mình.

g. Cần để cho mỗi giáo-chức có chút ít tự-do và sáng-kiến trong sự điều khiển lớp học của mình.

B. PHẬN-SỰ CÁC GIÁO-CHỨC VÀ CÁC NHÂN-VIÊN PHỤ-TÁ

1. Các giáo-chức và các nhân-viên phụ-tá phải nhận những lời khuyên-bảo của vị Hiệu-trưởng một cách thành-kính vì lẽ vị Hiệu-trưởng được cử lên địa-vị ấy là nhờ số thâm-niên công-vụ và nhất là kinh-nghiem dày-dẫn trong nghề.

2. Các giáo-chức và các nhân-viên phụ-tá cần bàn bạc với vị Hiệu-trưởng về mọi công việc rất có lễ-độ, tôn kính.

3. Sự bất đồng ý-kiến giữa vị Hiệu-trưởng và một giáo-chức hoặc một nhân-viên phụ-tá có thể có (và đó là điều đáng tiếc). Nhưng đó chỉ là bề trong. Bề ngoài, giáo-chức hoặc nhân-viên phụ-tá nói trên phải giữ lễ-phép đối với vị Hiệu-trưởng để làm gương cho các học-sinh hoặc cho nhơn-viên cấp dưới khác.

4. Các giáo-chức cũng như các nhơn-viên phụ-tá có bổn phận giúp việc cho vị Hiệu-trưởng một cách chân-thành, tận-tâm để đạt kết-quả tốt-đẹp chung cho toàn trường.

C. HỘI-ĐỒNG CÁC GIÁO-CHỨC

Tức là hội-dồng giáo-chức toàn trường, có mục-dịch giúp giáo-chức các lớp gặp mặt bắt tay nhau để hiểu biết nhau một cách thân-mật và sau đó sẽ có sự trao đổi ý-kiến và sự giúp-dỡ lẫn nhau về phương-diện chuyên-môn.

D. KẾT-LUẬN

Nói tóm lại, các nam Hiệu-trưởng và các nữ Hiệu-trưởng tuy rằng lúc nào cũng siêng-năng, chu-đáo và cương-quyết, cần phải tỏ lòng tử-tế và tín-nhiệm đối với những người cộng-sự với mình,

Như vậy, sống trong bầu không-khí yên-vui và chắc-chắn rằng những cố-gắng của mình được bề trên đánh-giá đúng mức, các cộng-tác-viên ấy sẽ hết lòng làm việc để đưa công việc chung đến kết-quả tốt đẹp cuối cùng.

Nếu người ta đã nói được rằng :

«Chủ nhà tốt, tạo nên những tôi tớ tốt», thì ở đây với một ý nghĩa nhẹ hơn, người ta cũng có thể nói rằng :

«Những Hiệu-trưởng tốt, đào tạo những phụ-lá viên tốt».



PHẦN PHỤ THÊM

BÀI ĐỌC THÊM

Bài thứ I — NỀN GIÁO-DỤC và HỌC-VẤN ở MỸ

(Rút trong *Minh-Tân Nguyệt-San* số 92)

Ở bên Mỹ, trẻ em từ 3, 4 hay 5 tuổi trở lên đã được gửi tới vườn trẻ, để tập sống xa nhà, khi vắng mặt cha mẹ và được tự-do nô-dùa thỏa-thích với các trẻ khác. Đó là bước đầu chung sống với xã-hội. Năm 1954 có 1 triệu 8 trăm ngàn trẻ em được gửi tới Vườn chơi (5/6 trẻ em đã đến các vườn chơi công-cộng).

Đến 6 tuổi là tuổi cưỡng-bách giáo-dục, trẻ em phải vào học ở trong 122 ngàn trường Tiểu-học (110.200 trường công và 11.800 trường tư). Trường tư do các họ đạo hay một vài nhà giáo-dục độc-lập dựng nên; trường công tổ-chức bởi những Hội-đồng địa-phương, do cuộc phổ-thông đầu phiếu bầu lên. Chính Hội-đồng này tuyển bổ vị Tổng Giám-đốc các trường Tiểu-học và Trung-học địa-phương, ký giao-kèo với các hiệu-trưởng và giáo-viên, quyết-định việc xây cất trường-sở, việc phát-hành công-thải và đặt các thứ thuế mới để lấy tiền trang-trải công nợ, chấp-thuận chương-trình do các nhà giáo-dục trình-bày. Sự liên-lạc mật-thiết hay sơ-sài giữa Hội-đồng này, với Nha Học-chánh của Chánh-phủ là tùy theo từng Tiểu-bang nhưng trong mọi trường-hợp, họ đều có quyền tự-trị. Chính-sách giáo dục được duy-nhất về chương-trình,

về phương-pháp giáo-khoa, về trình-độ học-vấn mà không cần đến sự can-thiệp của chánh-quyền là nhờ có sự đặc-lực của Hội-đồng địa-phương.

Tổng Giám-đốc, Hiệu-trưởng và Giáo-viên các cấp đều ở trong đoàn thể quốc-gia, và rất thận-trọng về phương-diện chuyên-môn. Sự liên-lạc giữa các trường và các đại học-đường đều giống nhau; sự thấu-nhận sinh-viên vào các đại học-đường đều phải theo một quy-chế chung.

Bậc Tiểu-học và Trung-học ở Mỹ đều miễn-phí, và có 25 triệu học-sinh; giáo-dục bị cưỡng-bách đến 16 tuổi và ở một vài Tiểu-bang đến 17 hay 18 tuổi. Tình-trạng hiện-thời là thiếu thầy và thiếu lớp trong 100 lớp thời 60 lớp có hơn 30 chục học-sinh, 10 lớp có hơn 40 học-sinh. Về thầy người ta luôn luôn cải-thiện sự tuyển lựa; trong 100 thầy, thời 24 người có bằng cử-nhân (Master of Arts) và 54 người có bằng Tú-tài (Bachelor of Arts) còn 22 người không có văn-bằng. Vì lương bổng nghề giáo đầu trẻ em không được hậu lắm, (lương đồng niên một thầy giáo mới từ 3.000 đến 3.600 Mỹ-kim và rất ít người lương tốt bậc được quá 6 ngàn MK 1 năm) nên đã đề trơi qua mất nhiều nhân tài, nhất là về toán học và khoa-học là hai môn rất được trọng dụng ở các nơi khác (vừa rồi, 32 Tiểu-bang thiếu 2.237 giáo-sư toán mà chỉ có 1.305 người tình-v nguyện). Vì thế quá nửa trường Trung-học không có giờ vật-lý, 1/4 không có giờ lý-hóa và 23% không có giờ hình-học.

Vấn-đề trường sở và giáo-viên càng ngày càng nan-giải, do số học-sinh hàng năm tăng lên rất nhanh. Hiện nay, trung-bình sự học-vấn hàng năm của mỗi trẻ em đã tốn của chánh-phủ 270 MK. Người dân Mỹ phải nộp thuế không khỏi chóng mặt, khi nghĩ đến hàng tỷ Mỹ-kim mà mình sẽ phải đóng góp một ngày gần đây. Ngay từ niên-học 1955-56, đã phải tiêu 2 tỷ rưỡi Mỹ-kim để xây cất 69 ngàn lớp học

(người ta ước lượng việc xây cất một trường học chứa được 300 học-sinh tốn hết 588 ngàn MK, một trường cho 900 học-sinh 1 triệu 765 ngàn MK, một lớp đủ tiện-nghỉ và học cụ tốn từ 38 đến 49 ngàn MK).

Với những tài-nguyên hiện-hữu, người ta đã áp-dụng đủ mọi phương-thức để giải-quyết bài toán khó này : Như việc tận dụng các trường sở chia học-sinh ra làm 2 toán, toán học buổi sáng và toán học buổi chiều ; thực là vạn bất đắc dĩ. Như việc đã áp dụng ở Aliquippa, Pensylvania : chia học-sinh ra làm 4 toán để thay phiên nhau nghỉ hè trong suốt cả niên học.

Trong thời kỳ chiến tranh và hiện nay cũng vẫn còn, thi hành ở Californie và nhiều nơi khác, người ta kêu gọi từ tám củ : các bà mẹ có văn bằng đến dự một khóa huấn-luyện Sư-phạm rồi nhận một chức-vụ trong giáo-giới. Ở nơi này, các bà mẹ đến cộng-tác với giáo-sư để giảng dạy các môn thường và đã giúp ích rất nhiều cho nền học-vấn của trẻ em. Ở nơi kia, người ta thử dùng Vô-tuyến Truyền Hình ; hãng xe Ford đã xuất vốn trong việc thí-nghiệm này và ước-lượng rằng sự áp-dụng triệt để V.T.T.H. trong phương-pháp giáo-khĩa có thể thay thế được 10 vạn giáo-viên. Ở Hagerstown, các giáo-sư được lựa chọn để giảng dạy bằng V.T.T.H. đều là những người tỏ ra có năng-khiếu đặc-biệt về môn này. Một ngày họ chỉ có 1 giờ để soạn và giảng bài. Ở trong lớp, học-sinh và thầy giáo cũng theo dõi bài học trên màn-ảnh rồi sau cùng thầy giáo giảng nghĩa thêm và hỏi lại các học-sinh.

Hàng ngày, mỗi lớp học chỉ có 1 bài V.T.T.H. và mỗi ngày thầy giáo sẽ bớt được 1 giờ làm việc. V.T.T.H. đặc-biệt thích-hợp cho những bài học cần nhiều chứng-minh hay thí-nhiệm mà phim-ảnh phản-chiếu lại rất rõ-rệt. Học âm-nhạc V.T.T.H. sẽ bớt được ở mỗi lớp một đàn dương-cầm.

Từ năm 1920, các chương trình và phương-pháp giáo-khoa đã bị tiến-triển một cách hơi quá trớn do ảnh-hưởng của J. Dewey cho thay thế khoa sư-phạm nghiêm-ngặt và sự cố-gắng luyện trí nhớ bằng một nền giáo-dục « tăng-tiến ». Uy-quyền của thầy giáo được thế bằng những phương-pháp xét ra « dân-chủ » hơn. Có-giáo không bảo học-sinh : « Các em làm... » nhưng bảo : « Chúng ta làm... ». Đáng lẽ phải học thuộc-lòng thì người ta lại thảo-luận về trí nhớ và những kinh-nghiệm của học-sinh người ta phá-loãng chương-trình, và những môn khó được để tùy-y. Những học-sinh giỏi thì buồn-nản, có thói quen không cần phải cố-gắng và hay làm mất thì giờ. Các nhà giáo-dục chân-chính đã bắt đầu buồn ngùi và ngạc-nhiên về sự phao-phí nhân-lực như vậy.

Nhưng trường học không phải chỉ là nơi dạy-bảo các điều ghi trong sách, trước hết đây cũng là nơi rèn-luyện về công-dân giáo-dục. Các trẻ em cũng học-tập để cư-xử như một người công-dân thuần-túy, nghĩa là những hội-viên có trách-nhiệm trong đoàn-thể của mình. Chính các em được giao-phó cho một phần nhiệm-vụ để giữ-gìn trật-tự và bảo-đảm an-ninh cho mình. Bắt đầu niên-học mỗi trường lựa chọn trong đám học-sinh lớn những em tình-nguyện đứng gác ở ngã ba, ngã tư đường phố có trường học và coi chừng, chỉ đề cho các em khác băng qua đường khi nào sự lưu-thông cho phép. Những em tình-nguyện này, trai hay gái, khi đứng gác, đều có đeo ở vai một cái băng trắng, do Câu Lạc-Bộ Xe-Hoi cung-cấp và suốt trong niên-học sẽ đứng nguyên một góc đường phố hai ba mươi phút, trước giờ vào học hay sau khi tan học.

Nhà trường còn tập-luyện cho học-sinh theo đời sống xã-hội ; những cuộc tiên-khiển hát múa luôn luôn được tổ-chức và sự tham-gia có ghi ở chương-trình chung. Tập thể dục và thể-thao hằng ngày, tập nói chuyện trước

công-chúng cũng can-hệ như các môn học khác, mục-dịch làm cho trẻ em nở-nang về mọi phư-vụ-diện và trở nên một hội-viên hoạt-dộng, tri-uão thăng-bằng trong đoàn-thể.

Nhờ sự viếng thăm các phiên họp của Hội-đồng thị-xã, các kỹ-nghệ trong tỉnh, các bảo-tàng và thư-viện, các danh-lam thắng-cảnh trong Tiểu-bang, du-ngoạn Hoa-Thịnh-Đốn mà học-sinh sẽ được chiêm-ngưỡng bản chánh Hiến-pháp, Tỏi-cao Pháp-viện, toà Ngũ-giác, tòa Bạch-Ốc và những đền kỷ-niệm ba vị Tổng-thống danh-tiếng nhưt Hoa-Kỳ ; tất cả những điểm đó đều có ghi trong chương-trình giáo-dục. Học-sinh bất cứ da trắng hay đen, vàng hay đỏ, đều tự-hào mình là dân Mỹ. lấy làm hãnh-diện về quê-hương mình và tin-tưởng triệt-đề các nguyên-tắc tự-do, dân-chủ và bình-dẳng.

Tuy vậy, vẫn còn nhiều trẻ em lẫn-trốn khỏi nền giáo-dục này. Hội «Lo cho trẻ em khỏi trốn học» chưa hề biết đến những trẻ em không đi học bao giờ. Ở vùng quê miền Nam, người ta không cương-quyết bó-buộc con em các nông-dân da đen đến trường học. Vậy nên hãy còn nhiều người mù chữ. Năm 1952, hãy còn 11 vạn người mù chữ và nay số đó chắc-chắn đã giảm bớt nhiều trong đám thanh-niên. Khóa động-viên năm 1952, Bộ Quốc-Phòng tự-dộng cải-tạo hết những tân-binh mù chữ, cương quyết giáo-dục họ và đã đạt được kết-quả khả-quan. Bị chạm lòng tự-ái và thấy dân-tộc mình hãy còn có người mù chữ, từ đó người Mỹ hết sức mở-mang nhiều trường ở các miền hẻo-lãnh và lập ra ở khắp mọi nơi các lớp bổ-túc cho những người đứng tuổi mới biết đọc, biết viết, hay đọc viết chưa thông-thạo.

Như chúng ta được biết, ngay từ khi mới đến nhà trường, trẻ em Mỹ đã học tập làm việc và kiếm tiền. Vì thế chúng rất được gia-đình và bạn-hữu quý-mến. Mỗi lần

5 tuổi, trong những buổi nắng hè, chúng đã bày ra trước cửa nhà một vài cái ly để bán lễ cho khách bộ-hành. Với những đồ chơi hình máy dẹt các em gái dẹt những cái chuối xoong, chảo (để lót tay cho khỏi nóng) rồi cùng với một bọ gái nhỏ đem đi bán từng nhà ở trong phố. Ngoài công việc bôn-phận chúng phải làm để cho nhà cửa được ngăn-nắp, sạch-sẽ (dọn buồng riêng, rửa chén đĩa, lau nhà...) chúng lại còn sên cỏ ở sân hay rửa xe hơi để lãnh thưởng. Mỗi buổi sáng, chúng đi đưa báo lễ (Báo Mỹ hàng ngày ra gần 60 trang và hơn 200 trang ngày chủ nhật không do nhà Bưu-Điện phân-phối nhưng do một hệ-thống các nhà thầu đưa báo đến từng khu-phố, để các em lãnh đem đi từng nhà). Nếu đi đưa báo buổi sáng thì ngày nào các em cũng phải dậy trước 6 giờ sáng và các bà mẹ cũng dậy theo để cho chúng ăn điểm-tâm. Về buổi chiều, chúng đi giữ con thuê, tính giờ.

Việc sử-dụng số tiền kiếm riêng và tiền thưởng của cha mẹ cũng là việc thực-tập về giáo-dục. Một phần tiền dùng để tiêu riêng : giải-khát, mua bánh kẹo và thết bạn hữu, một phần để quyên vào nhà thờ hay các hội thiện còn một phần lớn để may-mặc, sắm-sửa hay chi-tiêu về việc học-hành.

Các trò chơi, các môn thể-thao cũng là một phần trong chương-trình giáo-dục trẻ em. Thường thường các trẻ em Mỹ được cha mẹ mua cho rất nhiều đồ chơi. Về buổi chiều, người ta trông thấy xe đạp ba bánh của chúng đi trên hè phố, trước sân cỏ nhà. Các em gái chơi búp-bê hay chơi tiếp khách. Các trò chơi tập-đoàn rất được ưa-chuộng. Một em đứng riêng một chỗ đọc sách hay lần-thần chơi một mình sẽ làm cho người mẹ áy-náy : bà tự hỏi không biết con mình có được khoẻ-mạnh hay trí-não có thăng-bằng không ?

Các em trai đá bóng hay chơi bóng chuyền. Chúng biết

biết rằng các nhà vô-dịch về môn thể-thao này được toàn dân qui mến là dường nào, nên sự mơ ước đầu tiên của chúng là cũng được lừng-danh như-thế... Và sau này chúng có thể trở nên Tổng-thống Mỹ nữa. Nếu chúng tỏ ra xuất-sắc trong những cuộc tranh đua thể-thao ở nhà trường thì tương-lai chúng sẽ được bảo-đảm vì các trường Trung-học, Đại-học sẽ tặng học bổng để lời cuốn chúng gia-nhập các hội thể-thao của trường mình.

Quen phụ giúp cha làm các việc vặt, nên ngay từ thuở nhỏ các trẻ em đã biết sử-dụng một vài khí-cụ thông-thường.

Các trẻ em ở thành phố, muốn nô-đùa thỏa-thích, đã sẵn có những sân chơi, sân quần vợt ở chung quanh trường-học, những trung-tâm giải-trí ở trong khu các lò nhà rẽ tiền, những vườn chơi công-cộng, trong đó các trò chơi được tổ-chức dưới sự hướng-dẫn của các huấn-luyện-viên do đại-học đường đào-tạo. Những vườn chơi ấy cũng có cả mái lợp để có thể tiếp-tục chơi đùa trong khi mưa nắng. Một thành phố như CHICAGO có 68 vườn chơi kiểu trên với một số nhân-viên sẵn-sàng ứng-trực sau giờ tan-học. Sở cảnh-sát cũng tổ-chức ở gần khắp nơi những câu lạc-bộ cho các em trai. Với một số tiền đóng góp tượng-trung, các em có đủ ở đó các trò chơi phòng bóng bàn, hồ tắm, thư-viện, phòng Hướng-dạo-sinh, xưởng thợ mà các em có thể làm các việc vặt, in, vẽ, làm đồ gỗ dưới sự hướng-dẫn của huấn-luyện-viên, những em lớn lại có huấn-luyện viên về quyền-thuật và nhu-đạo, YMCA và YWCA, hiệp-hội của những thanh-niên, thiếu niên do các nhà hảo-tâm tình-nguyên trông coi mà người ta thấy ở khắp cả mọi nơi, cũng là trung-tâm điểm của chương-trình thể-thao và giải-trí cho các thanh thiếu-niên.

Thư-viện, bảo-tàng rất chăm lo đến các trẻ em và đều có những phòng riêng biệt cho chúng. Thư-viện công

cộng và các chi-nhánh (một tỉnh 125.000 dân như Knox-ville (Tennessee) có 1 thư-viện trung-ương, 9 chi-nhánh và 1 xe hơi lưu-dộng chở sách báo đi khắp hang cùng ngõ hẻm), bên cạnh những phòng người lớn, lại có những phòng dành riêng cho trẻ em (thường-thường có 1 phòng cho các em bé nhút, 1 phòng cho các em từ 10 tới 15 tuổi và 1 phòng cho các em lớn hơn). Trong mỗi phòng bàn ghế đều hợp với tầm thước của khách-hàng ; sách từng loại trên mỗi ngăn, vừa tầm tay với và người nữ quản-thủ thư-viện đã được đặc-biệt đào-tạo để hướng-dẫn các em. Có sự hợp-tác chặt-chẽ giữa nhà trường và thư-viện ; nhà trường gửi con em đến thư-viện để tìm-tòi học hỏi thêm các điều liên quan đến nền học-vấn.

Viện bảo-tàng có các chuyên-viên (đôi khi là những người hảo-tâm đến tình-nguyên giúp-đỡ như Saint Louis (Missouri) để tổ chức cho trẻ em những cuộc viếng thăm linh-hoạt và bảo-hứng làm cho chúng rất ưa thích, lại muốn đến nhiều lần sau nữa, đi một mình hay cùng vài người bạn. Vì thế các viện bảo-tàng ở Mỹ ngày nào cũng đầy nhóc trẻ em tự đến một mình.

Thường-thường các trẻ em Mỹ đều hoạt-dộng trong các hội-đoàn, hiện có hàng triệu nam-nữ Hướng-đạo-sinh. Những tổ-chức của người lớn như hội Hồng-Thập-Tự cũng có một ban riêng cho các em lớn nhất. Một trong những hoạt-dộng đặc-biệt và ngộ-nghĩnh nhất của thanh thiếu-niên ở đồng quê là hội 4-H, thành-lập năm 1910. Năm 1951, người ta đã đếm được 88 ngàn câu-lạc-bộ 4-H, qui-tụ hơn 2 triệu hội-viên. Sở dĩ có danh-từ 4-H là do cam-doan của các trẻ em khi mới gia-nhập hội :

«Tôi cam-doan sẽ dùng đầu (Head) để suy nghĩ rõ ràng, chính-chẩn hơn, trái tim (Heart) để trung-thành, tận-tâm hơn, hai tay (Hands) để làm việc hăng-hái hơn,

sức khoẻ (Health) để sống ích lợi hơn cho tôi, cho làng xóm tôi và cho xứ sở tôi.

Được công-nhận là một hội-viên 4-H các trẻ từ 10 hay 12 đến 18 tuổi. Hội-viên thường tụ-hợp chung-quanh các nhà hảo-tâm, tình-nguyên đến đưu-dắt các em. Thường thường đó là các nhà điền-chủ khai-khẩn đã qua một lớp huấn-luyện sư-phạm và được nhân-viên địa-phương giúp-đỡ (nhân-viên địa-phương là cố-vấn kỹ-thuật của các nhà nông, là dây liên-lạc giữa nông-dân với trường CANH-NÔNG và sở-nghiên-cứu tìm tòi). Các em trai hay gái tập nuôi một con bê hay con cừu, rồi đem dự hội chợ triển-lãm trong miền và nếu được thưởng sẽ đem bán đấu-giá với một giá đắt gấp mười, đủ tiền chi-liều sau này cho một năm học đầu ở trường Trung-học. Các em gái may thêu, làm bánh, mút, kẹo và đồ hộp. Các em trai học làm thợ mộc, làm các đồ vật chạy điện. Chúng thường cùng nhau tụ họp để nô đùa thỏa-thích, múa hát những khúc điệu có dân tình để giúp vui cho một cuộc hội-hợp ở nhà hàng xóm.

Các em ở thành-phố cũng được hưởng những sự ích-lợi của các đoàn-thể tương-tự từ 16 đến 18 tuổi, các em đã học-tập tham-gia sự tổ-chức công-ty thu-hợp; thời-hạn là một niên học do những người hảo-tâm ở các giới tình-nguyên làm cố-vấn. Cùng một lúc các em là những người góp cổ-phần, là nhân-viên trong ban trị-sự, thợ thuyền hay là người bán hàng cho công-ty. Với một kinh-nghiệm thực-tế như vậy, các em đã học vỡ-lòng về đời sống kinh-tế.

Khi một thanh-niên đã học qua bậc trung-học, thời em ấy bắt đầu định-hướng về việc chọn nghề. Trường học đã dành cho em đủ mọi chương-trình về văn-chương, thương-mại, kỹ-thuật để tùy ý em lựa chọn môn học nào hợp với năng-khiếu của em do giáo-sư hướng-dẫn và

khuyến-khích. Cứ mỗi lục cá-nguyệt, các em có thể theo sự chọn cũ hay đổi hướng khác.

Mỗi trường học đều có một thư-viện chứa đủ các tài-liệu về sưu-tầm, khảo-cứu ; những đề-tài riêng biệt cho mỗi vấn-đề do Chính phủ Liên-bang, Chính-phủ từng Tiểu-bang, các xưởng kỹ-nghệ các hãng buôn, xí-nghiệp, các trường chuyên-môn trình-bày rất tỉ-mỉ. Học-sinh tha-hở tra-cứu đề thử năng-lực và xu-hướng của mình.

Trong một vài trường-hợp, nhờ có khẩu-hiệu đoàn-kết giữa trường và các giới, học-sinh có thể đến thực-tập hay làm việc tại chỗ, bán hàng hay làm ở văn-phòng trong vụ hè và những ngày lễ, giáo-sư liệu cách gọi học-sinh đến các xí-nghiệp địa-phương. Ngoài những buổi học sáng hay chiều, học-sinh lại đến làm việc ở các hãng và được trả công như thường lệ. Thịnh-thoảng giáo-sư lại kiểm-soát sự làm việc của học-sinh, dò hỏi các chủ xí-nghiệp nơi học-sinh đang thực-tập để biết rõ các nhu-cầu cho nền học-vấn của chúng. Những điểm về tập-sự của học-sinh cũng được coi như điểm trong niên-học, sẽ được tính để cấp phát văn bằng lúc thi ra.

Chỉ có 60,7% tổng số 2.690.000 học-sinh của 29.500 trường Trung-học (4 ngàn tư với 750 ngàn học-sinh) theo học cho đến khi có văn bằng, còn những em khác, khi đến tuổi mà sự cưỡng-bách giáo-dục không cần-thiết nữa, liền rời khỏi ghế nhà trường. Nhưng hiện nay, càng ngày các nhà dùng nhân-công càng đòi hỏi văn-bằng nên số người có văn-bằng lại tăng nhanh hơn dân số sinh-sản.

☛ Một số lớn thanh-niên theo quá bậc Trung-học, vào trường Cao-đẳng, theo các ngành Cao-học, sau 4 năm sẽ thi bằng Tú-tài Kỹ-nghệ hay Tú-tài Khoa-học chia ra thành nhiều chương-trình : có thứ giống như Tú-tài Pháp nhưng

trình độ cao hơn, có thứ sửa soạn thi ra Kỹ-sư, chia ra làm nhiều ngành. Học-sinh đỗ Tú-tài (B.A. hay B.S.) khoảng từ 21 đến 23 tuổi. Bên cạnh những trường Cao-đẳng còn có những trường Cao-học với chương-trình 2 năm, khi thi ra không có văn bằng nhưng chỉ có một chứng chỉ.

Sau khi đậu Tú-tài, học-sinh được tùy ý lựa chọn một môn trong các Đại-học-đường: Luật-khoa, Y-khoa, Nha-khoa, Văn-chương, Khoa-học, Công-tác xã-hội... Thi ra sẽ đậu Cử-nhân rồi Tiến-sĩ.

Hiện nay ở Mỹ có 1863 trường Cao-đẳng và Đại-học (trong số có 69 trường Canh-nông, 459 trường Cao-học) và 265.000 giáo-sư. Ở miền Bắc, sinh-viên da đen và da trắng học chung trong các Đại-học-đường, còn ở miền Nam 77 ngàn sinh-viên da đen học riêng biệt trong 105 Đại-học với 7 ngàn giáo-sư.

Năm 1900, một trong 25 thanh niên vào Đại-học-đường năm 1930 một trong 12 người và hiện nay 3 trong 4. Người ta tiên đoán sau này, 1 trong 2 thanh-niên sẽ vào Đại-học-đường. Cũng có nhiều người bỏ học nửa chừng và 45 phần trăm bỏ cuộc ngay năm thứ nhất. Tuy thế tổng số sinh-viên năm 1900 là 250 ngàn người và hiện nay là 3 triệu 200 ngàn người. Người ta đương chờ đợi con số đó sẽ tăng gấp đôi sau đây 10 năm, sẽ gấp 3 vào năm 1975. (Hiện nay số thanh niên từ 18 đến 21 tuổi là 9 triệu và sẽ gần 14 triệu vào năm 1967). Vì thế, một Đại-học-đường lớn như trường CALIFORNIA hiện có 40 ngàn sinh-viên sẽ có 96 ngàn vào năm 1970 và trường MICHIGAN hiện có 22 ngàn sinh-viên, sẽ có 40 ngàn sau đây 10 năm.

Nhất là từ sau cuộc đại-chiến vừa qua, nền Đại-học lại càng thực-hành: quân-nhân nào giải-ngũ và có đơn xin đều được Chính-phủ cấp cho một học-bổng toàn phần để theo học. Kết-quả sự năng-dữ này rất mỹ-mãn, quả sức tưởng-tượng. Các Đại-học-đường đều thấy số

sinh-viên tăng gấp đôi và phải tìm đủ mọi cách để đối-phó với tình-hình. Các thanh thiếu-niên này đều đứng tuổi, chín-chắn, là những phần-tử ưu-tú của nhà trường. Khi làn sóng hiếu-học đã qua, mọi người đều ngạc-nhiên khi thấy tổng-số sinh-viên các Đại-học đường từ từ rút xuống rồi hàng năm lại bắt đầu tăng lên đều đặn.

Tuy nhiên, sự chi tiêu ở nền Đại-học rất tốn kém : từ 750 đến 2.300 mỹ-kim một năm ở miền Nam như trường Đại-học tư-thục HARVARD. Nguyên tiền ký danh đã từ 300 MK một năm trong một trường Đại-học công-lập, rẻ nhất tới 1.000 MK trong các trường Đại-Học tư-thục. (Số tiền này chỉ tính với người dân ở ngay Tiểu-bang, nếu dân ở Tiểu-bang khác đến hay người ngoại-quốc lại còn đắt hơn nữa). Hiện có 150 ngàn học-bổng toàn phần hay bán phần trị giá 31 triệu MK do các hội ái-hữu cựu sinh-viên, các kỹ-nghệ gia và các đoàn-thể trợ-cấp. Các Đại-học đường lại dành nhiều công việc ở buồng ăn, ở văn-phòng, ở phòng thí-nghiệm cho sinh-viên làm để lấy phí-tồn lưu. Cha mẹ đã vào hội bảo-kê cho các con từ thuở nhỏ để sau này hội sẽ đài-tho các chi-phí về việc học-vấn của các em. Cũng đã nghĩ đến việc cấp phát học bổng của Liên bang : nhưng người dân Tiểu-bang lúc nào cũng e ngại Chính-phủ Trung-ương lấn quyền của Chính-phủ địa-phương nên có vẻ hờ-hững, không thiết-tha mấy. Trong nhiều Tiểu-bang lại có chế-độ vay danh-dự. Như ở MASSACHUSETTS có một hội-doàn, do tặng-hảo của các tư-nhân lập nên, bảo-đảm số tiền của các sinh-viên, sau khi đã học rất lâu-tới hết năm thứ nhất, vay ở Ngân-Hàng để chi-phí về việc học-hành. Số tiền hoàn lại sẽ phải trả dần từng năm một và thời-hạn đầu tiên là 6 tháng sau khi được cấp phát vãn-bằng. Người ta ước-lượng hàng năm tổng cộng số tiền vay danh-dự và tiền các Đại-học đường trả công sinh-viên về việc làm phụ lên tới 80 triệu MK.

Nhưng nếu ngành Đại-Học vừa tốn kém vừa khó

nhọc (học thành tài Bác-sĩ Y.khoa tốn chừng 40 ngàn MK) thời trái lại, sau khi tốt nghiệp, sinh-viên đại-học kiếm được rất nhiều tiền và trung-bình số lợi.tức kiếm được gấp ba người sinh-viên không có văn-bằng. Sự tìm công việc làm rất dễ-dàng, nhưt là khi họ chuyên-môn về Khoa-học, vật-lý, điện-lực, toán-học, thống.kê, sinh-vật-học.

Trong niên-học, nhân-viên Chánh-phủ hay đại-diện các hãng lớn thường đến thăm các Đại-học đường để mở những cuộc trao-dổi ý-kiến về các nhu.cầu nghề-nghiệp mà họ dành cho sinh-viên, phỏng vấn các sinh-viên đứng đắn muốn tìm việc và có khi lại đại-thọ phí-lỗn cho sinh-viên đến thăm trụ-sở của họ. Thí-dụ như ở trường Bách-khoa GEORGIA trong niên học 1956—57, tám trăm công-ty đã mở 28 ngàn cuộc phỏng vấn 1.100 sinh-viên và đã bằng lòng trả lương tháng từ 400 đến 600 MK. Năm ngàn sinh-viên tốt-nghiệp trường Bách-khoa ILLINOIS đã được 1.500 hãng buôn tặng 24 ngàn chỗ làm. Một vài hãng buôn muốn thuê dụng những sinh-viên xuất-sắc đã trả lương rất hậu thời kỳ tập-sự trong việc nghĩ hè. Một vài hãng khác lại thỏa-thuận với các Đại-học đường để cho sinh-viên vào làm việc phụ ở trong hãng, như thế vừa có thể thực-tập về nghề-nghiệp vừa kiếm thêm tiền để chi-tiêu về việc học, Thường thường cứ từng cặp 2 sinh-viên cùng nhận một công việc tại một chỗ. Họ luân chuyển nhau làm việc ở xưởng và học ở trường mà ở cả hai nơi đều đặc-biệt hòa-hợp; trong 5 năm họ sẽ đậu kỹ-sư và có một địa-vị xứng đáng trong một ngành mà họ đã biết rõ ràng, thấu đáo chừng chi-tiết.

→ Một thanh-niên hay thiếu-nữ, nửa chừng bỏ học vì lý do nào đó, lại có thể tiếp-tục việc học-hành bất cứ ở tuổi nào; dư luận quần-chúng không hề chú ý đến điểm này trái lại còn khuyến-khích nữa. Mỗi năm, báo chí lại phổ-trưng hình ảnh một vài bà mẹ, trước kia đã học dở dang nay lại cùng đi đến trường đại-học với con gái và có khi hai mẹ con cùng lãnh văn-bằng hay áo mào tân.khoa một

ngày. Có hàng triệu người vẫn theo học các lớp buổi tối của trường Trung-học hay Đại-học mà chương-trình rất đầy đủ. Có những người này cố theo đuổi để giữ lấy mảnh bằng, có những người khác muốn luyện thêm cho hoàn-toàn về môn nào đó. Và lại, sự tìm-tòi và nghiên-cứu hằng ngày đưa đến những tiến bộ không ngừng, phát minh ra nhiều phẩm chất mới lạ, nhiều máy-móc tối-tân nên hàng năm người ta đã tổ-chức trong các Đại-học đường những khóa huấn-luyện đặc-biệt để chỉ dẫn cho các học-viên thông-thạo về những tiến-triển hiện tại do hàng trăm ngàn nhà chuyên-môn đủ các giới : kỹ-sư, bác-sĩ, nha-y-sĩ, giáo-sư theo học. Để tặng cho nền « Giáo-dục liên tục », hội Kellogg đang xây cất trên các khoảng đất trống của 8 Đại-học-đường công-lập và tư-thục ở Mỹ những ngôi nhà nguy-nga đồ-sộ, đủ tiện-nghỉ như một khách-sạn hạng nhất để lấy chỗ học-tập cho các đoàn-viên những đoàn-thể và hội Ái-hữu những người lớn tuổi. Có những Đại-học-đường như Harvard, Chicago tổ-chức các lớp huấn-luyện và bổ-túc cho nhân-viên cao-cấp các ngành (chính-quyền, công kỹ-nghệ, thương-mại...) mà tuổi trung-bình là 45, ít nhất là 38. Vì có rất nhiều người ghi tên nên những lớp « đào-tạo cấp chỉ-huy » phải cố-gắng lắm mới thỏa-mãn được 1 trong 4 người xin theo học.

NGHỀ-NGHIỆP

Sau khi rời ghế nhà trường Trung-học hay Đại-học, có văn-bằng hay không, các thanh-niên, thiếu nữ đều kiếm công việc làm do Sở tìm việc của nhà trường hết sức giúp-dỡ. Vị giám-đốc sở này thường liên-lạc mật-thiết với các công-ty, xí-nghiệp, thương-diếm... ở địa-phương để biết rõ những nhu-cầu hiện-tại và tương-lai, và lại nhờ cả những sở tìm việc công-cộng nữa. Người ta luyện-tập cho các thanh-niên, thiếu-nữ biết cách-thức

tìm việc ở dân, viết bài nguyệt-n-vọng ra sao, đến trình-diện và trả lời thế nào để hái được kết-quả tốt-đẹp. Có nhiều cuốn sách nhỏ chỉ-dẫn tường tận về vấn - đề này, lại có một vài trường cho lên sân-khẩu một màn kịch phỏng-vấn những thí-sinh tron g-lai do một giáo-sư thủ vai chủ-nhơn ông các công-ty hay xí-nghiệp.

Phần nhiều các thiếu-nữ tìm nghề đánh máy hay thơ ký. Có nhiều người chuyên về nghề dệt, hay thêu, thuộc da, làm trong xưởng thợ hay các kỹ-nghệ và thực-phẩm, các đồ điện, có máy điện-lực. Một phần tư công-nhơn ở Mỹ và đại đa-số người bán hàng ở các tiệm là đàn bà. Nhưng họ không liên-tiếp làm những công việc kể trên. Thường thường người thiếu-nữ xin thôi sau khi lấy chồng độ 1 hay 2 năm, khi đã có đứa con đầu lòng và khi đã trang-trải hết các món nợ về việc xây dựng hạnh - phúc gia-đình.

Nếu có dịp thời người đàn bà bắt đầu tìm việc làm trong dịp Noel, trong những ngày nghỉ cuối tuần (chiều thứ bảy và ngày chủ-nhật) hay trong lúc các con đi học. Khi tất cả các con đã rời khỏi nhà để vào các Đại-học-đường, để hoạt-dộng trong các giới hay để thành-lập gia-đình thời không phải là việc hiếm lạ khi ta thấy các bà mẹ lại tìm việc làm hoặc là để cho quỹ gia đình thêm dồi dào hoặc là để cho đời sống hàng ngày thêm ý-nghĩa. Trong trường-hợp này trước khi tìm việc, họ sẽ theo một lớp huấn-luyện bổ-túc ôn lại các điều cần thiết để tìm ngay được một việc hợp với khả-năng của mình.

Người dân ông lựa chọn nghề-nghiệp do những sự tính cơ hay cơ-hội thuận-tiện, nhưng họ không ngần-ngại gì mà thay nghề đổi chủ luôn. Các xưởng thợ muốn củng cố nhân-viên nên thường tặng nhiều quyền-lợi cho những người đã làm việc lâu năm. Còn về ngành giáo-dục và công-chức, thường hay có nhiều khúc quẹo mà

nguyên-nhân chính, nếu không phải tại những đột biến của tư-tưởng hay tính-tình bấp-bênh của tuổi trẻ, là chứng cơ hiển-nhiên của một sinh lực rời-rào, một tham vọng vô-biên của thanh thiếu-niên Mỹ. Thường-thường người ta thấy một thanh-niên tốt-nghiệp Đại học-đường, sau khi dạy một vài năm ở trường Trung-học, lại xin thôi để làm một nhân-viên Chính-phủ rồi lại trở về nghề gõ đầu trẻ với một kinh-nghệm dồi-dào và cụ-thể.

Như chúng ta đã biết, sự phân-phối một số đông nhân-công (66 triệu về năm 1957) cho mọi ngành hoạt-động đã thay đổi nhiều từ 20 năm nay : Canh-nông dùng 9 phần trăm (hai lần kém năm 1937) ; nhân-viên văn-phòng và dân thầy (cổ áo trắng) chiếm 34% ; hơn cả dân thợ (cổ áo xanh) 31% ; các công-chức có 13% ; chuyên chở và giao-thông 7% ; số còn lại 6% các nghề tự-do : kỹ-giả, luật-sư..

Trung-bình, đời sống dân Mỹ hoạt-động đến 65 tuổi ; nhưng ta cũng thấy thợ-thuyền hay cấp chỉ-huy các ngành làm việc tới ngoài 70 tuổi. Một Đại-tướng về hưu sẽ được ngay một xi-nghiep lớn hay một Đại-học đường mời làm Hội-trưởng hay Khoa-trưởng mà đấy không phải là một chức-vụ ngồi rồi nhai lương. Trước năm 40 tuổi, một công-nhân thường phải cố-gắng tìm lấy một công-việc vĩnh-viễn vì nếu quá tuổi đó sẽ khó lòng kiếm được chỗ dung thân, nếu mình không có tài-năng đặc-biệt hay không quen biết nhiều để có người giới-thiệu và nâng đỡ.

MINH-ĐẠO N.B.N

Ghi-chú : Tài liệu do Võ-Lang cung-cấp và dịch theo đoạn «L'éducation et l'instruction» trong cuốn «La Vie Américaine par Geneviève d'Haucourt» (một nữ kỹ-giả Pháp).

Bài thứ II.— NỀN GIÁO-DỤC BÊN ANH-CÁT-LỢI

(do ông T.G. Nguyễn-duy-Cần soạn)

Tại nước Anh, người dân được quyền nghe và nói bất cứ về vấn-đề nào. Họ có quyền đọc sách hoặc viết sách bất luận về vấn-đề gì họ thích và nếu muốn, họ có quyền mua sách báo nói về những vấn-đề họ nghiên-cứu một cách tự-do, không ai có quyền cấm cản. Họ có quyền tổ-chức những cuộc hội-hop để bàn cãi hoặc giải-thích về bất luận vấn-đề gì. Họ có quyền bàn cãi và ăn nói tự-do ngoài đường, tại các quán nước, ở các câu-lạc-bộ, bất luận nơi nào không sợ ai cấm cản hay thóc-mách với chánh-quyền, vì người dân Anh nếu không bằng lòng chánh-quyền cũng có quyền nói thẳng. Tóm lại, người dân Anh ngày nay đã chẳng những được hưởng tất cả quyền tự-do cá-nhân thực sự đã ban-bố trong bản Đại-hiến-chương Magna Carta mà lại còn hưởng được những quyền tự-do chính-trị thật rộng-rãi.

1. Nền giáo-dục của nước Anh. Như trên đây chúng ta đã nói sơ dĩ người dân Anh mà được hưởng quyền tự-do dân-chủ rộng-rãi như thế là vì tánh-khí dân-chúng Anh rất xứng-dáng với chế-độ của họ. Một phần không kém quan-trọng cũng do lối giáo-dục của họ thật là thích-ứng với chế-độ của họ.

Ở nước Anh, quan-niệm về giáo-dục khác nhau xa quan-niệm giáo-dục ở các nước khác bên Âu-châu nhất là nước Pháp.

Ta thử theo dõi lối giáo-dục đứa trẻ Anh từ lúc nó còn ở trong nôi đến ngày nó ra tranh-đấu với đời. Từ buổi ấu-thơ đến tuổi trưởng-thành, nó phải qua 2 thế-giới tuy nhỏ, nhưng ảnh-hưởng thật to-tát và quyết-định đến đời sống sau này của nó.

Đứng hàng đầu tất cả, trong xã-hội nước Anh, có hai giới thượng-lưu : giới tự-lập, (self-made men) tức là hạng tự mình lập thân nhờ nơi sự tranh-dấu trong đường đời, và giới học-thức do nhà trường đào-tạo (university men). Cả hai giới thượng-lưu ấy đều bắt nguồn giáo-dục ở gia-đình cả.

Nơi mà gia-đình người Anh phát-triển là cái nhà của họ. Cái căn nhà mà gia-đình họ đoàn-tụ ấy, đối với họ, là một thiêng-liêng, bất-khả xâm-phạm. Tất cả những ai không cùng ngồi xung-quanh lò sưởi thì kẻ như những kẻ lạ. Gia-đình người Anh là nơi ấm-cung nhất, thân-mật nhất. Đối với người Anh, gia-đình là nơi an-đôn nhất, che chở con người khỏi những nỗi phập-phồng lo-sợ khỏi mọi sự xâm-phạm bên ngoài, không có những ngờ-vực và ly-tán. Nơi đó người ta sống trong mọi sự yêu thương chân-thật, che-chở bao-bọc nhau tin tưởng nhau một cách tuyệt-đối không sợ có sự lừa-bịp đối-trá hay phản-phức nào có thể len lỏi vào đó được cả.

Người chủ gia-đình là người chúa-tể tuyệt-đối. Người Hoa-kỳ lấy làm ngạc-nhiên khi nhận thấy rằng, ở bên Anh trong gia-đình, người đàn bà Anh luôn luôn xem chồng như vị chúa. Họ bảo : «Nước Anh là thiên-dàng của người đàn ông...». Người chủ gia-đình tạo ra nhà cửa, lo nuôi-dưỡng tất cả người trong gia-đình và chịu tất cả trách-nhiệm trước xã-hội và pháp-luật. Bởi vậy, họ lại được tất cả người trong gia-đình mến-yêu và kính-phục. Làm một người cha trong gia-đình, họ lo cách nào được mọi người trong gia-đình kính-nể hơn là được yêu-thương. Người cha trong gia-đình Anh không thân-mật với con như người «cha bạn-bè» của con ở nước Pháp. Trước pháp-luật, ông cha người Anh còn có trọn quyền định-đoạt gia-tài, muốn cho ai thì cho, không có luật nào bắt-buộc phải để cho ai và ai là người có quyền thừa-hưởng.

Bà mẹ trong gia đình thì phần động rất nhũn-nại, can đảm, không quá lo sợ những âm-ảnh của tương-lai nên không rụt-rè, nhút-nhát. Vì đàn bà Anh là một bà mẹ rất âu-yếm con, nhưng cũng rất bình-tĩnh : họ làm phận-sự một người vợ và một người mẹ rất là chu-đáo. Đối với con, tình thương ít khi yếu-đuối.

Đứa trẻ Anh, ngay buổi ấu-thơ, đã được huấn-luyện cách nào mà chính nó tự lo-lắng cho nó, tự mình xoay-trở cho mình, tự có kinh-nghiệm trực-tiếp với những khó-khăn của-cuộc đời, *không bao giờ ỷ-lại vào ai cả*, nếu không cần thiết lắm. Người mẹ Anh săn-sóc con với một tình thương chu-đáo thật, nhưng ít chịu can-thiệp đến đời sống của con mình, để tự nó làm lấy. Nếu đứa trẻ có té, nhưng thấy rằng không nguy-hiểm, người mẹ Anh không nổi gì cả, không giúp gì cả và để cho đứa trẻ ấy tự tìm cách ngồi dậy, tự lo-lắng cho mình. Ngay trong ấu-trì-viên đứa trẻ biết đi hay bắt đầu hiểu-biết thì giáo-đức đã hoàn-toàn căn-cứ vào lòng *tín-nhiệm*. Người ta cốt làm cho trẻ em có lòng tự-tin bằng cách để cho tự mình nó xoay-xở với những khó-khăn trở-ngại trong đời nó nếu nó mạnh khoẻ ; người ta tập cho nó biết ham nhận lấy trách-nhiệm những hành-vi của nó bằng cách để tự nó lựa chọn những điều phải, lẽ quấy, — dĩ-nhiên người lớn cũng cảnh-cáo trước, nhưng chỉ cảnh-cáo thôi. Nếu nó làm quấy, nó sẽ phải chịu hậu-quả không lấy, tức là hình-phạt tự nhiên hành-vi nó. Những lời của nó, cũng như sự yếu đuối của nó không bao giờ có thể tiên-đoán được : người ta sẽ không coi chừng nó để tránh cho nó khỏi té ; người ta cũng không rình-rập để bắt nó « tại trận » trong khi nó làm việc quấy. Người ta chỉ dạy cho nó biết «*đó*» những sự dối-trá. Bao giờ người ta cũng tin nó bằng lời đến khi nào người ta có đủ bằng-cớ rằng nó nói dối sẽ hay. Vì vậy, đứa trẻ lớn lên, bao giờ cũng thành-thật và cương-ngạnh ; nó

luôn luôn có lòng tự-tin tự-trọng và đáng cho mọi người tin cậy ; nó đã tập quen cái tính chỉ-tin-cậy nơi mình chứ không ý-lại ai tất-cả dù là người thân-thích bậc nào. Cái thói «trẻ cậy cha, già cậy con» không có trong xã-hội người Anh.

Trừ ra trong những gia-đình quý-tộc hay giàu có, — và đối với những đứa con đầu lòng thôi, — người cha chỉ có phận-sự nuôi-nấng và cho ăn học tới 16, 17 tuổi thôi ; chính chúng nó phải tự xoay-xở mà tìm cách sinh-hoạt lấy một mình. Lại nữa, người con cũng biết rằng mình cũng không thể tin-cậy nơi gia-tài của cha mẹ để lại, bởi vì ông cha có quyền cho hay truất phần gia-tài, tùy ý.

Đứa trẻ cảm thấy chỉ có mình, mình phải tự lo-liệu cho cuộc đời, không khác nào một người cô-độc, và nhờ vậy họ bắt-buộc phải có tài tháo-vác sẵn-sàng đối phó với mọi trở-ngại trong đời.

Vì vậy tất cả đời sống của người Anh chỉ có một mục-tiêu học-tập và dạy-đỗ cái phương-pháp «tự-lập» (self help) nghĩa là mình tự giúp cho mình trước hết.

2. Giáo-dục ở nhà trường. Lối giáo-dục hùng-tráng ấy ở gia-đình lại được nhà trường tiếp-tục giáo-hòa thêm. Ở đây đứa trẻ Anh lại cũng sống theo cái nếp sống mà nó đã từng sống ở gia-đình. Học đường đối với đứa trẻ, chỉ là một gia-đình rộng lớn hơn thôi.

Học-đường có sức mạnh tiếp-tục giáo-dục đứa trẻ một cách rộng-rãi hơn về cả 3 phương-diện : thể-dục, trí-dục và đức-dục.

Điều đặc-sắc nhất mà ta nên để ý là ở nước Anh, giáo-huấn (instruction) và giáo-dục (éducation) không phân

biệt nhau. Ở học-đường nước Anh người ta chỉ dùng tiếng giáo-dục để nói chung hai việc kể trên. Dù là thuộc về thể-dục, trí-dục hay đức-dục, thấy đều có những nguyên-tắc chung, kỷ-luật chung. Người dân Anh không thể quan-niệm người có học là người không có giáo-dục.

a. Thể-dục :

Nhà triết-học Herbert Spencer nói : « Phải có một thân-thể tráng-khiêm, đó là điều-kiện đầu-tiên để được thành-công » và một quốc-gia mà các phần-tử đều là những người tráng-khiêm là một quốc-gia phồn-thịnh nhất. Câu nói ấy của Herbert Spencer cũng là câu nói tiêu biểu ý-kiến chung của một phần đông dân-tộc Anh. Ngày nay dân-chúng Anh đã chấp-nhận nguyên-tắc ấy và không đầu-dầu chúng lo săn-sóc thân-thể cho được tráng-khiêm bằng dân-chúng Anh bên Âu-Châu.

Bên Anh, thể dục được đề cao ngang hàng với sự ăn ở sạch-sẽ và vệ-sinh. Bất cứ là lứa trẻ nào ở nhà trường, người trưởng-thành nào trong những giờ nghỉ... đều phần đông chơi thể-thao ngoài trời ; họ dành cho thể-dục và thể-thao thời giờ nhiều nhất với tất cả nghị-lực của họ. Trên toàn cõi nước Anh, các cánh đồng mênh mông được dùng làm sân thể-thao như sân đá bóng, sân quần vợt v.v..., dưới dòng sông thì các thuyền bơi dẩy dẩy người tập-dượt. Trước đây dân-chúng thích rượu chè, sống tấp-nập ở các ca-lâu, tửu-diêm. Ngày nay họ ào ra ngoài trời và lo đủ môn thể-thao. Bất cứ người Anh nào đều sợ cái cảnh « béo mồm » và cho đó là một cái nhục... đều thích được một thân-thể cường-rắn, cường-tráng. Họ tập dượt thân-thể không phải để tranh những giải quán-quân, mà là để trước hết có một thân-thể tráng-khiêm. Dù là thuộc về chuyên-môn nhà nghề hay không, phần đông người dân Anh có một tinh-thần thể-thao rất cao :

Những trò chơi trong nước, trò chơi thể thao ngoài trời đã chẳng những đào luyện gân-cốt con người, nó lại là trường học huấn-luyện tánh-trăm-tĩnh và kỷ-luật dân-chúng. Tinh-thần thể thao tập cho con người có óc sáng-kiến, có tinh-thần kỷ-luật, nó giúp cho người dân Anh trở thành những công-dân đứng-dẫn, có tinh-thần dân-chủ vì họ luôn luôn liêm-sĩ, không bao giờ tìm cách gian-lận chánh-quyền cũng pháp-luật cũng như khi họ hoạt-dộng trên sân vận-dộng. Anh hưởng tinh-thần do những cuộc chơi tạo nên không thể chối cãi được. Thể-dục ở Anh thật là nền-tảng thực-tế của đức-dục : những phương-pháp mà người Anh dùng để điều-luyện thể-chất là những phương-pháp đào-luyện tinh-thần. Thể-dục và đức-dục liên-quan rất là mật-thiết.

b. Đức-dục :

Ở khắp nơi, ở gia-đình cũng như ở học-đường, đứa trẻ Anh luôn luôn được người ta dành cho cái lòng tôn-trọng chân-lý và rất ghét sự dối láo dưới mọi hình-thức. Cái lỗi to nhất của một học-sinh là *nói dối* : không có cái đại nhục nào bằng bị người ta gán cho mình cái danh-từ *«người nói láo»* (liar).

Nhà trường nước Anh là một nền-tảng xã-hội nhỏ-nhỏ. Cùng một trật-tự, một tổ-chức, một phương-pháp một chánh-phủ tượng-trưng quyền-lực nhưng không tha hồ áp-dụng quyền-lực của mình, ít can-thiệp đến những hành-dộng cá-nhân được chừng nào hay chừng nấy, luôn luôn tôn-trọng quyền tự-do của mỗi người, nếu quyền-lợi chung không bị thương-tổn. Mỗi người học trò là một công-dân trong một nước dân-chủ : ai ai cũng lo gìn giữ trật-tự, trọng kỷ-luật và rất tôn-trọng tự-do của mình cũng như của kẻ khác nhất là không bao giờ tìm cách gian-lận.

Ở học-đường nước Anh ít bao giờ thấy sự trừng-phạt.

Người ta không muốn áp-dụng chánh-sách khủng-hổ nhưng muốn kêu gọi lòng tự-trọng và tinh-thần trách-nhiệm. Khi nào phải dùng đến hình-phạt chỉ là ở những trường-hợp bất-đắc-dĩ và tuyệt-vọng. Khi những bài vở làm sai hay những bài không thuộc, người ta bắt phải làm lại, thay vì bắt giam-giữ trở lại trong những giờ chơi. Đứa trẻ Anh đã được giáo-dục thế nào mà suốt đời nó không bao giờ có tâm-cảm tự-tỉ, tìm những lối thoát giả-dối để được thành-công.

c. Tri-dục :

Về vấn-đề tri-dục, người Anh rất ghét lối học nhồi-sọ. Một điểm quan-trọng mà tất cả các thầy người Anh đều đồng-ý là : rất ố sự nhồi-sọ và không thích giam-giữ học sinh nhiều giờ quá-trong phòng học. Đó là hậu-quả của quan-niệm chung của họ về vấn-đề thể-dục. Những giờ học trong phòng học thường bị rút ngắn lại. Đứa học-sinh Anh làm việc 8 giờ một ngày là mức tối-da. Trong tất cả các học-đường Anh, mỗi tuần phải dành ít lắm là 3 buổi chiều để dùng-làm thể-thao và những cuộc chơi ngoài trời.

Trong các Đại-học-đường thì sự học tiếng Hy-lạp và La-tinh là được đề-cao nhất. Bởi vậy nguồn-gốc văn-minh nước Anh bắt nguồn ở văn-hóa Hy-La. Chưa có nước nào mà được người ta lo săn-sóc vun-quén nền văn-hóa cổ truyền Hy-La bằng ở Anh. Nhất là về văn-hóa Hy-lạp người Anh còn đi sâu hơn người Pháp nhiều.

Ngoài những giờ học, người sinh-viên Anh được sống tự-do rất nhiều để tìm cách tạo thành một bản-lĩnh cá-nhân, nếu họ thích cố-gắng và óc tò-mò. Những đầu óc có bản-lĩnh sẽ được phát-triển một cách đầy đủ hoàn-toàn, không cần ai nâng-dỡ săn-sóc. Họ sống một cách tự-do như những cội cây trong hoang-dã... Dĩ-nhiên cái đó có-lợi-nhưng cũng có hại. Lợi là cho những tâm-hồn cứng-rắn, có bản-lĩnh, chịu nổi thử-thách của một đời

sống cá-nhân hoàn-toàn tự-do. Họ đã áp-dụng khẩu-hiệu của thuyết «sanh-tồn cạnh-tranh, ưu thắng liệt bại» Một phần trí-thức vượt bực tạo thành một nhóm thượng-lưu đặc-sắc nhất, đầy nhựa sống, một đám quần-chúng tâm-thường bị loại ra chịu cảnh đốt-nát. Nhưng hạng bình-dân này, họ biết rõ số-phận của họ và không có cao-vọng vì ít ra họ đã được giáo-dục rất kỹ ở trình-độ sơ-đẳng của họ. Họ luôn luôn ham học thêm, và bước chân ra trường đời có đủ điều-kiện tối-thiểu để tự đưu-dắt lấy mình và cũng đã có đủ cơ-sở để bắt đầu một đời sống tự-học.

Nói chung, người dân Anh, dù họ là một sinh-viên lỗi-lạc nhất, khi họ bước chân ra khỏi học-đường không bao giờ có cao-vọng là sự hiểu biết của họ đã đến mức cuối cùng rồi, không còn học hỏi gì nữa. Họ không bao giờ tin-tưởng rằng các cấp-bằng Đại-học của họ kia là chứng-chỉ rằng họ đã biết tất cả và sự giáo-dục của họ đã viên-mãn. Mà thực sự chỉ lúc họ bước chân ra đường đời mới là ngày khởi đầu họ học mà thôi, học một cách thực-tế. Ngay những kẻ có một cơ-sở học-thức trung-bình, vì có nhiều người vì sinh-nhai, phải rời bỏ ghế nhà trường rất sớm, nhưng họ đã được huấn-luyện có phương-pháp lúc còn ở sơ-học và trung-học nên họ biết cách tự-học tự đào-tạo cho mình một đường lối tinh-thần và không biết bao nhiêu người đã leo thật cao trên đài vinh-quang. Nhóm thượng-lưu của nước Anh có hai phần ; một phần thuộc về đám người tự mình tìm lấy con đường tự học với cuộc đời mà lên được, tức là hạng thượng-lưu tự lập (self-made men) và hạng thượng-lưu do nhà trường un-đúc (university men). Hạng trung-lưu nước Anh có thể là hạng người có một cái học không được rộng-rãi nhưng là hạng người có một đầu óc liêm-sĩ, thẳng-thắn. Họ biết không nhiều, nhưng cái gì họ biết là họ thật biết, biết một cách đứng-dắn. Không như

ở phần đông các nước khác, cái gì họ cũng biết nhưng không có một cái gì họ thực biết !

Bấy nhiêu đó đã làm thành một nền-tảng chắc-chắn cho chế-độ dân-chủ Anh mà ta có thể tin rằng sẽ vững-vàng nhất trên thế-giới ngày nay. Với lối đại-cương như trên, người dân Anh không bao giờ có thể bị chế-độ dân-chủ của họ phản-bội họ nổi. Văn-hóa và chính-trị ở nước Anh luôn luôn đi đôi với nhau và nương nhau mà phát-triển và chính nhờ thế mà sự tiến-bộ chế-độ dân-chủ của họ đi bước nào chắc bước nấy.

Bài thứ III.— TRẺ CON KHÔNG PHẢI CHỈ SỐNG BẰNG SỮA MÀ CÒN SỐNG BẰNG TÌNH THƯƠNG-YÊU

(Trích trong quyển «Thời mới dạy con theo lối mới, tác-giả Nguyễn-hiến-Lê)

«Rose Vicent và Roger Murchielli, trong cuốn Comment connaître voire enfant, nói : trẻ con có ba nhu-cầu cốt-yếu : nhu-cầu được yêu, nhu-cầu yên-ôn và nhu-cầu tự bảo-vệ. Theo tôi, tự bảo-vệ là một bản-năng chứ không phải là một nhu-cầu ; và trẻ chỉ có mỗi một nhu-cầu được yên-ôn sống để phát-triển một cách đầy-đủ. Nhưng muốn yên-ôn sống trẻ phải có cảm-tưởng là được người lớn yêu-mến, nâng-niêu. Rút cục, nhu-cầu được yên-ôn và nhu-cầu được yêu chỉ là một.

Các nhà nghiên-cứu về nhi-dồng giáo-dục gần đây đã phát-minh điều rất quan-trọng này là : trẻ không phải chỉ sống bằng sữa mà còn bằng tình-yêu.

Những công việc của Spitz ở Nữ-ước, của Bowlby ở Luân-Đôn, của bà Aubry ở Ba-Lê đều chứng tỏ rằng tình âu-yếm cần-thiết cho sự phát-triển của trẻ, như một sinh-tổ ! Thiếu tình đó, trẻ ăn uống không tiêu, chậm lớn, kém thông-minh, dễ bị bệnh và tử-suất của chúng (số trẻ con chết trong số 100 trẻ sơ-sinh) cũng tăng lên nhiều. Nhờ nhận xét đó, người ta mới hiểu hiện-trạng lạ lùng này là : các trẻ dưỡng bệnh lâu trong các nhà thương, mặc dù được đủ tiện-nghỉ, đủ thuốc thang, mà vẫn éo-ql, ốm-yếu hơn những trẻ dưỡng bệnh tại nhà.

Trong một nhà hộ-sinh kiểu-mẫu nọ ở Mỹ, người ta nuôi một nhóm trẻ mới sanh với những điều-kiện cực-kỷ hoàn-hảo và theo đúng quy-tắc vệ-sinh. Người ta cho chúng sống cách biệt nhau, để tránh vi-trùng. Các nữ điều-dưỡng chỉ được rờ-mô chúng khi nào thật cần-thiết, như thay đồ, tắm rửa cho bú.

Thức ăn được tính-toán kỹ-lưỡng tùy theo nhu-cầu mỗi trẻ, bệnh tật được đề-phòng và điều-trị bằng những phương-pháp tối-tân. Vậy mà những trẻ đó không lớn cân nhiều, không mạnh khỏe bằng những trẻ ở ngoài sống trong những gia-đình thiếu-thốn, tại những xóm tối-tăm bẩn-thịu. Các y-sĩ không hiểu tại sao ? Sau ra công cứu-xét thí-nghiệm trong một thời-gian họ mới thấy rằng : nguyên-nhân chỉ do những trẻ đó thiếu sinh-tổ tinh-yếu. Tức thì trên mỗi cái nôi, người ta treo một tấm thẻ vót hàng chữ : «mỗi ngày phải âu-yếm trẻ một giờ».

Từ đó các nữ điều-dưỡng được quyền bông-bé, hôn-hít, nựng chùng, chuyện trò, chơi đùa với chúng. Kết-quả hoàn-toàn khác hẳn : trẻ bụ nhiều hơn, mau lớn vui-vẻ và tinh-ranh hơn.

Bài trên đây làm chúng tôi liên-tưởng đến một việc như sau.

Trong năm 1957, chúng tôi có dịp đến viếng một Cô-nhĩ-viện ở gần Thủ-dức. Cô-nhĩ-viện này có hai mươi hai-nhi độ năm sáu tháng. Mỗi trẻ nằm trong một cái nôi gỗ riêng biệt, có nệm, mùng, mền đủ. Nhưng vì Cô-nhĩ-viện này chỉ có hai nữ điều-dưỡng sần-sộc dưới sự chỉ huy của một bà Giám-đốc người Việt nên các trẻ không được bông bé âu yếm thường. Thấy chúng tôi vào, các trẻ ngó chúng tôi và tuy chưa biết nói nhưng chúng nẩy lưng lên tỏ dần dòi bông. Người nhà tôi bèn bông lên một đứa thì thấy trẻ cười và tỏ vẻ thích lắm. Trong lúc ấy thì các trẻ trong các nôi đó ngó theo tỏ ý dòi bông. Người nhà tôi bèn đề đứa trẻ thứ nhất xuống, tuy rằng nó không bằng lòng, và liên-tiếp bông vài đứa trẻ khác thì thấy chúng tỏ vẻ thích lắm.

Trời tối, chúng tôi từ biệt chúng ra về thì chúng vẫn ngó theo... Thật là cảm-dộng !

Trước khi đọc bài nói trên, chúng tôi cũng nhận thấy rằng : Chúng thiếu sự được hồng-bế, được âu-yếm. Chúng tôi hỏi thì hai nữ điều-dưỡng đều cho chúng tôi biết rằng vì cả ngày bận công chuyện lật-vật, nào cho bú, nào giặt mũng, mền, lã, nào cho các trẻ uống thuốc nên có rảnh đâu mà hồng-bế, nâng-niu chúng cho thường !

Kết-quả : Hai mươi trẻ em ấy không đứa nào mạnh-khỏe cả, có em tình-trạng rất nguy-ngập ! Thật là một cảnh thương-tâm, thăm-não, chua xót vô cùng ! Ước mong các nhà từ-thiện, có công lập nên Cô-nhi-viện để đón rước các giọt máu rơi, được đọc và áp-dụng bài này. Có như thế công-trình tế-độ của chư quý-vị mới là viên-mãn.



BÀI THỨ IV.— TRẺ EM ĐẶC-BIỆT

của HỒ-TẤN-VINH

Định-nghĩa :

Tại Việt-Nam thỉnh-thoảng vấn-đề khảo-cứu này được mang danh là «vấn-đề trẻ em bất-thường». Bất-thường là từ-ngữ dịch từ chữ Pháp ra (enfants anormaux). Từ-ngữ có hai khuyết-diểm sau :

— «Bất thường» thường được hiểu theo nghĩa eo-hẹp là kém-cỏi, là thua người bình-thường. Vì thế từ-ngữ trên không thể dùng để chỉ nhóm «đặc-biệt thông-minh» mà phương-diện giáo-dục chúng cũng cần được chăm-sóc riêng biệt.

— Vì «bất-thường» bị hiểu theo nghĩa eo-hẹp, nó mang theo một ngụ-ý khinh khi thóa-mạ. Nếu ta bảo một đứa trẻ rằng nó là một đứa trẻ bất thường, dẫn cho nó không hiểu rõ chữ đó nghĩa là gì, nó cũng sẽ nghĩ đến một cái gì ghê-gớm lắm lắm cho nó mất nhân-phẩm. Đứa trẻ từ ngày mang trên lưng hai chữ «bất-thường» sẽ tự-ti mặc-cảm, cho rằng mình không phải là con người nữa mà là một quái-vật.

Để tránh hai khuyết-diểm trên. Tôi đề-nghị từ-ngữ «trẻ em đặc-biệt» dịch từ-ngữ Anh ra (special children, exceptional children). Hình dung-từ «đặc-biệt» vừa bao gồm tất-cả trẻ em khác thường vừa không có nghĩa thóa-mạ.

Thế nào là đặc-biệt, thế nào là bình-thường ?

Không thể bình-thường là đặc-biệt. Bình-thường và đặc-biệt khác nhau vì vậy chỉ có thể định-nghĩa tương-đối với nhau và định-nghĩa đó cũng có giá-trị tương-đối mà thôi. Ta sẽ lấy đa-số làm tiêu-chuẩn và ta sẽ coi cái nào đa số có là bình-thường, cái nào đa số không có là đặc-biệt.

Đứng về phương-diện y-học, ta có thể lấy sức khỏe làm tiêu-chuẩn và ta sẽ nói rằng : đa số trẻ em không

mắc bệnh-lao ; trẻ em nào mắc phải bệnh ấy là trẻ em đặc-biệt.

Đứng về phương-diện tâm-lý-học, ta có thể lấy những kết-quả thực-nghiệm làm tiêu-chuẩn. Thí-dụ ta bảo 100 trẻ em đều lên 8 tuổi tìm diện-tích một hình chữ nhật. Nếu tất cả đều biết làm dễ-dàng, duy chỉ có một đứa không biết, thì ta sẽ nói rằng đứa không biết làm bài toán trên là một đứa đặc-biệt. Nếu tất cả đều không biết làm, duy chỉ có một đứa biết làm thì ta cũng gọi đứa trẻ duy nhất ấy là đặc-biệt.

Đứng về phương-diện xã-hội-học, ta có thể lấy gia-đình làm tiêu-chuẩn và ta nói : đã số trẻ em đều có cha mẹ. Đứa nào mồ-côi cha mẹ là một đứa đặc-biệt...

Đứng về phương-diện giáo-dục, phương-diện mà ta chọn kể từ đây, ta sẽ lấy nền giáo-dục bình-thường, nghĩa là nền giáo-dục mà đại đa số trẻ em không hưởng-thụ làm tiêu-chuẩn và ta định-nghĩa trẻ em đặc-biệt như sau :

Một đứa trẻ đặc-biệt là một đứa trẻ có một hay nhiều điểm về phương-diện cấu-tạo trí-não, xã-hội hay thể-xác mà đa số không có. Điểm khác thường đó phải có tánh cách làm cho đứa trẻ không thể nầy-nở đúng mức trong nền giáo-dục bình-thường.

Thí-dụ một điểm khác thường về sự cấu-tạo trí-não,

Một đứa trẻ có thể có đủ cha mẹ, gia-đình giàu-có ; nó không thiếu-thốn gì về vật-chất, bề ngoài nó không có bệnh tật gì cả, nhưng nó có thể thành đặc-biệt nếu trung-bình trẻ em sáu tuổi biết đánh vần mà nó đã tám tuổi rồi lại đã học hai năm lớp năm mà vẫn chưa biết đánh vần. Thường thường đây không phải là lỗi của đứa nhỏ — đứa trẻ làm biếng hầu như không có — mà vì trí-não của nó không được cấu-tạo đúng-đắn.

Thí-dụ một điểm khác thường xã-hội.

Đứa trẻ bình-thường nào cũng có cha mẹ. Bây giờ ta có một đứa trẻ chỉ có mẹ mà không có cha từ nhỏ. Tùy trường-hợp mà ta gọi đứa trẻ ấy là bình-thường hay đặc-biệt ? Nếu trong lớp đứa trẻ đó học hành vẫn siêng-năng và tánh tình không có gì khác thường với những trẻ bình-thường thì đứa trẻ đó là một đứa trẻ bình-thường. Nếu vì không có cha, trong gia-đình thiếu một uy-quyền vững-vàng, đứa trẻ đó ngộ-nghịch, gây-lộn, đánh lộn với chúng bạn trong lớp nghĩ vãn-vơ, không thích học-hành thì đứa trẻ đó là một đứa trẻ đặc-biệt.

Thí-dụ một điểm khác thường thể-xác.

Đứa trẻ bình-thường nào cũng có hai bàn tay. Bây giờ ta có một đứa trẻ cụt một tay. Tùy trường-hợp mà ta sẽ gọi nó là bình-thường hay đặc-biệt. Nếu nó là một đứa trẻ thiên-hữu (droltier) và cụt tay trái thì sự cụt không cản-trở việc học-hành của đứa trẻ. Nếu nó là một đứa trẻ thiên-hữu mà cụt tay phải thì sự cụt tay cản trở việc học của nó vì nó bị bắt-buộc cầm viết tay trái, tay mà nó không thể điều-khiển nhanh-nhẹn và khéo-léo được. Nó sẽ viết chậm và viết xấu. Sự thua sút này đưa đến những sự thua sút khác. Đứa trẻ trở thành đặc-biệt.

TÁNH-CÁCH CẦN-THIỆT CỦA NỀN GIÁO-DỤC ĐẶC-BIỆT

Theo định-nghĩa trên, ta có thể chia trẻ em đặc-biệt ra hai tổng loại. Đó là tổng loại đặc-biệt hơn bình-thường và tổng loại đặc-biệt kém bình-thường. Đầu là một đứa trẻ đặc-biệt hơn hay đặc-biệt kém, đứa trẻ đặc-biệt không thể nầy-nở đúng mức trong nền giáo-dục bình-thường và cũng vì thế nó là một trở-ngại lớn-lao cho sự nầy-nở đúng mức của đa số bình-thường.

Nếu nó là một đứa đặc-biệt hơn, thí-dụ đặc-biệt thông-minh thì chẳng hạn với một bài toán, cả lớp phải đề hai chục phút làm xong thì đứa trẻ đặc-biệt thông-minh nó chỉ làm có năm phút là xong. Bắt đầu từ phút thứ sáu đến hai chục, nó không có gì khác để làm. Nhưng đứa trẻ đó không thể ngồi yên chờ chúng bạn, bản-tánh của nó là hoạt-động. Ngoài công việc vẽ của vẽ còn trên sách vở bàn-ghế, nó sẽ phóng mực dơ đứa này, nhấc bài đứa kia, nói chuyện với đứa nọ... Đó là những phản-ứng điển-hình của những trẻ em mà khả-năng không được khai-thác đúng mức. Những phản-ứng đó, như ta đã thấy, đều nhằm mục-dịch phá-hoại an-ninh học đường mà một kỷ-luật đàn-áp khắt-khe chỉ là chứng-cớ bất-lực của nền giáo-dục bình-thường. Khả-năng của đứa trẻ đặc-biệt đó lạc-loại trong thế-giới bình-thường sẽ dần dần lu mờ ; một hòn ngọc không giũa, đứa trẻ sẽ trở thành tầm-thường như bao đứa trẻ tầm-thường khác. Biết đâu xuyên qua nó, một nhà bác-học tương-lai đã bị phung-phí ?

Nếu đứa trẻ là một đứa trẻ đặc-biệt kém, thí-dụ nó thuộc loại chậm-tiến, thì vấn-đề trở nên vô cùng phức-tạp. Chẳng hạn cùng với bài toán trên, đứa trẻ chậm tiến phải làm trong ba chục phút mới xong. Nhưng vì ông thầy không thể bảo cả lớp chờ một mình nó, thành-thử đứa trẻ đó không thể học gì thêm với một bài toán gián-đoạn. Nhưng các bài toán càng lúc càng khó, mà bài toán dễ đã làm chưa hết thì mấy bài toán sau đứa trẻ đó không thể biết làm. Hậu quả đây, chuyện khiến đứa trẻ càng ngày càng mất căn-bản ; kết-quả này rất nhanh chóng và rất dễ nhận thấy. Sau tam cá-nguyệt đầu đứa trẻ trở thành ngỗ-nghịch, cứng đầu, bẻ-tha việc học. Con người nông-cạn sẽ tuyên-bố rằng đứa trẻ lười-biếng. Nhưng thật ra vì nền giáo-dục bình-thường không hợp với nó. Cái nhịp học tiến nhanh quá nó không theo kịp. Vì thế những phản-ứng trên rất là hợp-lý.

Đối với trường-hợp này, nền giáo-dục bình-thường giải-quyết như sau : ai không theo kịp nhịp bình-thường thì cuối năm không được lên lớp, ở lại học đồ cũ. Lối giải-quyết thật đơn-giản nhưng không có tinh-cách nhân-bản tí nào. Bị ở lại lúc nào cũng là một tổn-thương tinh-thần mà ảnh-hưởng có thể cấp-ký hay xa xôi (trong 10 hay 20 năm sau).

Ảnh-hưởng cấp-ký khi đứa trẻ có cảm-thưởng rằng đồ cũ nó biết rồi, nó không cần cố-gắng. Thành-thủ học hai năm một lớp mà nó cũng chưa học hết chương-trình.

Ảnh-hưởng có thể xa-xôi khi sự bị ở lại gieo vào đầu trẻ tinh-thần thối-hại. Tinh-thần này càng ngày càng nảy-nở đến khi trưởng-thành con người với tinh-thần đó là một con người bi-quan, hèn-nhát.

Ngoài ra, vì lý-do công-nhận bởi khoa-học, sẽ nêu ra ở một đoạn sau, ta sẽ thấy rằng có những trẻ em đầu ở lại năm năm một lớp cũng không thể học hết chương-trình của năm học. Đặt những trẻ em này vào một lớp bình-thường chỉ làm mất thì giờ của chúng và làm rầy các bạn khác.

PHÂN-LOẠI VÀ ĐƯƠNG-LỐI GIÁO-DỤC TRẺ EM ĐẶC-BIỆT HƠN .

Ta chia trẻ em đặc-biệt hơn ra làm hai loại.

— Loại đặc-biệt, hơn về trí não.

— Loại đặc-biệt hơn về thể xác.

Loại đặc-biệt hơn về trí não.

Giáo-dục một đứa trẻ đặc-biệt, hơn hay kém đều một công việc tốn kém. Người ta tính trung bình, một đứa trẻ đặc-biệt muốn được giáo-dục đúng mức cần một phí khoản

gấp ba phí khoản cho đứa trẻ bình-thường. Vì lý-do đó mà công cuộc nghiên cứu và giáo-dục trẻ em đặc-biệt hơn về trí não bắt đầu tại Hoa-kỳ. Tại đây người ta quan niệm rằng, cùng một phí tổn như nhau, thay vì mệt công mệt của đề giáo-dục những trẻ em kém cỏi học qua tiểu-học, tốt hơn lo giáo-dục những trẻ em đặc-biệt hơn về trí não vì sau này chúng sẽ là những người hữu ích nhất trong xã-hội. Tại một xứ mà người ta chú trọng nhiều về khả năng xuất thi quan niệm trên rất là hợp-lý. Nền giáo-dục đó dần dần lan tràn ra ngoại-quốc và hiện nay tại Anh-quốc, Úc-dại-lợi, Nga-sô...đều có những trường đặc-biệt này.

Trong loại đặc-biệt hơn về trí não, ta sẽ chia ra làm hai nhóm :

— Nhóm đặc tài.

— Nhóm thông-minh.

Nhóm đặc tài.

Nhóm này gồm những trẻ em bộc lộ năng-khiếu từ thuở nhỏ, những năng-khiếu đó là : văn-chương, vẽ, âm nhạc, toán, kỹ-thuật...

Trước khi nêu cái điểm khác biệt của nền giáo-dục trẻ em nhóm này với nền giáo-dục bình thường, ta cũng nên hiểu qua vai trò quan-trọng của nền giáo-dục bình thường đối với chúng. Vai trò đó là đặt nền tảng văn-hóa vững chắc, vì chỉ có nền tảng văn-hóa vững chắc thì thiên-tài của chúng mới có giá-trị.

Ngoài những giờ theo học một lớp bình thường, những trẻ em có đặc tài về môn nào phải được trau dồi về môn ấy. Sự chuyên-môn hóa rất sớm thật là cần-thiết. Thí-dụ rõ ràng nhất là nghề đàn vĩ-cầm. Theo những người trong nghề, muốn đàn vĩ-cầm cho giỏi thì

tập từ thuở nhỏ. Nếu có một đứa trẻ có đặc tài về đàn vĩ-cầm mà không được tập từ thuở nhỏ để lớn lên tới hai hay ba chục tuổi đầu rồi mới bắt đầu học thì kết quả chỉ rất tầm thường.

Nhóm thông-minh.

Nhóm này gồm những trẻ em hạng nhất trong lớp. Trí-suất (quotient intellectuel) của chúng rất cao. Nhóm này phải được dạy trong những lớp riêng dùng chương-trình bình thường nhưng với một nhịp tiến rất chóng.

Ngoài cái đặc-biệt điểm tốc-lực, người chăm lo giáo-dục nhóm trẻ này còn phải chú trọng đến sức khỏe của chúng. Những trẻ em thông-minh vì làm việc bằng trí óc nên không thích hoạt-động bằng tay chân. Sức khỏe của chúng vì thế mà khó giữ gìn. Ngoài sự chăm lo ăn uống người ta còn bắt buộc chúng phải dành một số giờ quan-trọng cho thể-thao và thể-dục. Sự chăm lo sức khỏe của chúng mặc dầu rất tốn kém nhưng rất dễ hiểu vì nếu đứa trẻ có tài ba đến đâu mà bệnh-hoạn yếu đuối mới có hai mươi tuổi đã chết rồi thì cái tài ba đó, xã-hội lẫn đứa trẻ không ai nhờ được.

Loại đặc-biệt hơn về thể xác.

Từ ngày những kết quả thể vận có âm vang vào làng chính-trị, hai khối Đông Tây tranh nhau ráo riết nghiên cứu những phương-pháp giáo-dục cho loại này.

Căn-bản của nền giáo-dục đặc biệt trước hết là một nền giáo-dục bình thường. Đứa trẻ vẫn đi đến những trường học bình thường. Nền giáo-dục bình thường rất cần-thiết đối với chúng vì ngoài mục-dịch đào-tạo nên những người đại diện văn-hóa xứ sở, vì trong đám lực-sĩ tương lai tất nhiên sẽ có những người được tuyển chọn đi tranh tài với những người ngoại quốc. Trong khi tiếp xúc với họ, ngoài cái kết-quả ở vận-động trường, người

lực-sĩ còn có dịp nêu cao uy-tín hay hội lộ xử-sở bằng những lời ăn tiếng nói hay những cử chỉ nhỏ-nhất. Nêu cao uy-tín hay hội lộ là tùy nền giáo-dục bình thường mà họ hưởng-thụ.

Ngoài những giờ học bình thường, đưa trẻ con đặc-biệt hơn về thể-xác tùy theo khả-năng chuyên-môn (bơi lội, quần-vợt, chạy, ném đĩa, banh bóng...) được trau dồi đặc-biệt về môn ấy quá sớm rất là quan-trọng. Thí dụ rõ-ràng nhất là môn quần-vợt. Tại Úc-dại-lợi có những giáo-sư quần-vợt dạy cho trẻ em có khiếu về môn này từ thuở bé. Họ chỉ cho chúng từ điều-bộ, từ chiến-thuật. Hiện giờ những học trò cũ của họ là những cây vợt xuất-sắc nhất thế-giới đó là những Hoad, Roosevelt...

Sức khỏe của những lực-sĩ tương-lai tất nhiên là vấn đề định-đoạt. Trong khuôn-khổ giáo-dục đặc-biệt, những thực-đơn của họ được nghiên-cứu cẩn-thận. Giữa những tay đua đồng-tài, người này có thể thắng người kia vì uống nước nhiều hay ít, vì uống nước chanh hay nước đường v.v... Dĩ-nhiên mỗi quốc-gia có bi-quyết riêng và những phát-minh trong địa-hạt này thường được giữ kín.

PHÂN-LOẠI VÀ ĐƯỜNG-LỐI GIÁO-DỤC TRẺ EM ĐẶC-BIỆT KÉM

Những trẻ em này sẽ được nghiên-cứu tỉ-mỉ hơn nhờ số tài liệu quốc-tế xuất-hản về vấn đề khá dồi dào.

Công cuộc nghiên - cứu các trẻ em này bắt đầu ở Bắc Âu. Nơi đây người ta quan-niệm rằng cũng là những trẻ vô tội, trẻ em đặc-biệt kém trẻ bình-thường cần được giúp đỡ nhiều hơn. Quan-niệm này dường như bắt nguồn trong quan-niệm bác-ái của Cơ-Đốc-giáo. Và người có công to trong công cuộc nghiên-cứu và phổ-biến nền giáo-dục này là Binet (1857-1911) và Simon của Pháp.

Decroly (1871 - 1932) của Bỉ, Claparède của Thụy-Sĩ, Montessori (1870-1952) của Ý-Đại-Lợi...

Ta sẽ chia những trẻ em đặc-biệt kém ra làm bốn loại.

- Loại đặc-biệt kém về trí não,
- Loại đặc-biệt kém về thể xác,
- Loại đặc-biệt kém về xã-hội,
- Loại đặc-biệt kém về nhiều phương-diện.

a. Loại đặc-biệt kém về trí-não

Đây là loại trẻ em mà trí-não hoặc bị bệnh hoặc bị cấu-tạo không đúng-dẫn. Chúng ta chia loại này ra làm ba nhóm :

— Nhóm chậm tiến (*arriéré, déficient intellectuel, slow learning child, retarded child*).

— Nhóm khó đọc khó viết (*dyslexique, dysorthographique*).

— Nhóm bại óc (*enfant atteint de paralysie cérébrale*).

Nhóm chậm tiến

Đây là nhóm trẻ thiếu trí-khôn. Sự thiếu trí-khôn không có gì là tội-lỗi hay xấu hổ cả. Đó là do trời sanh. Sự sanh ra thiếu trí khôn không tùy thuộc nhà giàu hay nhà nghèo, cũng không tùy trẻ của xứ kỹ-nghệ hay xứ nông-nghiệp hay của thời-dại này hoặc của thời-dại kia. Sở dĩ nhóm chậm tiến chỉ được đặt thành vấn-đề ở thế-kỷ này không phải vì số-số của chúng tăng-gia theo bom nguyên-tử hay một lý-do khác, mà chỉ vì khoa tâm-lý-học tiến triển, những phương-pháp để tìm tính-vi hợp — và người ta phải giữ mình khi tìm thấy số chậm tiến nhiều quá.

Khác hơn Binet và Simon một chút, chúng ta sẽ chia

trẻ em chậm-tiến ra làm bốn toán sắp hạng như giấy xe lửa :

a. *Chậm tiến hạng nhất (débile léger, dull and backward)*

Nếu ta lấy 100 đơn-vị trí-suất ($Q ; I = 100$) của một đứa trẻ bình-thường, thì đứa trẻ chậm-tiến hạng nhất có trí-suất từ 79 đến 90. Những trẻ em này hiểu rất chậm, nhưng chúng đủ sức hiểu những điều trừu-tượng. Trong những lớp học đặc-biệt dành cho chúng, nhà giáo phải cắt chương-trình bình-thường ra làm hai. Thay vì học hết chương-trình bình-thường trong năm, những trẻ em chậm tiến hạng nhất học trọn năm có một nửa chương-trình, còn một nửa để dành cho năm tới. Nhờ vậy bước tiến của trẻ em rất vững-chắc và lối giáo-dục đó tránh cho chúng khỏi bị ở lại một lớp. Nhưng vì thời-gian học-tập ở tiểu-học trung-bình có năm năm mà chúng phải tốn đến mười năm, như vậy chúng không có thì giờ học xa. Trong một hay hai trăm đứa trẻ chậm tiến may ra có một đứa đi qua khỏi bậc tiểu-học. Vì vậy song song với chương-trình văn-hóa căn-bản, người ta lo dạy chúng một nghề để chúng sau này có thể tự làm ăn mà sống.

b. *Chậm tiến hạng nhì (Débile, Feeble minded, moron)*

Trí-suất của trẻ em chậm tiến hạng nhì ở vào khoảng 50 đến 69. Ta định nghĩa chúng như sau :

Đứa trẻ chậm tiến hạng nhì là một đứa trẻ đầu sau này có lớn thêm tuổi cũng vẫn có một trí khôn của một trẻ bình thường khoảng 7 đến 10 tuổi (viết tắt là từ 7 đến 10 B.S.)

Mục-dịch của giáo-dục đối với những trẻ em này là dạy cho chúng những điều thiết-thực, có ích cho đời sống hằng ngày của chúng như : biết đọc, biết trả tiền, thối tiền, giữ tiền, tính tiền, cộng trừ những số tiền nhỏ, viết

thư thăm bà con... Ngoài ra nhà giáo cũng cố gắng dạy cho chúng một nghề để sau này chúng tự sống.

c. Chậm tiến hạng ba (imbécile)

Trí-suất của trẻ em hạng này chỉ khoảng 20 đến 49. Ta định nghĩa chúng như sau:

Đứa trẻ chậm tiến hạng ba là đứa mà đầu sau này có lớn thêm tuổi cũng vẫn có một trí khôn của một em bé bình thường khoảng 5 đến 7 tuổi (viết tắt là từ 5 đến 7 B.S.).

Hậu quả của định-nghĩa trên là « đứa trẻ chậm tiến hạng ba », là đứa trẻ không thể giao-thiệp bằng chữ viết với đồng-loại nó, nghĩa là nó không thể phát-biểu tự-trưởng nó bằng chữ viết mà nó cũng không đọc được chữ in, hay đúng hơn, nếu nó có đọc được, nó cũng không hiểu gì cả, trong khi đó không có một triệu chứng nào ở thị-quan, hoặc một liệt-bại vận-dộng (paralytic motrice) của các trung-tâm có thể giảng-giải sự không thấu-thập hình-thức ngôn-ngữ, mà chỉ là một tật thuộc về sự khiếm khuyết của tâm-trí (Binet và Simon).

Theo định-nghĩa trên và cái hậu-quả của sự chậm tiến hạng ba, ta thấy rằng vấn-đề giáo-dục văn-hóa không thể đặt ra. Trong trường-hợp này có lẽ ta không nên dùng chữ giáo-dục, chữ « tập-đượt » mới đúng hơn. Ta có thể tập những trẻ em chậm tiến hạng ba những cử-chỉ đơn-giản và máy-móc. Chẳng hạn tám giờ sáng tưới cây. Sau một thời-gian tập, những trẻ này sẽ quen lẫn rồi sau đó chúng cứ mỗi buổi sáng nào cũng xách nước tưới cây đúng tám giờ sáng. Nếu được như vậy là quý hóa lắm rồi.

d. Chậm tiến hạng tư (idiot)

Hạng này nặng nhất. Trí-suất của trẻ em chậm tiến

hạng tư chỉ vào khoảng 0 đến 20. Ta định-nghĩa trẻ em hạng này như sau :

Trẻ em chậm tiến hạng tư là một đứa trẻ đầu sau có lớn thêm tuổi vẫn có trí khôn của một đứa trẻ bình-thường khoảng hai tuổi (viết tắt là từ 0 đến 2 B.S.).

Hậu-quả của định-nghĩa trên là đứa trẻ chậm tiến hạng tư là một đứa trẻ «không thể giao-thiệp bằng lời với đồng loại nó, nghĩa là không thể lấy lời nói mà phát-biểu tư-tưởng nó hay hiểu những lời người khác nói ra trong khi ấy không có một biến-loạn gì về thính-quan hay cơ-quan phát-thanh mà chỉ do một sự khiếm-khuyết về tâm-trí» (Binet và Simon).

Theo định-nghĩa và hậu-quả của trẻ em chậm tiến hạng tư ta thấy rằng chữ «chậm tiến» đối với hạng này không đúng vì thật ra từ khi ra chào đời đến khi chết, hạng này không tiến gì về trí khôn cả. Y-học đã cố-gắng rất nhiều (trị bằng acide glutamique) nhưng cho đến nay chưa có kết-quả gì, trừ trường-hợp khiếm-giảm trạng-tuyến (insufisance thyroïdienne). Đối với những trẻ cùn hay người lớn thuộc hạng tư này, công việc tập-dượt chỉ nhằm mục-dịch tạo những thói quen sơ-dãng như cầm thìa, cầm muỗng, thay áo, mặc quần, đi tiêu, đi tiểu cho có vệ-sinh... Ngoài ra người ta còn chỉ biết trông nôm họ, đừng để họ làm hại bản-thân hay người khác.

Đối với luật-pháp, trẻ em hay người lớn chậm tiến hạng tư có một quy-chế bất xâm-phạm rộng rãi hơn dân-biểu. Nếu họ có cầm dao chém người hay lấy lửa đốt nhà, họ cũng không bị trừng-trị. Chính người chăm sóc không cần-thận mới bị trừng-trị.

Nhờm khó đọc, khó viết,

Ta biết rằng trong não, phần nửa não trái điều-khiển

bộ-phần cơ-thể bên mặt và phần nửa não mặt điều-khiển bộ-phần cơ-thể bên trái, Thí-dụ ta đưa tay trái lấy một món đồ, lệnh truyền cho tay trái cử-dộng xuất phát từ não mặt. Đa số con người đều có một phần nửa não này mạnh hơn phần nửa não kia. Nếu phần nửa não mặt mạnh thì ta là người thiên-tả (gaucher), chuyên-môn dùng tay trái. Nếu phần nửa não trái mạnh thì ta là người thiên-hữu (droitier).

Nếu như không có phần nửa não mạnh hơn phần nửa não (ambidextre) thì bộ óc khó điều-khiển, chứng đó thường sinh ra chứng khó đọc, khó viết.

Nếu một đứa bé thiên-tả mà trong nền giáo-dục cũ kỹ người ta bắt buộc đứa bé đó phải cầm viết tay mặt — có khi người ta đi đến cả những biện-pháp quái gở như cột tay trái không cho sử dụng—thì sự trái ngược thiên-nhiên đó thường gây ra chứng khó đọc khó viết.

Có người không chấp-nhận giả thuyết trên mà cho rằng chứng khó viết chỉ do màng óc sưng.

Dẫu sao các chuyên-viên đều công nhận rằng chứng khó đọc khó viết đó càng bành-trướng vì những tiếng động xe cộ, radio âm-tĩ cả đêm lẫn ngày làm cho trẻ em xao-lãng tâm-trí.

Khó đọc khó viết là gì ?

Mặc chứng khó đọc khó viết trẻ em sẽ :

— Đọc ngược (inversion). Chữ chậm-tiến có thể bị viết hay bị nói thành ; tạm-chiến hay tiến chậm. Đứa trẻ có thể miệng thì nói 21 mà tay lại viết 12... h lộn với p (nếu mới học văn).

— Đọc lộn (confusion). Chữ chậm-tiến có thể bị đọc hoặc bị viết thành chậm-tiến hay chậm-tiến...

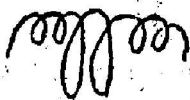
Hiện tượng của đứa trẻ khó đọc khó viết:

- Đứa trẻ không biết phân biệt tay trái hay tay phải.
- Đứa trẻ rất kém về khả-năng cấu tạo trong không gian (*difficulté d'organisation spatiale*). Sự kém cỏi này khiến đứa trẻ không biết đo bằng cặp mắt thí-dụ như nó không biết viết ngay hàng hay ta bảo nó treo một bức hình lên tường, nó treo xéo mà không biết tự sửa.

Để tìm ra những trẻ em khó đọc khó viết ta có thể dùng cái trắc nghiệm này (từ 6 tới 10 tuổi).



Hình I



Hình II

Trước hết, ta đưa đứa trẻ mẫu hình I và bảo nó vẽ lại trên một miếng giấy khác. Nếu nó vẽ ra hình II thì khả nghi lắm, Sau đó ta đưa mẫu hình II và bảo nó vẽ lại trên một miếng giấy khác, nếu nó vẽ ra hình I thì chắc chắn nó là một đứa khó đọc khó viết.

Lẽ dĩ-nhiên chứng khó đọc khó viết làm cản-trở việc học không ít, bằng cớ là di thi chúng thường hay rớt vì một lẽ dễ hiểu là chúng nghĩ một đường chúng đọc hay viết một ngả.

Giáo-dục trẻ em khó đọc khó viết cần nhiều nhẫn-nại. Nhà giáo chuyên môn phải giúp những trẻ khó đọc khó viết lưu-ý đến những chữ sai và giúp chúng tự sửa lỗi từng tiếng, từ-ngữ một. Ngoài ra người ta còn cho chúng làm nhiều thủ công để gia tăng khả-năng cấu-tạo trong không-gian.

Nhóm bại óc.

Nguyên-do của sự suy bại này có thể là từ cung bị

thăm độc (vi-trúng dương-mai, hoa-liễu...) hoặc có thể là trẻ bị não xuất huyết (hémorragie) lúc sanh hay bị ngộp thở lúc sanh.

Khuôn mặt của những trẻ con bị bại óc rất là đặc-biệt. Những thờ thì không được óc điều-khiển dễ-dàng thành thử hoặc cứng (*rigidité des muscles*, trường hợp này nhiều như đến 80%), hoặc mềm quá (*fluidicité anormale des muscles*), ngoài ra còn có những giật gân (*tics nerveux*) ở mặt, ở tay chơn, ở lưỡi.

Công việc giáo-dục những người này rất khó khăn và ít đem lại kết quả tốt đẹp. Những trẻ con này thường cần dùng rất nhiều nhà chuyên-môn : nhà tâm-lý-học, nhà giáo chuyên-môn, chỉnh-hình y-sĩ (*orthopédiste*), y-sĩ lý-học trị-liệu (trị bằng điện, bằng phóng-xạ), chuyên-viên vận-dộng trị-liệu (*kinésithérapeute*) : người sau này trị bằng thể-dục cải-tạo (*gymnastique correctionnelle*).

b. Loại đặc-biệt kém về xã-hội :

Một trẻ con có thể đầy đủ trí-khôn hoặc có trí khôn hơn người, hoặc có một hình-thể bình-thường nhưng lại là một đứa trẻ đặc-biệt về xã-hội nếu có một nguyên do xã-hội ngăn cản sự học của nó. Những nguyên do đó có thể rất là phức-tạp hay đơn-giản. Những nguyên do đó có thể đứng một mình hay hiệp chung với nhau. Đây là vài thí dụ :

- Cha mẹ ly-dị hay ly-thôn,
- Mồ côi cha mẹ từ thuở bé,
- Một người thân thuộc yếu quí chết thình lình,
- Cha mẹ gây lộn luôn,
- Con bị bỏ rơi,
- Con không chánh thức,

- Có thêm một đứa em,
- Nhà cửa chật chội.
- Dời nhà thường quá,
- Giặc giã với những cảnh giết chóc.
- v.v...

Vì một hay nhiều lý-do trên, trẻ em đặc-biệt kém về xã-hội thường có những cử-chỉ đặc-biệt sau đây :

- Giật gân,
- Hung bạo, gây hấn,
- Loạn ngôn,
- Mất ăn hay khó ăn,
- Cử chỉ trẻ con, cơn khóc,
- Nói dốt, thọc mạch,
- Ăn cắp,
- Tánh tình bất-thường.
- Sợ sệt, lo âu.
- Mơ mộng, không thể chú-ý lâu-dài,
- Dăng trí,
- Cứng đầu...

Những hiện-tượng trên đủ chứng tỏ mạnh mẽ rằng đứa trẻ đặc-biệt kém về xã-hội không thể theo học một lớp bình thường được. Ta chia chúng ra làm hai nhóm.

- Nhóm trẻ đang chơi vơi (inadapté, irrégulier),
- Nhóm trẻ em phạm pháp (délinquant).

Nhóm trẻ đang chơi vơi.

Đối với hạng chậm-tiến, nhóm đặc-biệt kém về xã-hội khổ sở hơn nhiều vì chúng đủ hoặc dư trí khôn để nhu thấy cái khổ của mình.

Chuyện làm đầu tiên trước khi bắt đầu giáo-dục trẻ đang chơi-với là phải tìm nguyên-do của sự chơi-với và phải giải quyết ổn-thỏa những nguyên do đó thì công-cuộc giáo-dục mới có kết-quả. Thường thường người ta tách đứa trẻ ra khỏi khung cảnh đã làm cho nó chơi-với và đem nó vào một nơi trú đặc-biệt. Trường này không được quá đông, chừng sáu chục trẻ trở lại. Mục-dịch là gây lại một bầu không khí gia-đình. Tức nhiên bầu không khí mới phải đầm-ấm hơn bầu không-khí cũ. Đứa trẻ sẽ làm quen với những bạn mới, sẽ được những nhà giáo chuyên-môn thông-cảm hướng-dẫn, chừng đó đứa trẻ bắt đầu sống lại.

Nếu như đứa trẻ có đủ trí-khôn thì nền giáo-dục sẽ là một nền giáo-dục bình thường. Tuy nhiên sĩ-số của lớp học phải ít (hai chục trở lại) vì như thế thầy giáo mới có thể chăm-sóc từng đứa trẻ. Ta phải biết rằng với tâm-trạng của đứa trẻ chơi-với, nếu chúng gặp một khó-khăn ở học-đường mà không được nhà giáo ân-cần giúp-đỡ vượt qua thì tinh-trạng của chúng có thể nguy-kịch hơn.

Song-song với chương-trình văn-hóa, phần đông trẻ em chơi-với nghèo, thành-thử chúng không thể đeo-dõi việc học lâu được, nhà trường đặc-biệt còn phải lo dạy cho chúng một cái nghề dễ sống. Khi chúng ra trường còn phải lo kiếm chỗ làm cho chúng. Chẳng nhẽ ta tôn công giáo-dục chúng mà khi ra đời chúng không có nghề-nghiệp thì với hai bàn tay trắng chúng sẽ làm bậy, công giáo-dục của ta chỉ là công toi!

Trong nhóm chơi-với, cũng có một thiểu-số chỉ chơi-với một thời-gian rồi chúng tìm lại được quân-bình, chúng tiếp-tục việc học cho đến khi tốt-nghiệp về-vang ở Đại-học. Cũng có một số khác, sau một thời-gian tạm yên chúng lại nghĩ đến những kỷ-niệm xa-xôi, lên cơn điên, cầm dao rượt thiên-hạ. Hiệu được những biến-chứng đó,

nhà giáo và quan tòa càng ngày càng giải-quyết vấn-đề một cách nhân-dạo hơn.

Nhóm trẻ em phạm-pháp.

Hiếp-trộm, cướp, giết người là bị trừng-phạt. Đó là luật định. Nhưng có những trường-hợp mà trừng-phạt chỉ là những biện-pháp tiêu cực, tìm cách cứu-vớt con người tội-lỗi mới là tích-cực. Nhất là khi những tội-lỗi ấy lại gây ra bởi những tội-lỗi đầu tiên của xã-hội.

« Những khảo-cứu của Burt (1907) ở Liverpool và Luân-đôn và của Healy ở tòa-án nhi-đồng Cook (Illinois) (1909) đưa đến những kết-luận rằng hiện-trạng trẻ em phạm-pháp không những gây ra bởi những nguyên-do thần-kinh phát-cường (psychoses), thần-kinh suy nhược (névroses graves), tánh-tinh dễ phát-cường (tempéramment psychopathique...) mà còn tình-trạng hoàn-cảnh (nature du milieu), kỷ-luật gia-đình, xáo-trộn tinh-cảm, thất-bại về học-vấn hay nghề-nghiệp. » (La psychologie au service de l'école W.D.Wall, tr.28).

Nhờ quan-niệm như vậy mà trẻ em phạm-pháp trên thế-giới càng ngày càng được đối-đãi xứng đáng hơn. Tại Pháp, trước khi một đứa bé phạm-pháp ra trước tòa, đứa đó phải được một nhà tâm-lý-học phân-xét trường-hợp. Sau khi nghiên-cứu xong, nhà tâm-lý-học phải làm tờ phúc-trình lên tòa, gồm đầy đủ chi-tiết về những hoàn-cảnh xã hội, tiền-án, mức tiến, và sau đó phỏng-đoán về tinh-cảm và nhân-tính của đứa trẻ. Trên căn-bản tờ trình, nhà tâm-lý-học thử giải-thích hành-động của đứa trẻ và đề nghị biện-pháp điều-trị.

Để điều-trị chứng phạm-pháp, nhiều nước biến đổi ngục-thất thành những trường học nghề, học chữ. Người ta thường gọi nó là « Trung-tâm cải-huấn ». Chữ cải-huấn đây có nghĩa khá mỉa-mai, vì những đứa trẻ đó có

bao giờ được giáo-huấn đâu mà phải cải-huấn. Nếu chúng nó học qua tiểu-học hay trung-học thì chữ cải-huấn còn có nghĩa tào-bạo hơn nữa, nghĩa là cho nền giáo-dục tiểu-học và trung-học đều sai bét nên mới có vấn-đề cải-huấn lại. Dẫu với từ-ngữ nào, sự thành-lập những «Trung-tâm cải-huấn» vẫn là một tiến-bộ quan-trọng trong đầu óc của người cầm cân công-lý.

c. *Loại đặc-biệt kém về thể-xúc (physiquement handicapé, infirme, diminué physiquement).*

Tình-cảnh khốn-khổ của những đứa trẻ này đã lưu-ý nhiều nhà hảo-tâm từ xưa. Nhưng những trẻ em này vẫn chưa được chăm-nom chu-đáo. Ta sẽ chia những trẻ em này ra thành hai nhóm :

— Bệnh dài hạn (dau tim, lao, nước dãi đường, bại-xuội, phù...)

— Nhóm kém về thính-thị và ngôn-ngữ.

Bệnh dài hạn.— Nền giáo-dục đối với những trẻ em này có hai mục-dịch nâng-cao nền văn-hóa đến đâu hay đến đó nếu sức-khoẻ cho phép hoặc giữ-giữ những chữ nghĩa đã học rồi dặng sau này hết bệnh đứa trẻ có thể tiếp-tục học với những trẻ em bình-thường.

Những trẻ em này phần đông là những trẻ tánh-tĩnh bình-thường, nhưng từ ngày mắc bệnh tinh-thần lẫn loạn chúng có thể trở thành hoặc hung-dữ hoặc lo-âu, hoặc sợ-sệt, nhút-nhát. Có những trẻ vì được người ta ân cần săn-sóc lại trở thành lười-biếng, không chịu làm một cố gắng nào, lúc nào cũng đem tâm-bình-phong bệnh hoạn để tự bào chữa.

Tuy-nhiên nền giáo-dục này thường đem lại nhiều kết-quả khả-quan. Tại Pháp hằng năm có những trẻ mắc bệnh dài hạn vẫn đậu tiểu-học nếu còn nhỏ hoặc tú-tài, cử-nhân, bác-sĩ, thạc-sĩ..., nếu là người lớn.

Dầu vậy, học-hỏi đối với những trẻ mắc bệnh dài hạn vẫn là chuyện phụ thuộc, chuyện chánh là trị bệnh.

Nhóm trẻ kém về thính-thị ngôn-ngữ.— Ta phân nhóm này là làm bốn toán :

— Toán nửa điếc (hypo-acousie)

— Toán điếc, câm

— Toán cả lẩm, ngọng

— Toán mù.

a. Toán nửa điếc :

Một nhà giáo-dục tinh mắt sẽ dùng những hiện tượng sau đây để tìm ra những trẻ nửa điếc :

— Người ta hỏi một đường, nó trả lời một ngã.

— Nó đoán câu hỏi chứ không hiểu liền, vì vậy sau mỗi câu hỏi, nó dùng một thời-gian để hiểu thấy câu hỏi rồi mới trả lời.

— Loạn ngôn : nói lộn chữ, dùng sai chữ

— Trong bài ám tả nó chưa nhiều chỗ trống

— Nhìn miệng người đối thoại.

Đĩ-nhiên khoa-học có những máy móc tinh-vì để đo những trẻ em nào nhà giáo tinh nghi là nửa điếc. Chẳng hạn người ta hão-trẻ em nghe những tiếng động từ 100 đến 8.000 cycles/s, rồi người ta xem phản-ứng của lỗ tai mà tính mức điếc.

Giáo-dục sẽ tùy mức điếc mà thi-hành.

Nếu trẻ em chỉ điếc 30 décibels, thì nhà giáo chỉ cần để đứa trẻ đó ở hàng đầu — quyền ưu-tiên, đầu cho nó có to con hay lớn tuổi — và nhà giáo để ý lúc giảng đừng đi sau lưng nó (nó cần ngó cái môi của nhà giáo).

Nếu đứa trẻ điếc từ 30 đến 50 décibels thì vấn-đề

trở nên phức-tạp : đứa trẻ phải học nói với một chuyên-viên. Học nói vì nó nghe không rõ tức nhiên nó nói sai từ-ngữ. Người chuyên-viên sẽ giúp nó sửa những chữ nói sai và tập cho nó biết ý-thức hình-dáng của tiếng nói bằng cách đọc môi.

Nếu đứa trẻ điếc từ 55 đến 60 decibels, đứa trẻ nghe văng-vẳng mà không hiểu gì cả. Tùy theo số tuổi của đứa trẻ khi bắt đầu bị điếc mà trường-hợp trở nên thật nặng hay bớt nặng. Nếu sự điếc xảy ra lúc trẻ mới có 5 hay 6 tuổi thì đứa trẻ sẽ câm hay dần dần trở nên câm. Nếu sự điếc xảy ra trẻ hơn vào lúc trẻ được 10 tuổi thì những tiếng mà nó đã học được có thể được giữ gìn. Nhưng ngôn-ngữ của nó sẽ rất nghèo nàn đầy những chữ sai, giọng nói không có nhịp-điệu.

Đối với những trẻ em nửa điếc, giáo-dục là tập nói, các môn khác là phụ-thuộc.

b. Toàn điếc câm :

Trường điếc đầu tiên do một ông đạo Tây-ban-nha Pedro Ponce sáng lập năm 1520-1584. Như ta đã thấy, thường thường tật điếc gây ra tật câm, nhưng những người điếc rất trẻ — từ 20 trở lên — vẫn có thể giao-thiệp bằng lời nói được. Những khảo-cứu mới đây cho ta biết rằng người điếc có thể dùng xúc-cảm mà nghe đàn và có thể nhảy múa theo nhịp-điệu.

Ngược lại người câm không trở thành điếc. Người điếc và câm có thể học viết được.

c. Toàn ngọng, cá-lăm :

Những tật này thường có hai nguyên do :

— Hoặc những gân âm-thanh không cấu-tạo đúng-dắn. Nguyên do này có thể là do một tai nạn cấu-tạo hay một di truyền.

— Hoặc vì tiếp xúc thường xuyên với người ngọng và cà lăm.

Mục-dịch của nền giáo-dục đặc-biệt là tập cho trẻ nói đúng.

d. Toàn mù :

Trường mù đầu tiên của Pháp sáng lập vào năm 1745-1822 do V. Haüy, trường của Anh-quốc trẻ hơn vào năm 1870 tại Liverpool.

Từ ngày ông Louis Braille (1809-1852) phát minh ra chữ nổi, giữa những cánh cửa khép kín tương-lai người mù, một cánh cửa đã được hé mở ; cửa đó là học vấn. Người mù từ đó có thể đọc sách viết bằng chữ nổi. Trong cái thế giới-lối tăm, lối thoát trên là nguồn an-ủi vô-biên.

Ngày nay, công cuộc giáo-dục người mù bước một bước tiến xa nữa với công trình của George Wally người Mỹ. Là một họa-sĩ, George Wally có thêm một thiên khiếu về giáo-dục, ông ta đã biết dùng lời nói, lòng nhẫn-nại tình thương người để diễn-lả cho người mù từ thuở nhỏ chưa bao giờ thấy một con đường, một cây xanh... thấy được những-con đường, những cây xanh... bằng lý trí. Sau nhiều giai đoạn tập dượt, một ngày nào đó trẻ mù sẽ bỗng la lên : « Tôi thấy ». Thấy đây không có nghĩa là thấy bằng mắt, Đó là một cái thấy nội tâm — *intervision* — 1959, George Wally được trợ giúp tài chánh để lập ra viện khảo cứu thế-giới cho người mù (World Research Centre for the Blind). Trong viện đó, Wally đã thảo ra một chương-trình giáo-dục gồm có những môn : kiến-trúc, âm nhạc, khiêu-vũ, trượt tuyết, nhu đạo. Ngoài ra trong tương lai, Wally còn tính lập một Viện đại-học cho người mù, gồm có những giáo sư mù.

Theo hướng tiến của nhân-loại, ngày xưa, người mù điếc, cầm chỉ biết đi ăn xin, làm nghề khóc mướn, bói vận mạng, ngày nay ngoài những giúp đỡ vật chất và

tính thần, những xứ giàu có cố gắng tạo cho mỗi người mù một nghề thủ-công hay đàn hát để sinh sống.

c) Loại kém về nhiều phương-diện.

Ta đã phân ra nhiều nhóm và nhiều loại khác nhau để tiện việc trình bày, nhưng trên thực-tế, đa số trẻ em đặc-biệt đều kém về nhiều phương-diện. Một đứa trẻ có thể bắt đầu chậm-tiến hạng nhất, rồi vì vậy mà trở thành chới-vời. Một đứa trẻ có thể vừa bại óc, vừa chậm tiến, vừa mang chứng khó đọc khó viết.

Tuy có vài dòng đề nói đến chúng, nhưng độc-giả cũng hiểu rằng loại này là loại quan-trọng nhất. Và vấn đề giáo-dục trẻ đặc-biệt lại càng phức tạp.

VẤN-ĐỀ TRẺ EM ĐẶC-BIỆT ĐỐI VỚI VIỆT-NAM

Trên thực-tế, chỉ có những quốc-gia giàu có mới tính chuyện giáo-dục trẻ em đặc-biệt hơn. Với hoàn cảnh nước nhà, ta chỉ xét vấn đề trẻ em đặc-biệt kém đối với Việt-Nam.

Trong cuốn *L'Education et la santé mentale* của Bác-sĩ W. D. WALL do UNESCO xuất-bản, ta thấy một bản thống kê, ta nên nhớ lại rằng sự chậm-tiến không tùy thuộc sự sang hèn hay dân-tộc, một nước kỹ-nghệ hay nông-nghiệp.

Hạng chậm tiến	Danh-từ ngoại-quốc	Trí suất Q. I.	Tỷ-lệ với tổng số trẻ em đang tuổi đi học tiểu học
Hạng nhất	Debile léger (Tháp) Dull and backward (Anh)	70—90	10
Hạng nhì	Debile (Tháp) Moron (Mỹ)	50—69	2,26
Hạng ba	Fecble minded (Anh) Imbecile (Tháp) Imbecile (Anh, Mỹ)	20—49	2,24
Hạng tư	Idiot (Anh, Pháp, Mỹ)	0—19	0,96

Tại Anh-quốc, tỷ-lệ thiếu niên dưới 15 tuổi vào khoảng 28% dân số. Tại Việ.-Nam tỷ-lệ đó chắc hẳn cao hơn vì gia-đình Việ.-Nam đông con hơn gia-đình Anh. Theo kiểm-tra 1936, tỷ-lệ trẻ em Việ.-Nam dưới 15 tuổi lên đến 36%. Cho đến nay không có yếu-tố gì dễ có thể nói tỷ-lệ đó giảm đi. Nhưng dầu sao ta cũng sẽ theo phỏng-đoán của Ủy-ban Ngân-sách Quốc-hội khi hàn-đến ngân-sách quốc-gia 1961. Theo Ủy-ban chỉ thí-dụ rằng trong 10 người có hai đứa trẻ đi học tiểu-học nghĩa là các ông dân-biểu đã lấy tỷ-lệ 20%. Vậy ta tìm thấy số trẻ em đang tuổi đi học là 2.400.000, dân số Việ.-Nam Cộng-Hòa 12 triệu.

Vậy theo bản thống-kê ta sẽ tìm thấy :

$$\frac{2.400.000 \times 10}{100} = 240.000 \text{ trẻ em chỉ có thể học với một}$$

nhịp học rất chậm.

$$\frac{2.400.000 \times 2,56}{100} = 61.440 \text{ trẻ cần một nền giáo-dục}$$

hoàn-toàn đặc-biệt.

301.440 trẻ không thể học lớp bình thường.

*

Đối với những trẻ em đặc-biệt kém về xã-hội, ta cũng may mắn có một bản thống-kê trong cuốn sách kể trên của W. D. WALL trang 278.

TÁC GIẢ NGHIÊN CỨU	Nguồn thông - tin	Năm	Mẫu trẻ nghiên cứu	Số tuổi trẻ	Có trọng chứng chối với	Đang chơi - vui phải nặng	Tổng số
Burt (Anh)	nghiên cứu từng trường hợp	1927	391	7 - 13	31,1	4	35,1
Wickman (Mĩ)	giáo giới	1923	870	6 - 12	42	7	49
New Zealand Education Institute	quan sát của giáo giới được các nhà tâm lý kiểm soát	1918 1949	2.363	5 - 14		7,6	7,6
Heuser và cộng sự (Pháp)	giáo giới	1944	95.237	6 - 13		28,6	28,6
Ullman (Mĩ)	giáo giới	1950	810	11	22	8	30

Con số của nước Pháp hữu-lịch đối với ta, vì nước Pháp 1944 cũng như nước Việt-Nam ngày nay, đều bị chiến-tranh dày-xéo.

Vậy theo thống-kê trên, ta có thể nói rằng trong tổng số trẻ con đi học, có ít lắm là 4% trẻ chơi-với thật nặng và con số sẽ lên rất cao 28, 6% nếu trong xã-hội có những yếu-tố nguy-kịch như kinh-tế suy-bại, chiến-tranh, xã-hội bất-ôn...

Đối với hiện-tình nước nhà, tưởng lấy tỷ-lệ 10% không phải là quá đáng và ta sẽ tìm thấy 240.000 trẻ em đang chơi-với thật nặng.

Vài con số nêu ra trên đủ cho ta thấy vấn-đề vô cùng quan-trọng. Quan-trọng vì số trẻ em đặc-biệt quá nhiều, nhưng cũng vì số trẻ em bình-thường hiện nay làm cảnh thất-học cũng quá nhiều. Số trẻ em đi học tiểu-học công và tư năm 1960-61 lên đến 1.218.841, nghĩa là chỉ lối 50%. Nhìn thấy con số 50% trẻ em thất-học, ta không nên vội bi-quan, vì công việc hiểm thấy, lập-trường để cho hơn một triệu trẻ em có chỗ học không phải là dễ-dàng, và trong 7 năm độc-lập 50% trẻ em đi học được là một kết-quả vô cùng tốt đẹp.

Nhưng giữa hơn triệu trẻ em thất-học và hơn năm trăm ngàn trẻ em đặc-biệt ta nên lo cho trẻ nào trước ?

Câu trả lời sẽ dứt-khoát : ta phải lo cho trẻ bình-thường trước đã. Nhưng ta biết rằng sớm muộn gì vấn-đề trẻ em cũng phải được giải-quyết, vì hiệu-năng của nền giáo-dục tùy thuộc. Trong một lớp học, đứa giỏi kéo đứa kém trí, đứa bình-thường sẽ không yên-thầu học hành. Nền giáo-dục áp-dụng cho đám trẻ hỗn-độn sẽ bị té-liệt.

Đề sửa-soạn giải-quyết vấn-đề trẻ em đặc-biệt, đây là những biện-pháp vừa cấp-bách vừa trường-kỳ :

— Gửi sinh-viên ra ngoại-quốc vừa học vừa tu-nghiệp tại những phòng nghiên-cứu trẻ em đặc-biệt.

— Mời chuyên-viên quốc-tế đến Việt-Nam giảng-dạy về môn này.

Trong năm năm, ta sẽ có vài chuyên-viên để bắt đầu mở một vài trường thí-diểm tại Việt-Nam. Trường thí-diểm đó sẽ hoạt-dộng trong năm năm để nghiên-cứu vấn-đề bành-trướng nền giáo-dục đặc-biệt cho toàn quốc. Vậy ta hy-vọng trong 10 năm, trẻ em bình-thường sẽ có đủ trường để học. Nói khác đi, trong 10 năm vấn-đề thất-học sẽ được giải-quyết. Chứng đó ta có đủ phương-liện và chuyên-viên cho vấn-đề đặc-biệt.

HỒ TẤN VINH

In tại
Nhà In ĐOÀN VIÊN
131, Cống Quỳnh
SAIGON

C N 6

reformed by Le Tung Chau

Giá : 150 đ.